SỐ 13

THÁNG 1
1960

ĐẠI-HỌC

XÂY-DỰNG NỀN ĐẠI-HỌC QUỐC-GIA

VAI TRÒ CỦA ĐẠI-HỌC TRONG NƯỚC — TỔ CHỨC ĐẠI-HỌC
VẤN ĐỀ TỰ TRỊ — VẤN ĐỀ CHUYỂN NGỮ

Ý KIẾN

CÁC GIÁO-SƯ : TRƯƠNG-VĂN-CHÔM — NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH — NGUYỄN-CAO-HÁCH — THANH-LÃNG
LÊ-VĂN-THỚI — VŨ-QUỐC-THÚC — TRỊNH-VĂN-TUẤT — TẠP CHÍ ĐẠI-HỌC

TÀI-LIỆU

Chân-lý và những nền-tảng của tự-do ở Đại-Học :
Tổ-chức học-vấn, quản-trị — Quyền-lợi bổn-phận sinh-viên
Nghiên-cứu khoa-học.
Sự tự-trị của Đại-Học trước những thế lực chính-trị, kinh-tế, xã-hội và văn-hoá.

*

BẢN TUYÊN-NGÔN NHÂN-QUYỀN — LÊ-TÀI-TRIỂN
CÁI NHÌN HAY ĐÁM CƯỚI VỚI CUỘC ĐỜI — NGUYỄN-VĂN-TRUNG
NGUỒN GỐC VĂN MINH VIỆT-NAM — O. JANSÉ
AN NAM CHÍ-LƯỢC — TRẦN-KINH-HÒA
ĐỊA-CẦU VẬT LÝ-HỌC — PHẠM-VĂN-NGỌC

HOẠT ĐỘNG VĂN-HÓA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

ỦY BAN PHIÊN-DỊCH VĂN-SỬ

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
Chủ-trương biên-tập : **NGUYỄN-VĂN-TRUNG**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

MỤC LỤC

		Trang
ĐẠI-HỌC	*ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG QUỐC-GIA VIỆT-NAM*	3
	VÀI Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ ĐẠI-HỌC	6
ĐẠI-HỌC	*Ý KIẾN CỦA TẠP-CHÍ ĐẠI-HỌC* .	34
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	*TÀI LIỆU*	43
LÊ-TÀI-TRIỂN	*BẢN TUYÊN NGÔN NHÂN-QUYỀN DƯỚI DIỆN MỤC PHÁP-LÝ.*	84
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	*CÁI NHÌN HAY ĐÁM CƯỚI VỚI CUỘC ĐỜI*	92
OLOV JANSÉ	*NGUỒN GỐC VĂN MINH VIỆT-NAM*	116
TRẦN-KINH-HÒA	*AN-NAM CHÍ-LƯỢC*	127
ĐẠI-HỌC	*ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ.*	147

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ

Chúng tôi xin có lời cáo lỗi cùng quý vị độc giả về sự chậm trễ của Tạp-chí Đại-Học số 13, Đáng lẽ số này đến với các bạn trong tháng 1 năm 1960 như thường lệ, nhưng vì lý do kỹ-thuật của Nhà in Đại-Học vừa mới thiết lập tại Huế, mặc dầu đã có nhiều cố gắng, chúng tôi vẫn không tránh được sự chậm trễ nói trên.

Bắt đầu từ số 14, Tạp-chí sẽ ra đúng kỳ hạn như trước.

Mong quý Bạn đọc thông cảm cho.

TẠP-CHÍ ĐẠI-HỌC HUẾ

Thư từ, bài vở gửi về : Ông NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Giao dịch cùng tòa báo : Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu gửi về :
Linh-mục CAO-VĂN-LUẬN

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ
Tòa-soạn và Trị-sự : *Số 20, đường Lê-đình-Dương HUẾ*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

*

ĐƯỜNG LỐI XÂY-DỰNG NỀN ĐẠI-HỌC QUỐC-GIA

Với số này, Tạp-chí Đại-Học bước vào năm thứ ba. Nhân-dịp kỷ-niệm đệ-nhị chu-niên, chúng tôi muốn giới-thiệu với các bạn độc-giả vấn-đề xây-dựng nền Đại-Học Quốc-Gia. Từ ngày chúng ta lấy lại chủ-quyền trên đất-nước, chúng ta trách-nhiệm xây-dựng Quốc-Gia trong mọi ngành. Nhưng cũng phải nhận rằng trong nhiều ngành chúng ta mới chỉ tiếp tục đảm-nhiệm những công cuộc đã bắt đầu từ trước, và tìm cách vá víu, sửa chữa theo những thay đổi và đòi hỏi của hoàn-cảnh mới. Nhận xét đó áp-dụng cho cả ngành giáo-dục. Chúng tôi thiết nghĩ rằng muốn xây-dựng hiệu-nghiệm nền Đại-Học, cần phải « đặt lại », suy nghĩ vấn-đề từ nền-tảng, chứ không thể bằng lòng với cái đang có được sửa chữa, vá-víu vụn-vặt. Sở-dĩ những cuộc tranh-luận như về chuyên-ngữ, tuyển mộ giáo-sư, tổ-chức nhà trường, tương-lai sinh-viên không đi đến đâu, không ai chịu ai, là vì người ta không đặt những vấn-đề nền-tảng trước khi đi vào tổ-chức. Cứ thảo-luận về tổ-chức mà không trình bày cơ-sở lý thuyết, làm cho vấn-đề tối tăm thêm và đành lòng ở trong tình trạng hỗn độn, mâu-thuẫn, trái lại, trình bày cơ-sở lý-thuyết trước, rồi thảo-luận tổ-chức sau, vấn-đề sẽ sáng-tỏ và tổ-chức mới hiệu-nghiệm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chúng tôi cho rằng, muốn xây-dựng nền Đại-Học Quốc-Gia Việt-Nam trước hết chúng ta cần phải giải quyết vấn-đề đường lối. Thế nào là một nền Đại-Học Quốc-Qia? Nó đảm nhiệm một vai trò gì? Trong giai-đoạn phôi thai hiện nay, phải quan-niệm thế nào những bước đầu xây-dựng?

Chúng tôi cũng nhận định rằng đó là một vấn-đề quan trọng, liên-hệ rất nhiều đến tương-lai của đất nước, cho nên không thể có một giải-pháp tức khắc được. Nói rõ hơn, không phải chỉ một buổi họp, hay một hội-nghị vài hôm là có thể « thanh-toán xong vấn-đề» cải-tổ được «nền Đại-Học» nói riêng cũng như « vấn-đề học-chính » nói chung.

Do đó, cần phải gây thảo-luận trong tinh-thần trách-nhiệm và xây-dựng ích lợi chung trong dư-luận và nhất là cần phải đi tới chỗ thành-lập một Uỷ-ban nghiên-cứu cải cách thường xuyên có nhiệm-vụ tìm hiểu thực-tại đồng thời đề-nghị một kế-hoạch cải tổ. Hơn nữa dù có chương-trình đi nữa cũng không phải là đem áp-dụng triệt để và một cách vội vã. Trái lại cải cách phải được thí-nghiệm trước; nếu thực sự đem lại những kết-quả mong muốn; lúc đó mới có thể áp-dụng cho toàn quốc được.

Như thế, đã hẳn là chúng tôi cũng không muốn « thanh-toán xong vấn-đề », nhưng chỉ nhằm gây dư-luận, đưa ra vài ý-kiến để mở rộng đường thảo-luận.

Với ý-định khiêm tốn đó, trong số này, chúng tôi mới chỉ góp nhặt những ý kiến của một vài người hiện đang có trách-nhiệm trong Đại-Học, và sau cùng đưa ra một phác-họa về một quan-điểm xây-dựng theo như chúng tôi nghĩ. Chúng tôi mong rằng tất cả những ý kiến đó chỉ là khởi-điểm một cuộc thảo-luận sâu rộng và đứng đắn sau này, mà chúng tôi hy-vọng sẽ được hân hạnh đóng góp một phần nhỏ vào đó.

ĐẠI-HỌC.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chúng tôi có gởi đến một số Giáo-sư ba câu hỏi :

I — Vai trò của Đại-Học trong nước ta hiện nay.

II — Theo Giáo sư, muốn làm tròn vai trò đó, sự tổ - chức Đại-Học phải căn cứ vào những điều kiện nào ?
(Ngân sách tự trị, Hội-đồng Đại-Học, Hội-đồng Khoa, tuyển mộ Giáo-sư quy chế, tương đương bằng cấp v.v...)

III — Giảng bằng tiếng Việt ở Đại-Học có phải là điều kiện hợp lý không ? Nên đặt và giải quyết vấn đề đó thế nào trong hoàn cảnh Đại-Học hiện nay ?

Và sau đây là những vị đã nhận góp ý kiến :

Ông TRƯƠNG - VĂN - CHÔM, Giáo - sư Y - dược - khoa Sàigon
— NGUYỄN - ĐÌNH - HÒA, Giáo-sư Đại-Học văn-khoa Sàigon
— NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH, - nt -
— NGUYỄN - CAO - HÁCH, Giáo-sư Đại-Học Luật-khoa Sàigon
— THANH - LÃNG, Giáo-sư Đại-Học Văn-khoa Huế
— LÊ - VĂN - THỚI, Khoa Trưởng Đại-Học, Khoa học Sàigon
— VŨ-QUỐC-THÚC, Khoa Trưởng Đại-Học, Luật-khoa Sàigon
Bác-sĩ TRỊNH-VĂN-TUẤT, Giáo - sư Y - dược - khoa Sàigon.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

VÀI Ý-KIẾN
VỀ VẤN-ĐỀ ĐẠI-HỌC

I — VAI TRÒ CỦA ĐẠI-HỌC TRONG NƯỚC TA HIỆN NAY THẾ NÀO?

Giáo-sư NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH
ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA SAIGON

Chúng tôi thiết tưởng lúc này cũng cần ý-thức lại một cách rõ-rệt vai trò quan trọng của Đại-học trong một đoàn thể Quốc-gia.

Đại-học thường vẫn được mệnh danh là thành trì của trí-tuệ của những nghiên-cứu không vụ lợi của những lý-tưởng cao đẹp của lòng say mê phụng-sự vì đây là nơi gặp gỡ của các nhà trí thức học-giả và những lớp thanh niên hăng-hái trau dồi kiến thức và nhân cách để sửa soạn đi vào đời xây dựng. Đại-Học là nhà ngân hàng trong đó mỗi Quốc-Gia tồn trữ cái : « vốn tinh-thần », « vốn trí thức », cái vốn quý báu nhất của mình. Đó là một sự thực hiển-nhiên nếu chúng ta nghĩ đến ảnh hưởng vô cùng rộng lớn cũa những học đường như Sorbonne, Harvard, Oxford và Cambridge :..... Đại-Học có nhiều nhiệm vụ mà có lẽ đây là những điểm chính.

Nhiệm vụ cụ thể, cấp bách nhất là ở những nước mới xây dựng là, việc đào tạo chuyên viên cho mọi ngành hoạt động của Quốc-Gia.

Nhưng nếu Đại-Học chỉ sản xuất ra những con người biết rõ trong từng chi tiết chuyên môn của mình, ngoài ra thì khép kín cửa không còn muốn biết gì nữa không còn có một liên hệ nào với cuộc sống nữa thì Đại-Học chỉ mới hoàn thành trong một phần rất nhỏ sứ mệnh của mình. Vì đào tạo nhà chuyên môn không đủ còn phải đào tạo những con người nữa, những con người ý-thức được liên quan với thời-đại với xã-hội và với Quốc-Gia của họ. Chúng tôi muốn nói con người đích thực, con người mà các nhà tư-tưởng hiện-đại đang ra công xây-dựng để nền văn minh nhân-loại khỏi đi đến chỗ suy-vong...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Cuối thế kỷ thứ 19, M. Arnold, con đẻ của Đại-Học Oxford, có nói tới « mẫu-hiệu » bằng những lời trìu mến nhất : « Oxford...., vị nữ hoàng xinh như mộng đã luyện bao thế hệ người trí thức như Birmingham hay Sheffield nâu gang rèn thép....» Nhưng trí thức như thế nào, đó là vấn đề cần được đặt ra, một vấn đề dính liền với Đại Học. Theo thiển ý, Đại-Học phải lo đào tạo một kiểu mẫu người trí thức mới có một thói quen tinh thần đáng gọi là tinh thần Đại-Học, nghĩa là mải mê suy luận tìm tòi với một ý nghĩa muốn chân thành xây dựng...(Đại-học vẫn là lò luyện những nhà nghiên cứu về mọi phương diện) nhưng không phải suy luận tìm tòi trong tháp ngà mà phải đem tư tưởng ra hòa vào cuộc sống hàng ngày, đối chiếu, trao đổi với tư-tưởng tha nhân trong tinh thần khoan-dung, thân ái và rộng lượng...

Như vậy Đại-Học mới khai thac được triệt để cái tiềm lực tinh-thần cuả thanh niên mỗi khi họ bước chân vào những giảng-đường, giúp đỡ họ hiểu rõ chính mình hơn, để sau có đủ phương-tiện và khí giới sắc bén ngõ hầu tự dẫn dần hoàn thành bản thân và cuộc sống của chính mình. Như vậy Đại-Học mới phát huy được toàn thể giá trị những con người mà xã hội đã giao phó cho mình, mới đào tạo được những con người luôn luôn thắc mắc và tha thiết với tất cả những cái gì liên hệ đến con người, với tất cả những giá trị bất-khả nhượng của con người...

Trong viễn-tượng đó chúng tôi thiết nghĩ Đại-Học chính là nơi xây dựng một nền nhân bản mới, dựa lên những yếu tố tinh-thần vô giá, nó làm cho con người có tính chất người, một nền nhân bản khả-dĩ làm bức tường thành ngăn cản làn sóng vật chất có tính cách máy móc tàn bạo, dưới hình thức nầy hay hình thức nọ, đang làm sa đoạ con người... Trong lúc trăn sáng trăn tối, vàng thau lẫn lộn giữa một đại dương hỗn mang vì sự đảo lộn phũ-phàng của mọi giá trị, Đại-Học phải là hải đảo tinh thần nêu cao ngọn cờ nhân bản mới, Đại-Học phải là nơi đồn trú cuối cùng của những giá trị thiêng liêng nhất của con người

Xây-dựng trí-thức và nhân bản mới, Đại-Học sẽ góp phần tích cực vào công cuộc kiến thiết văn-hóa Quốc-gia. Điểm nầy quan-trọng nhất là đối với các nước mới. Có rất nhiều Quốc-gia đã được thực-hiện chung những ý-niệm tình-cảm và văn-hoá ... Có lẽ không ai phủ-nhận vai trò của các Đại-học Đức cuối thế-kỷ 18 và thế kỷ 19 trong việc xây-dựng văn-hóa và tinh-thần của quê-hương Gœthe. Các Đại-học Iéna với Schiller và Schelling, Kœnigsberg với Kant, Berlin, với Fichte, Heidelberg với Arnim và Brentano... đã là những tụ điểm của tư-tưởng, của văn-nghệ, và do đó của lòng ái-quốc trong thời kỳ huy hoàng nhất của văn-hoá sử Đức...

Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, có thể tin rằng, với đủ phương tiện, Đại-Học sẽ thực hiện việc kiến-thiết văn-hóa dân tộc. Hướng đi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chính như chúng tôi đã trình bày nhiều lần là trở về lòng đất mẹ, đồng thời giơ tay đón nhận một cách sáng suốt mọi giá trị văn-hóa từ muôn phương gửi lại.

Có thể sợ là nói đến văn-hóa Quốc-gia như thế sẽ mâu thuẫn với tích cách đại-đồng của truyền thống Đại-Học từ ngàn xưa chăng? Chúng tôi tin rằng không. Vì chỉ khi chúng ta thấm nhuần và lĩnh hội được những giá-trị đích-thực của dân tộc thì chúng ta mới vươn lên được tới cái khái quát, cái đại-đồng của con người : tinh-thần cũng như văn-hóa nhân loại là do sự đúc kết những giá-trị đích-thực nhất của tinh-thần và văn-hóa từng dân tộc một.

Đại-Học có nhiệm-vụ cao cả như vậy cho nên hầu hết các Quốc-gia đã sáng suốt ý-niệm được tầm quan trọng của nó đều gắng cấp cho Đại-Học đủ phương tiện để chu toàn sứ-mệnh. Các Quốc-gia đó đã thấu rõ là vun xới cái vốn tinh-thần, cái vốn trí-tuệ thì chỉ có thể có lợi mà thôi ! Đó là một điều mà ngay đến những con người vụ lợi nhất nếu muốn cũng có thể nhận định được...

NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Giáo-Sư : THANH-LÃNG

— Không riêng gì ở nước ta mà ở tất cả các nước trên thế giới, nền Đại-Học vẫn giữ một vai trò quan trọng. Có điều ở các nước tiến tiến đã có sẵn các cơ sở từ lâu, vai trò của Đại-Học chú trọng nhất vào việc đào tạo chuyên môn ; còn ở nước ta trong thời kỳ mà tất cả mới chỉ là bắt đầu, thì vai trò của Đại-Học trước tiên là đặt được cơ sở cho chính nền Đại-học mới phôi thai ngõ hầu phát huy được tinh thần và phương pháp khoa học còn đang thiếu thốn ở xã hội Việt-Nam hiện nay.

Giáo-Sư : NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

— Nước ta có một đặc sắc là vừa cũ vừa mới, cũ ở chỗ mấy nghìn năm văn-hiến, mới ở chỗ mới độc lập chính trị trong vài năm nay. Vì vậy vấn đề đào tạo nhân tài, huấn luyện công dân thành ra vô cùng khẩn thiết. Học sinh tốt nghiệp trung-học có một kiến thức phổ thông : cấp Đại-Học hay cao-đẳng có nhiệm-vụ cổ truyền là cung cấp cán-bộ cho các ngành chuyên nghiệp cần-thiết cho việc kiến-thiết một quốc-gia tân tiến, nhưng đồng thời cũng có bổn-phận rèn luyện những con người đầu óc rộng-rãi, vừa tôn trọng kỷ-luật nhà nước, vừa tôn trọng tự-do của người khác, vừa biết tự trọng, và có đủ chữ « thành », chữ « tín » trong việc làm hàng ngày và trong khi giao thiệp với đồng loại.

Sản-phẩm của một Đại-Học-viện Việt-Nam nếu thật lý-tưởng sẽ là một thanh-niên Việt-Nam đã được dìu-dắt để phát-triển toàn-diện, cống-hiến nhiều cho nền kinh-tế Quốc-gia (qua những kỹ-thuật thu lượm được ở nhà trường) nhưng vẫn từ cốt tủy là người Việt-Nam hoàn-toàn, biết hãnh-diện về văn-hóa riêng của nước nhà, nhưng sẵn sàng học hỏi tiếp đón những tư-tưởng mới lạ của ngoại-nhân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Giáo-Sư : TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Vai trò thiết yếu của Đại-Học.

Ở nước nào cũng vậy, nền Đại-Học luôn luôn thủ một vai trò quan-trọng. Đó là vai trò đào tạo nhơn-tài cho Tổ-quốc và quảng bá tinh-hoa văn-hóa của Dân-Tộc.

Nền Đại-Học Việt-Nam cũng có vinh-dự ấy !

Trước kia, khi nhân dân ta chưa dành lại được chủ-quyền Đất Nước nền Đại-Học tuy trên danh nghĩa vẫn khoác vinh-dự, nhưng trong thực tế, vai trò của nó rất là mờ mịt, bởi nó chưa phục-vụ đúng mức nhu cầu của Quốc-Gia và Quốc-Dân.

Ngày nay thì khác.

Nếu vấn-đề giáo-dục đã được xem là quan trọng và đặt thành chánh-sách thực-hiện thì nền Đại-Học Việt-Nam cũng đã đến lúc phải nỗ-lực làm tròn nhiệm-vụ của mình trước Lịch-Sử. Trách-vụ của Đại-Học không chỉ thiết-yếu trong vai trò giáo-dục mà thôi, mà còn liên-hệ trực-tiếp đến các ngành khác như : Chánh-trị, Kinh-tế, Canh-nông, Công-chánh, Văn-hóa v. v....

Quốc-Gia Việt-Nam đang thời kỳ kiến-thiết toàn-diện và trách-vụ của nền Đại-Học Việt-Nam là phải lo đào-tạo cán-bộ cung cấp cho các ngành sanh hoạt Quốc-Gia. Cán-bộ là yếu-tố trong công-cuộc kiến-thiết. Tài-nguyên có nhưng nếu thiếu cán-bộ, nhứt là chuyên viên, thì tài-nguyên ấy, lấy ai mà khai thác ?

Trách-vụ của nền Đại-Học Việt-Nam thật nặng-nề. Song dầu nặng-nề đến đâu cũng phải cố mà gánh-vác. Trách-vụ càng nặng, vinh-dự càng cao.

TƯƠNG-QUAN MẬT-THIẾT GIỮA CÁC CẤP TIỂU, TRUNG VÀ ĐẠI-HỌC

Nền Đại-Học tỉ như cái ngọn cao mà Tiểu và Trung-học ví như cái gốc thấp. Gốc gày guộc, yếu đuối thì ngọn làm sao đẹp đẽ, xum-xuê ? Do đó, nếu muốn ngày mai Đại-Học vững vàng thì ngay từ bây giờ, các cấp Tiểu và Trung-học phải được chăm lo vun quén thật châu-đáo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tiểu và Trung-học chính là nồng-cốt để xây-dựng Đại-Học vậy.

Các vị lãnh-đạo Tiểu và Trung-học, ngoài nhiệm-vụ phổ-biến giáo-dục, khai-thông trí-tuệ của thiếu-niên học-sinh còn phải kiến-tạo cho các em một căn bản vững-chải hầu khi tiến lên Đại-Học, các em khỏi gặp trở-ngại vì ngỡ-ngàng.

Các giới Đồng bào, nhứt là những bậc Thức-giả, đã kêu gào rất nhiều về việc dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở Đại-Học. Chánh-Phủ cũng đang cố-gắng tiến-tới thỏa mãn nguyện-vọng này. Dầu vậy chúng tôi vẫn thấy học-sinh Trung-học cần phải được dạy rành-rẽ ít nhứt là một ngoại ngữ. Thông-thạo ngoại ngữ học-sinh được nhiều cái lợi về sau khi tiến cao hơn.

Tiện-thể chúng tôi nhấn mạnh nơi đây vấn đề Đức-Dục đối với học sinh Tiểu- và Trung-Học .. Một người dân tốt và hữu-dụng không chỉ có tài mà còn phải có đức nữa. Có đức, cái *Tài* mới đem lại lợi-ích cho Quốc-Gia, xã - Hội. Thiếu Đức, cái Tài có thể gây nhiều hậu- quả hiểm-nguy không lường. Lâu nay, chương-trình giáo-khoa Trung-Học cũng như Giáo-giới còn quá thờ-ơ với việc đào-luyện và hướng-dẫn tinh thần thiếu-niên. Môn Công-Dân Giáo-Dục tuy có, nhưng dường như chỉ đặt ra lấy lệ chưa được sát với tầm quan-trọng của nó và các thầy cũng chưa thật lòng thiết-tha dạy dỗ.

Gần đây, các giới Đồng-bào đã lên tiếng kêu gào *Chấn-Hưng Đạo-Đức Học-Đường*. Đó là mối lo ngại mà chúng ta không thể làm ngơ. Học-đường ít nhiều cũng có trách nhiệm về đời sống tinh-thần của học-sinh. Chúng tôi muốn các bậc có trách-nhiệm về nền giáo-dục Quốc-gia xét lại vấn-đề Đức-dục ở Học-đường và tăng cường biện pháp giữ vững nền đạo-đức cổ-truyền của Dân-tộc.

Giáo-dục không phải chỉ dạy học là đủ. Vai trò của giáo-dục rất sâu-xa rộng lớn, có nhiệm-vụ đào-tạo toàn diện con người cả ba mặt TRÍ, ĐỨC và THỂ và hướng dẫn con người tiến tới CHƠN-THIỆN-MỸ.

ĐẠI-HỌC VIỆT-NAM ĐANG CẦN THÊM NHỮNG ĐIỀU-KIỆN GÌ ĐỂ PHÁT-TRIỂN?

Trước hết, nền Đại-Học Việt-nam cần được sự chú ý đặc biệt và tích-cực giúp đỡ của chánh-quyền.

Đại-Học Việt-Nam cần có một ngân sách tự-trị rộng rãi. Phòng thí-nghiệm phải được trang bị thật đầy đủ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Một thư-viện, dồi dào sách vở, tài-liệu chuyên môn là một điều-kiện tối yếu giúp Giáo-sư và sinh-viên sưu tầm khảo-cứu để mở mang bồi bổ kiến thức.

Việc tuyển chọn và đào-tạo Giáo-sư cũng phải được đặc biệt lưu tâm. Giáo-sư Đại-Học, ngoài tài học, còn phải có kinh nghiệm giảng dạy và đạo-đức của nhà mô-phạm.

Đại-Học Việt-Nam phải cố-gắng tiến tới việc giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt càng sớm càng tốt. Tuy nhiên dầu dạy bằng tiếng Việt, Đại Học vẫn phải khuyến khích giúp đỡ sinh-viên học tập thông thạo ít nhứt là một ngoại ngữ rất cần dùng cho việc sưu-khảo sách báo tài-liệu chuyên-môn của ngoại-quốc.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục nên xúc tiến mạnh hơn nữa việc phiên-dịch các danh-từ khoa-học, kỹ-thuật để cho sự giảng dạy được thống nhứt.

Trong việc giảng dạy, phải chú trọng cả hai mặt lý thuyết và thực-hành. Học lý thuyết tới đâu, sinh viên phải được học thực hành ngay tới đó. Có được vậy, sự học mới chắc chắn và có kết quả thực tiễn, sinh viên khỏi bỡ ngỡ khi rời khỏi nhà trường lăn mình vào xã-hội.

SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SẼ LÀ NGƯỜI CÁN-BỘ HOÀN TOÀN

Đại-Học Việt-Nam ngày nay là của Quốc-gia Việt-Nam *ĐỘC-LẬP* và *DÂN-CHỦ*, không phải dành riêng cho một giai-từng nào cả mà là của chung của nhơn dân.

Đại-Học Việt-Nam sẽ tiếp nhận tất cả những sinh viên hiếu học trong nhơn dân để đào-tạo Cán-bộ dành phục-vụ cho toàn thể nhơn dân.

Để thi-hành đúng-đắn vai trò « SỨ-MẠNG » của mình, Đại-Học Việt-Nam có nhiệm-vụ đào-tạo sinh viên thành *con người hoàn toàn*. Đức sẽ đem cân với Tài. Cái Tài phải là *THỰC TÀI* và cái ĐỨC lấy *NHƠN DÂN* làm đối-tượng.

Sự đào-tạo phải thận trọng một cách triệt-để. Nặng về phần *PHẨM* hơn là *LƯỢNG*. Thà đào-tạo được *ÍT MÀ XỨNG ĐÁNG, CHẮC CHẮN LỢI ÍCH* hơn là đào-tạo *NHIỀU MÀ BỪA-BÃI*, chỉ có cái tiếng mà không có miếng, đã tốn công, tốn của của Quốc-gia lại còn làm nhẹ giá trị giới trí-thức nước nhà.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Giáo-Sư : LÊ-VĂN-THỚI

Hiện nay trong nước ta, ngành Đại-Học nói chung, có nhiệm-vụ rất quan trọng là đào-tạo các cán-bộ trí-thức để góp vào sức công-cuộc tiến-triển Quốc-Gia.

Riêng về ngành Kkoa-học, Trường Khoa-học Đại-Học Saigon đang cố thực-hiện ba yếu-điểm sau đây :

—Mở mang Trung-tâm nghiên-cứu tại Trường để đào-tạo các Tiến-Sĩ Quốc-Gia hầu nâng cao thêm trình-độ học thức của sinh-viên.

—Giúp cho kỹ-nghệ những chuyên-viên ưu-tú để chấn-hưng nền kinh-tế nước nhà.

—Thỏa mãn nhu cầu của các Trường Trung-học, Trường Võ-Bị Đalat, Trường Kỹ-sư....

Giáo-Sư : NGUYỄN-CAO-HÁCH

Để cho câu trả lời được rõ-ràng, tôi xin phân biệt hai vai trò, vai trò cũ và vai trò mới của nền Đại-Học Việt-Nam.

Tôi dùng danh-từ vai trò cũ để chỉ những nhiệm-vụ cổ-truyền của nền Đại-Học mà ta quen thuộc ngay từ khi còn đang bị đô-hộ — Nhiệm vụ đó có thể tóm tắt trong hai câu : Phát dương học-vấn theo bề cao để đưa trí-thức nước nhà lên tột bực — Và huấn-luyện một số chuyên-viên cho guồng máy hành-chánh trong nước (hành-chánh đúng theo nghĩa rộng và gồm : hành-chánh, kinh-tế, xã-hội, y-tế, v.v....).

Nhiệm-vụ thứ nhất : Tổ-chức và duy trì giây liên-lạc giữa nền Đại-Học và dân chúng —

Thí dụ một số doanh nhân muốn kinh-doanh trong một ngành kỹ-nghệ từ trước tới nay ta chưa có — Họ không đủ điều-kiện để nghiên-cứu về các phí tổn, khả-năng của thị-trường tương lai và sự cạnh tranh của sản-phẩm tương-đương ngoại-quốc. Họ không có một ý-thức về kiến-thức chuyên nghiệp nhân công cần phải có..vv..

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trong trường hợp đó Đại-Học phải cử một số chuyên viên để cùng với doanh nhân đó nghiên-cứu chương-trình hành động, tổ-chức những cuộc nói chuyện, những nghị-luận hội, và nếu có thể mời một số chuyên-viên ngoại-quốc về giúp ý-kiến.

Một thí-dụ khác : chính-phủ hiện nay hết sức chú ý tới phương-pháp phát-triển cộng-đồng. Đại-Học cũng có thể giúp đỡ rất nhiều về vấn-đề này, nhất là Trường Cao-đẳng nông lâm và Trường luật-khoa và kinh-tế.

Trong khi ở Hoa-kỳ gần đây, tôi có dịp thấy lối cộng-tác giữa các Trường Đại-Học và dân chúng như thế rất phát đạt và được nhiều kết-quả rất tốt, chưa kể rằng nó cũng là một phương pháp để chính các cựu sinh-viên tốt-nghiệp Trường Đại-Học có đủ phương tiện để tiếp tục học hành và trao đổi kinh nghiệm.

Nhiệm-vụ thứ hai : Khảo-cứu về các điều kiện phát triển tại Việt-nam — chữ phát triển đây được dùng theo một nghĩa rất rộng và bao hàm rất nhiều địa hạt chuyên môn như : kinh-tế, xã-hội, chính-trị, y-tế, văn-hóa. v.v....

Dĩ nhiên đối với địa hạt này chúng ta đã có sẵn nhiều sách vở của thái tây — Nhưng ai đã đọc các tài liệu đó chắc cũng công nhận rằng đó là những biện luận theo quan-điểm đặc-biệt của người Thái-Tây và nhiều khi chỉ để bình vực quyền lợi và địa vị hiện tại của người Thái-Tây.

Dù các tác giả có muốn khách quan tới đâu chăng nữa, lý thuyết của họ cũng ít khi áp dụng được tại Á-Đông vì lẽ rất đơn giản là họ ngồi tại Thái-Tây để viết những tài-liệu chính họ sửa-soạn và xuất-bản, — nghĩa là không có dính líu gì đến tình trạng của Việt-Nam, hoặc chỉ dính líu một cách đại-cương và lờ mờ mà thôi.

Nói tóm lại, nếu Việt-Nam muốn phát-triển và đi xa dần khỏi tình-trạng nghèo khó ngày nay, phải bắt đầu nghiên-cứu tình trạng thực tại của Việt-Nam, để làm khởi điểm cho một chương-trình hợp lý.

Dĩ nhiên sẽ có người nói rằng đó là công việc của các bộ và cơ-quan không có can dự gì đến nền Đại-Học. Tôi cũng đồng ý về điểm đó, nhưng tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng các cơ quan chính quyền thường quá bận bề với các vấn đề phải giải quyết hàng ngày, ít khi có thì giờ nghiên-cứu về những điều kiện đại-cương rất có thể không liên quan trực tiếp với đời sống hiện nay.

Nhiệm-vụ nghiên cứu đó, theo thiển ý Trường Đại-Học nên tổ chức và thi hành.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

II— MUỐN LÀM TRÒN VAI TRÒ ĐÓ SỰ TỔ CHỨC ĐẠI-HỌC PHẢI CĂN CỨ VÀO NHỮNG ĐIỀU KIỆN NÀO ?

Giáo-Sư : LÊ-VĂN-THỚI

Cho đến nay, Đại-Học Saigon được tổ-chức theo qui-chế cũ từ hồi Pháp thuộc. Nhưng một qui-chế mới thích hợp hơn cần được áp dụng và nếu có thể cho cả ba Viện Đại-Học Saigon, Huế và Đàlạt.

Trong phạm-vi qui-chế Đại-Học, Viện ước mong được Ngân-sách tự-trị để hoạt-động dễ dàng hơn.

Nhiệm vụ của Hội-đồng Đại-Học và Hội-đồng Khoa phải được xác định rõ ràng : Thí dụ cứ xét giá-trị tương-đương của các văn-bằng cấp tại Pháp, Anh, Mỹ.... để tuyển-mộ các giáo-sư.

Về phần giáo-huấn, sinh-viên phải có một trình độ học thực cao được các Trường ngoại quốc công-nhận.

Như vậy, những sinh-viên Việt-Nam, nếu có dịp xuất ngoại, sẽ không gặp trở ngại trong việc học-tập.

Giáo-Sư : TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

II) Muốn làm trọn được sứ-mạng ấy, nền Đại-Học Việt-Nam cần phải được Chánh-Quyền đặc-biệt chú-ý và tích-cực giúp đỡ. Việc đào-tạo chuyên-viên không hẳn chỉ nhắm một mặt lý-thuyết mà còn phải chú trọng về mặt thực-hành hầu khi ra trường chuyên-viên khỏi phải bở-ngỡ với nghề-nghiệp. Tiếp theo vẫn cần phải chú-tâm «*xây-dựng tinh-thần*» cho chuyên-viên «Tài phải đi đôi với Đức». Có đức hạnh, người Cán-Bộ mới hết lòng phụng-sự cho Quốc-Gia, phục-vụ cho Đồng-Bào.

— Đại-Học Việt-Nam cần có một ngân-sách tự-trị rộng-rãi. Mỗi phòng thí-nghiệm, một ngân-sách riêng, do giáo-sư Giám Đốc đảm-nhiệm dưới sự kiểm-soát của Ông Khoa-Trưởng.

— Hội-Đồng Đại-Học sẽ gồm có đủ Giáo-Sư các khoa để thâu-thập được đầy-đủ sáng-kiến của tất cả các ngành.

— Việc tuyển-chọn Giáo-Sư, cứu-xét văn-bằng phải do Hội-Đồng Giáo-Khoa đảm-trách vì chỉ họ mới có đủ phương-tiện cứu-xét khả-năng của Giáo-Sư.

— Đại-Học cần phải có một quy-chế riêng để cho Giáo-Sư tự thấy được bảo-đảm mà hăng-hái và hết lòng cộng-tác.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Giáo-Sư : NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH

— Theo truyền-thống, ngược lên tới những nguồn gốc xưa nhất của Đại-Học thời trung-cổ Tây-phương, khi mà những Đại-Học Bologne và Sorbonne vừa mới xuất hiện, thì Đại-Học có thể định-nghĩa như một « phường » (corporation) một tổ-chức nghiệp đoàn...

Chúng tôi nói đến Tây-phương vì hầu hết các Đại-Học tân-tiến ngày nay, dù ở Đông hay Tây, cũng đều dựa vào khuôn-khổ tổ-chức đầy kinh-nghiệm của các Đại-Học Âu-Châu. Muốn được coi như Đại-Học, được gia-nhập đại gia-đình các Đại-Học — giữa các Đại-Học có nhiều mối liên-lạc quốc-tế dựa trên những căn-bản thuần-túy văn-hóa — thì phải tôn-trọng một vài nguyên tắc căn-bản bắt nguyồn từ ý-niệm nghiệp-đoàn, ý-niệm «phường» , đã kể trên, ví dụ nguyên-tắc căn-bản, một nguyên-tắc thường được thể-hiện trong việc thành-lập một quy-chế Đại-Học mà qúy ông vừa nêu lên. Một nhà nước văn-minh có Hiến-pháp, một nghiệp-đoàn có điều-lệ thì lẽ dĩ-nhiên một Đại-Học cũng cần có quy-chế do đại-biểu toàn-thể Giáo-Sư thảo ra để định rõ nhiệm-vụ và quyền-lợi của các nhân-viên Đại-Học trong một tinh-thần dân-chủ.

Vấn-đề Hội-đồng Khoa trong câu hỏi của qúy báo cũng không ra ngoài ý-niệm dân-chủ đó. Ở một trường Trung-học thì ông Hiệu-trưởng là tất cả. Nhưng ở một phân khoa Đại-Học, với truyền-thống nghiệp-đoàn kể trên, thì đoàn-thể Giáo-Sư, nhân-viên hội-đồng khoa phải là linh-hồn của trường và ông Khoa-trưởng sẽ là người nói lên những ý muốn và quyết-định của hội-đồng khoa.. Còn Hội-đồng Đại-Học, mà toàn-thể nhân viên đều là nhân-viên các hội-đồng khoa, thì cũng có một nhiệm-vụ tương-tự, nhưng đứng trên bình-diện toàn-thể Đại-Học.

Về vấn-đề tự-trị của Đại-Học thiết-tưởng những ai đã thấm-nhuần truyền-thống Đại-Học đều đã có ý kiến rõ ràng. Nó thường được quan-niệm như một phương-tiện để phát-huy công việc nghiên-cứu có tính-cách thuần-túy văn-hoá của Đại-Học...

Tinh-thần dân-chủ của Đại-Học cũng được thể-hiện trong việc tuyển mộ Giáo-Sư, còn việc xét tương-đương bằng cấp thì không có gì khó khăn lắm nếu ta được dựa lên những bằng tương-đương quốc-tế đã được các Đại-Học ngoại quốc áp-dụng...

Lẽ tất nhiên khi suy nghĩ về tổ-chức Đại-Học ở Việt-Nam trong giai đoạn phôi thai, chúng ta không thể quên những điều kiện địa-phương nhưng truyền thống Đại-Học cần được giữ-gìn vì nó là điều-kiện tất yếu của sự phát triển Đại-Học. Khi nào truyền-thống đó được sống thực sự trong những phân khoa, tức là chúng ta đã mở cửa thế-giới Đại-Học Quốc-tế cho Đại-Học Việt-Nam vào họp mặt dự hội liên-hoan rồi đó !

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Giáo-Sư : NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

a. Những thủ-tục hành-chính và kế-toán quá phức-tạp, nên mỗi Viện Đại-Học cần phải có ngân-sách tự-trị để mỗi khi xét cần tiêu pha gì cho đích đáng người cầm đầu khỏi phải xin phép xin tắc mất thì giờ.

b. Qui-chế Đại-Học phải được rõ-ràng minh bạch và được phổ-biến rộng rãi trong công-báo và nhật-báo, và ít nhất trong giai-đoạn này được các toà đại-diện của Việt-Nam ở hãi-ngoại cáo tri cho những sinh-viên đã hoặc sắp thành tài muốn hiểu rõ điều kiện làm việc trong nước.

c. Viện-trưởng mỗi Đại-Học, do Tổng Thống Cọng-Hòa bổ nhiệm, phải được một Hội-đồng Đại-Học (đại-diện rộng rãi) phụ-tá trong những vấn-đề học-vụ, nhân-viên, v.v..

d. Khoa-trưởng các Đại-Học, theo đúng truyền-thống ở Âu-châu, sẽ được uy-tín của *toàn-thể* đồng-nghiệp nếu được chính những vị này bầu lên để thay mặt mọi người đệ trình các đề-nghị của Hội-đồng Khoa của mình lên Hội-đồng Đại-Học là đoàn-thể có quyền biểu-quyết. Riêng vấn-đề tuyển-mộ nhân-viên giảng-huấn, đương sự phải làm đơn gửi ông Khoa trưởng của phân-khoa liên-hệ ; đơn ấy sau khi được Hội-đồng Khoa cứu xét sẽ được ông Khoa-trưởng đệ trình Hội-đồng Đại-Học qua ông Viện-trưởng. Hội-đồng Đại-Học sẽ duyệt-y hồ sơ nhân-viên kia rồi biểu-quyết thu nhận ứng viên vào làm giáo-chức.

e. Trong giai-đoạn kiến-thiết này, tuy không thể dễ-dãi đến nỗi tiếp nạp bất cứ một ai vào làm Giáo Sư Đại-Học, song cũng cần cởi mở và rộng rãi để những người bối-cảnh khác nhau, cách huấn-luyện khác nhau (về chi-tiết) và đã lưu học tại nhiều nước Âu-Mỹ khác nhau có thể có cơ hội góp phần vào công-cuộc văn-hóa chung.

f. Bằng-cấp tuy là một chuẩn-thằng không tránh được, nhưng những sáng-tác ích-lợi phải được công nhận giá trị thích-đáng vì ở cấp Đại-Học việc khảo cứu, tìm tòi, viết lách hệ trọng vô cùng. Mỗi Viện-Đại-Học cần có một quỹ xuất bản để lần lượt trình bày các sáng tác của những giáo-sư cộng-tác với mình. (Nhiều cuốn sách xuất bản ra sẽ lỗ vốn, nhưng một Viện-Đại-Học không phải là nhà buôn. Và viện trợ tài-chánh của nước bạn có thể giúp đỡ ta, ít nhất trong giai-đoạn đầu.)

g. Ta không thể quên các vị cựu-học, các cụ nghè,cụ cử, cụ tú, đã giúp việc hoặc một trường Đại-Học hoặc một Viện, một nha nào đó. Muốn khỏi mất những nhà-nho uyên-thâm, đầy quốc-hồn, quốc-tuý, cần thiết cho việc duy hộ quốc-học, nhưng trường Đại-Học Văn-Khoa cần đặc biệt ưu-đãi các cụ để chứng tỏ lòng kính-cẩn đối với đất-tổ. Một giải

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

pháp khá dễ-dàng là mời các cụ tham gia ban giảng-huấn thường xuyên bằng cách đồng-hoá ngạch-trật để cho mỗi cụ khỏi phải cái bấp bênh của chế-độ dạy giờ. Ta cũng không thể lãng quên những khả-năng công hiến của các vị đó về phương-diện dịch-thuật những tài-liệu bằng chữ Hán hay chữ Nôm.

Mỗi giáo-sư của mỗi trường Đại-học, muốn làm tròn nhiệm-vụ của mình, phải được giúp đỡ tiện-nghi về sách vở, thư-viện,v.v.. Nếu có thể thư-viện phải có những bàn riêng dành cho giáo-sư chỗ ngồi yên mà làm việc. Đó là chưa kể văn phòng mà mỗi vị giáo-sư phải có để sau khi dạy học có chỗ gặp những sinh-viên có vấn-đề thắc mắc muốn đến bàn luận.

i. Giáo-sư có quyền tự-do giảng-dạy môn mình phụ-trách, *miễn là* không ra ngoài vấn đề chuyên môn.

Giáo-Sư : NGUYỄN-CAO-HÁCH

1) Theo thiển-ý trước hết phải tăng cường nhân viên giảng huấn :

Tại Anh và Mỹ-quốc, tỷ-lệ trung-bình là 16 hay 17 sinh-viên đối với một giáo-sư rất nhiều.

Tại Sàigon đối với trường Luật-Khoa chẳng hạn, toàn thể ban giảng huấn vỏn vẹn 12 người,đối với một số sinh-viên thường thường từ 1400 tới 1500. Đã đành chúng tôi cũng có một số các vị ngoài trường Luật sẵn lòng giúp đỡ về phần giáo-khoa, nhưng các vị đó rất ít, vả lại đều bận công việc riêng nên không thể nhận thêm trách nhiệm gì ngoài giảng dạy.

Vấn đề tăng cường nhân viên giảng-huấn là một vấn đề trường-kỳ, không thể giải-quyết một cách vội vàng hấp tấp được. Nó đòi hỏi một chương- trình làm việc và một phương pháp chọn lọc, mà tôi có cảm tưởng chính ông cũng nghĩ tới khi ông nhắc lại vấn đề «tương-đương bằng-cấp ».

Tôi chỉ muốn nói thêm rằng, dù *lượng* có cần tới đâu, *phẩm* vẫn cần hơn lượng : nếu nhân-viên giảng-huấn Đại-Học mà tuyển lựa vội vàng cốt để lấy đa số, kết quả của sự hấp tấp đó sẽ rất sâu xa, và lâu lắm mới sửa chữa được.

Tương đương bằng cấp : hiện nay là một vấn đề rất khó xử, chẳng những đối với nền Đại-Học mà thôi. Vì Việt-Nam hiện có nhiều sinh-viên du-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

học tại ngoại-quốc mà mỗi nước ngoài tổ chức nội dung và cách thức giảng dạy và thi-cử theo một đường lối riêng mặc dầu vậy, ta vẫn dùng những danh-từ cổ-truyền thi cử-nhân, tiến-sĩ, Bác-sĩ v.v.. cho tất cả mọi trường-hợp.

Đối với vấn-đề này, thiết tưởng nên có một hội-đồng chuyên-môn để xét riêng từng trường hợp cá nhân.

Giáo-Sư : VŨ-QUỐC-THÚC

Theo thiển ý, cần phải phân biệt hai vấn-đề riêng biệt :

— Vấn-đề *tổ-chức* các Viện Đại-Học Saigon, Huế v.v...

— Vấn đề *quy-chế* của nền Đại-Học Việt-Nam.

Về vấn-đề tổ-chức dĩ nhiên, mỗi Viện Đại-Học có thể tổ chức theo một kiểu-mẫu đặc-biệt, thích hợp với hoàn cảnh địa-phương. Như vậy, viện Đại-Học Huế có thể tổ chức khác viện Đại-Học Saigon.

Ví-dụ: có thể có ban Luật, ban Văn-khoa mà không có ban kiến-trúc, niên học có thể bắt đầu sớm hơn hoặc muộn hơn, giáo-sư có thể dạy toàn bằng tiếng Việt hay ngoại ngữ ; cách tuyển lựa nhân viên giáo huấn có thể rộng rãi hay chặt chẽ...

Vấn-đề *quy-chế nền Đại-học,* trái lại là một vấn đề chung cho toàn quốc. Vấn đề này cần được giải quyết bởi một đạo luật hay một sắc lệnh luật.

Quy-chế của nền Đại-Học Việt-Nam cần xác nhận một số nguyên tắc căn-bản, giống như quy chế Đại-Học của mọi nước dân-chủ tự-do. Những nguyên-tắc đó không ngoài mục-đích giúp nền Đại-Học làm tròn sứ-mệnh là :

1) *Phục-vụ khoa-học,* nghĩa là đem phổ biến trong nhân dân mọi khám phá của khoa-học, và đồng thời góp phần vào công cuộc khảo-cứu khoa-học.

2) *Phát triển văn-hóa dân-tộc,* và khuyến khích sự trao đổi văn-hóa với các nước ngoài.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3) *Huấn luyện các kỹ-thuật-gia và các chuyên-viên* để phục-vụ trong mọi ngành hoạt động của quốc-gia.

Muốn thực hiện sứ-mệnh này, trước hết nền Đại-Học cần phải được *tự-do*. Các giáo-sư, giảng-sư, giảng-viên cũng như các sinh-viên cần phải được tự-do phát biểu ý kiến : Có như thế, sự thảo luận mới dễ đem lại kết-quả tốt đẹp. Trong phạm vi của Đại-Học không nên coi thuyết nào là chính thuyết nào tà. Trái lại, mọi lý thuyết phải được xét đoán một cách hoàn toàn vô tư, theo đúng tinh thần khoa học.

Sau nữa, nền Đại-Học cần phải *đứng ngoài chính-trị*. Nếu để cho chính trị xen lẫn vào các cuộc thảo-luận, các cuộc khảo-cứu, các cuộc thi cử... ở trong Đại-Học, chắc chắn Đại-học sẽ mất hết uy-tín. Lúc đó, người ta có thể dễ-dàng tiến tới sự độc tài tinh-thần và như vậy, nền Đại-học sẽ không phục vụ khoa-học cùng phát-triển văn-hóa được nữa.

Sau cùng, các tường Đại-học cần phải được *tự-trị* :

— *Tự-trị về tài-chánh* : (dĩ nhiên chính phủ cần trợ cấp cho các trường Đại-học, nhưng nếu nhất nhất mọi khoảng chi tiêu từ việc mua sắm một cái bàn viết tới xuất bản một tài liệu... đều phải xin phép chính-phủ , trường Đại-học sẽ khó lòng hoạt động hợp lý)

— *Tự-trị về hành-chánh* : (Việc quản-trị mỗi trường Đại-học phải để thuộc quyền Hội-Đồng Giáo-sư. Khoa-Trưởng hay Giám-Đốc không nên coi là một công chức do chính-phủ cử ra để chỉ huy các bạn đồng sự cửa mình theo đúng chỉ thị của Chính - phủ, Trái lại Khoa - Trưởng hay Giám-Đốc phải do Hội-Đồng Giáo-sư *bầu ra*, để đóng vai liên lạc giữa Ban Giáo-sư vá Nhà Cầm Quyền.)

— *Tự-trị về học-chánh* : (Các Giáo-sư cần được tuyển-mộ theo phương pháp suy-cử - «cooptation» ví không ai có thể xét đúng đắn một Giáo-sư trường thuốc hay trường luật bằng các Giáo-sư khác ở trường trường thuốc và trường luật. Theo phương pháp suy cử, những ai muốn xin dạy học ở một trường Đại-học sẽ phải nộp hồ-sơ để Ban Giáo-sư trường Đại-học đó nghiên-cứu trước. Nếu ban Giáo-sư tán thành việc tuyển mộ lời đề nghị sẽ chuyển đệ lên chính-phủ.

Chính-phủ có thể bổ-nhiệm nhưng cũng có quyền từ chối. Điều cần tránh, là chính phủ không nên bao giờ tự ý tuyển-mộ một Giáo-sư để giãng dạy ở một trường Đại-học mà không hỏi ý-kiến của ban Giáo-sư trường đó.

Lẽ dĩ nhiên, nguyên tắc suy cử khó áp dụng trong trường hợp một trường Đại-học mới thiết lập. Trong trường hợp này, để tôn trọng nguyên

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tắc tự-trị, chính phủ có thể cử ra Hội-đồng khảo-sát gồm những Giáo-sư Đại-học, để xét hồ-sơ của các ứng viên rồi đề nghị lên Chính-phủ những ai xứng đáng nhất.

Ba nguyên tắc vừa trình bày (tự-do, tự-trị - phi chính-trị), theo thiển ý nên dùng làm nền tảng cho quy chế Đại-học ở nước nhà. Tôi cũng cần nói ngay là các nguyên tắc ấy phải áp-dụng một cách linh-động, chứ không nên quá ư máy móc. Nếu rõ rệt có những phần tử bất hảo, muốn lợi dụng sự tự-do, sự tự-trị hay tính cách phi chính-trị của Đại-học để âm mưu phá hoại an ninh quốc-gia, dĩ-nhiên, sự can thiệp phải giữ tính cách « biện lệ »: nhà cầm quyền có thể trừng phạt một cá nhân, nhưng không nên vì trường-hợp cá-nhân đó đi mà đi tới chỗ hy-sinh các nguyên-tắc căn-bản.

Giáo-Sư: THANH-LÃNG

— Muốn làm tròn vai trò đó, sự tổ chức Đại-Học phải căn cứ vào mấy điều kiện sau đây :

a) *Ngân sách tự trị.*

Đại-Học phải có một ngân sách tự trị, nghĩa là phải trù liệu một ngân khoản cho Đại-Học còn việc sử dụng ngân khoản đó như thế nào thì nên để cho hội đồng Đại-Học quyết định. Nhà nước chỉ nên đòi Đại-Học thiết lập một dự án chi tiêu và kiểm soát việc thi hành dự án chi tiêu đó. Chứ cái tình trạng hiện nay nhất cử nhất động của Đại-Học đều phải tư về bộ, đợi sự chấp thuận của Bộ thì Đại-Học vấp vào tình trạng bế tắc vì các nhà hành chánh nhiều khi không nhìn thấy sự cấp bách của địa hạt chuyên môn.

b) *Hội Đồng Đại-Học*

Muốn cho việc thi hành dự án chi tiêu của Đại-Học hợp lý và tránh những lạm-dụng, thì Đại-Học phải có một hội đồng mà thành phần cố-định gồm có các vị khoa-trưởng và thành phần luân chuyển hàng năm gồm một số đại-biểu cho mỗi khoa. Đó là phương-pháp của nhiều Đại-Học tại Âu-Châu.

c) *Hội Đồng Khoa.*

Ngoài Hội đồng Đại-Học lo những vấn-đề liên-quan đến cả viện còn phải thiết lập *hội đồng khoa* gồm có khoa-trưởng và một số giáo-sư của từng khoa. Nhiệm vụ của Hội-Đồng Khoa là lo giải quyết các vấn-đề

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thuộc địa hạt chuyên môn của từng khoa, như việc hoạch định đường lối của Khoa, tuyển mời Giáo-sư. Từ xưa đến nay, tại Đại-học Việt-Nam xảy ra nhiều vụ lộn xộn mà báo chí đã từng lên tiếng, chính là vì thiếu Hội Đồng-Khoa. Uy tín của một Đại học hệ tại nhất ở uy-tín của Giáo-sư. Vì thiếu Hội Đồng Khoa thành ra việc tuyển mời Giáo-sư không dựa theo một tiêu chuẩn nào hết mà thường do tình cảm riêng của người đứng lựa.

d) *Tương đương bằng cấp*

Theo nguyên tắc việc tuyển lựa Giáo-sư phải triệt để dựa vào bằng cấp và thực lực của Giáo-sư. Chỉ những người có đủ bằng cấp mới được mời làm Giáo-sư Đại-học. Nguyên tắc đó phải được áp dụng nghiệt ngã đối với việc mời Giáo-sư ngoại-quốc. Đã mất công mời một Giáo-sư ngoại-quốc thì không bao giờ nhân nhượng về vấn-đề bằng-cấp.

Nhưng đối với Giáo-sư Việt-Nam, ngược lại, phải co giãn hơn tùy trường-hợp : giữa hai người có bằng và không có bằng thì tất nhiên phải chọn người có bằng.

— Trong trường hợp không tìm ra người có bằng cấp tương-đương, thì lúc đó Đại-học phải dựa trên một tiêu-chuẩn khác để mà chọn Giáo-sư tức là dựa trên thành tích, sự nghiệp chuyên-môn của nhà giáo trong ngành học mà Đại-học muốn giao. Tuyển lựa một nhà giáo không có bằng cấp, nhưng có thực-lực được xác nhận bằng những thàng tích do sự nghiệp chuyên-môn, có làm tổn thương đến uy-tín của Đại-học không ? Chắc là không ! Đại-học nước nào mà chẳng đã qua một thời kỳ phôi-thai. Các Đại-học Âu-châu đã có lúc phải bắt đầu bằng những nhà giáo không có bằng cấp nhưng có thực lực.

đ) *Cần phải có một quy chế cho Đại-Học.*

Đại-học Việt-Nam đang lâm vào ngõ bí chính là vì hiện nay Đại-học chưa có một quy chế hợp-lý. Đại-học Việt-Nam đã được khai-sinh trong một tình trạng đặc-biệt mà quy chế thì lại áp dụng quy chế của các Đại-học Pháp. Bởi vậy chỉ có một số Giáo-sư tốt nghiệp trong các trường Pháp là được hưởng quy chế còn những giáo-sư dạy học đã lâu, kinh nghiệm có thừa, được tín nhiệm với nhà trường và học-trò, nhưng chỉ vì thiếu văn bằng tương-đương cho nên không được hưởng một quy chế nào hết, thành ra họ chỉ là giáo-sư khế-ước, ăn lương giờ. Cái bất lợi cho các nhà giáo khế-ước là đồng lương thấp kém và tương lai bấp-bênh, vì có thể bị sa thải lúc nào cũng được. Nhà giáo bởi thế phải thủ thân bằng cách đèo thêm một vài nghề phụ, hay dạy tăng thêm số giờ hằng tuần. Đang khi ở các nước khác Giáo-Sư Đại-Học không bao giờ dạy tới 7, 8, giờ một tuần thì ở bên mình có những nhà giáo dạy tới trên 20 giờ một tuần ấy là chưa kể đến những công-tác khác. Như vậy thì nhà-giáo làm sao có thì giờ để nghiên-cứu, mà đã không có nghiên-cứu thì Đại-Học còn đâu là Đại-Học.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Để chấm dứt tình-trạng hỗn loạn làm bế tắc Đại-Học Việt-Nam hiện nay, cần phải có một cuộc cách-mạng.

Vậy :

« *Cuộc cách-mạng* mà chính-phủ Việt-Nam phải làm là hoặc quy định « cho các vị Giáo-Sư chính thức trên cả nguyên tắc lẫn trong thực tế; « hoặc tốt hơn cả là kêu gọi các vị đó để tâm nghiên-cứu và trình bày một « sự nghiệp nghiên-cứu chuyên môn về một ngành học nào đó rồi Nhà « Nước sẽ triệu tập những ủy-ban Quốc-gia duyệt lại các sự-nghiệp « nghiên-cứu đó để thăng thưởng cho những vị đó huy-hiệu học-giả « xứng-đáng là Giáo-sư thuộc một ngành chuyên-môn nào đó. Như vậy « Nhà Nước vừa cứu vãn được tình-trạng bất thường của các Giáo-sư, « vừa khuyến-khích được nhiều phát minh mới, nhiều công-nghiệp khảo « cứu chuyên-môn làm giàu cho kho tàng văn-hóa hiện nghèo-nàn của « chúng ta.

Nhà nước không được vin vào một lý do nào hết để rụt-rè. Tình-trạng hiện nay kéo dài ngày nào là ta có tội với tiền đồ của dân-tộc ngày ấy.

Chỉ khi nào bình-thường hóa được tình-trạng trên đây thì nền Đại-Học Việt-Nam mới có thể phát-triển được, mới có thể phát-huy được tinh thần và phương-pháp khoa-học hiện nay không những chưa có ở bậc Trung học mà ngay cả Đại-học cũng còn thiếu thốn mập mờ.

Đàng khác, Đại-Học Việt-Nam còn có nhiều cái kỳ quái. Như ở văn-khoa chẳng hạn, sinh-viên chỉ được thi đến cử-nhân, khiến cho những sinh-viên đi vào con đường ấy là đi vào con đường bế tắc không có lối ra, không có đường tiến thủ. Cái hại là sinh-viên coi thường không muốn học những Khoa đó, hay có học thì học lấy lệ, không mê say trong việc học-hỏi nghiên-cứu, vì biết trước không có cách nào thi được tiến-sĩ. Chính vì thiếu quy chế rõ-rệt, thiếu sự dứt khoát mà Đại-Học Việt-Nam trong những năm vừa qua đã tiến rất chậm chạp. Những nỗi khó khăn và thiếu thốn mà nền Đại-Học Việt-Nam đang gặp phải, nhà nước đã phải nhìn thấy ngay từ buổi đầu. Vậy nếu nhà nước đã có cái táo bạo dám thiết-lập nền Đại-Học trong tình-trạng như thế, thì cũng phải có cái táo bạo dám dùng những biện-pháp quyết liệt để san phẳng mọi khó-khăn, lấp bằng mọi thiếu-thốn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

III — VIỆC GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG VIỆT Ở ĐẠI-HỌC CÓ PHẢI LÀ ĐIỀU HỢP LÝ KHÔNG. NÊN ĐẶT VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ ĐỐ THẾ NÀO TRONG HOÀN CẢNH HIỆN TẠI ?

Giáo-Sư : VŨ-QUỐC-THÚC

Tôi hiểu rằng vấn-đề chuyển ngữ ở Đại-Học có nhiều khía cạnh phức-tạp.

Những người chú trọng đến trình độ của Đại-Học, thường chủ-trương phải dùng ngoại ngữ (Anh hay Pháp) để các sinh-viên có thể tra cứu và học-hỏi thêm, ngoài giảng-văn của Giáo-sư. Mặt khác nếu dùng ngoại ngữ người ta có thể mời Giáo-sư ngoại-quốc đến dạy học.

Theo ý tôi, vấn-đề này cần phải giải-quyết một cách rất thiết thực. Chúng ta hiện đứng trước một sự thực : đại đa số sinh-viên theo học các Trường Đại-Học là những tú-tài Việt. Họ có thể xem sách ngoại-quốc nhưng không phải là xem dễ-dàng : nhiều khi, đọc một trang sách phải mất hàng giờ. Như vậy, làm thế nào họ theo nổi một giảng-văn bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh ?

Rút cục, chỉ những sinh-viên có bằng tú-tài Pháp là đủ khả-năng theo những giảng-văn đó : vô tình, người ta đã trực tiếp trục-xuất đa số tú-tài Việt-Nam khỏi Trường Đại-Học ! Trong lúc nước nhà đang cần chuyên-viên để phục-vụ trong khắp các ngành, đó thật là một tình-trạng phi lý.

Vẫn biết dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ, sinh-viên thường thường sẽ căn cứ hoàn-toàn vào giảng-văn của Giáo-sư người Việt. Nhưng ai cấm họ xem thêm sách Anh hay Pháp ?

Vã chăng, nếu ngay từ bây giờ ngành Đại-Học dùng tiếng Việt làm ngoại ngữ thì trong mười năm hay hai mươi năm nữa ta có hy-vọng sẽ có đầy đủ sách báo khoa-học bằng tiếng Việt. Trái lại, nếu tiếp-tục dùng ngoại ngữ, thì chắc chắn sau mười năm hay hai mươi năm nữa tình-trạng sẽ vẫn không thay đổi. Ta vẫn phải lệ thuộc hoàn-toàn vào sách báo và Giáo-sư ngoại quốc.

Tóm lại, theo thiển ý , cần phải dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở tất cả các ban Đại-Học. Đồng thời, chúng ta nên khuyến-khích và nếu cần, thì bắt buộc sinh-viên Đại-Học phải học thêm một thứ tiếng ngoại-quốc để tiện tra cứu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Giáo-Sư : LÊ-VĂN-THỚI

Đó là một việc rất hợp lý trong một nước đã được độc-lập. Tuy nhiên, trong thời-gian chuyển tiếp, các Trường Y-Dược và Khoa-Học chưa có đủ Giáo-sư Việt để giảng dạy nhiều Khoa nên còn cần đến nhiều Giáo-sư ngoại-quốc. Các giảng-nghiệm-viên chỉ thay được một phần nào các Giáo-sư ấy, vì cần phải giữ cho sinh-viên một học-lực cao như đã nói ở trên. Nhưng trong một thời-gian ngắn, khi có đủ Giáo-sư Đại-Học được đào-tạo ở ngoại-quốc và ở nước nhà, việc dùng tiếng Việt sẽ không thành vấn-đề nữa. Chúng ta sẽ thống-nhất danh-từ khoa-học để hoàn bị sự giảng dạy.

Dù sao, các sinh-viên cũng nên trau-dồi ít nhất một ngoại ngữ quốc-tế, thông dụng trong phạm-vi khoa-học để khảo-cứu thêm sách vở nước ngoài và theo dõi đà tiến-triển mạnh mẽ của khoa-học.

Giáo-Sư : TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Rất tán thành việc giảng dạy bằng tiếng Việt ở Đại-Học. Nhưng trước khi dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ, Bộ Quốc-gia Giáo-dục phải lo việc phiên dịch các danh-từ *khoa-học, kỹ-thuật* để cho sự giảng dạy được thống-nhứt. Tuy nhiên, dầu dạy bằng tiếng Việt ở Đại-Học, sinh-viên vẫn cần thông thạo *ít nhất là một ngoại ngữ* để, hoặc đôi khi học với các Giáo-sư ngoại-quốc (vì Giáo-sư Việt-Nam còn quá ít) hoặc tra-cứu sách vở và báo-chí ngoại-quốc.

Giáo-Sư : NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH

Chúng tôi luôn luôn được nghe lời tâm sự của các Giáo-sư cũng như sinh-viên về điểm này, chứng tỏ sự quan-trọng của nó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Mỗi năm chúng ta sản-xuất hằng mấy ngàn học-sinh tốt-nghiệp Trung-học. Bước vào Đại-Học, trong rất nhiều môn họ vấp phải bức tường ngoại ngữ và một số lớn đã mất hết rất nhiều thì giờ, rất nhiều trí nhớ để thu lượm được rất ít kết quả. Đó là một sự phung phí năng-lực trí tuệ đáng tiếc cần được chấm dứt bằng những biện pháp thích nghi.

Về nguyên-tắc, đa số những người hằng quan tâm đến Đại-Học và tiến-đồ văn-hóa nước nhà đều chủ-trương rằng tiếng Việt có đủ khả-năng và cần được coi là chuyển ngữ trong các Đại - Học Việt-Nam, nhưng đồng thời sinh-viên phải biết tường tận ít nhất là một ngoại ngữ vì công-việc nghiên-cứu hàng ngày càng phức tạp, và có tính cách quốc-tế hơn, vả lại trong nhiều trường hợp các tài-liệu tham-khảo bằng Việt ngữ hầu như không có....

Trước khi nghĩ tới những biện pháp cụ thể cần nên xác nhận rằng vấn-đề tương đối dễ giải-quyết hơn ở phân-khoa Luật và Văn, ở địa hạt Y-dược và Khoa-học chúng tôi rất thông-cảm nỗi khó khăn của các đồng-sự, nhưng có nhiều bạn chuyên-môn về các ngành đó quả quyết rằng vấn-đề tuy khó nhưng cũng có thể giải quyết được dần dần. Giải-pháp mà một vài bạn ở Trường Y-dược nêu lên là chia ngành học ra làm hai cấp, các sinh-viên cùng vào học ở cấp nhất hoàn toàn Việt-ngữ hay chỉ có ít ngoại-ngữ, sau đó sẽ chia làm hai đường, một đàng ra làm việc ngay, còn một đàng (khi ở cấp một đã học thêm ngoại-ngữ) sẽ tiếp tục học bậc hai trong đó ngoại-ngữ sẽ quan-trọng hơn vì mục-tiêu là chuyên về khảo-cứu...

Dù sao đi nữa việc chính vẫn là phải tránh sự ly dị giữa Trung và Đại-Học, phải gây một sự điều hòa liên tục giữa hai bậc đó. Chúng tôi tưởng có thể nâng cao trình độ học-sinh Trung-học về ngoại-ngữ bằng cách nghiên-cứu lại phương-pháp dạy và cũng có ban giáo-huấn ngoại-ngữ ở cấp đó. Lại nên khuyên học-sinh trau-dồi cẩn-thận một ngoại ngữ hơn là « biết vừa vừa » hai ngoại-ngữ, đồng thời diệt trừ nạn « học nhảy », « học tủ » (ngoại-ngữ không thể « học rút », « học tủ » như các môn toán lý-hóa chẳng hạn !) như vậy số giờ ngoại-ngữ ở Trung-học không cần tăng mà ta vẫn có thể nâng cao trình-độ học-sinh.

Ở bậc Đại-Học sẽ mở thêm những lớp bổ túc ngoại-ngữ (không thuộc chương-trình và không bắt buộc...) cho các sinh-viên muốn học thêm. các Giáo-sư Đại-Học một mặt sẽ xúc tiến việc giảng dạy bằng Việt-ngữ trong chừng hạn có thể được, một mặt tham gia trước tác và dịch thuật sách giáo khoa và tài-liệu nghiên-cứu ngoại-quốc để xây-dựng một tủ sách Đại-Học bằng Việt-ngữ đầy đủ, khả-dĩ làm công-cụ khảo-cứu bổ-túc cho sinh-viên (chúng tôi tin rằng việc tu thư ở Đại-Học cũng quan trọng như ở Trung-học.)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Như vậy chúng ta chắc dần dần Việt-ngữ sẽ chiếm địa vị trọng yếu của một chuyên ngữ, mà đồng thời sinh-viên vẫn đủ năng lực nghe các Giáo-sư ngoại-quốc diễn-giảng trong một tinh-thần rộng-rãi. Đại-Học Việt-Nam như vậy sẽ không phản bội truyền thống quốc-gia, đồng thời vẫn giữ được tính cách quốc-tế mà bất cứ Đại-Học nào trên thế-giới cũng có . Trong địa hạt này, những thực hiện ở Đại-Học Nhật-bản đáng để chúng ta suy nghĩ : chuyển ngữ là tiếng Nhật nhưng sinh-viên vẫn đủ khả-năng nghiên-cứu hay nghe giảng dạy bằng tiếng ngoại-quốc...

Kết luận các nhà giáo-dục Việt-Nam không có quyền thờ ơ trước vấn-đề nầy. Thắc mắc và lo âu của đám học-sinh tốt-nghiệp Trung-học đứng trước ngưỡng cửa Đại-Học phải là thắc mắc và lo âu của chúng ta... khi nào vấn-đề căn-bản đó được giải quyết một cách thích nghi, với một tinh-thần rộng-rãi, thì Đại-Học mới có đủ phương tiện để tiến tới...

Giáo-Sư : NGUYỄN-CAO-HÁCH

Dĩ nhiên chuyển ngữ phải là tiếng Việt.

Đó là một nguyên tắc căn bản mọi người đều đồng ý. Tuy vậy, kinh-nghiệm cho tôi biết rằng nên phân biệt hai trường hợp — Đối với các sinh-viên sẽ làm việc trong các cơ-quan công quyền, sau khi tốt-nghiệp, giáo-dục Đại-Học rất có thể hoàn-toàn thực hiện bằng tiếng Việt — Đành rằng các sinh-viên đó có thể cần ngoại ngữ sau này, nhưng sự cần dùng đó không bắt buộc phải dạy bằng ngoại ngữ ngay trong Đại-Học.

Đối với các sinh-viên sẽ chọn ngành khảo-cứu hay giảng dạy ngay trong nền Đại-Học, tôi thấy vấn-đề phức tạp hơn, vì ba lý do :

1) Đa số sinh-viên chỉ ghi chép và học các bài giảng dạy của Giáo-sư, ít khi chịu khảo-cứu các tài-liệu khác.

2) Hầu hết các tài-liệu hữu ích cho bậc Đại-Học đều bằng ngoại ngữ — cũng có những tài-liệu bằng tiếng Việt, nhưng loại đó rất hiếm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3) Nhân viên giảng-huấn Đại-Học có nhiệm-vụ xây-dựng một tủ sách Đại-Học Việt-Nam — Dĩ nhiên nhiệm-vụ đó có thể thi-hành, bằng sáng tác nhưng cũng có thể thi hành ít ra một phần bằng phiên dịch tài liệu ngoại-quốc.

Vì ba lý do đó, tôi thấy rằng độc chuyên giảng dạy bằng tiếng Việt là cắt đứt hẳn giây liên-lạc giữa sinh-viên vá các luồng tư-tưởng từ ngoài tới làm sinh-viên mất thói quen dùng tài-liệu bằng ngoại ngữ (nếu thói quen đó, sẽ có), và khiến sinh viên sau khi tốt-nghiệp, rất khó soạn thảo một tủ sách Đại-Học Việt-Nam.

Tôi đã có dịp đọc một số bài vạn-vật — học viết bằng tiếng Việt các soạn-giả dùng hán-tự để dịch các tên Thái-Tây nguồn gốc La-mã và Hy-lạp — Tôi thấy lối dịch rất hay và rất sát nghĩa, nhưng tôi cảm tưởng rằng một người dược sư bảy năm học vạn-vật theo lối đó (hai năm tú-tài khoa-học thực nghiệm và năm năm ban Dược-khoa) sẽ rất giỏi hán-tự trong khoa chuyên-môn của mình, nhưng không thể đọc tài-liệu khoa-học Thái-Tây một cách dễ-dàng được — Nếu vào dạy trong Trường Y-dược, Dược-sư đó sẽ dựa vào tài-liệu gì để khỏi bị tiến-triển khoa-học bỏ xa, — khi tài-liệu Việt-ngữ rất hiếm ?

Ta phải thành-thực công nhận rằng trong tất cả các ngành của Đại-Học, Thái-Tây tiến-triển mau hơn ta nhiều lắm — Vậy bỏ hẳn ngoại-ngữ là gián tiếp khước từ các tiến-triển đó. Xin ông tránh sự hiểu lầm về vấn-đề này — Tôi vẫn duy-trì nguyên-tắc căn-bản là phải dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ — Tôi chỉ muốn thêm rằng ta không nên coi tiếng Việt là phương tiện duy nhất, — Và như thế mới có thể hy-vọng làm giàu cho tiếng Việt được.

Giáo-Sư : NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

Việc giảng bằng tiếng Việt chỉ là điều hợp lý, nó đòi hỏi ít nhiều cố-gắng của những vị đã từng du học ở nước ngoài. Ta cứ sửa-soạn kỹ-lưỡng rồi mạnh dạn bắt đầu. Thiết tưởng, lúc đầu nếu còn tiếp tục dạy bằng ngoại ngữ (như trong trường hợp các khoa-học) thì nên đề-nghị ngay mỗi danh-từ Việt cho sinh viên ghi lấy. Năm sau là có thể đảo ngược lại : nói luôn bằng tiếng Việt nhưng vẫn dẫn cái danh-từ ngoại-ngữ tương đương.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

a) Tuy nhiên, chính lúc tiếng Việt hoàn-toàn giữ địa vị chuyển ngữ rồi, thì ngoại-ngữ cần phải được tăng cường gấp bội. Đó là cái giá mỗi người chúng ta phải trả. Trả vậy còn hơn là để lúc tốt nghiệp ra không thể học thêm bằng cách đọc các sách báo ngoại văn.

b) Trong mỗi bộ môn, Giáo-sư sẽ chọn một số sách căn-bản, trao mỗi cuốn cho một nhóm vài ba sinh-viên góp công phiên dịch, về sau đứng tên là dịch-giả và được điểm số về sáng-tác. Như thế trong một thời gian ngắn, ta sẽ có một tủ sách Đại-Học tối thiểu. .

Giáo-Sư : THANH-LÃNG

Trước đây hơn mười năm khi bàn đến vấn-đề chuyển ngữ tại bậc Trung-học, người ta cũng đã từng lớn tiếng tuyên-bố : tiếng Việt-Nam không thể thay thế cho tiếng Pháp dùng làm chuyển ngữ để giảng dạy các môn khoa-học. Nhưng nhờ sự táo-bạo và quyết liệt của chính-quyền hồi đó, chỉ trong vòng một vài năm, tiếng Việt đã được dùng làm chuyển ngữ trong tất cả các Trường trên toàn thể lãnh thổ, và ngày nay đã trở thành một sự kiện đương nhiên không ai bàn cải đến nữa. Nhưng ở bậc Đại-Học, mới chỉ có một vài ban là dám táo-bạo noi gương những người đi trước cương-quyết dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ còn đa số các ban khác đều được người ta vin ra cái lẽ như cách đây mười năm đối với bậc Trung-học rằng tiếng Việt không đủ khả-năng để giảng dạy các ngành khoa-học, rằng việc dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc Đại-Học sẽ chận đứng không cho sinh-viên rộng đường nghiên-cứu. Thực ra người ta đã lầm lẫn phương-tiện và cứu cánh. Để đạt đến cứu cánh là trí-thức, chúng ta có thể dùng bất cứ phương tiện nào, nghĩa là chúng ta có thể dùng bất cứ thứ từ ngữ nào. Nhưng giữa nhiều phương-tiện có thể lựa chọn để tới cùng một mục đích, lý đương nhiên bắt chúng ta phải chọn cái phương tiện ít phải dùng đến nỗ-lực hơn. Đối với sinh-viên Việt-Nam hiện nay, lẽ dĩ nhiên việc lấy tiếng Việt làm chuyển ngữ để thâu thái các khoa-học phải là một phương-tiện dễ dàng hơn cả, bởi vì họ đã dùng thứ tiếng đó trong tất cả các môn học cấp Trung-học. Còn như nếu nhà nước công nhận rằng tiếng Việt không đủ khả-năng để giảng dạy các ngành khoa-học thì yêu-cầu nhà nước phế hẳn việc lấy tiếng Việt làm chuyển ngữ ở cấp Trung-học, để khỏi có sự đứt quãng giữa hai cấp Trung-học và Đại-Học. Thực ra việc chủ-trương dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở Đại-Học không phải là có ý bài ngoại, không muốn cho sinh-viên học ngoại ngữ, mà chỉ là có ý giúp sinh-viên thâu-thái các

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khoa-học một cách dễ-dàng hơn. Đàng khác, giúp họ có thể diễn tả những điều mình đã thâu hái được một cách dễ-dàng cho quần chúng. Đại-Học vì thế không phải là để đào-tạo ra một giai cấp mới tách rời khỏi xã-hội, trái lại vai trò của Đại-Học phải là một vai trò trung gian giữa các ngành khoa-học với đại chúng, đem khoa-học phổ biến sâu rộng vào trong các tầng lớp quần chúng. Vai trò đó chỉ có thể thực hiện được một cách dễ-dàng và mỹ-mãn khi mà người sinh-viên được nghe giảng dạy bằng chính thứ tiếng mà họ phải giao dịch hàng ngày với quần chúng. Còn như sợ rằng lấy tiếng Việt làm chuyển ngữ ở Đại-Học sẽ làm cho sinh-viên không muốn khảo-cứu thêm chỉ là một mối lo ngại ngại không có bằng cứ. Chúng ta vẫn có thể lấy tiếng Việt làm chuyển ngữ, đồng thời vẫn có thể khuyến-khích sinh-viên học hỏi ngoại ngữ cho thông thạo, ngõ hầu dùng ngoại ngữ làm phương-tiện nghiên-cứu thêm. Vấn-đề đặt ra chỉ là : nhà nước phải lập thêm nhiều trường cao-đẳng giúp sinh-viên kiện-toàn những-ngôn-ngữ mà họ cần phải dùng để nghiên-cứu. Chứng-cớ cụ-thể là trường Đại-Học Hà-Nội đã hoàn-toàn dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ từ trên 10 năm nay, và Đại-Học Huế cũng đã nỗ lực đi vào con đường đó từ hai năm nay. Kết quả cho ta thấy rằng một sinh-viên giỏi không phải vì đã được dùng chuyển-ngữ này hay chuyển-ngữ khác mà chỉ là sinh-viên đó có ham mê nghiên-cứu hay không. Cái làm cho nhiều người phải thất vọng hiện nay khi nhìn vào Đại-Học là thái độ lừng khừng của những người hữu trách. Sợ dư-luận, người ta không dám lên mặt miệt-thị tiếng Việt, chống-đối triệt-để việc dùng tiếng Việt làm chuyển-ngữ. Luận cứ người ta đưa ra là « Mai sau đây » tiếng Việt tất nhiên phải là chuyển-ngữ ở Đại-Học nhưng hiện nay chưa có thể áp dụng ngay được. Vì thiếu một kế-hoạch chung và một sự dứt-khoát tư-tưởng người ta không muốn xác định « cái mai sau » đó còn kéo dài bao nhiêu lâu nữa. Thiếu sự xác-định ấy, « cái mai sau kia » có thể là 10 năm, 20 năm, nhưng cũng có thể là 100 năm nữa. Một điều vô-cùng phi-lý hiện nay là cái khuynh-hướngmuốn dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ ở Đại-Học. Làm sao lại có thể quyết-định một cách độc-đoán chọn ngoại-ngữ này hay ngoại-ngữ khác làm chuyển-ngữ ở Đại-Học đang theo những nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục Việt Nam người học-sinh được hoàn-toàn tự-do chọn ngoại-ngữ ở Trung-học. Như vậy một học-sinh đã chọn tiếng Anh ở bậc Trung-học khi lên Đại-Học sẽ chẳng hiểu gì nếu tại đây tiếng Pháp được chọn làm chuyển-ngữ. Ngược lại một học sinh đã chọn tiếng Pháp làm ngoại-ngữ ở bậc Trung học sẽ không hiểu gì khi lên đến Đại-Học nếu tại đây người ta dùng tiếng Anh làm chuyển-ngữ, đấy là chưa nói đến trường-hợp những học-sinh đã theo những ban cổ-ngữ ở bậc Trung-học . Nếu ở bậc Trung-học đã để cho học-sinh được tự-do lựa chọn hoặc cổ-ngữ hoặc bất cứ một sinh-ngữ nào thì việc lấy một ngoại-ngữ làm chuyển-ngữ ở bậc Đại-Học đều là phi-lý, đều là chặn đứng bước đường tiến của sinh-viên. Cho đến nay những người hữu-trách trong vấn-đề giáo-dục đã được thay thế rất nhiều mà chưa có kết quả tốt đẹp là bao, lý-do vì người ta chỉ nghĩ đến việc thay đổi người chứ không nghĩ đến việc thay đổi quan niệm giáo-dục. Bởi vậy theo thiển-ý của chúng tôi, nhà nước trước tiên nên hoạch-định ra một đường lối giáo-dục

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hữu-lý và thích hợp rồi bắt những người thừa hành phải áp-dụng cho sá đúng. Chứ vấn đề nay đổi người này mai đổi người khác không phải là tất nhiên cải-tiến được nền giáo-dục hiện nay đang bị sa-lầy.

Giáo-Sư : TRỊNH-VĂN-TUẤT

Vấn-đề này rất phức-tạp và theo thiển-ý chúng tôi, cần có một vài buổi thảo-luận (mà chỉ đặt một vấn-đề này thôi) giữa các giáo-sư Đại-Học và Trung-học các đại-diện phụ-huynh, và các đại-diện của các bộ sở quan (điều-khiển một số trường Đại-Học và trường chuyên-nghiệp).

Đứng trên phạm vi nguyên tắc ai chẳng công nhận việc giảng dạy bằng tiếng Việt là điều rất hợp lý... Nhưng đúng theo như tinh-thần Tạp chí này, khi nêu lên vấn-đề trên, điểm cốt yếu không phải là ở lảnh-vực nguyên tắc, nhưng là ở trong phạm-vi thực hành. Nói rõ hơn chúng ta phải giải quyết vấn-đề dạy tiếng Việt thế nào, trong hoàn cảnh Đại-Học bây giờ, đặc biệt là ở Trường Y-Dược-Nha (Y-khoa, Dược-khoa và Nha-khoa), và Trường Khoa-học.

Những ý kiến cho rằng, trong giai đoạn hiện tại, cần phải dạy bằng ngoại-ngữ ở hai Trường trên cũng đáng được để ý, vì : chúng ta phải duy-trì lên một trình-độ học-vấn và khảo-cứu của Đại-Học Việt-Nam ngang hàng với trình-độ của các nước khác. Muốn như vậy, việc đọc và khảo-cứu các sách và báo chí Khoa-học viết bằng ngoại-ngữ là một việc tối cần mà sinh-viên Đại-Học của nước nào cũng phải làm. Ở các Trường Đại-Học Ấn-Độ, vẫn dùng ngoại-ngữ, còn bên Nhật-Bản, thì từ năm 1900, đã chuyển ngữ từ tiếng Đức ra tiếng Nhật, sau 50 năm sửa-soạn, và hiện nay sinh-viên Đại-Học vẫn học thêm ba ngoại-ngữ. (Anh, Đức và Pháp).

Thêm vào đó, muốn nâng cao trình-độ khảo-cứu, thì một nữa số Y-sĩ Nhật-Bản (nghĩa là vào khoản 4 vạn Y-sĩ) đã vào làm việc tại các Viện Khảo-cứu về Y-khoa, Dược-khoa, Nha-khoa, và các ngành Khoa-học khác có liên quan đến Y-khoa, và vẫn tiếp tục học thêm ngoại-ngữ, và một số đi du-học ngoại-quốc. Ngoài ra, một số lớn sách và báo chí Y-khoa vá nhất là Dược-khoa, đã được soạn ra bằng ngoại-ngữ, để quốc-tế tham-khảo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Dù sao, không ai chối cãi rằng sự học hỏi ngoại-ngữ là tối-cần cho Đại-học. Một đẳng sinh-viên khi đi ngoại-quốc sẽ theo ngay được Đại-Học ở các nước đó một cách dễ-dàng, một đẳng khác, Chính-phủ có thể mời các giáo-sư ngoại-quốc có danh-tiếng sang dạy : như vậy, sự ích-lợi cho sinh-viên không phải là nhỏ.

Nhưng những ý-kiến chủ-trương dạy tiếng Việt ở Đại-Học cũng rất hợp lý,vì : ngày nay một số đông sinh-viên bước vào Đại-Học đều do các Trường Trung-học Việt đào-tạo. Mấy năm gần đây, các sinh-viên này gặp rất nhiều trở ngại về ngoại-ngữ ở Đại-Học, và đứng trước một hố sâu giữa Trung-học và Đại-Học, một số cố-gắng nhẩy qua, một số đã chán-nản, mà lùi lại.

Trong khi chờ đợi kế-hoạch để lấp cái hố sâu ấy, chúng ta sẽ cố-gắng bắc nhiều chiếc cầu qua cái hố đó để giúp các sinh-viên ít biết ngoại-ngữ.

Những chiếc cầu đó là *giải pháp* sau đây :

Trong ba năm đầu của Đại-học sẽ dạy bằng tiếng Việt, là tiếng chính, và vẫn dạy thêm kỹ một ngoại-ngữ mà sinh-viên đã chọn ba năm học để thi lấy Cử-nhân. Đậu xong, một số lớn sẽ ra phục vụ, trong hai năm,và trong khi đó sẽ học thêm ngoại-ngữ, để vào học thêm nốt ba năm để thi Tiến-sĩ : trong ba năm này, một ngoại-ngữ sẽ là tiếng chính, và tiếng Việt sẽ là phụ, và sẽ làm luận án bằng ngoại-ngữ, và tiếng Việt.

Ở Úc-Đại-Lợi, là một nước có nền Đại-Học vững chắc, chúng ta thấy cấp-bậc Cử-nhân (Bachelor) đặt ra cho cả Y-Khoa và Nha-Khoa sau Trung-học, học ba năm để thi Bachelor, và nếu học thêm 3 năm nữa thì có thể đậu Doctor of Science. Vậy thì ở nước ta, số chuyên viên về mọi ngành còn quá ít ỏi, chúng ta sẽ không ngần-ngại gì để đào-tạo cấp-tốc. Nhưng đào tạo cấp tốc mà không giảm trình độ chuyên-môn, (muốn được như vậy) chúng ta phải tăng số giáo-sư và giảng-viên, tăng số giờ học, giảm bớt nghỉ-hè, trang-bị đầy-đủ cho các phòng thí-nghiệm và các bệnh-viện thực-hành,v.v.... Đồng thời, chúng ta sẽ tổ-chức làm sao cho một số lớn Cử-nhân sau hai năm phục-vụ sẽ học nối thêm để lên trình-độ Tiến-sĩ, với một khả năng chuyên-môn và ngoại-ngữ khả-quan để tiến mãi mãi về chuyên-môn và khảo-cứu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Để kết luận :

Chúng tôi thiết-nghĩ rằng với giải-pháp ấy, chúng ta sẽ thỏa-mãn cả hai đòi hỏi trên, hai xu-hướng đối-lập kể trên (dạy bằng Việt hay dạy bằng một ngoại-ngữ, ở nền Đại-Học), đồng thời, chúng ta đã tìm được một lối thóat cho một số đông sinh-viên ngoại-ngữ ít biết và lại đào tạo cấp tốc được một số chuyên-viên bậc Cao-đẳng (Đại-Học) để phục vụ cho xứ sở.

Tha-thiết với nền Đại-Học, chúng tôi bạo dạn viết ra đây một vài ý-kiến thô sơ, và chắc hẳn còn thiếu sót , vậy xin độc-giả lượng xét và bổ-khuyết.

*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ý-KIẾN CỦA TẠP-CHÍ ĐẠI-HỌC

1

QUAN-ĐIỂM

Từ khi lập-quốc đến cuối thế-kỷ thứ XIX, trải qua bao nhiêu triều-đại hưng vong, vượt qua bao nhiêu biến cải của mọi hoàn-cảnh chúng ta đã nhìn thấy rằng Việt-Nam vốn có một nền học-thuật. Nền học-thuật ấy căn-bản trên ý thức hệ Nho-Giáo, và tiêu-chuẩn giữa cuộc đời chính là cử nghiệp, một lối nhập thế có tính cách dấn thân, vì sự nghiệp chính là phương-tiện để con người có cơ-hội phát-huy khả-năng và giá trị của mình để rồi ứng-dụng khả năng và giá-trị đã được Nhà nước chấp nhận đó phục-vụ chính-quyền, xã-hội và dân-tộc. Hướng vươn đạt của nền học-thuật Việt-Nam trong cuộc đời chính là tiêu-chuẩn phục-vụ đó. Nho-giáo đào-tạo con người trong cuộc đời, để rồi từ căn bản đã được hấp-thụ, đem ra ứng-dụng vào đời , làm cho cuộc đời luôn theo trật-tự, làm cho xã-hội tiến-hóa trong thanh bình, nhưng đồng thời cũng dạy con người nên ý-thức sâu-xa mối tương-giao giữa chính-quyền và đại-chúng. Chính-quyền phải là phản ảnh của ý-hướng muốn sống của dân-tộc, vì nếu thóai-hoá hay phản lại lòng dân, tức-nhiên trái với tinh-thần phục-vụ của ý-thức hệ:

« *Dân chi sở hiếu hiếu chi, dân chi sở ô, ô chi,* (1) » và « *Thượng chi thân, hạ gia, như thủ túc chi ư phúc tâm; hạ chi thân thượng gia, như ấu-tử chi ư từ mẫu hỉ, Thượng hạ tương thân như thử, cổ lệnh tắc tòng, thi tắc hành, dân hoài kỳ đức, cận giả duyệt phục viễn giả lai phụ, chính chi trí giã* » (2)

---

(1) Phải yêu điều dân yêu, phải ghét điều dân ghét (Đại-Học)

(2) Trên thân dưới như chân tay đối với lòng ruột, dưới thân trên như con nhỏ đối với mẹ hiền. Trên dưới thân nhau như thế, cho nên trên có lệnh thì dưới theo trên ban-bố điều gì, thì dưới phụng-hành. Dân mến đức của người trên, kẻ gần thì vui lòng mà phục tùng, kẻ xa thì đến qui phụ, thế là chính-trị hay rất mực vậy (Khổng-Tử gia-ngữ : Vương-ngôn giải III — Trích Nho-Giáo của Trần-trọng-Kim 169-170)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Học-thuật Việt-Nam, xem đấy, đào tạo những con người cho dân-tộc cho xứ sở, có một cái nhìn vào đại-chúng, và học-đạo để mà hành đạo, chứ không phải học-đạo để tự mình giam-hãm trong tháp ngà của học-thuật. Do đấy mà nền học thuật, tuy không tổ-chức thành một hệ-thống như bây giờ, nhưng trình độ kiến-thức cũng đã được phân chia theo cấp-bậc và được minh-định qua các khoa-thi, hương-thí, hội thí, đình-thí, và mỗi khoa thi như thế có thể xem tương-ứng với một bậc học trong một hệ-thống giáo-dục. Vì thế chúng ta đã có các ông Tú, ông Cử, ông Nghè (Tấn-Sĩ), và vì thế có thể quan niệm được rằng nền Đại-Học đã được ý-thức và thể-hiện theo truyền-thống và tập-tục, với mục-đích đào-tạo những con người có đủ tài-trí, đức-hạnh để phục-vụ cho quốc-gia và dân-tộc. Có lẽ chúng ta thiếu một nền học-thuật có tính-cách nghiên-cứu để có thể quan-niệm được như các tổ-chức Đại-Học ở Tây - Phương, nhưng bình - tâm mà xét lại thì nền học - thuật nghiên-cứu chỉ có thể ý thức và tổ-chức được hoàn- bị khi nào sứ mệnh đào-tạo con người phục-vụ cho dân tộc được hoàn-thành. Sở-dĩ từ bao nhiêu thế-kỷ về trước , Việt-Nam chưa đạt đến quan-niệm Đại-Học Nghiên cứu đó, chỉ vì những hoàn-cảnh chính-trị, văn-hóa, lịch-sử đã không cho phép người trí-thức Việt-Nam có một cái nhìn cởi-mở rộng rãi hơn. Nhưng cũng chính vì nhu-cầu dân-tộc, vì bao giờ mà vẫn còn một sinh-hoạt kinh-tế sơ-khai, bao giờ mà kỹ-thuật chưa được ý thức, bao giờ mà con người còn vẫn KHỔ vì những nhu-cầu vật-chất thúc-bách hằng ngày, thì con người vẫn chưa có thể thoát tình-trạng tất-yếu của nền *học thuật phục vụ* để đạt đến một cách phi-lý nền *học thuật nghiên cứu* Cho nên trong hoàn-cảnh của một dân-tộc, đặt vấn-đề học-thuật cho dân tộc đó là cả một vấn-đề sống chết. Vì học-thuật nhằm mục-đích mở con đường sống, khai-phóng con người từ một hiện-hữu hoàn-cảnh nhất-định chứ không phải chỉ biết đến mẫu người của mình, của cá-thể mà không nắm được Con Người Đại-Thể là dân-tộc. Về một phương-diện khác, học-thuật cũng không phải là một sự chắp-nối, mà chính là một hướng đi liên-tục, mà căn bản vẫn là con người của một hoàn-cảnh, để từ con nười hoàn-cảnh đó đạt đến con người sâu xa lý-tưởng của nhân-loại. Trong biến trình vươn đạt từ con người hoàn-cảnh đến con người phổ-quát đó, không ai có quyền *bỏ quên những giai đoạn tất yếu phải đi qua* vì đốt giai đoạn có nghĩa là tự-huỷ một phần hiện-hữu của mình trong cuộc sống. Nhìn vào sự thật của hoàn cảnh của con người hiện hữu của chúng ta với những giới hạn, của hoàn cảnh đó, là tự mình thành thật với chính mình và với hoàn cảnh, và tự mình, con người mới giao tiếp với kẻ khác, để nhận chân những đòi hỏi cấp bách của hoàn cảnh, của giai-đoạn. Thỏa đáng những đòi hỏi đó, là sứ-mệnh tất yếu của mọi nền học thuật chứ không phải chỉ biết nhìn xa vươn tới, mà bỏ quên thực hữu để mỗi khi nhìn lại đã thấy «hổng chân» .Đưa ra những nhận định đó, chúng tôi muốn cùng toàn thể những ai có thiện-chí xây-dựng một nền học thuật Việt-Nam, hãy cùng nhau tham khảo và đối thoại, để cùng nhau ý thức những tiêu chuẩn hoàn cảnh cho nền học thuật đó , để rồi từ những tiêu chuẩn hoàn cảnh đó, chúng ta dần dần đạt tới trong tương lai của xứ sở những tiêu chuẩn phổ quát lý tưởng của một nền học thuật nghiên-cứu nhân-loại.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trong phạm vi tham khảo lần này, chúng tôi chỉ đặt vấn đề xây dựng một nền Đại-học Việt-Nam trong hoàn cảnh Việt-Nam hiện-đại, với những tiêu-chuẩn đã đạt đến trong bậc Trung-học Việt-Nam, để rồi từ hoàn cảnh thực hữu mà chúng ta phải chấp nhận như một căn bản hôm nay, nối tiếp lại với quá trình học thuật của dân tộc, để mà vươn đạt đến nền học thuật vị tha nhân bản của con người nhân loại .

Muốn như thế, người Việt-Nam của hoàn cảnh , phải ý thức rõ rệt vai trò của nền học thuật hoàn cảnh Việt-Nam mà trong ấy Đại-học sẽ đóng một vai trò quyết định. Không một người Việt-Nam nào có thể tự-hào sống xa cách với hoàn cảnh Việt - Nam hiện-đại, vì tự-hào là tự ly khai, là phản bội. Đại-học cũng thế, Đại-học không thể tách rời hoàn cảnh hiện-hữu của dân tộc, Đại-học không thể chỉ đóng một vai trò trí thức nghiên-cứu vô-tư và khách quan, mà chính Đại-học phải gắn bó thiết tha với xứ sở trong công trình kiến quốc và cứu quốc, Đại-học phải ý thức trước hết những nhu cầu của hoàn cảnh về mọi ngành và phải làm thế nào để giải quyết những nhu cầu ấy, làm sao cho nhu cầu mỗi ngày mỗi được thoả đáng thì Đại-Học mới có thể thoát khỏi nhu cầu để trở thành nghiên cứu? Nói một cách khác, Đại-học trong giai đoạn hiện tại phải nhắm nhu cầu phục vụ, *phục-vụ dân tộc và nhân dân*, thì trình độ của Đại-học phải là trình độ của dân-tộc và nhân dân Việt-Nam chứ không phải là của Hoa-Kỳ, của Pháp, của Anh hay của Nga-sô-viết.

Ta không nên chắp nối, không nên quan niệm Đại-học Việt-Nam phải như Đại-học Pháp hay Hoa-Kỳ, mà phải có cái nhìn độ lượng, quảng-đại và ái-quốc, là Đại-học Việt-Nam phải là hình ảnh của quốc-gia Việt-Nam trong giai đoạn hiện-hữu. Làm cho quốc-gia thăng tiến là thăng tiến nền Đại-học, làm cho nhân dân mỗi ngày bước thêm một bước là Đại-học Việt-Nam tiến thêm một bước đường xây dựng. Và có thăng tiến có bước thêm từng bước một chậm chạp nhưng vững chắc ấy ta mới có thể tự hào có một cái *vốn tinh thần*, do chính chúng ta bồi đắp chứ không vay mượn của một ai. Như giáo-sư Nguyễn-Khắc-Hoạch đã quan niệm, chúng ta phải *trở về* với *lòng đất mẹ*, và từ lòng đất mẹ chúng ta sẽ cho cây Đại-học mọc lên để đón gió muôn phương, chứ không nên ôm một chậu cảnh ở ngoại quốc về, vì dù có tốt đẹp bao nhiêu, trong hạn hữu của chậu cảnh cây thiên tài cũng sớm cằn, và sớm chết... Ta sẽ có đủ tất cả can đảm để thấm nhuần trong lòng đất Việt-Nam, vì chính là đất nhà , đất xứ sở. Cây mọc lên, ta lo gì gió bốn phương không lại, điều mà ta lo là đừng để cho gió bốn phương lại đánh ngã cây học thuật Việt-Nam một cách bi đát vá đau lòng như cuối thế kỷ XIX, để khỏi rên lên thảm thiết

Cái học nhà Nho đã hỏng rồi
Mười người đi học chín người thôi.

(Trần-Tế-Xương)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Muốn thế , ta càng phải ôm lấy lòng đất mẹ, để lòng đất nuôi dưỡng chúng ta, và gió lại chỉ để nở thêm hoa, kết thêm nhiều trái chứ không thể nào lay chuyển được cây Đại-học Việt-Nam. Do đấy, Đại-học phải là nơi của dân tộc nương vào, và chính cũng là nơi do nhân dân mà có. Hiện-hữu cha Đại-học chỉ có nghĩa với hiện-hữu của nhân-dân, tinh-thần Đại-học chỉ có thể có nếu căn-bản trên tinh-thần dân-tộc. Đi trái lại là ly-khai, đi trái lại là phản-bội, nhưng làm sao có thể biết là mình không đi trái, làm sao có thể ý thức được vai trò? Đó là vấn đề hệ trọng. Vì một Bộ Giáo-Dục sẽ không đủ thẩm-quyền để thẩm-định vai trò ấy : Ông Bộ-Trưởng cũng chỉ là một con người (và lại hay thay đổi), Bộ Giáo-Dục cũng chỉ là một cơ-quan với tất cả sự nặng nề của một bộ máy hành-chính. Các Toà-Viện-Trưởng các Viện Đại-học ư ? Vấn-đề lại khó khăn hơn, vì mỗi nơi quan niệm vai trò một khác, do đó trong tình trạng hiện-hữu, phải có can đảm mà nói trắng ra là ở Việt-Nam chúng ta chưa có một chính sách giáo-dục dứt khoát, chưa có một quốc-sách để đào tạo con người để dẫn đưa con người Việt-Nam đi từ phục-vụ dân-tộc đến chỗ nghiên-cứu vị-tha. Phải đi từ phục-vụ dân-tộc đến nghiên-cứu vị-tha, chứ không thể nói rằng nghiên-cứu vị-tha là phục-vụ dân-tộc. Trong giai đoạn hiện-tại rất có thể là nghiên-cứu vị-tha là ly-khai với hiện tình xứ-sở, là không đem lại ích lợi trực-tiếp cho nhân-dân. Mà nhân-dân đang đòi hỏi ở Đại-học những ích lợi trực-tiếp đó. Và Đại-học đừng nên quên rằng Đại-học đang xây dựng bằng tài-sản và đóng góp tinh-thần của nhân-dân, thì không vì lý-do gì Đại-học có thể thờ-ơ với nhân-dân đang đợi chờ nhiều ở Đại-học. Muốn hiểu nhân-dân đợi chờ gì, thì phải có một Đại-học Liên Bộ các ngành để thấu-triệt nhu cầu của xứ-sở. Và sự đào-tạo chuyên-viên cũng như chuyên-gia phục-vụ trong giai-đoạn này là thỏa đáng cấp-bách những nhu-cầu đó, để cho giữa Đại-học và nhân-dân có sự giao-tiếp hỗ trợ. Có thể nhân-dân mới tin tưởng vào Đại-Học, mới bảo-vệ Đại-Học nếu không Đại-Học chỉ là một xa-xỉ phẩm trước sức cần lao gian khổ của nhân dân, và sẽ không còn một lý do gì nữa để hiện hữu trong khi mọi ngành mọi người đều văng mình vào phục-vụ xứ-sở? Vì nhắm mục-đích phục-vụ đó, cho nên phải gạt ra ngoài những thành kiến về hình-thức mà chỉ nên chú trọng đến giá trị chân thật của khả-năng. Vấn-đề Giáo-sư do đó phải được quan-niệm lại. Một Đại-Học Việt-Nam trong gian-đoạn hiện tại nhất định không thể có một đoàn-thể Giáo-sư như một Đại-Học Âu-Mỹ. Vì một lẽ rất dễ hiểu là *không thể có những giáo sư như thế*, vì muốn có những Giáo-sư như thế thì Đại-Học phải có cả một quá trình một vài thế-kỷ là ít nhất. Không thể buộc một Đại-Học mới chỉ có 5 năm như Đại-Học Saigon, và 2 năm như Đại-Học Huế, có một thành phần giảng-huấn như Đại-Học Sorbonne hay Oxford. So sánh như thế là điên rồ, là phi lý, và muốn làm một việc không thể nào làm được. Và cũng không nên ý-thức phi lý rằng phải có bằng cấp ngoại-quốc mới có thể giảng dạy ở Đại-Học Việt-Nam. Vì quan niệm như thế là ly khai với dân-tộc, là phản-bội là không còn đếm xỉa đến những bậc tiền-bối còn sống với chúng ta trong hiện tình và đã tận-tụy đóng góp vào việc giảng dạy giúp Đại-Học chúng ta. Vì quan niệm như thế là không có can-đảm chấp nhận bằng cấp Việt-Nam như những giá-trị, mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lại khinh bạc ngay cả nền giáo-dục do chính tự chúng ta đặt ra. Vì quan-niệm như thế cũng có nghĩa là không bao giờ chúng ta chịu mở đầy-đủ những bằng cấp để mở rộng ngưỡng cửa cho mọi người có thực tài thực tâm, thực đức mà chúng ta phải chấp nhận vì quan niệm như vậy là ly khai với hàng triệu nhân-dân Việt-nam không thể nào có cấp bằng ngoại-quốc để có thể được thâu nhận vào Đại-Học Việt-Nam. Quan-niệm như thế là phi lý, và vô ý-thức đã để mở cho nhân-dân thấy có bảo-thủ, và bảo-vệ quyền lợi của một thiểu số có may-mắn và gặp thời đã ra được ngoại-quốc và có những cấp bằng ấy và tự cho mình đứng trong tháp ngà của Đại-Học để hách dịch với nhân dân. Không, Đại-Học Việt-Nam trong sứ mệnh phục-vụ dân tộc, không thể quan-niệm một quy-chế Giáo-sư của ngoại-quốc, hay chắp nối một quy-chế ngoại-quốc vào trong một hoàn-cảnh trái ngược ở Việt-Nam. Trong nền Đại-Học phục-vụ ấy, quy-chế của Đại-Học phải là một quy-chế Việt-Nam, căn-bản trên nhu cầu của nhân-dân, và trước hết là những gì chúng ta *đang có và có thể có*. Phải đi từ những gì chúng ta đang có để tiến tới những gì chúng ta có thể có trong tương-lai, quy-chế Đại-Học phải bao hàm hai thực trạng đó. Chứ nếu chỉ nghĩ đến những cái có thể có mà thôi thì chúng ta đang cố ý ly khai với những gì đang có, mà chính những thành phần đang có đó hàng ngày đang xây-dựng Đại-Học Việt-Nam chứ không phải những thành phần trong tương-lai như một thiểu số đã cố ý quan-niệm sai lạc.

Đại-Học là một thực trạng biểu dương hai đường sống : một hướng sống đang tìm đến Đại-Học để hấp thụ, và một hướng đang tìm gặp để truyền bá tư-tưởng và học thuật. Hai hướng ấy phải chung kết với nhau, phải thông cảm với nhau, phải hiểu nhau mới thành Đại-Học được. Một trong những phương tiện để thông cảm ở Đại-Học là Ngôn-Từ và Văn Tự ; chúng tôi không nói đến vấn-đề chuyển ngữ. Vấn-đề chuyển ngữ chỉ đặt ra khi một Quốc-gia không có Ngôn Từ và Văn Tự, hay khi Quốc-gia ấy bị lệ thuộc vào một khối chính-trị bắt buộc phải chấp nhận một thứ ngôn từ chung. Việt-Nam ta, vốn có một thứ ngôn-từ riêng biệt. Trong lịch-sử văn-học của dân-tộc, nếu chúng ta vì chịu nội thuộc Trung-Hoa mà chưa kịp sáng tạo một thứ văn-tự chính thức cho ngôn-từ Việt-Nam từ khi lập quốc, thì phải công nhận rằng suốt trong lịch-sử văn-học Việt-Nam ta luôn tìm đạt để thể hiện thứ văn-tự Việt-Nam mà chúng ta ý muốn đó. Từ thế-kỷ thứ XIII Nguyễn-Thuyên đã sáng chế chữ nôm, và 6 thế-kỷ sau đoạn Trường Tân Thanh đúc kết được tất cả tinh-hoa của ngôn-từ dân-tộc trong một lối thể hiện thi ca xuất chúng, bằng văn-tự Việt-Nam. Nhưng sự kiện toàn ấy không phải tự Nguyễn-Du mà có, mà chính qua cả một lịch trình diễn tiến của ngôn-từ và văn-tự Việt-Nam. Nghĩa là luôn phải xử-dụng thứ ngôn-từ và thứ văn-tự ấy mới đạt đến trình độ diễn đạt của Đoạn-Trường Tân-Thanh được. Sự diễn tiến ấy đã bắt đầu từ Hàn-Thuyên, Nguyễn-Sĩ-Cố, Chu-Văn-An, qua Nguyễn-Trãi với Quốc-Âm thi-tập, Nguyễn-Bỉnh-Khiên với Bạch-vân quốc-ngữ thi, các tác-phẩm trường-thiên vô danh thế-kỷ thứ 17, bản dịch Chinh-phụ ngâm thế-kỷ thứ 18 và Đoạn Trường Tân Thanh thế kỷ thứ 19. Có xử dụng mới hoàn thành,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

và có xử-dụng mới hòng thoát khỏi sự lệ thuộc nó sẽ làm cho con người sinh ra ỷ lại và nhác nhớm. Đừng nói giả-dối là đang lưu ý để xử-dụng trong tương lai. Tiếng Việt-Nam mà chỉ đáng được người Việt-Nam lưu ý là một cái nhục cho người Việt-Nam, hay một cái nhục cho những người Việt-Nam chỉ biết lưu ý tiếng Việt. Ngôn-từ Việt-Nam phải được xử-dụng để giãng dạy ở cấp Đại-Học là một lẽ đương nhiên của một Quốc-gia có một ngôn-từ và có một văn-tự. Sự xử-dụng ấy là mối giây thông cảm cho người Việt-Nam với người Việt-Nam, là một liên-hệ tất yếu giữa Trung-học và Đại-Học, vì thiếu liên-hệ ấy thì Đại-Học sẽ không còn là Đại-Học Việt-Nam nữa vì không thông cảm được với nhân-dân Việt-Nam. Người ta sợ rằng xử-dụng tiếng Việt thì sinh-viên sẽ không biết đến sách tham-khảo ngoại-ngữ và chỉ căn-cứ vào bài giảng của Giáo-sư. Vấn-đề không nên đặt ra vì không những Giáo-sư đến Đại-Học để mà giảng bài, mà chính còn phải có một cái nhìn rộng-rãi hơn trong vấn-đề phiên dịch sách ngoại-ngữ ; đã có một ban tu-thư của Bộ Giáo-dục đi nghiên-cứu ở Miến-Điện ; ở Nhật-Bản về vấn đề phiên dịch sách tham khảo đó, sao chúng ta không nhất trí để thi hành các biện pháp mà các quốc gia ấy đã hoàn thành một cách vẻ-vang, vừa đem lại tài liệu tham khảo cho sinh viên, vừa để ngôn từ Việt-nam hợp với địa vị của nó trong nền học thuật quốc gia và dân tộc ?Ngoài ra học tiếp thêm tại Đại-học một sinh ngữ mà học sinh đã lựa ở ban Trung học là một điều tất nhiên ở Đại-Học để kiện toàn sự hiểu biết ít nhất là một ngoại ngữ mà ai ai cũng thiết tha mong muốn.

Nhưng tất cả các triển vọng trên, chỉ có thể thực hiện được khi Đại-Học có một ngân sách tự trị như ý kiến chung của hầu hết các vị đã có lòng tham gia ý kiến với chúng tôi. Những trở ngại thực hiện bây giờ chính là vấn đề ngân sách. Ngân sách không những thiếu hụt mà thôi, mà lại còn vấp phải sự chậm chạp nặng nề của không biết bao nhiêu thứ giấy tờ, nha sở phiền phức. Mà trách nhiệm thì không thấy ở đâu, vì thật ra Đại-Học không được dự phần trách nhiệm trong việc xử dụng ngân sách, không được kiểm soát các công tác xây cất mà trái lại luôn luôn phải khẩu đầu đi xin, hay khẩu đầu chấp nhận. Do đó, trong lý-thuyết thì có một ngân-khoản trong cương mục ngân sách quốc-gia, nhưng thật ra không bao giờ được quyền xử-dụng một cách trực tiếp. Các công-tác vì thế chậm cho cả một năm học. Có nơi khai giảng từ tháng 10 dương-lịch mà đến nay các phòng thí-nghiệm xây cất vẫn chưa xong. Đó là những sự kiện nên tránh để sinh-viên khỏi hoang-mang, thiếu chỗ học-hành, mà chính do sự chậm trễ về vấn-đề xử-dụng ngân-sách gây ra. Do đó vấn-đề ngân-sách tự-trị, hay một lối thoát nào rất cần yếu cho sự tiến triển của nền Đại-Học Việt-Nam hiện tại. Vì Đại-Học tiến nhanh, nhu cầu mỗi ngày một thêm mà sự xử-dụng ngân sách quá ư chậm trễ, và một ngày kia có thể đến chỗ bế tắc là không thể mở-mang thêm được một gì.

Đây là đại-cương những chủ-đề chính yếu trong công cuộc thăm dò ý kiến của chúng tôi trong các giới giáo-huấn của hai Viện Đại-Học Huế và

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Saigon. Chúng tôi nêu lên đây thành một quan điểm chung xây dựng, và với tất cả khiêm tốn của phạm vi trao đổi này, chúng tôi hy-vọng rằng đây là một tiếng kêu tận cỏi lòng của những người dân Việt-Nam chân thành yêu nước, và luôn mong muốn thấy bừng sáng một nền Đại-Học Việt-Nam...

2

ĐỀ - NGHỊ

Sau khi đã trình bày một vài nhận định tổng quát trong quan điểm của chúng tôi về xây-dựng nền Đại-Học quốc-gia Việt-nam, chúng tôi xin nêu lên một vài tiêu chuẩn và những đề nghị cụ thể về việc soạn thảo quy chế Viện Đại-Học, là cột trụ của công trình xây dựng trên.

A) *TIÊU CHUẨN CĂN BẢN*:

Nhận định tính cách phôi thai của Đại-Học Việt-Nam

Do đó việc soạn thảo quy-chế phải nhắm hai hướng :

1) Xây-dựng một nền Đại-Học Việt-Nam trưởng thành.

2) Xây-dựng những *bước đầu sửa soạn* đưa tới chỗ trưởng thành cho nền Đại-Học đó.

Sự nhận xét này rất quan trọng, vì nếu ta chỉ nghĩ đến việc tạo một quy chế cho một nền Đại-Học trưởng thành mà không xét đến tình trạng phôi thai hiện nay, tức là đưa nền Đại-Học phôi thai đó vào chỗ chết. Không nên có tự-ti mặc cảm, chỉ lo sợ thua kém khi nghĩ đến mình và đến người. Tình tự đó sẽ không cho ta nhìn thấy đúng vấn-đề. Vấn-đề không phải là sợ thua kém , đó là điều tất nhiên của mọi công trình mới bắt đầu. Vấn-đề là làm thế nào để từ chỗ thấp kém tiến dần đến chỗ bằng người. Thua kém ở giai đoạn đầu không phải là một tủi nhục ; Nhưng điều thiết yếu là phải có kế-hoạch gì để tiến bộ, đuổi kịp người. Chúng tôi cho rằng có *nhận thức được tình trạng phôi thai của nền Đại-Học Việt-Nam nghĩa là chấp nhận sự thấp kém như một khởi điểm tất nhiên, mới mong đề ra một đường lối, một chính sách đứng đắn và hợp lý đưa nền Đại-Học phôi thai đó đến chỗ trưởng thành.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TÀI LIỆU

Khi nói đến Đại-Học, tức là nói đến một truyền-thống có tính cách phổ biến, quốc-tế. Đại-học không phải là một sáng tạo riêng của quốc-gia nào. Do đó, tinh-thần và sự tổ-chức Đại-Học có những nguyên-tắc chung mà tất cả các nước tự-do dân-chủ đều công nhận, và cũng do đó, nền Đại-Học của một quốc-gia chỉ được thế-giới công nhận là Đại-Học khi theo đúng tinh-thần và tổ-chức của truyền thống Đại-Học. Để góp phần vào việc tìm hiểu Đại-Học chúng tôi đăng một phần tài-liệu rút ra trong hội-nghị quốc-tế về Đại-Học do phong-trào PAX ROMANA tổ-chức ở VIENNE tháng 8-1958 mà chúng tôi tham dự. PAX ROMANA là một phong-trào sinh-viên và trí thức Công-giáo (MIIC và MIEC) hằng năm tổ-chức những hội nghị để cập đến những vấn-đề Đại-Học. Đề tài của hội nghị năm 1958 ở VIENNE là « Đại-Học và những đòi hỏi của Tự-do ».

Tài-liệu lược trích này, chia làm hai phần :

A. — Những ý-kiến hay những trả lời của đại diện các phái đoàn thảo-luận trong các Tiểu-ban.

B. — Những quyết nghị chung của hội nghị căn cứ vào những bản quyết-nghị của các Ủy-ban.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

I — CHÂN-LÝ VÀ NHỮNG NỀN-TẢNG CỦA TỰ-DO TRONG ĐẠI-HỌC

A — THẢO LUẬN

TIỂU-BAN. — A

TỰ-DO ĐẠI-HỌC ĐỐI VỚI TỔ-CHỨC HỌC-VẤN VÀ SỰ QUẢN-TRỊ ĐẠI-HỌC

(Thuyết-trình của Ô. Paul-Blich phái đoàn Anh)

Sự đòi quyền tự-do của Đại-Học bắt nguồn từ cộng-đồng Đại-Học tha-thiết với chân-lý khi họ nhận thấy trách nhiệm cần phổ biến và tăng-cường kiến-thức. Mỗi Giáo-sư cũng như từng sinh-viên cần phải siết chặt chân-lý và mỗi Giáo-sư có trọng-trách mở rộng và bảo-tồn quan điểm họ có về chân-lý. Họ cần phải phổ-biến quan-điểm nầy cho kẻ khác. Trước kia, mặc dầu học-vấn là một kế-hoạch cá nhân, nhưng cũng là một công việc tập-thể vừa là giữa nhiều Giáo-sư và sinh-viên để mang lại cho sinh-viên một trình độ rộng-rãi hơn.

Trong nhóm «A» chúng ta sẽ khảo-sát những vấn-đề liên-quan đến tự-do bên trong của Đại-Học và trực-tiếp đến những công việc chính của nhóm ấy. Trong «nhóm B» sẽ bàn về những vấn-đề quản-trị và nêu lên trong nhóm A như tài-liệu căn-bản cho những vấn-đề quan-trọng.

Trước tiên, ta biết rằng về hoạt động cũng như về cách tổ-chức các trường Đại-Học rất khác nhau. Mỗi nhóm cần nhận xét thử hệ-thống tổ-chức Đại-Học của mình có thể ứng-đối với những vấn-đề nêu lên sau đây như thế nào.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Từ tiêu chuẩn nền tảng đó, ta có thể rút ra hai hệ luận :

1) Căn cứ vào thực tại hiện nay của xứ sở (nhu cầu gì, khả-năng đến đâu ...).

2) Dựa vào kinh nghiệm tất cả các nền Đại-Học ngoại-quốc, mà không tuyệt đối nô lệ tổ-chức quy-chế của một nước nào (như của Pháp chẳng hạn).

B) *ÁP DỤNG*

Nhìn vào thực tế, ta thấy mỗi năm số sinh viên tăng rất đông mà nhân-viên giáo-huấn lại không có hoặc rất thiếu sót. Vậy phải giải quyết thế nào việc tuyển mộ giáo-sư, là vấn đề then chốt của quy-chế Đại-học

Căn cứ vào tiêu-chuẩn nêu lên ở trên, rõ ràng là không thể áp dụng một quy chế trưởng-thành vào giai-đoạn phôi thai hiện tại. Tình-trạng bế tắc hiện nay là ở tại sự chối bỏ tiêu-chuẩn đó. Thực tế thiếu giáo-sư đã bó buộc hai Viện Đại-học Sài-gòn và Huế mời một số lớn nhân viên chưa đủ bằng cấp luật lệ của quy chế trưởng thành quy định, đồng thời những người đó vẫn phải đảm nhiệm những công việc vượt quá cấp bậc của họ (ví dụ giảng-nghiệm-viên làm công việc của giảng-sư hay giáo-sư thực - thụ). *Vậy có nên đóng cửa hai Trường Đại-Học vì lý do không có người đủ điều kiện như quy chế trưởng thành đã quy định ?*

Hơn nữa, rất đông người bây giờ vẫn quan niệm phải có văn bằng Thạc-sĩ, Tấn-sĩ ngoại quốc mới được bổ-nhiệm làm giáo-sư Đại-Học Việt-Nam : Nhưng thực ra ít người được đi và nhiều người muốn đi cũng không đi được ; đồng thời ở nhà không mở Cao-học nhằm đào-tạo giáo-sư Đại-Học ngay ở Việt-Nam; Thế nghĩa là gì ! *Người ta đòi bằng cấp mà lại không tạo điều kiện cấp bằng. Người ta đòi có giáo-sư Tấn-sĩ, Thạc-sĩ bằng cách không cho người khác trở thành Thạc sĩ, Tấn-sĩ.* Nhất là trường hợp những bộ môn không thể lấy văn bằng ngoại-quốc được như Việt-văn, Hán-văn, Triết-học, Không có lý gì một người có cử-nhân văn chương Việt-Nam do Đại - Học Việt-Nam cấp phát muốn trở thành giáo-sư Việt-văn ở Đại-Học, phải ra ngoại-quốc lấy một tiến-sĩ văn-chương Pháp hay Anh, Mỹ để đủ chức tước về dạy Đại-Học ở nhà.

Do đó, một quy-chế muốn nhắm giải-quyết vấn-đề giáo-sư trong giai đoạn phôi thai phải :

1) Chấm dứt tình trạng khế ước mà phần lớn giáo-sư Đại-Học hiện nay đang phải chịu.

2) Mở lối thoát, tiến lên cho những người đang dạy ở Đại-Học và thiếu điều-kiện (trường hợp những giảng-nghiệm-viên (assistants) giảng viên..

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hội-đồng Khoa hay hội-đồng Đại-Học sẽ xét đoán công-trình dạy học và tài-liệu nghiên-cứu của họ để thăng trật cho họ.

3) Mời những người không có văn-bằng nhưng có thực-lực vào dạy học. Hai hội-đồng trên cũng xét đoán sự-nghiệp nghiên-cứu của họ để tuyển dụng họ làm giáo-sư vì bao lâu họ chỉ là người ngoài vào dạy giúp vài giờ (tình cảnh ngày nay) không thể tha-thiết xây-dựng Đại-Học như nhiệm-vụ của mình.

4) Mở Cao-học, nhận luận án để các sinh-viên có thể tiếp-tục học ngay tại Việt-Nam để trở thành giáo-sư Đại-Học sau này.

5) Khuyến-khích việc du-học và tiếp nhận những người có văn bằng ngoại-quốc, cho tương đương với bằng do Đại-Học quốc-gia cấp.

Tóm lại, quy-chế nền Đại-Học quốc-gia ngày nay phải tạo điều kiện cho những người muốn trở thành giáo-sư Đại-Học có thể thực hiện được những mong muốn của họ, đồng thời cũng là cấu tạo điều-kiện cho tương lai một nền Đại-Học Việt-Nam trưởng thành. Nói cách khác, qui chế phải có tính cách *cởi mở*, tiếp đón những người trẻ đang tiến lên, chứ không khép kín nhằm bảo-vệ quyền lợi riêng tư, đồng thời chặn đứng hướng đi lên của nền Đại-Học.

Muốn đi tới những kết quả trên, cần có một hội-nghị liên-viện để thảo luận về những nguyên-tắc xây-dựng nền Đại-Học Việt-Nam và đề cử ra một Ủy-ban soạn thảo quy-chế căn-cứ vào những nguyên-tắc đó. Sau cùng trình bày trước Quốc-hội để thảo-luận và chấp thuận, tạo điều-kiện đảm-bảo lâu dài cho một công trình xây-dựng lâu dài.

TẠP CHÍ ĐẠI-HỌC

Trong khi đang in số này, chúng tôi được biết một hội-nghị liên Viện Saigon và Huế đã nhóm họp ở Saigon vào những ngày 11-13 tháng 1 năm 1960 để thảo luận về những nguyên-tắc hướng dẫn việc soạn thảo một quy-chế cho nền Đại-Học Quốc-gia. Hội-nghị sẽ tiếp tục nhóm họp tại Huế vào cuối tháng hai. Chúng tôi mong rằng số sau sẽ có thể trình bày với các bạn độc-giả nội dung và những kết quả của hội-nghị quan trọng đó.

Đ. H.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NHÓM. — A

I) TỰ-DO GIẢNG-DẠY

A. — Về giáo-sư :

Quyền chọn lựa bài vở và chương-trình phải dung-hoà sở thích của giáo-sư (đề-tài riêng) với nhu-cầu chung của lớp học và khả-năng của sinh-viên.

Vì thế những vấn-đề nêu lên: Làm thế nào chỉ-định bổn-phận cho giáo-sư? Việc chọn lựa đề-tài có rộng-rãi không? Mỗi giờ dạy, giáo-sư có cần theo một chương-trình nhất-định không ? Có một phạm-vi chung chỉ rõ từng điểm không ? Những vấn-đề nêu lên trong cuộc tranh-luận ở Đại-Học có thể đem ra bàn cãi không ? Giáo-sư có được tự-do giải-thích những vấn-đề ấy không ?

B) *Về Sinh-viên :*

Một sinh-viên phải chọn « cours » thế nào? Trong một kỷ-luật đặc-biệt sinh-viên có quyền chọn đề-tài không ? Với cùng một đề-tài, sinh-viên có quyền cho chọn giảng-viên không? Đi nghe những buổi giáo-trình có phải là đều bắt buộc không ?

Thường-thường những sinh-viên chưa trưởng-thành và thiếu kỷ-luật cần sống trong khuôn-khổ để dễ học-hành, nhưng một kỷ-luật quá gắt gao có thể là một nhầm lẫn vì nó tiêu-diệt tinh-thần trách-nhiệm cá-nhân.

Người ta cần bàn những phương-pháp trong những hệ-thống khác nhau để đi đến một thế quân-bình giữa kỷ-luật và sự phát huy học-vấn Đại-Học.

C) *Về cộng-đồng Đại-học :*

Sự lựa chọn phương-pháp dạy-học có phải là việc của giáo-sư không? Nên khuyến-khích những mối liên-lạc gì ? Có một nền học-vấn riêng-tư không ? Nếu những buổi diễn-thuyết và công-việc thực tập không ích gì cho sinh-viên, họ phải hành-động thế nào ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

2) TỰ-DO VÀ CÔNG VIỆC NGHIÊN-CỨU :

A) *Về Giáo-sư*

Một Giáo-sư Đại-Học phải cộng-tác vào sự mở rộng kiến-thức cách này hay cách khác. Phải liệu phương-thể cho họ có đủ thì giờ, tiền bạc v.v.... nếu thiếu phương-tiện, sự tự-do tìm chân lý giảm bớt và do đó trình-độ trí-thức cũng sút dần. Về vấn-đề này thiết tưởng nên bàn nguyên-tắc vài trường hợp cụ thể để tiện việc chấp nhận. Có nên đợi kết-quả nghiên-cứu của Giáo-sư không ? Giáo-sư có đủ thì giờ khảo-cứu không ?, Giáo sư có được giúp-đỡ phần nào về mặt tài-chính không ? Hay họ phải tùy thuộc « khế-ước riêng tư » ngoài Đại-Học bắt buộc họ phải giới-hạn phạm-vi hoạt-động trong một vài lãnh-vực rõ-rệt. Giáo-sư có được quyền chọn lựa đề-tài nghiên-cứu không ? Giáo-sư có buộc phải hoạt-động theo tập-thể nếu họ không thích không ?

B) *Về sinh-viên* :

Đối với những sinh-viên đã « đỗ-đạt » phải có mức quân-bình giữa sự kiểm-soát quá chặt-chẽ (sinh-viên không có quyền tự-do lựa chọn đề-tài, nhưng phải theo sát sự chỉ-dẫn từng giờ) và sự kiểm-soát quá rộng-rãi để cho sinh-viên không còn biết mình đi đâu. Kỷ-luật Đại-Học liên quan đến việc bổ-dụng Giám-đốc ban nghiên-cứu, thì sự cần có những kết-quả vội gấp, đến sự đổi chọn Giám-đốc nghiên-cứu có thể gây nhiều hiệu quả khốc hại cho sự học hỏi của sinh-viên.

NHÓM B

QUẢN-TRỊ

Sự quản-trị có thể thay đổi trong những Đại-Học khác nhau, nhưng mặc dầu sự quản-trị khác nhau vẫn có thể gây nhiều kết-quả giống nhau. Thường thường sự kính-trọng tự-do phần nhiều tùy thuộc ở tinh-thần làm cho Đại-Học sống động hơn là tùy ở quy-chế chính-thức của Đại-Học.

Vì thế nhóm này kém phần quan-trọng hơn nhóm trước vì ảnh-hưởng về mặc tinh-thần của Đại-Học ít hơn. Tuy nhiên, có thể nêu lên những vấn-đề quan-trọng sau đây :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

1) Sự điều-khiển một Đại-Học có phải chỉ tùy thuộc chính-quyền địa-phương ?

Đại-Học có tùy thuộc một quyền bính nào ngoài Đại-Học không ? Sự kiểm-soát của các cơ quan ngoài Đại-Học có phải là việc hữu-ích không ? Kiểm-soát sự học-vấn và lựa chọn dự định có phải chỉ tùy thuộc nhân-viên Đại-Học mà thôi không ?

2) Sự bổ-dụng và thăng chức nhân-viên Đại-Học có phải là do nguyên Đại-Học quyết-định không ? Sự bổ-dụng và thăng chức căn-cứ vào những khả-năng nghiên-cứu mà không xét đến phương-pháp sư-phạm hay ngược lại. Căn-cứ vào đâu để thăng chức một Giáo-sư Đại-Học. Sự bổ-dụng có tính cách trường tồn hay chỉ trong một thời gian hạn-chế. Một đàng, ta có thể nói rằng sự đảm bảo đưa đến lười-biếng ; nhưng trái lại đàng khác, nếu không có đảm bảo một học-giả bắt buộc phải tìm đặt kết-quả vội gấp, để có thể cảm-kích người trên và do đó trái với những yêu sách của một nền bác-học chân chính. Nếu một nhân-viên Đại-Học bị cách chức hay không được thăng chức, họ có phép khiếu-nại đến ai không ?

3) Tài-chánh cấp cho Đại-Học phân phát thế nào ? Việc phân-phát tài-chánh có tùy thuộc những dự định nghiên-cứu hay tùy việc mở-mang học-vấn.

4) Ở trong Đại-Học có dành riêng một số Giáo-sư lo việc quản-trị, hoạt-động khảo-cứu và việc phân phối tài-chánh không ? Nếu những công-việc đó chỉ ủy thác cho những người « chủ sự » hay những người làm việc hành-chính chắc-chắn sự tự-do bàn ở nhóm A sẽ bị tổn thương.

5) Một công việc có thể dự định ngoài sự đóng góp ý kiến của sinh-viên hay do chính-trị của Đại-Học ? Một sinh-viên bị đuổi phải có những điều-kiện gì ? Và họ có quyền khiếu nại không ?

6) Thi cử và lảnh bằng-cấp.

Thường thường, người ta nhận thấy sự kiểm-soát các cơ-quan ngoài Đại-Học giúp giữ vững mức-độ học-vấn những Đại-Học ngang nhau. Ai bổ-dụng những giám-khảo ngoài Đại-Học ?

7) Cộng-đồng sinh-viên : Nhóm sinh-viên chọn những đại-diện có

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thể lãnh-nhận những chức-vụ như thể thao, tổ-chức những buổi họp v.v.. Hơn nữa sinh-viên có trách-nhiệm gì trong việc điều-khiển Đại-Học không?

Những đề-tài gì những đại-diện sinh-viên phải học-hỏi thêm ?

ĐIỂM I

CHÂN-LÝ VÀ NỀN-TẢNG TỰ-DO ĐẠI-HỌC.

TIỂU-BAN.— B

Quyền lợi và bổn phận của sinh-viên tùy thuộc tự-do Đại-học.

(Đặt vấn-đề của ông CADOVA trong ban Giám-Đốc PAX ROMANA).

Quyền tự-do mà sinh-viên ngày nay được hưởng không phải là một điều mới lạ : đã có những thế-hệ giáo-sư và sinh-viên nhận chân giá-trị ấy và bảo-vệ nó từ 1300, thời Trung-cổ chúng ta đã thấy những cố gắng quyết-liệt của giáo-sư và sinh-viên để bảo-vệ quyền tự-do của Đại-Học. Và vì thế lịch-sử các vị giáo-sư nhắc lại cuộc tranh-chấp với « Viện-Trưởng với vua chúa để bảo-vệ quyền-lợi của họ, để quyết-định mức-độ và hình-thức học-vấn, cách tuyển-lựa Viện-Trưởng và thừa nhận các giáo-sư mới. Đó là những việc không thể để cho người ngoài Đại-Học liệu được.

Cũng trong thời ấy, có một Tổng-hội sinh-viên Bologne đã làm cho đời sống của Đại-Học có tính cách riêng biệt, đặt-định quyền hành-chánh, pháp-luật và trật-tự trong nội-qui của Đại-Học. Họ chỉ được đặc ân và quyền-lợi đó sau những cuộc tranh-chấp giữa sinh-viên và dân đô-thị, giữa quý-phái và giáo-sư. Những cuộc tranh chấp đó chỉ được giải-hòa bằng cách di-chuyển Đại-Học đi nơi khác.

Qua giòng lịch-sử, song song với sự bành-trướng và tiến-triển các Đại-Học, hai khía cạnh quan-trọng về truyền thống tự-do Đại-Học đều thành hình :

— Thứ nhất là giáo-sư có quyền tự-do dự định những sưu-tầm và dạy một cách tự-do, tuỳ theo khả năng mình.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— Thứ hai là sinh-viên có quyền đòi cho khỏi bị ngăn trở vô ích trong việc học của mình.

Kết quả sau nhiều thế kỷ của truyền thống Đại-Học, người ta thừa nhận cho sinh-viên Đại-Học ngày nay những quyền lợi chính về tự-do Đại-Học sau đây :

1. — Quyền học hỏi và dự trù những cuộc sưu-tầm không bị hạn chế kiểm-soát do một thế-lực nào hay một cơ-quan nào ngoài Đại-Học.

2. — Quyền phát-biểu ý-kiến bằng miệng hay bằng viết.

3. — Quyền tổ-chức buổi-họp những cuộc thảo-luận hay nghiên-cứu về bất cứ một vấn-đề gì trong những phòng diễn-thuyết của Đại-Học.

4. — Quyền tự-do tập-họp quyền gia-nhập vào bất cứ một tổ-chức nào có tính-cách văn-hoá, chính-trị hay tôn-giáo.

5. — Quyền tham-dự những hoạt-động ngoài chương-trình những hoạt-động ngoài Đại-Học nhưng thích hợp với công-việc của Đại-Học.

Thêm vào những quyền-lợi ấy, chúng ta có thể kể những quyền-lợi tương-ứng với quyền tự-do Đại-Học của các giáo-sư vì chúng liên-kết với nhau không thể tách rời ra được.

Những quyền-lợi kể trên là những quyền-lợi chính. Từ những quyền-lợi ấy sinh ra những quyền-lợi khác. Chẳng hạn, sinh-viên được quyền chọn lựa nghề-nghiệp nghành học tuỳ theo sở thích. Đó là quyền-lợi tự-do Đại-Học thường được chấp nhận. Trong các nước Nga-sô và Trung-Cộng quyền tự-do này không còn nữa và chúng ta thấy rõ nó quan-trọng đến mực nào.

Một quyền lợi khác, cũng không kém phần quan-trọng, tùy từng nước, là quyền sinh-viên được tham-gia vào việc lãnh-đạo nền Đại-Học.

Có những xứ sinh-viên tham-gia vào ban Giám-đốc Đại-Học và gây thành sự cộng-tác chung còn có những xứ khác, địa-vị của sinh-viên lại hạn-chế hơn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sau cùng, chúng tôi nêu lên một quyền-lợi khá quan-trọng, đó là quyền sinh-viên được ngăn-cản việc bó buộc, cải-biến và kiểm-soát sách sinh-viên phải dùng, hoặc do Đại-Học hay do một quyền nào ở ngòai Đại-Học, chúng ta cố-gắng phân tách bản tính những quyền-lợi đó để tránh sự hiểu lầm và ngăn-ngừa những gì mập-mờ. Người ta thường nhầm lẫn quyền tự-do Đại-Học với quyền lợi công-dân thường. Quả thực, ta không nên quên rằng sinh-viên là một công-dân, và do đó được những quyền-lợi mà luật-pháp ban cho tất cả và cho mỗi người. Nhưng những quyền-lợi mà chúng ta bàn ở đây thuộc về một hình-thức riêng biệt của quyền tự-do : Đó là quyền tự-do riêng của sinh-viên Đại-Học trong khi họ chu-toàn phận-sự. Sinh-viên có quyền tự-do riêng cũng như Bác-sĩ hay Luật-sư cần một quyền tự-do riêng biệt để chu toàn sứ-mệnh. Quyền tự-do Đại-Học là một trong những luật-lệ quan-trọng nhất, để mang lại cho Đại-Học sự an-ninh và thái-độ tinh-thần tích-cực cần-thiết để học hỏi, thí-nghiệm và sáng-tác để cố-gắng tăng-cường « ích-lợi chung ». Quyền tự-do Đại-Học nhìn về khía-cạnh này có một giá trị tích-cực chứ không phải như ta thường thấy khi khảo-cứu về vấn-đề này, nó chỉ là một thái-độ tiêu-cực phòng thủ, giải-quyết sự sợ-hãi. Khi nói về quyền tự-do Đại-Học, ta nên hiểu đó là quyền tự-do học hỏi, tự-do mở rộng kiến-thức,tự-do tìm chân-lý. Chỉ nhờ sự cố-gắng tích-cực áp-dụng những quyền lợi nhất định đó mà quyền tự-do Đại-Học đạt được mục-đích chính đáng của nó như thế sự mang lại những ý tưởng mới-mẻ những cuộc phát-minh tối tân giúp xã-hội và cá-nhân tiến-bộ bằng cách giải thoát khả-năng sáng tạo của trí-năng và trí-tuệ.

Nhưng quyền-lợi là những đặc ân, và có quyền lợi tất nhiên có trách-nhiệm. Cũng như quyền công-dân mang theo trách-nhiệm công-dân ; quyền lợi Đại-Học mang theo trách-nhiệm của sinh-viên Đại-Học.

Bổn-phận trước tiên của sinh-viên là trách-nhiệm sự học của mình và bảo-tồn những cuộc nghiên-cứu trong phạm-vi riêng của môn học hay ngành của mình, sinh-viên cũng có trách-nhiệm góp phần vào những giải-đáp những vấn-đề (liên quan đến con người) nhân-sinh và cách xử-dụng những sức lực tự-nhiên để phụng-sự nhân-loại. Sinh-viên phải ý-thức tinh-thần thật của sự tự-do phát khởi để mưu quyền tự-do Đại-Học và để giúp sinh-viên chu toàn phận-sự và tránh sự lạm dụng quyền tự-do.

Quyền tự-do Đại-Học không có nghĩa là sinh-viên có quyền hành-động nghịch với luật-pháp, nhưng luật-pháp ban quyền cho sinh-viên tự-do phát-biểu ý-kiến về những vấn-đề liên-quan đến đời sống Đại-Học hay ích chung xã-hội.

Tinh-thần tự-do diễn đạt tư-tưởng trong Đại-Học là phần chính của quyền tự-do Đại-Học. Sự tự-do ấy tùy thuộc Giáo-sư và sinh-viên nếu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

họ biết sống như những người trí-thức và chấp nhận tự-do trong tư-tưởng và trong hành-động. Giáo-sư cũng như sinh-viên có thể phạm đến quyền tự-do Đại-Học. Đó là trường hợp những Giáo-sư vì muốn cũng-cố địa-vị mình, vì sợ chính-quyền hay vì điều-kiện tài-chính họ bắt buộc chấp nhận một thái-độ e dè và chối bỏ quan-niệm cá nhân.

Thái-độ đó có ảnh-huởng khốc-hại trên sự đào-tạo sinh-viên, vì họ sẽ theo gương giáo-sư chấp nhận thái-độ « xu-thời » và không dám tranh-luận. Một khi giáo-sư hay sinh-viên không thẳng-thắn trình bày ý-kiến, nền học-vấn ở Đại-Học chỉ ở mức « tầm thường » và trạng-thái tầm-thường ấy xãy ra khi những quyền-lợi tự-do Đại-Học không được thi-hành.

Tuy nhiên trong những quyền-lợi của tự-do Đại-Học, chúng ta phải bàn riêng về những quyền-lợi liên-quan đến cơ-quan báo-chí Đại-Học và Tổng-hội sinh-viên. Tổng-hội sinh-viên, nhất là những đại-diện là tiếng «loa » của sinh-viên, tiếng loa ấy có thể phản-đối một khi quyền tự-do Đại-Học bị xâm phạm. Thực vậy, người ta biết rõ thái-độ của những nhân-viên ngồi bàn giấy ở Đại-Học vì sợ mang tiếng « làm rối loạn » hay vì sợ gặp phải những khó-khăn về chính-trị hay nghề-nghiệp nên không phản đối « nội-quy » của Đại-Học mặc dầu nó xấu. Ngược lại những người hướng-dẫn sinh-viên cần phải có tâm lòng liêm-khiết để hiểu rằng bảo-vệ quyền-lợi Đại-Học là cũng-cố sự yêu mến chân-lý trong nền giáo-dục ở Đại-Học và tránh sự « tầm thường » tinh-thần khuất-phục và sợ-hải.

Sau cùng, chính báo-chí Đại-Học và ban biên-tập có sự bảo-tồn tinh-thần tự-do trong Đại-Học. Báo-chí Đại-Học không những báo-cáo cho sinh-viên những hoạt-động riêng của Đại-Học nhưng cũng cho họ biết quyền bính của Đại-Học làm những gì trong phạm-vi hành-chánh nữa. Như thế sinh-viên phải biết có thái-độ phê-phán những gì phạm đến sự vận-chuyển lành mạnh của Đại-Học. Báo-chí Đại-Học có phận-sự cổ-võ tinh-thần trao đổi giữa các phần tử của Đại-Học. Một khu Đại-Học vắng tiếng tranh luận thường thường là một lãnh-vực khép kín và ở đó những quyền lợi tự-do Đại-Học không được thi-hành.

TIỂU - BAN. — C

Nghiên-cứu khoa-học và kỹ-thuật

Tự-do nghiên-cứu.— Xử-dụng những phát-minh tối tân .— Giới-hạn thí-nghiệm.— Những yêu sách của sự bảo-vệ bí-mật và bổn-phận phải trao đổi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tự-do nghiên-cứu. — (Linh-mục Russo. S.J phụ-trách ngành khoa-học trong Pax Romana).

1) *Chân-lý và tự-do* : Nền tảng vấn-đề tự-do sưu-tầm phải đặt trên nguyên-tắc căn-bản là, tự bản-thể sâu xa của nó, chân-lý liên hệ với tự-do về hai phương-diện sau đây :

a) *Trong việc nghiên-cứu.* (phát-minh) việc phát-minh đi ngược chiều với hướng đã định nó ở trong hướng đi của sáng tạo ; xét về điểm quan trọng nhất của nó, nó xuất hiện từ cái «không», nó là tác động của sự tự-do. Nhìn rộng hơn sự tiến dần của phát-minh đòi hỏi một bầu không khí tự-do để có thể cởi mở với cảm hứng và trực-quan. Vô số cuộc thí-nghiệm làm nền tảng cho công việc nghiên-cứu.

b) *Sự phổ-biến* : Tự nó, chân-lý là « diffusivum sui » có tính cách phổ biến . Chân-lý không tránh lan-tràn được. Nó vươn lên để đạt đến tất cả mọi trí-thức. Không ai chối bỏ chân-lý được. Nó không dành riêng cho một nhóm người nào.

2) *Giới hạn sự tự-do nghiên-cứu vì lý-do hoàn-cảnh và điều-kiện nghiên-cứu* :

Không có ý giảm bớt những quả quyết ở phần trên ; muốn hiểu rõ thể nào là tự-do nghiên-cứu, chúng ta sẽ phối hợp đòi hỏi này với đòi hỏi khác để chứng tỏ rằng chân-lý khoa-học không phải là chân-lý toàn diện. Hơn nữa sự nghiên-cứu không phải chỉ trong thế-giới tinh-thần thuần-túy mà thôi, nhưng trong một thế-giới mà tinh-thần liên-kết với vật-chất và ở đó sự tự-do chưa được hoàn-toàn. Giới hạn này bày tỏ ra trong hai phương-diện : giới hạn quyền tự-do cá nhân của người nghiên-cứu, giới hạn quyền tự-do của Đại-Học.

a) Đại-Học phải công-nhận sự kiểm-soát những hoạt-động của mình do những người hữu quyền muốn bảo-tồn lợi ích cho cộng-đồng, ví-dụ do chính-quyền vì quyền tự-do nghiên-cứu là quyền hoạt-động trong phạm vi làm điều phải. Điều ấy có thể không hoàn-toàn chắc-chắn luôn được.

Hơn nữa, chính-phủ cấp phương-tiện nghiên-cứu họ có quyền và có bổn phận kiểm-soát xem công việc có tiến-hành tốt-đẹp không.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng theo nguyên-tắc ủy-nhiệm (principe de subsidiarité), rất quan trọng trong quan-niệm xã-hội của Giáo-hội công-giáo, chính-phủ như nhường lại cho Đại-Học một cơ-quan trung gian quyền tự-trị để Đại-Học có thể làm tất cả những gì họ tự làm được.

b) Sự nghiên-cứu tự nó không thể là một tự-do bừa bãi, nó phải dung hoà với cách tổ-chức để giới hạn quyền tự-do của người nghiên-cứu với những người cộng-tác hay với sự phối hợp công việc giữa các phòng thí-nghiệm. Cách tổ-chức như vậy có thể đảm bảo nhờ Đại-Học, nhưng cũng có nhiều vấn-đề tổ-chức nghiên-cứu vượt quá tầm Đại-Học : khích lệ thiên-chức nhà nghiên-cứu, hướng-dẫn những môn học phụ thuộc, dung hoà những nghiên-cứu của Đại-Học với những nghiên-cứu ngoài Đại-Học.

c) Quyền tự-do chỉ được thực-hiện khi nào có phương-tiện đầy-đủ ; sự nghiên-cứu càng ngày khó-khăn vì dụng-cụ đắt-đỏ. Ngân-quỹ dành cho việc khảo thường bị hạn chế không đáp ứng đủ những nhu cầu đòi hỏi

Phương thế bị hạn chế về hai mặt :

1) Thiếu tiền, vật-liệu.

2) Cần phải dung hoà những phương tiện giữa nhiều hạng sưu-tầm khác nhau hay giữa những sưu-tầm đó và những nhu cầu khác của xứ-sở.

d) Không nói đến vấn-đề thiếu phương-tiện, chính-phủ đôi khi có thể giới hạn quyền tự-do sưu-tầm, hay hướng-dẫn sưu tầm, hầu mong thỏa-mãn một vài nhu cầu Quốc-gia, thường để khuyếch-trương một vài thực hiện về chuyên-môn hay về nhu cầu quân-sự. Cần phải duy trì một quân bình giữa những đòi hỏi của sự nghiên-cứu thuần túy và những nhu-cầu của Quốc-gia. Hướng cuộc sưu-tầm theo một chiều đặc-biệt nếu cuộc sưu tầm đó có giá-trị và không tổn hại đến những cuộc sưu-tầm quan trọng khác không phải là điều xấu. Trong mọi hoàn-cảnh, phạm-vi nầy cần phải có những phán đoán hợp lý. Sự khôn ngoan rất cần-thiết nhưng chính-phủ không có quyền biến việc nghiên-cứu thành một khí cụ của công việc chính trị và bắt người nghiên-cứu phụ thuộc hoàn-toàn vào ý muốn của chính-phủ trừ phi trường hợp tối cần khi có chiến-tranh.

e) Chân-lý khoa học dần dần tiến đến chỗ phụng-sự con người và xã-hội. Bởi đó chân-lý trở thành một thực tại kỹ-thuật và một thực tại kinh-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tế. Nó cũng bị những lệ thuộc có thể tổn-hại đến tự-do nghiên-cứu. Kỹ-nghệ kinh-tế hình như muốn hướng công việc nghiên-cứu về lợi ích cho họ mà không phù hợp với sự tiến-triển khoa-học. Ở đây người ta không thể trừu-tượng hoá một trạng-thái như thế.

Sự can thiệp của các thế lực kinh-tế trong việc nghiên-cứu là một sự kiện và người ta không thể đòi hỏi kỹ-nghệ một sự vô tư hoàn-toàn. Thiên-chức của nó là thu-hoạch kiếm lợi tức ; chính-phủ có phận-sự bảo-vệ sự tự-do về Nghiên-cứu căn-bản (Recherche fondamentale) cho khỏi bị thế lực kinh-tế lấn áp và chi phối.

Phải kiểm-soát thế nào để nhà nghiên-cứu khỏi bị người kinh-doanh lợi dụng như một công cụ của họ.

f) Sự kính trọng con người giới hạn sự nghiên-cứu chân-lý khoa-học vì đây không là điều tuyệt-đối.

Thí-nghiệm trên con người không thể dễ-dàng như trên các loài-vật kém hơn người. Nó không thể đưa đến chỗ xử-dụng con người như một sự vật được.

Ở đây nên tránh những lập-trường quá khích vì dù chỉ lấy con người làm thí-nghiệm vẫn trọng nhân phẩm có thể mang lại nhiều thành-tích tốt đẹp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

B– Q U Y Ế T - N G H Ị

TIỂU BAN — A

Tự-do với việc tổ-chức học-vấn và quản-trị Đại-Học.

Người đảm-nhiệm :

— Nhóm I.— Giáo-sư Oscar Halecki (U.S.A.)

— Nhóm II.— Ông Wilhelm Dreyer (Đức-quốc)

I) Tổ-chức hoàn-hảo của Đại-Học không thể bảo-đảm một tự-do thực sự, nếu Đại-Học bị chính-phủ kiểm-soát quá đáng. Lúc đó, tự-do không còn được bảo-đảm, nhưng bị đe doạ. Nhưng dù chính-phủ có ý ngay lành là đảm-bảo một trình-độ học-vấn đầy-đủ, thì sự kiểm-soát ấy sẽ không bao giờ :

a) Được thực-hiện cách nào khác ngoài ra được thực hiện nhờ những vị đại-diện chính-đáng của giới Đại-Học.

b) Thiết-lập độc quyền dành riêng cho chính-phủ trong lãnh-vực giáo-dục thiệt hại đến những quyền lợi các Đại-Học tư lập nhất là

c) Chặn đứng sự tìm chân-lý và truyền-bá chân-lý.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

2) Để tránh những nguy-hiểm ngoại tại, nhất là những nguy-hiểm đáng sợ trong những chế-độ độc-tài, tổ-chức học-vấn và cách điều-khiển các Đại-Học, đành rằng là phát nguồn từ những lợi chung, cũng phải tránh mọi quy-định quá đáng. Vì thế mà Tiểu-ban trình bày những nguyện vọng như sau :

a) Ước gì các Giáo-sư có thiên-chức giáo-dục và phát-triển nhận-thức, có thể làm tròn sứ-mạng của mình một cách tự-do và được an toàn : ước gì họ có thể dành thì giờ và tìm phương tiện thiết-yếu để hoàn thành công việc của họ đồng thời họ cũng gây ảnh-hưởng vào hướng đi chung của Đại-Học.

b) Ước gì mọi sinh-viên, sau khi đã nhận lấy những lời khuyên bảo thiết yếu hướng-dẫn những công việc của mình, được có một điểm tựa cần-thiết để làm phát-triển những sáng-khởi cá-nhân, nhất là ở giai đoạn cao-học của họ và ngoài một số ít giờ học bắt buộc để theo chương-trình, các sinh-viên có thể chính họ chọn lấy những lớp và những việc thực tập cho phép họ góp phần vào tiến-bộ nhận-thức và sự áp-dụng những hiểu biết đó trong đời sống.

c) Ước gì, trong mỗi Đại-Học, có một cộng-đồng tinh-thần, văn-hoá và khoa-học. Một cộng-đồng mà ai cũng tham dự, cơ-quan giáo-huấn cũng như Giáo-sư và sinh-viên, để cho họ chung đụng với nhau mà cộng-tác với nhau, trong một tinh-thần bác-ái và nhân-loại.

3) Nếu quả thực tự-do theo định-nghĩa của Giáo-sư Gabriel, là trung thành với chính mình, là không làm trái ngược với sứ-mạng của mình thì một Đại-Học (theo một quan niệm tự-do trong đó, những vấn-đề triết-học và những phán đoán giá-trị không thể nào có ở trong lãnh vực khoa-học được mà là ở trong phạm-vi triết-học) không thể là một bức tường chặn đường tự-do, tự-do theo ý-nghĩa mà chúng tôi hiểu. Cũng thế một Đại-Học chính-phủ phục tòng Cộng-sản, phụng-sự một lý thuyết độc tài, thì Đại-Học ấy không còn tự-do nữa. Vì không để ý nhận xét vấn-đề cứu cánh cuối cùng của hoạt-động con người, nên ở Âu-tây khoa-học đã đi đến chỗ phụng sự những mục-đích vi-lợi. Một Đại-Học có tự-do, Đại-Học ấy sẽ không huấn-luyện theo một lý-tưởng văn-hoá toàn-diện mà chỉ dự bị sửa-soạn cho sự thực-hành một nghề-nghiệp.

4) Bởi thế chúng tôi đưa ra những lời yêu-cầu sau đây : Giáo-sư và sinh-viên phải làm thế nào để phục-hưng một lý tưởng khoa-học bao trùm mọi lãnh-vực trí-thức, để trong mọi ngành chuyên-môn đều có những vấn-đề đặt ra theo quan điểm triết-học, như thế thì chủ-nghĩa vụ lợi không còn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thành vấn-đề nữa, không những các khía cạnh riêng biệt được nhận xét đúng đắn mà lại chân-lý cũng được nhận xét trong toàn bộ của nó và mục-tiêu cuối cùng cũng phải được để ý tới trong những ngành riêng biệt của khoa-học. Theo chúng tôi tưởng thì cần phải có những nhà Bác-học, trong sự nhận-thức chân-lý cuối cùng và toàn-diện, có can-đảm giữ địa-vị của mình trong phạm vi khoa học để bênh vực một văn-hóa chính đáng trong một tự-do chính đáng.

5) Để thắng quan-điểm vụ-lợi và sự chuyên-môn quá đáng và để đạt đến một tự-do chân-thật các sinh-viên phải cố-gắng, từ sự chuyên-biệt của mình, để tìm hiểu những vấn-đề cuối cùng. Các sinh-viên phải có can-đảm, nhờ sự tìm kiếm chánh đáng về chân-lý, để làm cho Đại-Học trở nên một nơi có tự-do thực-sự. Vậy giáo-sư Đại-Học nhờ học-thức chuyên-môn của mình, nhận lấy sứ-mạng của mình và làm tròn sứ-mạng ấy trong sự hiểu-biết hoàn-toàn đầy đủ về trách-nhiệm của mình trước xã-hội, trước lương-tâm, trước Thượng-đế.

TIỂU BAN. — B

Quyền-lợi và nhiệm-vụ của sinh-viên.

Người đảm-nhiệm :

—I. — Ông Richard Kaptin Adisoemarta (Nam-Dương)

— II. — Ông Bryan Wood (Anh-Quốc).

Để một Đại-Học có thể làm tròn nhiệm-vụ của mình trong sự tìm đạt chân-lý và trong tiến-bộ khoa-học, dĩ-nhiên Đại-Học ấy không được lệ-thuộc vào một thể-thức chính-trị hay một thế-lực tài-chánh nào.

Và ước gì các sinh-viên, dù họ có phải phụ thuộc những luật-lệ luân-lý và những bổn-phận đối với những cộng-đồng đạo-giáo mà họ là phần-tử, thì ước gì họ cũng vẫn có thể làm việc và phát biểu ý-kiến trong một không khí tự-do ở Đại-Học.

Để Đại-Học trở nên một trung-tâm cởi mở và sáng tạo một cách cụ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thể hơn, chúng tôi ước rằng các sinh-viên phải có những thứ tự-do và những quyền-lợi như sau, họ có thể :

1) Thảo-luận tự-do ở Đại-Học mọi vấn-đề khoa-học, triết-học, đạo-đức, chính-trị hay vấn-đề nào khác.

2) Bênh-vực trong lúc nghe giảng ở Đại-Học cũng như lúc thi, những quan-điểm của mình khác với quan-điểm của giáo-sư, miễn là những quan điểm-đó được biện chính một cách khoa học, có lý.

3) Tra-cứu và dễ dàng có mọi sách vở cần thiết cho việc tự-do nghiên-cứu khoa-học.

4) Bắt tay vào mọi công việc khảo-cứu mà không bị quyền lực giới-hạn hay là kiểm-duyệt không có tính cách khoa-học.

5) Tự-do phát-biểu ý-kiến trong báo chí sinh-viên.

6) Thành lập những tổ-chức văn-hoá, chính-trị hay đạo-đức trong Đại-Học và gia-nhập những tổ-chức ấy.

7) Trình-bày đối với chính-quyền hay với Viện-Đại-Học quan-điểm của sinh-viên về những vấn đề Đại-Học.

8) Được hưởng những học-bổng theo nhu-cầu và tài-ba của mình mà không bắt buộc sinh-viên theo một chủ-nghĩa tôn-giáo nào.

Tuy thế, chung ta đều nhận rằng không có tự-do nào là tuyệt-đối cả, song-song với những quyền-lợi bao giờ cũng có những bổn-phận phải làm .

1) Các sinh-viên và những người điều-khiển có trách-nhiệm không nên lạm-dụng những tự-do và những quyền-lợi kể trên, nếu họ lợi-dụng họ sẽ rơi vào những tệ-lạm. Dầu sao, họ cũng phải tránh những hành-động chống lại tập-tục tốt và pháp-luật.

2) Trong lúc tự-do nghiên-cứu khoa-học, họ không nên quên rằng sự thận-trọng, khôn-ngoan bao giờ cũng là cần-thiết.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3) Trong mọi lãnh-vực khoa-học, chính-trị..., họ có phận-sự đi tìm chân-lý với cái nhìn không thiển-cận, cái nhìn khách-quan và trong một tinh-thần phê-bình lành-mạnh và xây dựng.

4) Trước tiên họ có phận sự bổ-túc sự huấn-luyện nghề-nghiệp của họ và góp phần vào tiến-bộ khoa-học, mà không bị những hoạt-động ngoài lề Đại-Học chi phối.

5) Trong những lúc nghiên-cứu và thí-nghiệm bao giờ họ cũng nhìn đến mục đích là làm việc để phụng-sự cộng-đồng và không thể hoạt-động phản luân-lý.

6) Họ phải thành thật trong tư-tưởng và phải có can-đảm để thi-hành những tự-do họ được mà không sợ thẩm-quyền nào và không sợ gặp những khó khăn mà họ sẽ vấp phải.

Như vậy, trong thế-giới sẽ được thành lập những cộng-đồng Đại-Học chính đáng, thích hợp với sự phát-triển trí-thức và thoát khỏi mọi tầm thường và tinh-thần phục tùng nô-lệ.

TIỂU-BAN. — C

Khảo-cứu kỹ-thuật và khoa-học

Người đảm-nhiệm :

— Nhóm I.— Giáo-sư Hugh O'Neill (Anh-quốc)

— Nhóm II.— Giáo-sư Andrea Ferrari-Toniolo (Ý-Đại-Lợi)

Nguyên-tắc.

I) *Chân-lý và tự-do* :

a) Tìm chân-lý tự nó bao-hàm một không-khí tự-do. Lối đi chính yếu của nó, công việc phát-minh là một hành-động tự-do, bởi vì hành-vi ấy

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

không được xác-định cũng như không thể diễn-dịch được và cũng bởi vì công cuộc nghiên-cứu là kết-quả của nhiều thử-thách luôn luôn có thể bị phê-bình, chỉ-trích.

Nhưng tự-do được áp-dụng trong công cuộc nghiên-cứu không phải là thứ tự-do bừa-bãi, nhưng là một thứ tự-do đã được giáo-dục và đã được chấp-nhận giới-hạn trong phạm-vi chuyên môn của mình, nói cách khác, thứ tự-do nầy là thứ tự-do được áp-dụng theo thiên-chức mà mình đã nhìn nhận và chấp-thuận.

b) Truyền bá chân-lý cũng đòi hỏi phải có tự-do. Bản-tính chân-lý phải là một sự thiên-tư tràn lan (diffusivum sui) chân-lý phải là điều gì mà những kẻ muốn hiểu nó cho đúng và muốn coi nó là điều thiện có thể đạt đến được.

2) Những giới hạn cần thiết của tự-do.

Một cách cụ-thể tự-do cũng được giới-hạn trong sự tìm hiểu và truyền-bá chân-lý, vì :

a) Tính cách nhập thể của tinh-thần (bắt buộc theo những điều- kiện vật-chất trong sự nghiên-cứu v.v...)

b) Bên cạnh lợi-ích của tìm hiểu chân-lý còn có nhiều lợi-ích quan-trọng không kém, nên toàn thể những lợi-ích nầy phải hoà điệu với nhau. Sự hoà điệu nầy được chỉ định theo cứu-cánh của con người và của xã-hội.

ÁP DỤNG NGUYÊN-TẮC :

I) *Hướng đến việc nghiên-cứu và lựa-chọn nghành chuyên-môn.*

Ta phải làm cho mọi người thanh-niên hướng đến việc nghiên-cứu bằng cách cung cấp cho họ những phương-tiện (như học bổng...) Nhưng để cho tự-do có giá-trị khi thực-hành, thì mọi tự-do cần phải được chỉ-đạo : Các Thanh-niên cần phải được thấu biết những khả-năng của mình, phải

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

được thấu triệt ý-nghĩa sâu xa cái thiên-chức của nhà nghiên-cứu, hiểu rõ bản-chất của những công cuộc nghiên-cứu và những đòi hỏi trong mỗi một phạm-vi và phải thấu triệt được tính cách thiết-yếu nầy là phải luôn luôn kết-hợp tinh-thần phân-tích và tinh-thần tổng-hợp.

2) *Chọn đề-tài.*

a) Những điều-kiện hiện nay của công cuộc nghiên-cứu *đòi hỏi sự làm việc từng toán* và đặt công việc khảo-cứu theo một chương-trình và dưới một sự điều-khiển. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên tránh dùng làm cho cách làm dần dần có tính cách tập-thể hơn biến thành luật tổng-quát tuyệt-đối. Cách làm nầy có thể không thích hợp cho một vài người nghiên-cứu với tính khí riêng biệt. Những người nầy vã lại, họ cũng có những bảo-đảm đầy đủ về năng-lực, để ta cũng có thể mong đợi những kết-quả tương tự do họ mang lại.

b) Dầu sự nghiên-cứu tự nó có một giá-trị. Nhưng trong lúc chọn đề-tài, người ta vẫn thường để ý đến những nhận xét có liên can đến lợi-ích xã-hội : Người ta thường chú ý trước tiên đến những cuộc nghiên-cứu làm cho hạnh-phúc nhân-loại nên đẹp hơn, hoàn toàn hơn. Tuy nhiên ta cũng chớ quên tính-cách quan-trọng của những mục-tiêu ít trực-tiếp và ta cũng phải luôn luôn bảo-đảm một phần đầy đủ cho những công cuộc nghiên-cứu vô-vị-lợi, chỉ có ngay lúc nầy một lợi-ích văn-hoá.

3) *Phương-tiện nghiên-cứu* :

a) Người nghiên-cứu được nhiều tự-do trong sự lựa chọn các phương-pháp làm việc, chọn các người cộng-tác, chọn những dụng-cụ, chọn nơi chốn và chọn cảnh huống xã-hội mà ở đó người nghiên-cứu sẽ thực hiện công việc của mình.

b) Để sự tự-do nghiên-cứu có kết-quả, thì phải dùng một số tiền đầy đủ (để trả lương cho những người nghiên-cứu và để mua dụng-cụ...) thường thì chính các nhà nghiên-cứu quản-lý tài-sản, những điều nầy ngày nay thường chưa được thực-hiện. Như vậy, trợ cấp tài-sản sẽ không bắt chúng ta quy-thuộc những lợi ích có thể tổn-thương cho công cuộc nghiên-cứu, dù trợ-cấp là do chính-phủ hay do tư-nhân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

4) Sự nghiên-cứu còn đòi hỏi điều nầy sau khi đã đạt đến kết-quả, cái kết-quả ấy phải được trao đổi tự-do. Trừ những trường hợp đặc-biệt cần phải được nhận-định một cách sáng suốt, vì lý-do an-ninh quốc-phòng, phải được nhận-định một cách sáng suốt, vì lý-do an-ninh quốc-phòng, thường ra, tự-do nầy không thể nào bị ngăn cấm. Và nếu người ta muốn giới hạn tự-do đó, người ta phải đắn-đo nghiêm-chỉnh những thiệt-hại lớn lao có thể xảy ra cho việc nghiên-cứu. Đàng khác, cần phải trọng kính quyền-lợi của nhà nghiên-cứu về những phát-minh của họ, quyền-lợi nầy không thể đưa đến một giới-hạn trong việc phổ-biến những phát-minh của họ.

*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

II — SỰ TỰ - TRỊ CỦA ĐẠI - HỌC.

A — THẢO LUẬN

A. *TÌNH-TRẠNG CỦA NỀN ĐẠI-HỌC TRƯỚC SỰ-KIỆN CHÍNH - TRỊ.*

I. ĐẠI-HỌC NÓI CHUNG

1. *Vấn đề tài-chánh.*

Thường thường, chính-phủ đảm-nhiệm việc trợ cấp tài chánh cho nền Đại-Học. Thế nhưng có nhiều khác biệt giữa hình-thức và tỷ-lệ của việc trợ cấp công cọng này.

Trong những nước Cộng-sản như Hung-Gia-Lợi hay Lithuanie, chỉ riêng Chính-phủ trợ cấp nền Đại-Học và một cách trực tiếp vì ở những nước ấy chỉ toàn là các Viện Đại-Học Quốc-Gia.

Ở những nước khác, nền Đại-Học cũng nhận trợ cấp của Chính-Phủ—lắm khi chỉ riêng của Chính-Phủ mà thôi. Như ở Úc, Equateur, Espagne, Bỉ, Ethiopie, Pháp, Honduras, Haïti,—nhất là ở Haïti, nếu người ta có thể bảo là có một nền Đại-Học ở Haïti, vì ở đây các khoa-trường, với nhà cửa nghèo nàn, xa cách nhau và trực thuộc nhiều Bộ khác nhau, phải sống rời rạc trong thủ-đô. Ở Indonésie, ở Ý, ở Portugal, Thái-Lan và Uruguay, ngân-sách của Đại-Học hầu như được Chính-Phủ đài-thọ hoàn-toàn.

Ở một vài nước khác như Bỉ và Indonésia bên cạnh các Viện Đại-Học Quốc-Gia, có những Viện Đại-Học tư lập, không nhận trợ cấp hoàn toàn của Chính-phủ, nhưng đôi khi cũng nhận một vài viện-trợ. Trái lạo ở một vài nước khác, các Viện Đại-Học tư lập hoàn toàn không được Chính-phủ trợ cấp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ở Thụy-sĩ, nền Đại-Học lệ thuộc Quận về tài-chánh và lý-pháp,chứ không lệ thuộc Liên-Bang. Còn như ở Hoà-Lan chẳng hạn, có những Viện Đại-Học lệ thuộc chính-quyền địa-phương của tỉnh hoặc của thị-xã.

Đôi khi, ngân-sách do viện Đại-Học soạn-thảo phải đệ-trình Bộ Quốc-Gia -Giáo-Dục để Bộ trù-định việc trợ-cấp .

Trong những trường hợp khác, ngân-quỹ Chính-Phủ sẽ ấn-định trực tiếp số tiền trù-cấp cho các cơ-quan thuộc Viện-Đại-Học.

Một trường-hợp đặc-biệt là ở Anh-Cát-Lợi không có một Viện-Đại-Học nào thuộc Chính-phủ mặc dù Chính-phủ vẫn viện-trợ tất cả cho các Viện ấy. Nhưng trợ-cấp ấy không cấp-phát trực-tiếp cho Đại-Học mà gởi qua một cơ-quan liên-hệ gọi là « University Grants Committee » (ủy-ban-Viện-Trợ Đại-Học) gồm những đại-diện các Viện và một vài nhân-vật do Chính-Phủ chỉ-định ủy ban cứu-xét nhu-cầu chung của tất cả các Viện và xin Chính-Phủ một viện-trợ tổng-quát để rồi phân-phát sau cho riêng mỗi Viện, tương-ứng với nhu-cầu.

2 — a) *Hành-chánh.*

Phần đông các nước , cơ-cấu hành-chánh nền Đại-Học đều do luật-pháp ghi-định. Còn việc thi-hành các các hoạt-động hành-chánh, ta có ba loại chính :

— Việc hành-chánh do Chính-phủ trực-tiếp điều-hành. (Các nước Ethiopie, Haïti, Hung-Gia-lợi và Lithuanie).

— Hành-chánh do Đại-Học trông coi một phần nào, dưới sự kiểm-soát của Chính-phủ. (trường hợp thông thường).

— Hành-chánh tự trị của Đại-Học do một ủy-ban gồm các đại diện giáo-giới, các đại diện sinh-viên và các nhân-vật có bằng-cấp như ở Nam-Mỹ, Honduras, Uruguay.

Ở Anh-Cát-Lợi, các Viện-Đại-Học tổ-chức như nhau, nhưng mỗi Viện lại có một « Royal Charter». Chính-phủ không tham-dự gì về hành chính của Đại-Học, nhưng không có một Viện nào được phát bằng cấpĐại-Học nếu không có sự phê-chuẩn của một trong những « Royal Charters » ấy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

b) và c) *Bằng-cấp Đại-Học và nội-dung đề-tài giãng-dạy.*

Chỉ-dụ về giáo-khoa (số các khoa-trường, số bằng-cấp được các khoa ấy phát, thời-gian học-tập, điều-kiện nhập-học) do Chính-phủ ban-hành cho các Viện nào tổ chức theo lối giáo-huấn Pháp (dưới thời Nã-phá-Luân). Hình - thức này phần đông được áp - dụng tại các nước Âu - Tây. (Pháp, Ý, Espange) và những nước nào đồng quan-điểm. Chỉ-dụ được luật ấn-định cho chung cả các Viện trong một nước. Còn ở Anh thìdo «Royal-Charter » biểu-quyết.

Ở những nơi khác, về điểm đó, Đại-Học lại biệt lập. (Equateur, Honduras, Uruguay).

Tuy nhiên, mặc dầu được Chính-Phủ quy-định, các bằng-cấp Đại-Học đều do viện cấp-phát và không một ý-kiến ngoại-lai nào có thể ảnh-hưởng đến sự quyết-định của các giáo-sư.

Ở Bỉ, bên cạnh các văn-bằng hợp-pháp (diplômes légaux) còn có những « văn-bằng Đại-Học » (diplômes académiques) do Viện toàn quyền phê-chuẩn và chi-phối. Những «văn-bằng Đại-Học» đều có giá-trị tương-đương với « văn bằng hợp-pháp ».

c). *Chương-trình giảng-dạy.*

Ở Hung, ở Lithuanie, các bằng-cấp Đại-Học cũng như chương-trình giãng dạy, đều do chính-phủ quy-định, đúng hơn là do đảng Cọng-sản quy-định.

Nhưng thường thường, ở các nước không độc-tài, các giáo-sư và các Viện tự đặt chương-trình giãng dạy.

Ở một vài nước khác, cũng cần phải có sự phê chuẩn của chính-phủ, nhưng đấy chỉ là hình thức, còn thường thì các Giáo-sư được tự-do giãng dạy và nghiên-cứu.

3 và 4. *Ảnh-hưởng trong đời sống nhân-dân và sự đào-tạo nhân vật chính-trị.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đại-Học chỉ có một ảnh-hưởng gián tiếp đến đời sống nhân dân. Đại-Học là một cơ quan giáo-dục nên không có xu hướng chính-trị. Thế nhưng các phần tử Đại-Học — Giáo-sư và sinh-viên — gây ảnh-hưởng vào đời sống nhân dân trong khi các người ấy được sữa-soạn để đảm-nhiệm những nghề-nghiệp hay công-tác nhà nước.

Những tư-tưởng ý-thức-hệ được xuất-phát từ Đại-Học có thể ảnh-hưởng ra ngoài các khu vực khác trong nước.

Thường thường Đại-Học không có một lập-trường nào đối với chính-trị — và không cần phải có. Nhưng có những nước (như Honduras chẳng hạn) lại cho ta thấy rằng Đại-Học đôi khi có quyền giữ một lập-trường đối với chính sách của chính-phủ, vì Đại-Học quy tụ tất cả những nhà dìu-dắt tương-lai của đất nước và có bổn-phận chú ý đến mọi vấn-đề công ích.

Nhiều phái đoàn cho biết rằng trong vài trường hợp đặc-biệt của xứ-sở, Đại-Học có một thái-độ chính-trị rõ-rệt.

Ở những nước Cọng-Sản thì lại khác. Như ở lithuanie, người ta thấy rằng: Đại-Học gieo ảnh-hưởng hoàn-toàn vào đời sống chính-trị vì Đại-Học có mục-đích truyền-bá chủ-nghĩa Mác-Lê. Sinh-viên phải trải qua những giai đoạn « tẩy-não ». Tất cả các Viện Đại-Học ở lithuanie đều bị đặt dưới quyền đảng Cọng-sản và vì vậy Đại-Học không được có một lập-trường nào chống đối với chính sách của chính-phủ.

II.— GIÁO-SƯ.

5) *Bổ-dụng giáo-sư.*

Phần đông các nước, Giáo-sư do chính-phủ bổ dụng, với đề-nghị của Viện hoặc của Khoa. Ta nhận thấy rất nhiều phương lối khác nhau nhưng chung quy chỉ là những biến thiên của nguyên-tắc suy cử (Cooptation).

Trong một vài trường hợp (Ý) các khoa đề cử một hội-đồng Quốc-gia tuyển dụng. Những nước như Tây-ban-nha và Ý lại tổ-chức thi tuyển vào mỗi chức ngạch giáo-sư và do những hội-đồng chính-phủ đề cử cứu xét.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Còn như nước Pháp : Bộ Quốc-gia Giáo-dục bổ-nhiệm tất cả các nhân vật giáo-giới, nhưng thật ra là chỉ lựa chọn trong danh-sách của hội-đồng Đại-Học và của hội-đồng các Khoa-trưởng trình lên.

Theo chế-độ Anh, Viện Đại-Học tự lựa chọn các Giáo-sư cũng như ở Equateur, Honduras, Thái-lan, Uruguay hay ở Bỉ, trong những Viện Đại-Học tư lập. Còn những Viện Đại-Học Quốc-gia thì do chính-phủ để chọn Giáo-sư.

Ở Haïti, chính-phủ trực tiếp chỉ định các Giáo-sư. Ở Hung và Lithuanie cũng vậy. Ở những nơi nào mà chính-phủ để chỉ giáo-sư không cần tham khảo ý kiến, thì đây chỉ là một quyết-định chính-trị. Còn đa số các nước khác, sự lựa chọn chỉ tùy nơi khả-năng của giáo-sư.

Thường thường, các Giáo-sư được tuyển-mộ với tính cách vĩnh-viễn. Ở Ý, sự bổ-dụng được cứu xét lại ba năm sau và nếu được, cũng sẽ có tính cách vĩnh-viễn. Những phần tử non trẻ của giáo-giới, ngược lại, phải ký giao kèo và hưởng quyền tái-bổ. Chế-độ bổ-dụng hữu hạn và tái-bổ được áp dụng mạnh ở Indonésie cho những giáo-sư ngoại-quốc. Còn ở Equateur Ethiopie, Honduras, Suisse, Uruguay thì chế-độ được áp dụng chung cho cả giáo-sư ngoại-quốc và bản-xứ.

Ở Lithuanie, theo hình thức, Bộ Quốc-gia Giáo-dục bổ nhậm Giáo-sư, nhưng kỳ thật thì Giáo-sư do Đảng tuyển dụng. Cũng theo hình thức, Giáo-sư được bổ-nhậm vĩnh-viễn, nhưng trên thực tế, họ có thể bị thu gọi trong bất cứ trường hợp nào và sẽ được xem như là « phần tử phản-động ».

6) *Ảnh-hưởng chính-trị trong vấn-đề giáo-dục.*

Cơ quan giáo-dục chỉ bị ảnh-hưởng trực tiếp của chính-phủ ở những nước Hung và Lithuanie. Các Giáo-sư bị đảng ép buộc giảng dạy « trong ánh sáng của chủ-nghĩa duy-vật giáo-huấn, căn cứ theo chủ-nghĩa Mác-Lê »

Ở một vài nước (Espagne) người ta không thể bảo rằng nền giáo-dục bị hoàn toàn ảnh hưởng của chính-trị, tuy nhiên cũng bị thu hẹp bởi chính-trị. Nói chung, chỉ có những giáo-sư thuyết-trình những bài giảng liên-hệ đến những biến cố chính-trị là mới nói đến ý-kiến riêng của mình. Có những người khác mang nặng tinh-thần chủ-nghĩa, nhất là khi họ có khuynh-hướng « mác-xít ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

7 và 8) *Ảnh-hưởng của giáo-sư trong chính-trị.*

Ảnh-hưởng này rất là thu hẹp. Chỉ có những người hoạt-động chính-trị mới gây nên ảnh-hưởng, nhưng số người nầy rất ít ỏi (ngoại trừ ở Honduras). Một khi họ hoạt-động như vậy thì chỉ với tư cách cá nhân, chứ không với danh-nghĩa một thành phần Đại-Học. Có những Giáo-sư được giữ những chức-vụ chính-trị quan-trọng, hoặc với quyền lập-pháp, hoặc với quyền bộ-trưởng. Ở Uruguay, Giáo-sư chỉ được hưởng thù-lao vì chức-vụ, ngoài ra không có gì khác thêm.

III.— SINH-VIÊN.

9.) *Điều-kiện nhập học.*

Ở mọi nước Cọng-sản đều như nhau : sự thâu nhận sinh-viên «phải lệ thuộc vào điều-kiện chính-trị. Ở Hung chẳng hạn, các sinh-viên chỉ được nhập học sau khi một hội-đồng của Đảng xác-nhận đủ tư-cách chín-chắn về chủ-nghĩa Cọng-sản.

10) *Thái-độ chính-trị và đảng-phái.*

Phần nhiều, người ta nhận thấy sinh-viên chỉ chú trọng đến chính-trị một cách tương-đối. Ngay cả trong các nước Cọng-sản mà sinh-viên bị ép buộc gia nhập các tổ-chức của Đảng.

Trừ các sinh-viên ở Equateur, Haïti, Honduras, Indonésie, họ rất thích hoạt-động chính-trị. Ở Nam-Mỹ, cũng vậy, mặc dầu người ta bảo rằng ở Uruguay chỉ những thành phần chỉ-huy là hoàn-toàn theo dõi nhân-dân.

Hầu hết, ở Đại-Học nào cũng có những khuynh-hướng tư-tưởng, nhưng thường thường các khuynh-hướng đó — cho dầu là chính-trị — cũng không kếp nạp vào một đảng phái nào nhất-định. Họ chỉ hướng theo những ý-thuyết đại-cương. Mặc dầu ở một vài nước như Ý, Equateur, người ta nhận thấy có một vài thành-phần Đại-Học trong những tổ-chức non trẻ của một vài đảng phái, số sinh-viên tham-dự vào những tổ-chức đó cũng rất kém cỏi so với tổng số sinh-viên.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ở Ethiopie, Indonésie, Bồ-đào-Nha và Thái-lan, không có tổ-chức chính-trị nào của sinh-viên cả. Ở Espagne, chỉ có những tổ-chức hợp-pháp như đảng duy nhất «Phalange» và hội «Công-giáo» «tiến-hành».

11) *Thái-độ sinh-viên.*

Sinh-viên chỉ phát biểu thái-độ trong những trường hợp đặc biệt. Phần đông, sinh-viên ít gây ảnh-hưởng trên trường chính-trị. Duy ở Honduras, chỉ có lập-trường của liên-đoàn sinh-viên Quốc-gia là có ảnh-hưởng sâu đậm đến đời sống nhân-dân trong nước.

Trong những trường hợp ấy đặc biệt, cũng có những cuộc tham-chính liên-hệ đến chính-sách Quốc-gia đối với nền Đại-Học. Ví dụ như ở Uruguay trong cuộc khởi thảo về cải-tổ hiến-chương năm 1951, Đại-Học đã tranh-đấu để được biệt lập — và đã được thành-công. Hiến-pháp công nhận quyền tự trị của nền Đại-Học.

Có những trường hợp đặc-biệt hơn xảy ra trong các nước Cọng-sản và ở Haïti. Ở những nước Cọng-sản, những cuộc biểu-tình của sinh-viên được xem là quan-trọng. (ví dụ : Cách-mạng Hung-Gia-lợi vào hồi tháng 10 năm 1956) Đảng Cọng-sản sẽ không dung thứ sinh-viên muốn gây ảnh-hưởng và sẽ trừng trị họ một cách rất tàn bạo.

Ở Haïti cũng có những cuộc biểu-tình của sinh-viên và họ gây ảnh-hưởng lớn đến đời sống chính-trị. Hơn 10 năm nay, cứ mỗi khi sinh-viên chỉ cần làm reo nhỏ cũng đủ cho ngày hôm sau xảy ra một cuộc đình công toàn diện. Và khi cách-mạng bùng nổ, cũng do chính sinh-viên đứng lên tiên-khởi. Ảnh-hưởng sinh-viên mạnh đến nỗi có nhiều chính-phủ phải mua chuộc một vài sinh-viên để làm gián-điệp.

12) *Học-bổng chính-phủ và điều-kiện để hưởng học-bổng.*

Ở mọi nước đều có những sinh-viên được hưởng học-bổng của chính-phủ, hoặc của những tổ-chức địa-phương. Những điều-kiện thuộc lãnh-vực chính-trị là một trường hợp quá đặc-biệt. Sau đây là một vài trường-hợp với tỷ số phỏng-ước về số sinh-viên được cấp học-bổng :

HUNG GIA LỢI VÀ LITHUANIE :	40, 50%	Cần phải có điều-kiện chính trị.
ETHIOPIE:	99%	Không cần điều kiện chính - trị

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

EQUATEUR:	Không có học-bổng chính - phủ mà chỉ có học-bổng địa-phương của tỉnh hoặc thị-xã.
ESPAGNE:	12% Không cần điều-kiệu chính trị-
HAÏTI:	10% Tùy theo sự thiên-vị.
INDONÉSIE:	15 20% Chính phủ không cấp học-bổng nhưng sinh-viên có thể vay mượn của chính-phủ.
PHÁP:	17% Không cần điều kiện chính-trị.
ANH:	Đa số sinh-viên đều được cấp học bổng của chính-phủ hoặc của địa phương-không cần điều kiện chính-trị.

B. *Tình-trạng của Đại-Học trước thế-lực kinh-tế và xã-hội.*

I.— *Viện-trợ của những thế-lực kinh-tế cho Đại-Học.*

Ở Espagne, Ethiopie, Pháp, Haïti, Honduras, Indonésie, Hung-gia-lợi, Lithuanie, Uruguay, Đại-Học không nhận một viện-trợ nào của các thế-lực kinh-tế.

Trên nguyên-tắc thì ở Equateur, Hoà-lan, Ý, Bồ-đào-Nha cũng vậy. Nhưng thật ra đều có những luật trừ. Có những tổ-chức kinh-tế giúp Đại-Học về tài-chánh và nhất là giúp cho các Trường Bách-nghệ hoặc các Trường Khoa học Đại-Học.

Ở Bồ-đào-Nha, chỉ có một tổ-chức duy nhất trợ cấp tài-chánh cho một vài hoạt-động.

Ở Hoà-lan, một trường đào-tạo các công-chức du học Ấn-độ được thành lập với sự cộng-tác của nhiều tổ-chức quan-trọng chú ý đến vấn-đề kinh-tế thuộc-địa. Các giáo-sư của Trường này do một hội-đồng chỉ định, hội-đồng gồm có các nhân-vật của các tổ-chức kinh-tế đề ra.

13) *Sự lệ-thuộc các thế-lực kinh-tế.*

Chỉ ở Bỉ, và trong các Đại-Học tư lập mà thôi, người ta nhận thấy một mối liên-quan mật-thiết giữa những thế-lực tư-nhân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ở các nước khác, những viện-trợ do các hội thương-gia gởi đến rất ít ỏi so với số viện-trợ nhận của chính-phủ.

14.— *Người hưởng thụ các khoản phụ cấp* :

Những hội-đoàn trợ-cấp các khoản tiền chi-tiêu thường chỉ dành riêng cho Viện hay các ngành Đại-Học có chỉ định trước để nghiên-cứu một vấn-đề gì và không bao giờ cho toàn-thể Đại-Học nói chung. Cố nhiên các ngành Đại-Học khoa-học thường được đặc ân ấy. Nhất là trong những trung-tâm khảo-cứu về hạch-quang (nucléaires).

15 — 16. — *Phương pháp trợ cấp* :

Tiền trợ cấp ấy đều do những hội-đoàn kỷ-nghệ hay cá-nhân bên cạnh các khoản trợ-cấp trực-tiếp của các ngành kỷ-nghệ, Viện còn có những khoản trợ cấp kếch sù khác do những cơ-quan thành-lập liên-lạc với ngành kỷ-nghệ. Thường thường tiền trợ-cấp ấy là quỹ chính của Viện ở các nước, Bỉ hay ở Equateur, người ta còn nhận một số tiền trợ-cấp kín đáo khác ngoài những số tiền trợ-cấp công-khai.

Hệ-thống tổ-chức của Ý thì đặc-biệt hơn. Các Viện-Trưởng và Khoa-Trưởng có bổn-phận tổ-chức cổ-vỏ số tiền trợ cấp của các xí-nghiệp. Có những tổ-chức riêng được đặt ra để di-chuyển lo về vấn-đề ấy. Những người thuộc về hội-đoàn « CONSORZI » có quyền thẩm-phán và hành-động theo chỉ-thị của Bộ. Như vậy không bao giờ có sự giúp đỡ kín đáo nào khác.

17 — *Lý do và sự bành trướng các khoản tiền trợ cấp* :

Sở dĩ có sự trợ giúp cho các ngành Đại-Học là vì ngành Đại-Học ấy sẽ cung cấp cho nền kỷ-nghệ những sự khảo-cứu và những vấn-đề khoa-học quan-trọng. Nhưng thường các xí-nghiệp chẳng mấy quan tâm để giúp đỡ cho Viện Đại-Học. Họ cho đó là công-việc của nhà nước nơi mà họ đã chịu các thứ thuế. Ở Anh-quốc thì trái lại. Người ta nhận thấy các nền kỷ-nghệ luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ngành Đại-Học vì hai duyên cớ sau đây : thứ nhất là vì người ta nhận thức được sự quan-trọng lớn lao của Đại-Học, thứ hai vì người ta cảm thấy Đại-Học sẽ mất một phần lớn tự lập nếu chỉ trông cậy hoàn-toàn vào của chính-phủ. Trong hầu hết các quốc-gia, mọi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trả lời cho ta biết rằng tiền giúp đỡ của các xí-nghiệp, của các cơ-quan kinh-tế không đầy đủ để trợ-cấp cho các khoản chi tiêu của Viện.

18 — *Điều kiện trợ cấp* :

Ở Ý, tiền trợ-cấp bởi những hội-đoàn kinh-tế thì được quy-định do sự thành lập những «ghế Giáo-sư» (chaires) mà không can-thiệp vào việc việc tuyển-mở Giáo-sư hay trong nội-dung của chương-trình giáo-dục. Một cách tổng quát, sự giúp đỡ dành cho các Đại-Học không bao hàm một luật-lệ nào được can-thiệp vào sinh-hoạt của Viện. Tuy nhiên, gián-tiếp, ảnh-hưởng đó vẫn có khi cần sự giúp-đỡ tài-chánh để có phương-tiện cho những vấn-đề khảo-cứu dự định trước.

19. — *Giáo sư là những người cộng sự viên của những hội đoàn kinh tế.*

Trong hầu hết mọi Quốc-gia, Giáo-sư thường liên-lạc chặt-chẽ với các xí-nghiệp. Thường thường họ là những người cộng-tác-viên đắc lực được trả lương theo ngạch trật của họ ở Đại-Học hay hội-đoàn... mời ngay trước khi họ trở thành nhân-viên của Giáo-sư đoàn. Cố nhiên họ không phụ-thuộc gì những cơ-quan ở ngoài phạm-vi Đại-Học đó về tài-chánh. Nhưng trong một ít quốc-gia khác (Bỉ, Hạ-uy-di, Honduras v.v...) có một số đông Giáo-sư vì tình-cảnh bắt buộc phải có một nghề-nghiệp khác ngoài nghề dạy học mới đủ sống.

20 — 21. — *Ảnh hưởng của Đại-Học trên những tổ chức kinh tế và đào tạo những người lãnh đạo về ngành đó* :

Thường thường những câu trả lời nhận được không công-nhận Đại-Học có một ảnh-hưởng lớn lao trên sinh-hoạt kinh-tế. Ảnh-hưởng ấy chỉ có một cách gián-tiếp do những nhân-viên Đại-Học tham dự vào phạm vi kinh-tế thôi. Ở Bỉ hay ở Anh, sở dĩ người ta nhận thấy có ảnh-hưởng của Đại-Học là nhờ địa-vị quan trọng trong sự nghiên-cứu về khoa-học. Người ta cũng nhận thấy trong một vài quốc-gia, những đoàn thể xã-hội hay nghiệp-đoàn dùng những Trường Đại-Học như nơi trung-tâm nghiên-cứu của họ (chẳng hạn như Trường Đại-Học Công-giáo SACRÉ CŒUR có sự ủng-hộ của trung-tâm nghiệp-đoàn CISL).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trường Đại-Học, theo nguyên-tắc, không đào-tạo trực tiếp những người lảnh-đạo các xí-nghiệp kinh-tế, chỉ trừ Ở Bỉ vào một vài năm gần đây, có một vài Đại-Học đặc biệt chú trọng đến những vấn-đề ấy. Trái lại ở Ý, Đại-Học tổ-chức những lớp kỹ-thuật để đào-tạo những chuyên-viên,

22. — *Ảnh hưởng của những thế lực xã hội trên đời sống Đại-Học và của Đại-Học trên đời sống xã-hội :*

Người ta nhận thấy thế lực xã-hội ví dụ : nghiệp-đoàn thợ-thuyền, bắt đầu gây ảnh hưởng có hiệu quả trên một vài trường Đại-Học, đặc biệt trong phạm-vi khảo-cứu có liên-quan đến sinh-hoạt xã-hội. Ảnh hưởng trực tiếp trên Đại-Học chỉ có khi nào có những sinh-viên từ những giới nhất định theo học và lựa chọn ngành mình học. Trái lại, ảnh hưởng của Đại-Học trên những thế-lực xã-hội chẳng là bao nếu đem so sánh với sự quan trọng của những thế lực đó trong đời sống hiện tại.

C — *TÌNH TRẠNG CỦA ĐẠI-HỌC TRƯỚC NHỮNG THẾ LỰC VĂN-HÓA.*

23. — *Sự thích ứng của Đại-Học theo nhu cầu văn hoá của công chúng :*

Các trường Đại-Học kỳ cựu dần dần được thay đổi theo sự tiến-bộ văn-hóa của dân chúng. Người ta nhận thấy phần đông các trường Đại-Học hoàn-toàn thích ứng với nhu cầu trí thức của xã-hội. Dầu sao có một vài đại-diện phủ nhận vấn-đề trên và cho rằng ngành Đại-Học đã không thích ứng chút nào với nhu cầu quốc-gia. Vấn-đề nầy hiện được tranh luận sôi nổi ở những nước như Tây-ban-Nha, Ý, Honduras và Uruguay. Người ta nhận thấy một cách tổng quát rằng các ngành cao-đẳng Đại-Học,bởi tính cách bảo thủ của nó, phải cần một thời gian khá lâu để có thể thích nghi với nhu cầu mới của thời đại, thời-đại mà nền văn-hóa không chỉ dành riêng cho một hạng người nào trong xã-hội.

Đại-Học không thể thích nghi với nhu cầu của dân chúng trong nhữgn nước theo chế độ Cộng-sản trong đó Đại-Học bắt buộc phải theo sự đòi hỏi của Đảng và lý thuyết của Cọng-sản quốc-tế.

Các câu trả lời của những phái đoàn như Ethiopie và Indonésie cho biết rằng ngành Đại-Học thích ứng với nhu cầu của các xứ phương tây hơn là với nhu cầu những xứ có trường Đại-Học ấy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

24.— *Ảnh hưởng của Đại-Học trên nền văn-hoá bình dân :*

Trường Đại-Học là một nơi biệt lập — Ảnh hưởng của nó thường thu hẹp vào một khu vực nhất định. Người ta chỉ có thể nói đến ảnh-hưởng gián tiếp có những nét sâu đậm hơn khi ngành Đại-Học có phận sự đào-tạo những Giáo-sư ở ngành giáo-dục cấp dưới; Điều nầy rất hiếm.

Dần dần theo nhu cầu của dân chúng và phong tục, người ta mở những Đại-Học có tính cách rộng-rãi hơn, có các lớp buổi tối hay mùa hè để thâu nhận những sinh viên ở ngoài trường Đại-Học. Từ đó người ta có danh-từ Đại-Học bình dân. Trong mọi quốc-gia các trường Đại-Học và nền văn-hóa bình dân đều có ảnh hưởng hỗ-tương cho nhau.

25. — *Quyền và bổn phận của Đại-Học phải có ảnh hưởng trên đời sống công cọng :*

Viện Đại-Học không thể có một ảnh-hưởng thật sự trong lãnh-vực chính-trị, kinh-tế, và xã-hội nếu Viện không có tự-do ít nhất là tự-do tương đối. Trong những quốc-gia mà Đại-Học không có một sự tự trị hẳn hoi thì không bao giờ có những câu trả lời công nhận sự thực trên. Nhưng đâu đâu cũng mong muốn Đại-Học tham dự vào việc xây-dựng những giá-trị văn-hoá vào đời sống xã-hội.

26. — *Ảnh hưởng tôn giáo và những yếu tố khác trên Đại-Học :*

a) *Ảnh hưởng của Giáo-hội.*

— Giáo-hội không có một ảnh hưởng nào trực tiếp trên các trường Đại-Học Công-giáo ở Mỹ, Hoà-lan, Ý, Pháp v.v... Nhưng hầu hết mọi nơi đều có ảnh hưởng của Giáo-hội trên đời sống Đại-Học do những nhóm sinh-viên Công-giáo cũng như do một số đông Giáo-sư Công giáo mà người ta tìm thấy trong tất cả mọi trường Đại-Học. Những nhóm sinh-viên và Giáo-sư nầy thường liên-lạc với nhau chặt-chẽ bởi những hội-đoàn như « Paroisse Universitaire » ở Pháp hay như « Comitato Docenti Universitaire » được thành lập bởi Movimento Laureati ở Ý.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

27.— *Ảnh hưởng của những yếu tố khác :*

Những tôn-giáo khác cũng không có ảnh hưởng trực tiếp lớn lao trên đời sống Đại-Học. Nhưng cũng gây một ảnh hưởng nào đó do những hội-đoàn hoạt-động kín hay công khai hay bởi những nhân viên của họ trong Đại-Học. Trái lại trong những quốc-gia chỉ có một tôn-giáo chính-thức thì lẽ tự nhiên tôn-giáo đó có ảnh hưởng trên toàn thể Đại-Học. Các câu trả lời cho biết chắc-chắn đều đó. Ở Tây-ban-Nha thì có ảnh hưởng Công-giáo ở Ethiopie thì có đạo chính thống, ở Anh quốc thì có tin-lành, Ecosse thì có hội thánh Thê-phản.

Đại-Học tư như ở Bruxelles, ảnh hưởng của «Tam điểm» .

Ở Hung-gia-lợi và Lithuanie và các nước Cộng-sản chỉ có đảng Cộng-sản là bành trướng một cách mạnh mẽ vào các ngành Đại-Học. .

Yếu tố « Ngôn ngữ » và quốc-gia lẽ tự nhiên đều có ảnh hưởng vào các Đại-Học trong xứ : Ngôn-ngữ của một quốc-gia được dùng làm ngôn-ngữ chính thức của ngành Đại-Học. Các Giáo-sư là những người được chọn ngay trong xứ của họ. Ở Lithuanie, thì các Đại-Học bắt buộc phải dùng tiếng Nga.

Ảnh hưởng truyền thống gia-đình và giai-cấp xã-hội hiện nay không còn trong sinh-hoạt Đại-Học nữa, tuy nhiên, trong nhiều quốc-gia một số lớn sinh viên đều thuộc về giai cấp trưởng-giã.

Nhìn tổng quát, người ta nhận thấy nếu ngành Đại-Học cần có một trình độ tự do mà mọi người đều mong muốn, đều đó đòi hỏi Viện phải có quyền hành và bổn-phận quan tâm đến vấn-đề kinh-tế, chính-trị và xã-hội .

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

B— QUYẾT-NGHỊ SAU CÙNG

TIỂU BAN A.

Sự tự trị của Đại-học trước chính-quyền :

Nhóm.— I : Ông Barnhard Deermann (Đức-quốc).

Nhóm.— II : Ông Diarmuid O'Scanlain (U.S.A.).

1) Trong xã-hội Đại-Học là một cơ-quan riêng biệt và tự-trị.

2) Trong phạm-vi giáo-dục và nghiên-cứu khoa-học, cần phải được tự-trị vì đó là nền-tảng thiết-yếu cho một công-trình đào-tạo hiệu-nghiệm ở Đại-Học.

3) Phải bổ-nhiệm các giáo-sư thế nào để nguyên-tắc tự-trị của Đại-Học và tính-cách khoa-học của những công-trình nghiên-cứu, của họ được bảo-đảm tính-cách khách-quan của sự tiến-đạt chân-lý và sự dạy-dỗ chân-lý.

Đồng thời sự bổ nhiệm giáo-sư cũng phải bảo đảm.

4) Các giáo-sư có năng-lực và không bị một ảnh-hưởng nào chi-phối bảo-đảm sự tự-trị của Đại-Học trước Chính-quyền.

5) Khi Chính-phủ bổ-nhiệm giáo-sư thì phải bổ-nhiệm theo đề-nghị của Đại-Học. Chính-phủ chỉ có thể ảnh-hưởng đến việc bổ-nhiệm giáo-sư với mục-đích giữ-gìn sự chính-trực và độc-lập thực sự của Đại-Học. Trong trường-hợp này, Chính-phủ phải hỏi ý-kiến của những vị độc-lập vô tư và có thẻ-giá.

6) Các giáo-sư phải được bổ-nhiệm suốt-đời để làm cho uy-tín và địa-vị của họ càng vững-chắc thêm. Trong một vài nước , người ta tuyển-nhiệm giáo-sư với điều-kiện sẽ duyệt lại sau một thời-gian đã định, Như bảy năm một lần. Các giáo-sư có thể rời ghế Đại-Học trong trường-hợp họ lỗi bổn-phận giáo-sư một cách quáđá ng.

7) Cần phải kính trọng tự-do chính-trị các giáo-sư kể như là công-dân. Với tư-cách là giáo-sư Đại-Học những người này phải bảo-đảm trước tiên thái-độ khách-quan của họ trong lúc giảng-dạy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

8) Đại-Học chỉ được kể là Đại-Học, từ giáo-sư đến sinh-viên phải xa hẳn chính-trị đảng-phái.

9) Khi sự tự-trị Đại-Học thực sự bị đe doạ, các phần-tử có quyền nghỉ việc để bảo-đảm sự tự-trị đó.

10) Mục-đích của Đại-Học là lo nghiên-cứu khoa-học và giáo-huấn. Trong những giới-hạn đó, Đại-Học có quyền-lợi và bổn-phận tổ-chức, dưới một hình-thức khách-quan và đồng thời tự-chủ, một công-việc huấn-luyện sinh-viên theo tinh-thần một công-dân, bằng những bài giảng, những tổ-chức học-vụ... Các hội sinh-viên trực thuộc những đảng chính-trị trái lại không thể nào được nhìn-nhận là thành-phần chính-thức của Đại-Học.

Nhưng các hội sinh-viên, kể là những đoàn thể có mục-đích huấn-luyện những phần-tử phải lo đào-tạo sinh-viên có tinh-thần công-dân theo những nguyên-tắc của quan-niệm giáo-dục đó.

II.— Khi xã-hội cần đến những người tốt-nghiệp ở Đại-Học được huấn-luyện riêng-biệt trong những phạm-vi riêng-biệt, thì chính-phủ có quyền-kích-thích những công-cuộc nghiên-cứu tương-xứng bằng cách thêm ghế giáo-sư, thiết-lập những Viện Đại-Học, cùng cấp học-bổng... Tuy-nhiên, những cách thể kích-thích đó không làm cho mức-độ khoa-học của những công-cuộc nghiên-cứu Đại-Học phải lâm-nguy và cũng không phải giới-hạn tự-do chọn nghề-nghiệp.

TIỂU - BAN. B

Sự tự trị Đại-học trước những thế lực kinh-tế và xã-hội.

Người đảm-nhiệm :

— Nhóm.— : Giáo-sư Friedrich Engel-Janossi (U.S.A).

— Nhóm.— II : Giáo-sư Patrick Hulede (Ghana).

1) Khi Đại-Học không hoàn-toàn bị chính-phủ chi-phối về mặt tài-chánh, thì người ta có thể quan-niệm là những tổ-chức kinh-tế và xã-hội

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cung cấp tiền bạc cho Đại-Học. Những tổ-chức nầy có thể bắt buộc Đại-Học dành riêng số tiền ấy cho những trung tâm nghiên-cứu riêng biệt nào đó. Tuy nhiên, không phải là sự tự-trị của Đại-Học sẽ bị các huấn-lệnh quá xác-định và giới-hạn cản trở đâu. Ngoài ra ta cũng không thể quan-niệm rằng người ta bắt buộc Đại-Học thực-hiện những công việc không phù hợp với bản-tính của mình hay nghịch với công-ích.

Tuy nhiên cũng có một ít người trong tiểu-ban nghĩ rằng không nên dành riêng quyền-lợi trợ cấp các Đại-Học cho những tổ-chức tư để cho chính-phủ đảm-nhận hoàn-toàn thì hơn.

2) Nhờ công cuộc giảng dạy và nghiên-cứu, các giáo-sư giúp ích cho xã hội. Nhưng trong một vài phạm vi (y khoa, khoa học, kinh tế và xã hội.v.v...) các giáo-sư cũng nên có một hoạt-động ngoài lề Đại-Học : lúc đó họ có thể mang lại cho xã-hội cách trực-tiếp hơn những kết-quả nghiên-cứu của họ và đàng khác họ sẽ thâu lượm những kinh-nghiệm thực-tế thiết yếu cho sự giãng dạy của họ hơn. Tuy nhiên, không phải là ảnh-hưởng những hoạt-động nầy làm nguy hại cho phẩm tính hay khách-quan-tính công việc giáo-huấn của họ. Do đó cần phải tạo ra những điều-kiện để các giáo-sư trước tiên là hoạt-động trong Đại-Học. Lương bổng của họ phải tương xứng với chức-vụ của họ và phải được đầy đủ để họ sống tử-tế và xứng-đáng mà không cần đến tài-sản bên ngoài. Nhưng cũng rất tiếc vì có một số giáo-sư quá lạm dụng để được những tiền trợ-cấp ở ngoài quá đáng. Các giáo-sư phải ý-thức rằng họ có một thiên-chức tinh-thần đòi buộc họ phải hy-sinh những quyền-lợi vật-chất.

3) Chỉ có khả-năng trí-tuệ mới là tiêu-chuẩn để cho các sinh-viên bước vào Đại-Học mà không phân-biệt màu da hay là giai-cấp xã-hội.

Trong nhiều nơi Đại-Học mở cửa đón nhận mọi người. Tuy nhiên cũng còn có những phân-biệt giai-cấp đảng-phái như ở trong Đại-Học Cộng-sản trong đó những người đại-diện cho những giai-cấp chiếm hữu thời xưa thì không được học Đại-Học, hoặc ở Âu-châu, trong một số Đại-Học tư trong đó những người điều-khiển không cho phép những sinh-viên xuất thân từ một giai-cấp nào đó được nhập Đại-Học.

Vấn-đề quan trọng hơn là vấn-đề chủng-tộc. Không có chủng-tộc nào ưu-tú thượng-đẳng, mà chỉ có những dân tộc khác nhau thôi. Vậy vấn-đề là không nên bỏ hay là thêm sự khác nhau. Nhưng là phải gây một sự điều-hoà giữa các dân tộc. Phân chia dân tộc trong các Đại-Học là một hành động ngăn cấm không cho phép, các chủng-tộc hiểu nhau, và trái ngược với tinh-thần đại-đồng, phổ-biến của Đại-Học.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

QUYẾT-NGHỊ SAU CÙNG

TIỂU - BAN. C

Sự tự trị của Đại-học trước những chủ-nghĩa đế-quốc văn-hóa :

Người đảm-nhiệm :

— Nhóm. — I : Ông Enrique Miret (Tây-ban-Nha)

— Nhóm.— II : Ông Joseph Kuriacose (Ấn-độ)

A.— VĂN-HOÁ VÀ CÁC NỀN VĂN-HOÁ.

1) Văn-hoá là sự phát-triển nhân-vị con người, từ giai-đoạn đầu tiên mới thành hình. Nhưng văn-hoá luôn luôn tôn trọng tính cách ngẫu nhiên của sự phát-triển nhân-vị đó. Nhân cách mà chúng ta nhận lấy ở Thượng-đế chưa hình thành, chính chúng ta phải cố-gắng để làm phát-triển nhân-cách đó nhờ những cố-gắng và kinh nghiệm cá-nhân của chúng ta cũng như nhờ giáo-dục mà chúng ta hấp-thụ được.

2) Trong các tôn-giáo chỉ có Thiên-chúa giáo mới thiết lập được sự phân biệt thần-quyền và thế-quyền, bởi vì ơn thánh, tuy từ cao chiếu xuống trên phạm-vi văn-hoá nhưng không tiêu-diệt nó.

3) Ta không thể đóng khung văn-hoá trong một vài đoàn-thể xã-hội, vì văn-hoá có mục-đích là thực-hiện những lý-tưởng nhân-loại hết sức đầy đủ. Vã lại có nhiều nền văn-hoá. Mỗi một văn-hoá có những yếu-tố riêng biệt, có những yếu-tố có giá-trị hạn hẹp, có những yếu-tố khác lại có giá-trị phổ-biến ; những yếu-tố sau nầy, khi được phát-triển đầy đủ, vượt khỏi giới hạn quốc-gia và ngôn-ngữ. Do đó không thể nào khép kín văn-hoá trong những giới hạn chính-trị hay địa-lý.

4) Mỗi một nền văn-hoá hấp-thụ những giá-trị phổ-quát và diễn-tả chung dưới những hình thức quốc-gia riêng biệt. Những giá trị phổ-biến được truyền bá không bị thiệt thòi gì cả khi chúng ta đồng hoá hay thâu thải chúng.

5) Nếu bắt buộc nhìn nhận những giá-trị văn-hoá bằng áp bức chính-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trị, kinh-tế và tâm-lý thì ta làm tổn thương đến sự thanh liêm và sự tự-trị của Đại-Học kể là một cơ-quan có mục-đích duy-trì và canh-tân một văn-hoá một nước độc-lập. Lúc đó là đế-quốc về văn-hoá.

B.— ĐẠI-HỌC VÀ SINH HOẠT VĂN-HOÁ :

Đại-Học tham-dự vào sinh-hoạt văn-hoá quốc-gia bằng hai cách : sứ-mạng trực-tiếp mặc-khải, phòng giữ và tăng-gia sản-nghiệp văn-hoá, và vai trò gián tiếp đảm-nhiệm việc đào tạo những chuyên-viên dịch-vụ hay sản-xuất.

C.— NHỮNG HÌNH THỨC ĐẾ-QUỐC VỀ VĂN-HOÁ :

1) Tuyển-mộ một số giáo-sư thuộc một lập-trường rõ-rệt, như thế là tạo nên một hình-thức đế-quốc về văn-hoá.

2) Vâng theo một cách mù-quáng nô-lệ những đòi-hỏi của một ít đoàn-thể xã-hội nào hay trái lại Đại-Học bắt-buộc xã-hội chấp-nhận độc-quyền văn-hoá của mình.

3) Vì không biết giá-trị thực sự của văn-hoá bản-xứ, có một ít phần tử của cộng-đồng Đại-Học có thể vô-ý trở thành những dụng-cụ một đế-quốc văn-hoá, mặc dầu họ ý-thức được những trách-nhiệm của họ.

4) Cần phân biệt rõ-ràng bản-thể tôn-giáo của Công-giáo và lãnh-vực văn-hoá Âu-Tây mà người ta thường trình-bày đạo công-giáo qua công-trình văn-hoá đó. Nếu không phân-biệt như thế, các dân-tộc khác văn-hoá Âu-Tây không thể nhận ra những giá-trị đặc-biệt tôn-giáo của Công-giáo.

5) Không có một văn-hoá nào có thể thay thế một văn-hoá khác, bởi vì để phản-ứng lại, một dân-tộc thường ý-thức rõ-rệt hơn cái sản-nghiệp văn-hoá của mình, khi họ đứng trước một văn-hoá ngoại-lai, Nhưng dù có tính-cách riêng-biệt, thì các giá-trị văn-hoá cũng vẫn có tính-cách phổ-cập mà các văn-hoá khác có thể lãnh-hội được.

6) Tính cách không thể tránh được và sự đột nhập của tiến bộ vật chất đôi khi làm ta chấp nhận kỹ thuật mà không đối chiếu đầy đủ với những

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

những truyền thống quốc-gia. Các sinh-viên có thể cảm thấy bắt buộc phải thâu nhận những trí thức kỹ thuật trước khi có kinh nghiệm đầy đủ và được dự bị đầy đủ. Thái độ nầy có thể đưa đến chỗ là kỹ thuật lấn áp chà đạp văn-hoá.

D — PHƯƠNG THỂ THỰC HIỆN ĐẾ-QUỐC VĂN-HÓA :

1) Một hệ thống chặt chẽ thi cử bắc buộc sinh viên phải chú tâm đến một vài vấn đề nhất định mà không cho họ giờ rỗi để tìm hiểu thêm. Hệ thống đó có thể hạn chế sự phát triển văn-hoá của họ.

2) Trong việc giảng dạy, việc bắt buộc phải dùng một ngoại ngữ có thể tạo ra một phương thế để thực hiện đế quốc văn hoá. Học ngoại ngữ mặc dù là một yếu tố quan trọng để trau dồi trí tuệ cá nhân, nhưng không lợi dụng sự học đó mà làm cho quốc ngữ phải thiệt thòi.

3) Vì tính cách quan trọng của các giáo-sư trong sự làm tròn những phận sự đào-tạo của Đại-học, nên sự tuyển lựa các giáo-sư thường trở nên một trong những phương thế thường thức để bắt buộc công nhận một vài ý thuyết (idéologie).

4) Thái độ độc đoán của một vài giáo-sư trong sự nghiên cứu là một thái độ chứng tỏ các vị ấy thiếu khiêm tốn. Thái-độ đó ngăn cấm không cho các phẩm tính tự nhiên và nhân cách của sinh viên được tự do phát triển.

5) Ngay cả ở những nơi có nhiều sinh viên theo một tôn-giáo, ta cũng nhận thấy rằng họ có một khuynh hướng tự đoàn kết với nhau với ý định bắt buộc những người khác nhìn nhận quan điểm của mình, điều nầy xét cho cùng, cũng là một hình thức thống trị.

6) Ta nhận thấy có một hố sâu giữa Đại-học và người thường ít học thức, người ta không làm cho hạng người đó biết tôn trọng những công-việc của Đại-học.

7) Các vị giáo-sư Đại-học, vì sự chuyên môn của họ cảm thấy tầm hiểu biết của họ bị giới hạn trong chuyên môn không biết phổ biến những nhận thức của họ theo từ ngữ phù hợp với sự hiểu biết của hạng người đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

8) Tách biệt Đại-học khỏi dân-chúng là điều rất nguy hiểm, vì sẽ đưa đến tình trạng là khinh rẻ những giá trị văn-hoá phát minh ngoài lãnh vực Đại-học.

9) Nhưng Đại-học có thể đứng ra ngoài dân-chúng tới một mức-độ nào như khi ta phải nghiên-cứu trí-thức kể là tri thức. Nhưng trạng thái cô lập chỉ có giá trị trong một thời gian thôi cho đến khi tri thức trên đã đến mức độ là giúp ích cho nhân loại.

10) Dầu chúng ta nhấn mạnh đến việc cần thiết phải làm cho dân-chúng biết tới những hoạt động của Đại-học, nhưng chúng ta cũng nhận rằng cần phải nghiên-cứu kỷ lưỡng để xem có nên phổ biến những kết quả nào hay những ý tưởng nào.

E — PHẢN ỨNG TRƯỚC ĐỀ QUỐC CHÍNH TRỊ

1) Để phản ứng lại với đế quốc chính trị. một quốc gia chủ-nghĩa hẹp hòi xuất hiện. Chủ-nghĩa nầy có thể đưa ta đến vấn-đề chỉ xem Đại-học là một cơ quan quốc-gia và từ chối không thâu nhận những văn-hoá ngoại lai.

2) Các Đại-học phải đặt hoạt-động của nó trong hiện tại, trên những nền tảng vững chắc của di sản văn hoá để gia tăng văn-hoá đó và thâu nhận những văn-hoá ngoại lai. Do đó trong một thời gian các Đại-học có thể nhấn mạnh vào văn-hoá riêng biệt của xứ sở.

F. — VAI TRÒ CỦA ĐẠI-HỌC

1) Đại-học có sứ-mạng phổ quát và những phương pháp họ dùng cũng phải có tính cách phổ quát nữa. Đại học cần phải trung thành với sứ mạng và phương pháp của mình.

2) Đại-học có phận sự ghi sâu vào các phần tử Đại-học các đức tính khiêm nhường và biết phân biệt để họ có thể hiểu và tôn trọng các giá trị thực sự và đồng thời loại ra những khía cạnh tiêu cực hay không có giá-trị của mọi văn-hoá, dù là những khía cạnh tiêu cực thuộc văn-hoá của họ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3) Kỹ thuật nói chung, gây một ảnh hưởng trực tiếp trên xã hội. Vì ảnh-hưởng đó nên Đại-học phải đưa ra một giáo-huấn có tính cách chuyên môn cho sinh viên của mình, dầu những người này chưa có kinh nghiệm đủ để hấp thụ giáo-huấn đó. Ta chỉ nên triệt để chống khuynh hướng chuyên môn ngay bên trong Đại-học, bằng cách tổ chức những lớp học bổ túc về văn-hoá tổng quát, dầu là ngoài khuôn khổ những bài giảng phải có ở Đại-học.

4) Khi một quốc-gia chủ-nghĩa thái quá muốn bắt buộc Đại-học trở thành một công-cụ của mình và muốn quốc-gia hoá hoàn toàn Đại-học thì cộng-đồng Đại-học phải chống đối lại nhờ những cái nhìn không thiển cận của các phần tử của cộng đồng Đại-học.

*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

BẢN TUYÊN-NGÔN
NHÂN - QUYỀN DƯỚI DIỆN MỤC PHÁP - LÝ

LÊ-TÀI-TRIỂN

Từ mười năm nay, mỗi năm, vào ngày 10 tháng chạp, ta lại được nghe nói đến bản Tuyên Ngôn Nhân-Quyền của Liên-Hiệp-Quốc. Bao nhiêu cái hay, cái đẹp đã được đem ra ca-ngợi, cũng như cái tinh-thần nhân đạo đã được đề-cao.

Nhờ vậy, chẳng ít thì nhiều ta cũng đã được biết qua về bản Tuyên-Ngôn của Liên-Hiệp-Quốc.

Nó là kết-quả của hai năm bàn cãi giữa các đại-diện của các Quốc-Gia hội-viên Liên-Hiệp-Quốc. Ra đời sau thời-kỳ thai-nghén ấy, nó được 48 nước biểu-quyết thừa nhận tại hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc, không có phiếu nào phản-đối, chỉ có bảy nước không bỏ phiếu.

Hai chữ «Nhân-Quyền» ở đây phải hiểu theo nghĩa đen, nghĩa thông thường của nó là cái quyền làm người, cái quyền mà đã là người ai nấy đều phải có, nếu không thì không phải là con người nữa. Nói một cách khác, đó là những quyền thành-tựu cho cái nhân-cách, và, những nhân-quyền ở đây, không phải là những quyền đối nhân, những tư quyền trong Dân-Luật. Quyền đối nhân trong Dân-Luật—trái với những quyền đối vật—là những quyền của người này có thể đem đối xử với người khác; những quyền này được đặt dưới sự chế-tài của Dân-Luật, nghĩa là được bảo-vệ bằng một tố-quyền. Những nhân-quyền trong bản Tuyên-Ngôn không có được sự chế-tài ấy. Đó chỉ là những nguyên-tắc chỉ-hướng cho các quốc-gia phải theo đường lối ấy mà hành-động.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Những nhà chính-trị, những nhà cách-mạng thường có chỗ yếu là ưa thích những lời hoa-mỹ. Cho nên, những nhà chính-trị năm 1948 đã tuyên-bố những nhân-quyền một cách trịnh-trọng văn-hoa, chẳng kém gì những nhà cách-mạng Pháp năm 1789.

Đọc bản Tuyên-Ngôn Nhân-Quyền của Liên-Hiệp-Quốc là ta liên tưởng đến bản tuyên ngôn của cách-mạng Pháp. Cũng những lời lẽ hùng-hồn như vậy, cũng những quyền ấy được công-nhận, chỉ thêm vào đó một số quyền mới về phương-diện kinh-tế và xã-hội.

Trong cuộc đại-chiến thứ nhì ở thế-kỷ này, hình như người ta đã chứng kiến quá nhiều những tàn-bạo của sức-mạnh và cảm thấy là cần phải có một sự phục-thù của trí-tuệ, phải khôi-phục uy-thế của tinh-thần, vì thế nẫy ra ý-kiến đưa ra một bản tuyên-ngôn về quyền làm người.

Một bản tuyên-ngôn hết sức long trọng về hình thức. Mở đầu, ta đã thấy ngay tính cách ấy với những câu rất giài và những danh-từ rất lớn :

Xét rằng sự xác nhận cái nhân-cách cho tất cả mọi người trong nhân loại, sự xác nhận những quyền năng bình đẳng và bất diệt của người ta là căn-bản cho tự-do, công-lý và hoà bình trong thế-giới;

Xét rằng sự phủ-nhận, sự khinh-miệt những quyền lợi ấy đã đưa đến những hành-động dã-man làm cho lương-tâm của nhân loại phải công phẫn;

Xét rằng kỳ-vọng tha thiết và cao cả của người ta là tiến-tới một thế giới mà ai nấy đều được tự-do nói, nghĩ, tự-do tin-tưởng, được giải-phóng khỏi sự khủng-bố, giải thoát khỏi sự nghèo nàn;

Xét rằng trong bản Hiến-Chương, các Quốc-Gia Hội-Viên Liên-Hiệp Quốc đã bộc lộ sự tin-tưởng chí-thành vào những quyền lợi căn bản của con người, vào nhân-cách và giá trị của con người, vào sự bình đẳng quyền lợi nam nữ, và đã quyết định thúc đẩy sự tiến-hoá xã-hội để thiết lập một đời sống tốt đẹp hơn, với một sự tự-do đầy đủ hơn».

Sau khi đã nêu rõ lý-do một cách trịnh trọng như vậy, Hội-Đồng-Liên-Hiệp-Quốc đem bản tuyên-ngôn tuyên-bố, coi là cái lý-tưởng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chung của mọi dân-tộc. Nhưng trước khi ấy, hình như còn đang hứng-chí vì những lời lẽ của mình, Hội-Đồng còn gài thêm một câu nữa cũng hết sức văn-vẻ, theo kiểu các nhà cách-mạng Pháp năm 1789, để cho ta được biết cái mục-đích của lời tuyên-bố. Bản Tuyên-Ngôn Nhân-Quyền, theo lời Hội-Đồng, được đem công-bố là « để cho tất cả cá-nhân, tất cả các cơ-quan trong xã-hội, ai nấy, lúc nào cũng nhớ bản tuyên-ngôn trong trí-óc và sẽ cố gắng phát-triển sự tôn-trọng những quyền-lợi, những tự-do của bản tuyên-ngôn đã nói rõ ». (1)

I

Bộ áo thật là đẹp.

Ta thử xem bên trong có những gì; thử xem, trong bản tuyên-ngôn những quyền-lợi gì, những tự-do gì của con người đã được thừa nhận.

Bản Tuyên-Ngôn gồm có 30 điều và đã xác nhận nhân quyền về ba phương-diện.

a) Về thể-chất vá đời tư của cá-nhân, mỗi người đều có quyền sinh sống, quyền tự-do, không thể bị cầm giữ làm nô-lệ; không thể bị tra tấn dã-man; mọi người đều bình-đẳng trước Pháp-Luật; đều có quyền hưởng công-lý nghĩa là được xét xử do một Toà-án độc-lập vô tư.

---

(1) Nguyên-tác bản tuyên-ngôn của Liên-hiệp-quốc : « L'Assemblée générale proclame la présente Déclaration universelle des Droits de l'Homme comme l'idéal commun à atteindre par tous les peuples et toutes les nations afin que tous les individus et tous les orgnes de la Société, ayant cette décalaration constamment à l'esprit s'efforcent, par l'enseignement et l'éducation de développer le respect de ces droits et libertés et d'en assurer, par des mesures progressives d'ordre national et international, la reconnaissance et l'application universelles et affectives

Nguyên-tác bản tuyên-ngôn của Cách-mạng Pháp : « Les Représentants du peuple français.... ont résolu déposer, dans une Déclaration Solennelle les droits naturels, inaliénables et sacrés de l'Homme. afin que cette Déclaration, constamment présente à tous les membres du corps social leur rappelle sans cesse leurs droits et leurs devoirs, afin que les actes du pouvoir législatif et ceux du pouvoir exécutif, pouvant être à chaque instant comparés avec le but de chaque instiution politique en soient plus respectes... »

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Mỗi người đều được tôn trọng trong đời tư của mình : gia-cư, thư-từ, danh-dự của mỗi người đều được che chở, không thể bị xâm phạm một cách độc-đoán.

Mỗi người đều có quyền tự-do đi lại, có quyền bỏ xứ sở đi ra ngoại-quốc, có quyền trở về nước; có quyền xin lưu-trú ở nước ngoài nếu bị ngược đãi hành hạ vô cồ ở nước mình.

Mỗi người đều có quyền lập gia-đình, không phân biệt nòi giống, quốc tịch, tôn giáo.

b) Về kinh-tế và chính-trị, mỗi người đều được huởng quyền tư hữu, có quyền tham gia vào việc công, có quyền đảm nhiệm công vụ một cách bình đẳng, ai cũng như ai, có quyền được công ăn việc làm, được gia nhập nghiệp đoàn ; có cả quyền được nghỉ, được chơi ; được hưởng một đời sống đầy đủ cho mình và cho gia-đình.

Sãn phụ hài nhi cũng được che chở. Con trẻ, dù là con chính thức hay con ngoại hôn cũng phải được hưởng sự che chở của xã hội.

c) Về phương diện tinh-thần, mỗi người đều có quyền tự-do tư-tưởng, tự-do tín-ngưởng, tự-do phát biểu ý kiến ; có quyền được giáo-dục, và sự giáo-dục phải hướng về mục đích làm nẩy nở toàn vẹn nhân cách của con người và khích lệ sự bao dung, thông cảm, tình thân hữu giữa các dân tộc.

Xét những quyền lợi trên này, ta thấy rằng đó là những quyền mà luật thiên nhiên đã công nhận cho người ta. Nói một cách khác, đó là những quyền tự nhiên, không có ở trong luật của người đời, nhưng, đã là người, ai cũng cảm thấy rằng mình phải có.

Luật thiên nhiên là cái gì mà có phép nhiệm mầu như vậy ? Đó đã là một lợi khí để đánh đổ chế độ quân chủ chuyên-chế bên Tây-phương ở thế kỷ thứ 18. Để rèn luật thiên-nhiên thành cái lợi khí ấy, học thuyết đã bỏ cái quan niệm cũ coi luật thiên nhiên là những phép tắc cai trị tuyệt-diệu, lý-tưởng, người ta chỉ dùng cái lý-trí của mình là linh hội được. Luật ấy gọi là luật thiên nhiên vì ở ngoại-cảnh, nội tâm đâu đâu cũng có. Tạo-hoá đã đem nó phổ vào vũ-trụ, đã đem nhập vài lý trí của con người làm cho người ta chỉ dùng cái lý trí của mình là đủ nhận thấy. Cái lý trí ấy, ở con người ta,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bất biệt từ đời này sang đời khác, từ nơi này sang nơi khác, chan hoà khắp trong vũ-trụ, thông suốt khắp mọi thời gian, cho nên luật thiên nhiên là một nền luật duy nhất, bao trùm cả thiên hạ, trời đất và bất tử, không bao giờ tiêu diệt. Với tư cách là người và chỉ với tư cách ấy, người ta đều có những quyền do luật thiên-nhiên thừa nhận, và quyền thiết yếu trong luật ấy là quyền tự-do.

Luật của người đời phải cố gắng tiến tới nền luật thiên nhiên ấy, vì như vậy là tiến tới nền luật lý tưởng, toàn thành và toàn mỹ.

Ta có thể tin hay không tin là có luật thiên-nhiên trên này ; nhưng dù sao, khi mà những quyền lợi tự nhiên trên kia của chúng ta — quyền sinh-sống, quyền đi lại, quyền tín ngưỡng v.v.. — được đem ghi chép một cách long trọng vào một bản văn Quốc-tế để làm mẫu mực cho những hành động của mỗi quốc gia, ta phải coi đó là một việc đáng mừng. Là vì những quyền lợi, trước kia mới chỉ là những viễn ảnh trong luật thiên-nhiên, nay đã được đem nhập vào luật thực tại, đã được xác nhận rõ-ràng bằng giấy mực.

II

Nhưng đây chỉ mới là một bước đầu (1), mặc dầu sau bản tuyên-ngôn của Liên-Hiệp-Quốc, những quyền kể trên đã được ghi vào hiến pháp của nhiều nước. Đó chỉ là một sự xác nhận nguyên tắc. Còn phải sang giai đoạn thực hành nữa.

Sự thực hành, trong nhiều trường hợp, sẽ gặp phải trở ngại, không riêng ở nước nào, mà hầu hết ở các nước.

Trở ngại về thực-tế.

Trở ngại về lý-thuyết.

Tỷ dụ như khi bản Tuyên-Ngôn, trong điều 3, điều 5, điều 7, điều 8, điều 10, điều 11 nói rằng mọi người đều có quyền sinh sống, có quyền an-

(1) Charles Malick : Bulletin des Nations Unies, 1949, p 36

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ninh về bản thân, không thể bị hành hạ dã man không thể bị đối xử tàn ác và ai nấy đều có quyền được hưởng công lý, dầu có bị truy tố, cũng được coi là vô tội, cho đến khi có chứng cớ rõ-ràng.

Còn gì dễ-dàng hơn sự thực-hành những lời tuyên-bố ấy ? Vậy mà ở nước nào không có những việc bắt người trái phép, giam người vô tội, vì sự ngu dốt của kẻ thừa hành vô trách nhiệm, hay vì sự tăng gia mỗi ngày một nhiều những hình tội mới ? Chính ở Pháp một danh-nhân vào bậc nhất trong luật giới, luận về sự suy vong của luật-pháp đã phải viết rằng : « Hình phạt cổ nhiên không phải là những sự xâm phạm vào tự-do, nhưng nếu mỗi ngày lại đặt thêm ra những hình tội mới, không đếm xỉa đến cái ý chí phạp pháp của người ta, thì cái bộ máy trừng phạt sẽ làm cho toàn dân lúc nào cũng nơm nớp lo sợ. Không còn ai biết mình là vô tội hay có tội nữa » (1)

Nói chi đến những sự thực hành khác, những sự thực hành đòi hỏi những phương tiện tài chánh, kinh tế hay pháp lý không dễ-dàng có được.

Tỷ dụ như điều 23 và 25 bản Tuyên-Ngôn nói rằng ai nấy đều có quyền có công ăn việc làm, có quyền được một đời sống đầy đủ. Có quyền như vậy, ai chẳng muốn, nhưng đòi hỏi quyền ấy ở đâu ? Ở người nào ? Nói riêng về pháp lý, thì những điều này không có được hậu quả gì hết. Là vì những điều ấy đặt ra một nghĩa-vụ mà không biết cái người phải thi hành nghĩa vụ là ai. Nghĩa vụ là một sự liên lạc phải có ba thành tố hợp thành một cái thể chân vạc. Phải có hai chủ-thể, người chủ nợ và người con nợ, dằng buộc với nhau bởi sợi giây pháp-lý và phải có một đối tượng là cái sở vật của nghĩa vụ. Ở đây, ta chỉ thấy có người chủ nợ là người dân, cái sở vật của nghĩa vụ là công ăn việc làm, cái mực sống đầy đủ ; nhưng con nợ, không thấy hình bóng đâu cả. Vậy thì đòi ai mà lấy nợ ? Dùng cách gì mà lấy nợ ?

Sự trở ngại thứ hai cho việc thực hiện bản Tuyên-Ngôn Nhân-Quyền là một trào lưu đang làm rung chuyển tất cả nền pháp chế ở khắp các nước dân chủ.

---

(1) G RIPERT : Le Déclin du droit, p 91 « Il ne faut pas évidemment considérer les peines comme des atteintes à la liberté, mais quand des délits nouveaux sont sans cesse crées, que l'élément intentionnel n'est plus pris en considération, que l'Administration se reconnait le droit de poursuivre ou de transiger, cet appareil répressif plonge une population tout entière dans une crainte perpetuelle Nul ne sait plus s'il est innocent ou coupable ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bản Tuyên-Ngôn nêu cao những quyền lợi của con người, lấy con người, lấy cá nhân làm trọng ; nhưng ngày nay, ở khắp các nước dân chủ, đâu đâu người ta cũng nói đến việc xã-hội-hoá luật-pháp, công-pháp-hoá luật-pháp. Xã-hội hoá luật-pháp, công-pháp-hoá luật-pháp, đó là trạng thái hiện thời của sự biến chuyển trong luật-pháp. Lấy xã-hội làm trọng tâm, lấy công quyền làm phương tiện và cứu cánh là để cải tạo xã-hội. Nói thì hay như vậy, nhưng cái mục-đích cải-tạo xã-hội chưa biết bao giờ đã đạt và có đạt được hay không. Chỉ biết rằng với chính sách ấy, cá nhân và tư quyền mỗi ngày bị đàn áp. Luật-pháp là luật-pháp, công lý là công-lý. Đem hai chữ « xã-hội » ghép với những danh từ ấy là một việc nguy-hiểm (1) Luật-pháp sẽ không còn vô tư ; công-lý sẽ thành thiên vị. Vì rằng nhân danh quyền lợi xã-hội, người ta sẽ hy-sinh quyền lợi cá-nhân, nhưng cái quyền được mệnh-danh là xã-hội ấy nhiều khi chỉ là quyền lợi của một thành phần, lớn hoặc nhỏ, nhưng có ảnh hưởng mạnh mà nhà lập-pháp phải kiêng dè; người bị hy sinh nhiều khi chỉ có cái tội là không ở trong đoàn thể ấy. Lấy cái viễn tượng một hạnh-phúc xã-hội để phủ nhận mọi tự-do trong hiện tại, đó chính là chính-sách của cộng-sản, đâu ta có nên đi vào con đường ấy. Ở đây, không phải chỗ chúng ta đi sâu vào những nguyên-nhân của trào-lưu trên đây, chỉ cần nhận xét rằng đó là một tình trạng rõ ràng mâu thuẫn với những nguyên tắc của bản Tuyên Ngôn Nhân-Quyền, và hiện là một trở lực lớn cho bản Tuyên-Ngôn được thực hiện : một đằng, đề cao cá-nhân với những quyền lợi được coi là bất khả xâm phạm; và, một đằng khác, lại dìm cá nhân xuống, để làm lợi cho một số đông hơn, vậy thì tất nhiên phải hy-sinh ít ra là một thiểu-số cá nhân trong xã-hội.

Như vậy, ta thấy rằng con đường Nhân-Quyền còn giài và còn lắm chông gai. Phải dọn chông gai đi, mới có thể tiến bộ được, Chính vì mục đích ấy ở Âu-Châu, một ủy-Ban Nhân-Quyền đã được thành lập vào tháng 5-54 theo hiệp-Định bảo vệ Nhân-Quyền và những Tự-Do căn bản. Ủy-Ban có thẩm-quyền bó buộc để xét định những đơn khiếu nại của một Quốc-Gia và thẩm quyền nhiệm ý để xét định những đơn khiếu nại của tư nhân về mọi vi-phạm nhân-quyền. Cho đến mùa hạ năm 1958 Toà đã thụ lý 353 đơn khiếu nại (2) Đây cũng một bước tiến của luật công-pháp quốc-tế, vì rằng trước kia Toà án quốc-tế là những nơi tranh chấp của các quốc-gia, tư nhân không được xét sử ở đây. Ngày nay, cửa Toà mở rộng cho cả tư nhân, tuy rằng Toà chỉ có một thẩm-quyền không cưỡng bách, nhưng đó cũng là một bước đầu quan trọng.

---

(1) G. Ripert Les Forces créatrices du droit, p. 69

(2) A.B. Mc Nulty, Marc André Eissen : Commission européenne des droits de l'homme : Procédure et Jurisprudence , Revue de la Commission Internationale de Juristes, Printemps-Été 1958, p. 212

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tóm lại, Bản Tuyên-Ngôn-Nhân-Quyền là một văn kiện chính-trị và pháp-lý quan trọng cho thế kỷ thứ 20. Nó nêu lên những nguyên tắc thật đẹp đẽ, nhưng còn phải thực hiện, sao cho ngôn hành hợp nhất. Chưa có một Toà Án Quốc-Tế mà uy thế được đặt trên chủ-quyền quốc-gia; chưa có một lực-lượng quốc-tế để cưỡng bách thi-hành những quyết định của Toà án ấy thì sự bảo vệ nhân-quyền chỉ có thể trông cậy vào thiện-chí của Quốc-Gia. Quốc-Gia nào cũng tự nhận là dân-chủ, cũng cao rao là tôn trọng nhân-quyền, nhưng nhiều khi luật-pháp quá khắt khe làm cho người ta không còn tự-do gì nữa. Làm việc gì cũng phải khai báo, xin phép, kể cả việc đi lại hay ngồi không; nhất cử, nhất động đều phải tuân theo phép nước, như vậy sáng kiến, phóng-xạ, tức là cần lao, không còn nữa. Người ta thành ra một nô-lệ, mà không hay (1). Nhưng vì sự nô-lệ ấy là nô-lệ luật-pháp, cho nên vẫn cứ nói được là dân-chủ (2).

Ta đã vạch rõ những khuyết-điểm của bản Tuyên-Ngôn và những trở ngại trong sự thực hành, không ngoài mục-đích biết để mà thắng.

Cần phải biện-bác để tìm thấy cái hay cũng như cái rở. Nếu chỉ muốn nhìn thấy cái hay thôi, rồi nằm cao ngủ kỹ thì cái rở sẽ lan tràn làm cho cái hay bị tiêu-diệt.

Xưa kia, Mạnh-Tử chỉ trích thuyết vị-ngã của Dương-Chu, thuyết kiêm-ái của Mặc-Địch, có người bảo : « Ông thật là một người hay biện bác». Họ Mạnh đã đáp lại rằng : « Ta đâu muốn thế. Ta bất đắc dĩ đó mà thôi» (3).

Xin mượn lời ấy kết thúc cho những nhận xét trên này.

LÊ-TÀI-TRIỂN.

---

(1) G.Ripert. Le Déclin du droit, p. 94 : Il (le Français) sait qu'il ne peut vivre sans faire des déclarations, sans solliciter des autorisations, qu'il ne peut exercer une profession, gèrer sa fortune, acquérir des biens, se déplacer, sui mêne rester oisif sans rendre compte de ces actes. Il finit par vivre dans l'unique pré occupation de suivre exactement les règles imposées. L'initiative et la prévoyance disparaissent ensemble et le travail avec elles... L'homme vivant sous la servitude des lois prend dans s'en douter une âme d'esclave.

(2) P. 69, Comme c'est une servitude légale, on continue à dire que le régime est démocratique, C'est l'hypocrisie du langage politique.

(3) Trần-Trọng-Kim. Nho-Giáo, quyển I, trang 336

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CÁI NHÌN

HAY ĐÁM CƯỚI VỚI CUỘC ĐỜI

NGUYỄN - VĂN - TRUNG

Tôi muốn ví cái việc ta bước vào đời như một đám cưới của hai người, vì tôi nghĩ rằng chỉ có chữ Đám-cưới mới diễn-đạt được phần nào mối liên-hệ mật thiết gắn bó ta với cuộc đời và người khác. Không thể quan-niệm cuộc sống, nếu không phải là sống với ..., sống bên ... Sống là sống-ở-đời-với-người-khác. Các nhà hiện-tượng-luận ngày nay thường để một dấu ngang nối tiếp cả câu định nghĩa để nhấn mạnh vào tính cách thiết-yếu ở đời và với người khác của con người (I).

Cái nhìn chính là linh-hồn của đám cưới đó. Qua cái nhìn, ta ý-thức được tha-nhân, sự vật và do đó ta biết được ta sống giữa sự vật và với người khác.

Nhưng như trong trăm nghìn đám cưới giữa hai người, tình thắm-thiết buổi tân-hôn dần dần cũng lắng xuống với thời-gian, đôi khi chỉ còn là một thói quen, sự gặp gỡ giữa ta với cuộc đời, khi đã trở thành một sự kiện thường xuyên, cũng mất dần vẻ kinh-ngạc, bỡ-ngỡ, vồ-vập lúc ban đầu. Chúng ta đều đã là những đứa trẻ giật áo mẹ, nắm tay bố để tra hỏi một cách nhiệt thành vội vã về cảnh đời xuất-hiện trước mặt : cái gì đấy hở mẹ ! Sao lại thế nhỉ ?... Trước cái *nhìn bỡ ngỡ*, đầy thắc-mắc của đứa trẻ, mọi sự đều có vẻ lạ lùng, mới mẻ, nó có thể nhìn mãi những chiếc ôtô chạy qua nhà hay ngắm không chán mắt con mèo lẩn-quẩn trong gầm giường. Mỗi lần nghe thấy tiếng động-cơ, lại háo-hức chạy ra xem, như thể là *lần đầu tiên* được nhìn thấy ôtô vậy...

---

(1) Dasein ist in-der-Welt-Sein
être au-monde-avec-autrui

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tuổi trẻ qua đi - Tất cả những cái ôtô, con mèo, sự vật chung quanh đều thường quá rồi, nhìn làm gì mãi. Chỉ cần trôngthoáng qua, cũng biết đó là con mèo, cái ôtô và cũng chẳng muốn nhìn nữa, vì còn nhìn làm gì một khi đã biết rõ đó *chỉ* là cái ôtô với tất cả những hình ảnh đã quá quen thuộc. Người lớn không ai mất giờ và còn *bị* coi là ngớ-ngẩn (chính mình cũng đồng ý như thế) nếu ngồi hàng giờ chơi với con mèo, hay đang đi đường dừng lại chăm chú ngắm cột đèn, bóng điện như trẻ nhỏ.

Sự chung sống lâu ngày trở thành một thói quen, và thói quen coi thường, đôi khi còn đưa đến những đụng chạm làm cho khó chịu.

Nhưng như Hôn nhân ràng buộc suốt đời hai người, ta cũng không bao giờ hủy được giá-thú đám cưới giữa ta với cuộc đời.

Vậy dù muốn hay không, còn thích hay không thích, cũng vẫn phải chung sống. Nhưng chính vì không thể không chung sống, mà sự bó buộc chung sống trở nên một thứ địa-ngục. Địa-ngục không phải chỉ tại ghét nhau, nhưng ở chỗ không thể không nhìn thấy nhau để mà phải ghét nhau. Nói cách khác ta không thể không nhìn thấy cuộc đời và người khác. Nhưng cái nhìn có thể đưa đến hạnh-phúc hay địa-ngục. Vậy ý-nghĩa cái nhìn nhìn trong Đám cưới giữa ta với cuộc đời là gì ?

* * *

NHÌN VÀ THẤY.

Trước hết phải phân biệt Nhìn và Thấy. Thấy là trông thoáng qua mà không để ý tới. Tôi *thấy* chiếc xe ô tô vừa chạy qua, tôi *thấy* cái nhà trước mặt.

Trong cái thấy ta lãnh hội sự vật một cách thụ-động, nó như «đập vào mắt người ta» làm sao mà không thấy dù không muốn thấy. Vì tôi đi ngoài đường gặp chiếc xe, nên dù tôi không muốn thấy thì cũng đã thấy mắt rồi. Nhưng bởi vì thấy mà không cố ý và chú ý thấy nên sự vật cũng chỉ lướt qua trong trí ta như thể cái bóng của chiếc xe thoáng in trên mặt đường rồi biến mất.

Trái lại, Nhìn là cố ý và chú ý thấy. Cố ý là biết và muốn thấy và vì muốn thấy nên chú ý nhìn. Ví dụ : chúng ta hãy để ý quan sát một người đang

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bước vội vã trong đám đông ở hội chợ, mắt liếc nhìn tứ phía. Chắc chắn người đó muốn tìm ai rồi. Người đó len lỏi trong đám đông, đi qua những gian hàng những trò chơi vui nhộn mọi người đứng xúm lại để nhìn thưởng thức, mà chỉ trông thoáng qua không thèm để ý tới. Trong lúc ấy tất cả những cái đó không có nghĩa lý gì vì không liên quan tới điều người đó đang tìm. Một lúc sau, giả thử trông thấy người muốn tìm, người đó đứng lại, và mọi sự chú ý đều đổ vào người đã tìm thấy.

Như thế, nhìn là *ngắm* nhìn, vì trong cái nhìn, ta đã tập trung tư-tưởng giác quan toàn thân vào vật ta nhìn và hình như quên mọi sự khác. Ta đã đánh dấu ngoặc, tạm gác lại cuộc đời bên ngoài, hình như chúng không có, mà chỉ còn vật ta nhìn là có hay hiện hữu thôi « chỉ còn ta với mình ».

Nhưng tại sao có cái nhìn, tại sao cố ý và chú ý thấy ? Vì vật ta nhìn xuất hiện như một vật *đáng* nhìn. Cái đáng nhìn là một vẽ đẹp, một giá trị hay là cái đặc biệt, độc nhất, là-lạ. Trong đám đông, tôi thấy ai cũng như ai ; nhưng nếu có một người ăn mặc khác thường, làm cho tôi phải chú ý, tôi *nhìn* ngắm người đó . Lữ-khách dừng chân trước một phong cảnh hữu-tình, khán giả mộ thể thao trong một trận đấu sôi nổi, người si tình trước bóng giai nhân đều *nhìn*. Tùy theo mức độ của vẻ đẹp, giá trị hay sự ích lợi mà cái nhìn biến thiên từ cái *nhìn chăm chú mãi miết* đến cái *nhìn say sưa*, mê man. Đặc biệt trong cái nhìn say sưa. Người nhìn vừa tạm gác cuộc đời bên ngoài vừa như hoà tan vào vật,người mình nhìn. Như thế, nhìn cũng là một suy tôn một cách *thăng cấp* (promotion) cho vật, người mình nhìn ; *chỉ* có cái đó, người đó... là *đáng* kể. Cái nhìn say-sưa làm nổi bật lên người, vật được nhìn đồng thời đẩy lùi mọi sự khác xuống thành tầm phông chỉ còn như một thứ trang điểm nhằm mục đích gia tăng vẻ đặc biệt, quý giá đáng nhìn của nhân, vật tài-tử.

Đã hẳn nhìn là suy-tôn, thăng cấp vì điều mình nhìn *đáng nhìn*, tuy nhiên cũng phải nhận rằng sở dĩ có được cái nhìn suy tôn là vì người nhìn như đã hướng về vẻ đẹp, giá trị. Con người là một ý hướng về Chân, Thiện, Mỹ. Không bao giờ ta có thể yêu, nếu lòng ta như không sẵn-sàng... chờ đợi ... để yêu ; cũng như không bao giờ ta tìm thấy nếu ta không muốn đi tìm. Do đó con người thiết yếu hướng về cuộc đời và cái nhìn là trung gian, bà mối cho đám cưới giữa ta với cuộc đời, nghĩa là thực hiện ý tưởng kết hợp của ta với những giá trị nơi cuộc đời và tha-nhân. Đám cưới đưa đến hạnh-phúc cũng như cái nhìn là một hưởng thụ.

Nhưng trở về đời sống hàng ngày, mấy khi ta có được cái nhìn làm cho ta sung sướng, hạnh-phúc. Có thể có người cả đời không bao giờ biết đến

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nó. Phần lớn ngày tháng của cuộc đời ta chỉ *thấy* thôi hay có nhìn, thì cũng chỉ là cái *nhìn chăm chú*. Đây là chưa kể những cái thấy, cái nhìn quấy rầy ta, làmcho ta bận tâm và đôi khi khổ cực.

Tại sao vậy ?

I. NHÌN VÀ VẬT GIỚI.

Con người sống ở đời trước hết là sống giữa cảnh thiên nhiên và bên những đồ dùng hàng ngày. Ta gọi là nhiên giới vì cảnh vật thiên nhiên chưa bị bàn tay người can thiệp biến đổi ; và vật giới để chỉ thị thế giới thiên nhiên đã bị biến đổi thành dụng cụ đồ dùng. Đồ dùng cũng gọi là sự vật văn-hoá (objet culturel) vì những vật dụng được cấu tạo thế nào là tùy theo trình độ văn-hoá, nghĩa là trình độ nhận thức và kỹ thuật về sự vật của mỗi thời đại, mỗi nền văn-minh.

Tất cả những đồ vật phối hợp với cảnh vật thiên nhiên chung quanh chúng ta tạo thành một khung khổ quen thuộc. Đây là sông núi, đất nước vùng tôi, đây là thành phố, khu xóm tôi ở, và đây là nhà tôi với trăm nghìn đồ đạc quen thuộc : cái bàn viết kê ở chỗ này, bức tranh tàu treo ở chỗ kia, cái máy chữ để ở đây. Mọi sự đối với tôi đều rất quen thuộc vì tôi trông thấy hằng ngày và không biết là bao nhiên lần rồi. Cho nên chỉ cần trông thoáng qua, tôi cũng dễ-dàng nhận ngay được đây là cái cây trước nhà, con đường tắt ra phố, thùng giấy vụn ở xó nhà... Sự quen thuộc đến nỗi đôi khi tôi không cần trông nữa mà cũng có thể biết chúng ở đâu, như thế nào.

Vậy đã hẳn chúng không còn có gì làm cho tôi phải bỡ ngỡ ngạc nhiên để *trố mắt nhìn* chăm-chú như thể lần đầu tiên mới thấy. Đây là cái bàn. Đây là cái chổi... Rồi đàng xa kia, chiếc cầu hàng ngày tôi qua lại... Biết rõ quá ! Thật là hiển nhiên chả còn gì *đáng* nhìn nữa.

Sở dĩ như vậy, là vì khi tôi trông thấy cái bàn, hay bất cứ vật gì quen thuộc, tôi đều có một biểu-tượng (représentation) đầy đủ về nó. Đó là cái bàn ở chỗ ấy, có hình thù kích thước như thế, sơn màu này,... với tất cả chi tiết đặc điểm của nó. Tôi còn có thể biết rõ cả lịch-sử của nó. Tôi đã mua nó ở đâu và xem người ta đóng nó như thế nào... Rồi sau cùng, dĩ nhiên là cái bàn đó *để* viết.

Do đó sự hiểu biết của tôi về cái bàn thật là đầy đủ, hoàn tất ; không còn gì phải biết thêm nữa. Chính vì thế mà tôi không cần để ý đến nó nữa, tôi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chỉ thoáng trông là biết nó ngay; cho nên với tất cả những đồ đạc quen thuộc trong khung cảnh đời sống hàng ngày của tôi, tôi chỉ *thấy*, mà không *nhìn*.

Đám cưới giữa tôi và cuộc đời đã quá lâu rồi ; chúng tôi đã quen biết nhau hiểu nhau nhiều lắm, không còn gì đáng chú ý để nhìn ngắm nhau nữa.

Cuộc sống hằng ngày của mỗi người thường là thế cả. Thế giới chung quanh chỉ là còn những đồ dùng hữu ích để ta xử dụng. Nhưng cũng phải nhận rằng nếu cuộc đời chỉ là một thói quen giao thiệp củ kỷ, chúng ta sẽ ít hứng thú sống. Đời sống đôi khi đòi hỏi cái mới lạ ; Cần phải nhìn lại cuộc đời, khám phá lại bộ mặt mới mẻ của nó như thể lần đầu tiên ta gặp, hay khi mới cưới.

Ta không thể ngờ được rằng chính cảm tưởng ta cho rằng đã hiểu trọn vẹn hoàn tất về sự vật lại che đậy không còn cho ta nhìn thấy sự vật nữa. Muốn nhìn lại cuộc đời, phải thoát khỏi óc nô lệ vào thói quen thực tiễn, phải tạm gác lại những ý nghĩa thông thường ta đã gán cho sự vật : cái bàn chỉ *để* viết, quả táo chỉ *để* ăn.

Lúc đó sự vật sẽ xuất hiện trước cái nhìn đã rũ sạch mọi thiên kiến như một vật mới mẻ đầy huyền bí, mà chưa bao giờ ta thấy. Sở dĩ ta lãnh đạm, coi thường sự vật xung quanh ta là vì ta đã chỉ có một thái độ trước sự vật là thái độ vị lợi, và do đó chỉ nhìn thấy khía cạnh hữu ích của sự vật, đồ dùng— Cái cây phải là cái cây ở trước nhà, bên cạnh bể nước, che bóng dâm cho cái sân, hòn sỏi dĩ nhiên là hòn sỏi để lát những con đường viền vườn hoa ; cái nhà phải là nhà để ở v.v... Nhưng đã rõ đó chỉ là một *quan điểm của ta* về sự vật. Tự đó , cái cây không thiết yếu phải ở bên cạnh cái bể, để che bóng dâm, hòn sỏi không phải để giải vườn hoa, và cái nhà bó buộc để ở.

Cái nhà trước mắt một hoạ-sĩ, hòn sỏi trước ống kính của nhà địa chất học và cái cây trước mắt nhà thực vật học có thể mặc những ý nghĩa khác.

Do đó, cái nhìn thông thường của đời sống thực tế hằng ngày rất thiển cận, chật hẹp vì chỉ biết nhìn cái công dụng của sự vật, hơn nữa công dụng tự mình gán cho nó. Đàng khác cái nhìn thông thường cũng có vẻ *độc tài* vì đã bắt sự vật hoàn toàn lệ thuộc vào người và chỉ mặc một ý nghĩa nhất định.

Nghệ thuật đến phá vỡ cái nhìn vị lợi, gán cho sự vật một ý nghĩa khác, hay xa hơn nữa, trả lại cho nó cái vẻ nguyên thủy sơ khai trước khi nhận cưới với con người.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nghệ sĩ chính là người biết bỡ ngỡ, ngạc nhiên trước những sự thuộc không *đáng* nhìn như thể lần đầu tiên được trông thấy nó. Hoạ-sĩ, thi-sĩ, nhà triết-học, đôi khi có những giây phút đặc ân của cuộc sống được nhìn ngắm sự vật mặc khải trong cái vẻ kinh dị, huyền bí, đặc biệt chưa từng thấy của nó.

« Cái nhà kia, nếu tôi chăm chú nhìn nó mà đừng có một ý kiến nào sẽ hiện lên với một cái vẻ vĩnh cửu và như thoát ra một cái gì kinh hoàng.

« La maison, si je la considère attentivement et sans aucune pensée a l'air d'éternité et il émane d'elle une sorte de stupeur ». Merleau — Ponty. Trong tập nhật ký của mình, văn-hào hiện đại Julien green có thuật lại cái nhìn đã làm sống lại những sự vật quen thuộc một khi ta biết khoát những công lệ của tập quán.

« Bao giờ ta cũng lạ khi ta nhìn chăm chú và lâu dài những đồ vật mà ta trông thấy hàng ngày và không cần để ý tới nữa. Bỗng nhiên mắt tôi dừng lại ở cái sọt giấy và lạ chưa bây giờ nó mới như *có*. Tôi đã không để ý đến cái vẻ mềm mại những chiếc lạc mà một vài chiếc được ánh sáng rọi vào đặc biệt, trở thành những màu vàng óng như mật ong và ba cái vòng đai cột cái sọt lấp lánh như ngà voi. Phút chốc tôi chỉ còn thấy có nó trong phòng và do đó nó trở thành một cái gì quan trọng vô cùng... Một cách âm thầm lặng lẽ, từ hai mươi năm nay, cái sọt vẫn chờ đợi giây phút được tôi bắt chợt chăm chú nhìn ngắm nó như lúc này... (1)

Sartre là một văn sĩ triết lý đã có những cái nhìn rất đặc biệt và sâu xa về sự vật. Thí dụ anh chàng Roquentin trong cuốn la Nausée đã chăm chú nhìn cái rễ cây ở một công viên, chàng không muốn để ý đến những ý nghĩa thông thường người ta vẫn gán cho cái rễ, như cái rễ là cái vòi để hút nước, chất bổ nuôi cây : không ; cái công dụng của nó không cắt nghĩa được gì cả. Cái rễ kia, với màu sắc này, như đứng lù lù ra đấy, vượt khỏi mọi lời cắt nghĩa — nó thật là thừa. Đó là sự khám phá tính cách vô thường của sự vật mà Sartre gọi là : « la facticité de l'être ».

Trong hội hoạ và thi ca, tôi thấy tác phẩm của Cézanne và Francis Ponge biểu lộ rất rõ-rệt những phản tách ở trên về cái nhìn. Người ta thường phê bình tranh của Cézanne không hợp với những biểu tượng của tri giác thông thường, không sát thực ?

---

(1) Journal Julien green. N.R.F. 1955 trang 51

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng đó chính lại là dụng ý của Cezanne. Thế nào là vẽ thực, vẽ sai ? căn cứ vào tiêu chuẩn gì để phê bình ? Nếu vẽ thực là biết mô phỏng đúng sự vật thì chẳng qua đó chỉ là căn cứ vào tri giác thông thường. Nhưng như trên đã nói, tri giác thông thường chỉ là *một* lối *nhìn*, một quan điểm về sự vật, mà không bao quát muôn ngàn lối nhìn, quan điểm khác ; vậy không có quan điểm nào phản ảnh toàn thể sự thực và do đó không có tiêu chuẩn nào là tiêu chuẩn của sự thực cả.

Nếu vẽ chỉ là bắt chước thực tại như ta thường thấy, thì vẽ làm gì như Th. Rousseau đã kêu lên : anh vẽ cây sồi này làm gì vì nó đang ở trước mặt anh. « Pascal cũng phàn nàn » : « hội-hoạ thật là hảo huyền biết bao, vì nó làm cho người ta thán phục cái giống sự vật mà không cảm phục chính sự vật ấy ».

Do đó Cézanne đã không muốn vẽ theo sự thực thông thường vì chép lại sự thực là làm một việc vô ích ; nhưng cũng không muốn vẽ theo phái ấn-tượng nghĩa là cốt ghi lại tất cả những cảm giác khi ta nhìn một vật gì. vídụ : vẽ một cái chợ, phải vẽ thế nào để gợi lên nơi người đọc những âm thanh ồn ào của chợ. Đó là một cảm xúc thông thường có khi ta vào chợ. Cézanne muốn vẽ sự vật như tự nó có một bản ngã riêng biệt trước khi trở thành đồ dùng quen thuộc hữu ích của con người. Thế giới của Cézanne là một thế giới trước khi có sự tiếp xúc gặp gỡ giữa người và sự vật, một thế giới còn xa lạ, kinh dị, kỳ-quặc trước cái nhìn bỡ-ngỡ của con người, vì sự vật chưa mặc những ý-nghĩa người gán cho hay chưa bị đặt vào những tương-quan với những đồ vật khác để tạo thành một khung cảnh quen thuộc nghĩa-lý *cho* con người.

Chúng ta sống trong một khung cảnh những đồ đạt quen thuộc do ta tạo nên, đó là những đồ dùng, nhà cửa, phố-xá, thành thị và thường thường bao giờ ta cũng chỉ nnhìn những sự vật đó qua những ý-nghĩa sẵn có và do đó ta cứ tưởng rằng tất nhiên chúng phải có như ta tưởng và không thể thay đổi gì được. Cái bút chỉ đùng để viết, chứ còn để làm gì khác nữa ?

Tranh của Cézanne đóng dấu ngoặc những thói quen đó và bày tỏ cái cái vẻ phi-nhân (non humain) của sự vật trước khi con người đến. Do đó những nhân vật của Cézanne có một vẻ kinh-dị như là do một giống người ở một thế-giới khác nhìn thấy. Những khuôn mặt không biểu-lộ gì, im lặng và bí-mật như những trái cây, phong cảnh thiếu gió, nước hồ Annecy ngưng đọng, những đồ vật như cứng đặc, ngượng-ngịu, lạ lùng... Đó là một thế-giới xa lạ hầu như còn hoang-dại, thiếu hẳn sự quen thuộc, thân mật của những tương-giao thường nhật. Merleau-Ponty trong bài giới thiệu Czéanne đã ghi cảm-tưởng của khán-giả, đi nhìn tranh của những

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

người khác sau khi đã ngắm tranh của Cézanne cũng tựa cảm-tưởng của những người đưa tang sau đám tang được nói chuyện lại thấy nhẹ hẳn người như vừa thoát khỏi một cái gì nặng nề, lặng-lẽ. (1) hay cũng như ta đang đi trong một nơi hoang-vu, vắng vẻ, xa lạ trở lại khung cảnh quen thuộc, ta cảm thấy hân hoan mừng-rỡ « À cảnh nhà đây rồi »...

Cũng vì muốn nhìn sự vật một cách chăm chú đầy bỡ-ngỡ ngạc nhiên như trước mình, chưa ai nhìn thấy bao giờ, mà người nghệ-sĩ thường bị coi là gàn, loạn trí điên rồ. Điên vì nhìn khác đời. Nhưng nếu mỗi lối nhìn chỉ biểu-lộ một quan-điểm, chưa chắc người *nhìn khác đời đã hẳn là điên, hay mù quáng mà chính người thường* mới là mù quáng.

Nghệ-sĩ dạy ta nhìn những cái ta không biết nhìn vì đã chỉ bằng lòng với cái ý-nghĩa thông thường ta gán cho sự vật.

Những quả táo tầm thường kia mà ta chỉ biết công dụng của nó là để ăn như thể tạo-hoá đã dựng nên nó chỉ nhắm một mục-đích đó đã mặc những giá-trị hội hoạ mới trước cái nhìn của Cézanne (2). Rồi những giá-trị đó cũng sẽ trở thành quen thuộc cho đến ngày một thiên-tài khác lại biết nhìn những quả táo như nhân-loại chưa bao giờ nhìn thấy để khám phá ra những ý-nghĩa, giá trị mới khác của sự vật phong-phú vô-tận.

Trong thi ca, nhà thơ Francis - Ponge cũng có một ý-định tương-tự. Ông muốn nhìn sự vật như thể nó có thể nào thì xuất hiện lên như thế, không phải theo những ý-nghĩ, hình ảnh con người gán cho, Nhà thơ cũng như đứa trẻ ngây-thơ ngắm vườn hoa, giả-đò ra về, rồi lại chạy tới nấp ở một chỗ để nhìn xem hoa lá thế nào khi mình vắng mặt, như thể nó biết xuất hiện khác khi có người nhìn ngắm nó.

Ta có thể gọi thơ của Ponge cũng như tranh của Cézanne là cái nhìn chứ không phải một *cảm xúc* vì nghệ-sĩ không có ý-định rung cảm trước sự vật để ghi lại bằng màu sắc, ngôn ngữ những hình ảnh, tình tự xuất hiện lúc đó. Trước sự vật, nghệ-sĩ tự xoá để đi vào chính sự vật, nhìn chăm chú sự vật mặc-khải trong cái vẻ đặc biệt của nó khi đã gạt đi mọi tương-quan, ý-nghĩa thông thường.

---

(1) Le doute de Cézanne, Merleau-Ponty. Sens et non-sens. trang 30-31

(2) Gusdorf. Traité de Métaphysique. trang 22

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tập « Le Parti pris des choses » xuất bản năm 1942 bày tỏ chủ ý đứng về phía sự vật mà nhìn của tác-giả. Viết đến hòn sỏi, vỏ trai, ốc, rãi rắc trên bãi biển, Ponge nói nếu ta biết quên những hình ảnh quen thuộc ràng buộc những sự vật đó vào những ý-nghĩa vị-lợi của ta, hay vào những tương-quan so sánh chúng với sự vật khác, chúng sẽ xuất hiện như những vật xa lạ, như những «đền đài đồ sộ» «énorme monument» Vỏ ốc đối với con ốc biết đâu chẳng là một toà nhà to lớn ! Sở dĩ chúng ta coi nó bé nhỏ vì đã so sánh nó với những vật khác.

Nói về nước, Ponge viết « nó lúc nào cũng như đổ vỡ, từ chối mọi khuôn khổ, chỉ muốn nằm bẹp xuống đất như cái xác chết ». Nước không còn hình ảnh quen thuộc là một *khối* hợp nhất vì bao giờ nó cũng được chứa đựng. Dưới con mắt của Ponge, nó xuất hiện như một cái gì luôn luôn đang đổ vỡ tan rã, tung tóe khắp nơi.(1)

Ngay cả về người, Ponge cũng muốn nhìn như sự vật mà ta không còn thể nhận ra là người với những hình ảnh quen thuộc. Ponge tả một huấn-luyện-viên thể-dục đang trình diễn nhào lộn như con khỉ, *nhảy nhót*, hay như con sâu tròn trùng-trục, vì anh ta mập-mạp, cốt để không còn phân biệt đầu với mình. Khi nhìn một người, điều ta để ý nhìn trước hết là cái đầu như là một bộ phận quan trọng nhất (vì thế mới gọi là đầu), tách rời khỏi thân bằng một cái cổ... Ponge không gọi là đầu, mặt vì những chữ đó gợi lên những hình ảnh quá quen thuộc (vui, cười, khóc, buồn, nhăn nhó v.v..) hay những tương-quan so sánh củ-kỷ (đầu ở trên, chân ở *dưới*) nhìn người mập-mạp như một con sâu, tức là xóa bỏ cao thấp và tính cách quan trọng của cái đầu. Thực ra nếu nhìn chăm chú cái mặt người, sau khi đã tạm gác mọi hình ảnh, kỷ niệm quen thuộc, ta không khỏi kinh ngạc về hình thù kỳ-dị của nó gồm những mô gò hay những lỗ hổng sâu thẳm..

Như thế, cái nhìn của tri-giác thông thường chật hẹp vì đã chỉ thấy ở sự vật cái ý-nghĩa hữu-ích của nó. Và do đó, cảm tưởng của tri-giác thông thường vẫn cho mình nắm được sự thực là sai nhầm. Thế nào là lãnh hội được thực tại trong khi cái nhìn của mình chỉ lĩnh hội được một phần thực tại. Nói cách khác, nhìn là theo một quan-điểm nào đó và bởi vì phải nhìn theo quan-điểm, nên cũng chỉ lĩnh hội được một vài khía cạnh của thực tại. Do đó, sự vật bao giờ cũng chỉ xuất hiện theo chiều cạnh. Đó là một phân tách quan trọng mà phong-trào hiện-tượng luận ngày nay đã thu lượm được. Theo Husserl (2) không bao giờ ta lĩnh hội được toàn

---

(1) Situation I. J. P. Sartre.

(2) Idées directrices pour une phénoménologie. Edmund Husserl bản dịch Pháp-văn Paul Ricœur trang 131, 132...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

diện sự vật nghĩa là nhìn bao quát sự vật trong mọi quan-điểm cùng một lúc, vì bản tính của sự vật là luôn luôn xuất hiện theo chiều, nghĩa là thoát khỏi tham vọng chiếm đoạt của ta. Sự vật vượt những cái nhìn về sự vật (1) ví dụ : ta nhìn một bao thuốc lá để trên bàn. Ta phải đứng ở một vị-trí nhất định để nhìn, đồng thời ta cũng chỉ nhìn thấy chiều mặt của bao thuốc lá. Nếu ta đổi chỗ, ta lại thấy chiều khác của sự vật. Cứ như thế mãi mãi. Sự vật ẩn hiện như vừa có mặt vừa vắng mặt (2) trong một vận chuyển vô hạn. Do đó ta có thể coi sự vật là một nhãn giới cái nhìn vươn tới mà không bao giờ đạt tới được hay là một thực tại vô cùng phong phú không bao giờ khám phá hết được. Trăm nghìn lối nhìn khác nhau, thì sự vật cũng mặc khải qua trăm nghìn khuôn mặt khác nhau tuy vẫn cùng một sự vật.

Một quan niệm như trên về sự vật chống lại hoàn toàn thái độ độc đoán của cái nhìn thông thường đồng thời chứng minh nó là hẹp hòi, khép kín vì đã che lấp muôn ngàn về mặt khác của thực tại. Thực tại luôn luôn sẽ là một bí nhiệm để khám phá mãi, luôn luôn vẫn còn là mới lạ có thể làm cho ta bỡ ngỡ kinh ngạc như thể lần đầu tiên được nhìn ngắm nó miễn là ta biết nhìn nó một cách chăm chú và vô tư.

II. CÁI NHÌN VỚI THA NHÂN :

Đám cưới thứ hai của ta là với người khác. Trên đã nói sống là thiết yếu ở đời và với người khác. Nhưng cũng như với sự vật, sự chung sống với người khác đã biến thành một nếp sống cũ-kỹ. Những người ta gặp hàng ngày và không biết bao lần trở nên quen thuộc quá, không còn gì *đáng* nhìn nữa. Đây là ông Giám-đốc, bà Hiệu-trưởng... kia là bác cảnh-binh, cô bán hàng... tôi chỉ cần trông thoáng qua là nhận được họ, để rồi cũng lại quên ngay đi.

Hằng ngày đến trường tôi đi qua hàng của cô bán hàng ở góc phố đó... và trông thấy bác cảnh-binh đứng chỉ đường ở ngã tư cạnh trường. Rồi vào trường thỉnh thoảng trông thấy ông Giám-đốc hay bà Hiệu-trưởng đi ngang qua lớp. Còn có những người chúng ta không quen thuộc, nhưng vì họ cũng chẳng có gì đặc biệt, nên tôi không để ý đến. Hằng ngày tôi gặp những người xa lạ và những người quen thuộc cũng như gặp cái ô-tô, chiếc

---

(1) Husserl gọi là siêu-việt-tính của sự vật (la transcendance des choses)

(2) Kiểu nói của Merleau-Ponty (la dialectique de présence-absence) trong Phénoménologie de la perception).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xe chạy ngang qua mặt. Đó là một sự giao nhau giữa hai sự vật, không phải là một gặp gỡ hiểu theo nghĩa một thông cảm giữa hai tâm hồn.

Tất cả những người trên rơi vào cái thế giới « người ta » vô ngã và xa xôi. Tôi gọi những người ấy là « họ », và đối với họ tôi chỉ *thấy* mà không *nhìn* vì họ quá thường, không có gì đáng cho tôi cố ý và chú ý nhìn. Tôi thấy họ đi qua và biết như thế thôi, không để ý làm gì.

Sở-dĩ tôi đã không « nhìn » họ, vì tôi đã chỉ coi họ là những « nhân-vật » nghĩa-là họ giữ một chức-vụ, một vai trò nào đó trong đoàn-thể xã-hội.

Ông ấy là Giám-đốc, bác kia là Cảnh-binh. và khi đã nhìn một người chỉ như một chức-vụ, tức cũng coi người đó chỉ là một dụng cụ hữu-ích.

Ông Giám-đốc để *điều khiển* công-việc của nha, sở, bác Cảnh-binh *để giữ* trật-tự, cô bán hàng *để* bán hàng v. v... Sự coi người chỉ như một phương tiện cũng làm cho việc giao-thiệp giữa người với người hoàn toàn có ý nghĩa cầu lợi. Khi tôi cần xin giấy tờ gì, tôi chạy đến ông Giám-đốc, hay cần mua gì, chạy ra cửa hàng ở góc phố. Xong việc là hết. không còn liên-lạc gì nữa và cũng không cần để ý tới như khi cần dùng cái dao thì đi tìm dùng xong rồi cất vào một chỗ. Hơn nữa sự giao-thiệp cũng còn có tính-cách máy-móc. Tôi đến mua hàng. Tôi chỉ nhìn người bán như một cử-động lấy hàng trao cho tôi và người bán cũng chỉ nhìn tôi như một cử-động giơ tay ra nhận hàng và trả-tiền. Sự giao-thiệp thu gọn vẻn-vẹn vào hai cử chỉ máy-móc, Ngày nay người ta có thể thay thế người bán hàng bằng máy thực, vừa tiết-kiệm giản dị vừa nhanh chóng và hoàn toàn hơn người. Trong những thành phố lớn, người ta thường đặt những máy bán các nước giải khát, kẹo, tự-động nơi đông người qua lại. Nhiều nhà ga lớn có máy tự động cân hàng, bán vé thu tiền cũng như những cửa hàng lớn bên Mỹ đều có đặt những máy bán hàng mà người ta gọi là tự dùng lấy (self-service).

Nếu con người cũng như cái máy chỉ còn là những cử-động máy móc lặp đi lặp lại suốt ngày như vậy ta cần gì phải « nhìn » vì không còn gì đáng nhìn nữa. Trông thoáng qua là đủ rồi. Thành ra những người chúng ta gặp hằng ngày rất gần ta mà thực sự rất xa ta. Gần là vì ở bên cạnh, sát vai nhau như hai đồ-vật xếp cạnh nhau tuy rất xa nhau vì không có liên-lạc gì. Gần về khoảng cách không-gian, nhưng xa về tương-giao nhân-loại.

Nhưng sự chung sống mà thiếu sự gần gũi trong tâm-hồn rất dễ trở

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thành chung-đụng, va chạm, vì đã coi nhau như dụng-cụ, phương-tiện nghĩa là ai cũng đứng ở quan-điểm tư-lợi mà nhìn người khác: ông Cảnh-binh có ích vì ông bảo-vệ quyền-lợi tôi, ông Giám-đốc có ích vì ông lo-liệu mọi giấy tờ cho tôi dễ dàng mà tôi thì không thấy có-ích gì cho ông Cảnh-binh..

Dĩ nhiên trước hết người là một vật hữu ích. Nhưng không phải chỉ là thế. Trong một đoàn-thể, nếu ai cũng chỉ nghĩ đến mình, không có tương-giao đích-thực thì sự chung sống không sao tránh được cạnh-tranh, xung-đột.

Tôi đang đi trên hè phố, một người lạ đi ngược lại phía tôi ; mải nhìn các cửa hàng đâm xô vào tôi. Tôi tức-giận, *nhìn trừng trừng* người đó, vẻ mặt hằn-học : « Đi với đứng thế ! Mắt để đâu mà đâm vào « người ta» như vậy. Người bị nhìn có thể nhận-lỗi và chịu lấy cái nhìn hằn-học đó, hoặc cũng có thể tức-giận vì bị nhìn, nhìn lại : « Người ta» nhỡ một một tý đã sao! » Một cuộc cãi-lộn xảy ra và có thể đưa đến ẩu-đả. Lúc đó, tôi và người lạ kia không nhìn nhau trên bình-diện « *Tôi — Anh* » thân-mật. Nhưng trên bình-diện « *nó-nó* » trong thế-giới « Người ta ».

Cả hai người đều tự xưng là « người ta», vì đối với người bị nhìn lúc đó, tôi chỉ là « người ta » và người bị nhìn đối với tôi cũng chỉ là « người ta» ở ngôi thứ ba, xa lạ.

Đã hẳn trong trường hợp trên, cái nhìn cũng là chú ý và cố ý thấy, nhưng không phải nhằm thông-cảm, tương-giao, trái lại nhằm chiếm-đoạt, chế-ngự tiêu-diệt người khác. Vậy thế nào là cái nhìn chiếm-đoạt, chế-ngự? Hay tình-cảnh của người bị nhìn là làm sao?

BỊ NHÌN :

Tôi và một bạn học rất ham đánh bóng-bàn. Trong trường có một bàn ping-poong để ở phòng hội các giáo sư, dĩ-nhiên là chúng tôi không được phép vào chơi rồi. Nhưng chúng tôi cứ liều. Muốn cho khỏi bị ông giám-thị bắt-gặp, chúng tôi bố-trí cẩn-thận như đóng kín cửa lại để khỏi động, có thể làm cho ông giám-thị biết. Nhưng trong khi mải chơi, chúng tôi không còn để ý ông giám-thị có thể đi qua nữa, và chẳng may ông giám thị lại đi qua thật. Ông mở cửa bắt gặp quả tang chúng tôi lỗi. Chúng tôi *bị nhìn*. Trước cái nhìn của ông giám-thị, không hiểu sao chúng tôi *đứng đờ* người ra, chết đứng như cây gỗ không còn cựa quậy, cử-động gì được.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chúng tôi « mất hết tinh-thần » cái nhìn đã đóng chặt chúng tôi vào một chỗ, đã biến chúng tôi, người bị nhìn thành một vật chết, vì lúc đó tôi thấy mọi dự-định tôi có thể làm đều bị tan-vỡ. Chính những dự-định xác-định, tôi là vật tự-do , vì tự-do là gì nếu không phải là có-thể dự-định. Trước cái nhìn của người khác, tôi *ở đây* trong phòng *này*, cũng chỉ còn như cái ghế, cái bàn này, trơ-trơ ra đấy, bất-động và bất-lực. Cái nhìn của ông giám thị không những tiêu-diệt mọi khả thể hoạt-động (mes possibilités d 'action) xác định tôi là một người tự-do *không phải là vật*, mà còn phá vỡ cả vũ-trụ của tôi : Tôi là một dự-định (un projet) (1). và tôi thực-hiện dự định đó bằng cách lợi-dụng những phương-tiện do các đồ-vật chung-quanh cống-hiến cho. Những đồ-vật đó được xếp-đặt, tổ-chức theo ý-định của tôi. Tôi muốn chơi bóng-bàn và tôi bố-trí : Bốn bức tường, những cánh-cửa có nghĩa là để che dấu tôi khỏi bị ông giám-thị bắt gặp ; cả những viên gạch lát hành-lang, cái cầu-thang cũng có nhiệm vụ báo-hiệu ông giám-thị đến cho tôi kịp đối phó khi nghe tiếng dày lộp-cộp của ông.

Cái nhìn của ông giám-thị phá-vỡ thế-giới đồ-vật đó. Bốn bức tường những chiếc cửa cũng như hành-lang không còn liên-lạc với tôi; hơn nữa còn trở nên xa lạ, thù-địch với tôi vì chúng mặc một ý-nghĩa khác. Lúc bấy giờ chúng lại được xếp-đặt thành một vũ-trụ của ông giám-thị, vì cái cửa chính là *để ông* mở để nhìn thấy tôi, và cái hành-lang để đưa ông đi tới.. Do đó, cái nhìn của người khác vừa giãn lược tôi vào một sự-vật (une-chose), vừa phá vỡ cả khung-cảnh sống của tôi, khung-cảnh giúp tôi thực-hiện những dự-định của tôi là một vật tự-do. Sartre nói : Cái nhìn của tha-nhân đánh cắp cuộc đời tôi ? « le regard d'autrui m'a volé le monde ».

Bây giờ giả-sử đó chỉ là một báo-động lầm, vì người mở cửa không phải là ông giám-thị, nhưng là một người bạn học. Chúng tôi «hú-vía » vui-sướng ! Tuy-nhiên lúc cửa mở, mọi sự cũng vẫn xảy ra hệt như có ông giám-thị đến thực, nghĩa là trong chốc-lát, chúng tôi cũng ngừng lại như bị tê liệt...

Chúng ta ít nhiều đều có kinh-nghiệm bị nhìn : như khi một mình phải đi trước công-chúng mà ta biết-rằng mọi người đang chú-ý nhìn mình. Tự-nhiên chúng ta thấy mình như không còn tự chủ, mất bản ngã, ngượng

---

(1) Định-nghĩa của J.P.Sartre. Trong phần phân tách về thái-độ bị nhìn này ; tôi đã chịu ảnh-hưởng một vài ý tưởng đặc biệt của tác-giả l'Être et le Néant trong chương phân tách về cái nhìn như một cách đặt và giải quyết vấn-đề hiện-hữu của tha nhân. Công-trình phân tách này là một trong những đóng góp sâu xa nhất của Sartre về vấn-đề triết-lý đó. Xem l'Être et le Néant, chương l'Existence d'autrui. trang 276-503)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ngịu chân-tay không biết để đâu, mắt không biết nhìn cái gì, cảnh-vật chung-quanh cũng như tan-biến cả, ta bàng-hoàng đi như một người không hồn, như một xác-chết.

Qua cái nhìn đó, tôi nhận ra rằng người khác *không thể* là tôi, đồng-thời cũng nhận ra mình là gì. Nói một cách triết-lý, tha-nhân là kẻ nhìn tôi : Qua cái nhìn, tôi ý-thức được tha-nhân đồng-thời thực-hiện sự tự-giác. Tôi chỉ ý-thức được tôi nhờ người khác bằng cái nhìn của họ. Nhưng cũng trước cái nhìn đó, tôi ý-thức được tôi là một vật cho người khác (être-pour-autrui). Tôi bị nhìn, nghĩa là tôi bị giản-lược thành một sự vật cho người khác. Lúc đó, tôi cảm thấy mình bị bóc lột, bất-lực, trơ-trọi, có thể bị xâm-phạm dễ dàng, như bị phơi ra những chỗ nguy-hiểm...

Trước cái nhìn của người khác, tôi và vũ-trụ của tôi sụp-đổ hay như chuyển sang tay người ta. Tôi trở thành lệ-thuộc một tự-do không phải cái tự-do của tôi, đồng-thời cái tự-do đó cũng là điều-kiện cho tôi ý-thức được tôi là một tự-do bị mất.

Cũng như biện-chứng Chủ-Nô của Hegel. Người chủ nhìn nô-lệ : mày chỉ là nô-lệ của tao. Người nô-lệ ý-thức được mình lệ-thuộc vào người khác là ông chủ cũng như cái bàn, cái xe là đồ dùng của ông ta. Nhưng người nô-lệ ý thức được mình là tự-do khi đã mất nó, qua cái nhìn chiếm đoạt, và chế ngự của người chủ.

Cái nhìn của người khác làm cho tôi ý-thức được cuộc đời tôi nhưng là một cuộc đời đặt nền-tảng không phải trong tôi, nhưng nơi người khác, ở ngoài tôi. Tôi sống, là sống theo ý-nghĩa cái nhìn người khác muốn gán cho như thể tôi không có một bản-ngã riêng biệt, hoặc có, mà không đáng kể vì nền-tảng cuộc đời tôi là ở người khác. Đó là nguồn gốc những tình cảm như xấu-hổ, hãnh-diện, khoe-khoang.

Tôi đang chơi bóng bàn ; ông giám-thị bắt gặp, nhìn tôi, tôi thấy xấu-hổ vì bị bắt gặp đang lỗi. Qua tình-cảm xấu-hổ, tôi khám phá ra một khía cạnh con người tôi. Nhưng tôi chỉ ý-thức được tôi là có tội và lấy làm xấu-hổ vì có người khác nhìn tôi. *Tôi xấu hổ về tôi trước cái nhìn người khác.* Tôi xấu-hổ như thế nào là do tôi xuất-hiện trước cái nhìn người khác như thế ấy. Do đó xấu-hổ là một sự *công nhận.* Tôi công nhận tôi là điều mà người khác nhìn tôi, không phải là tôi như tôi nghĩ, nhưng là tôi theo cái nhìn người khác. Không có hình phạt nào nặng hơn là đem một nạn-nhân diễn phố cho công chúng nhìn ; Vì đó là một cách làm cho

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xấu hổ đến cực-điểm : Trước cái nhìn của công chúng, phạm nhân *chỉ* còn là cái tội mình phạm.

Nguồn gốc tình-cảm lo sợ cũng là tha nhân. Sở dĩ tôi sợ là vì tôi sợ người khác nhìn thấy. Tình-cảm lo sợ bao hàm rằng tôi xuất hiện như một tự-do có thể luôn luôn bị đe dọa, xâm-phạm và có thể bị chiếm đoạt, giản-lược vào một sự vật trước cái nhìn của người khác.

Tôi lo sợ vì nền-tảng sự hiện hữu của tôi ở nơi người khác, nên không có gì chắc chắn đảm-bảo an-toàn cho tôi cả. Tôi là một vật luôn luôn bị đe dọa, và có thể bị xâm chiếm.

Về tình-cảm hãnh-diện, khoe khoang cũng thế. Tôi muốn trở thành *thế này thế kia* như người khác muốn nhìn tôi. Và tôi hãnh diện bằng lòng khi tôi đã thực hiện được ý-định đó nghĩa là xuất hiện trước cái nhìn của công chúng như ý của công chúng muốn. Vậy ý-nghĩa sự khoe khoang hãnh-diện cũng vẫn là sự công nhận người khác là nền-tảng cuộc đời tôi như ý-nghĩa của xấu - hổ. Tôi sống vì người khác, và cho người khác André Gide có nói : « Một phần lớn hành động của người ta, ngay cả những hành động không phải vì quyền-lợi cũng đều được ấn-định do cái nhìn của người khác, do thói khoe khoang hay thời trang (mode) của thời đại ». Trong ý-nghĩa đó, chúng ta hiểu được sức mạnh của dư-luận chi-phối điều-khiển đời sống xã-hội như thế nào. Người ta phải sống theo dư-luận, chỉ vì sợ bị nhìn. Dư-luận chính là cái nhìn của tha-nhân. Đã hẳn tôi là một tự-do, một dự-định. Nhưng tôi không thể định làm gì mà lại không kể đến dư-luận, vì tôi sợ cái *nhìn soi mói* của người đời. « Coi chừng đừng để cho người ta nhìn thấy. »; lúc nào tôi cũng có cảm-tưởng như đang đi, có ai nhìn đàng sau, lúc nào tôi cũng thấy sự hiện-diện của tha nhân qua *cái nhìn theo rõi* của họ. Do đó, tôi phải để ý từng cử-chỉ, lời nói của tôi. Tôi phải biết tổ-chức mọi hành động của tôi cho hợp với những quy-ước xã-hội ; nếu không tôi sẽ bị nhìn, nghĩa là sẽ bị phán-đoán và kết-án.

Có thể nói cuộc đời mỗi người như là một việc đóng kịch phải giữ một vai trò nào đó để người khác nhìn mình theo vai trò mình đóng. Và khi tôi đóng khéo vai trò đó, tôi lấy làm sung-sướng yên-tâm như thể sống theo một hình ảnh, một nếp sống do người ngoài gán cho có bảo-đảm chắc-chắn và tránh được mọi lo lắng phiền phức hơn là sống theo ý mình muốn. Tôi không phải là tôi nhưng tôi là một vai trò như người khác nhìn tôi. Và dĩ nhiên tôi phải lựa chọn những cử chỉ, lời nói, giáng điệu hợp với vai trò đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu tôi là Bộ-trưởng, Giám đốc tôi phải làm ra vẻ đạo mạo, uy nghi, nghiêm chỉnh. Nếu tôi là cô bán hàng, tôi phải làm bộ tươi vui, niềm nở, khéo léo nhanh nhẹn dù trong lòng có « ngỗn ngang trăm mối » về chuyện gia đình chồng con...

Tất cả chỉ là nghi lễ, đóng kịch trước mắt người khác để khỏi bị nhìn. Dư luận không thể chấp nhận Ông Bộ trưởng mà lại ăn mặc lôi thôi như cao-bồi hay cô bán hàng ngồi mơ màng hoặc hách dịch làm cao với khách hàng. Phép lịch sự đòi hỏi anh, dù không muốn nghe tôi nói, cũng phải làm ra vẻ chăm chú nghe, mắt nhìn tôi không chớp, hai tai mở rộng, nhưng thực ra anh bận tâm đến việc làm ra vẻ chăm chú nghe đến nỗi quên hẳn việc nghe ; cũng như người lính bồng súng chào, mắt phải nhìn thẳng mà thực sự không nhìn gì cả, vì nhiệm vụ lúc đó không phải là nhìn *cái* gì, nhưng là nhìn thẳng trước mặt thế thôi.

Cái nhìn của người khác bày tỏ sự lệ thuộc thiết yếu của tôi vào người khác. Lúc nào tôi cũng đóng kịch nghĩa là không bao giờ tôi sống với con người đích thực riêng tư của tôi. Nhưng là sống theo cách thế tôi không phải là tôi, hay tôi là cái không phải tôi. Do đó, hình như tôi luôn luôn vắng mặt với chính tôi theo kiểu nói của Paul Valéry : « Je suis cette divine absence à moi-même »

Cái nhìn tha-nhân đặt một vấn-đề siêu-hình nan-giải. Qua tình cảnh bị nhìn, tôi ý-thức được tha-nhân là nền tảng cuộc đời tôi đồng thời tôi vẫn là kẻ xa lạ với tha-nhân. Tôi thiết-yếu phải sống với tha-nhân mà vẫn cô-đơn. Con người như phải có nhau, ở bên nhau mới sống nổi, đồng-thời cũng không thể thông-cảm gì được với nhau.

Tôi phải sống theo cái nhìn của người khác, nghĩa là đóng những vai trò đã được dư-luận quy-định. Và giáo-dục, đôi khi chẳng qua cũng chỉ dạy cho con người biết đóng kịch, biết đeo những mặt-nạ để xuất-hiện cho hợp với cái nhìn của người khác và biết đóng khéo, diễn-kịch khéo sẽ được coi là người lịch-sự tế-nhị. Ta hãy xem các bà mẹ dạy con : Đứa trẻ nào cũng tham-ăn. Khách đến chơi nhà mang cho nó quà. Đứa bé chạy tới, mắt nhìn chăm-chú vào gói quà. Mẹ luồm « đừng-hỗn » con nó sợ. Sau đó mẹ dạy con: Từ nay, không được làm thế, hễ ai cho gì phải nói con không dám, *dù có muốn* ăn mặc lòng.

Như thế, con người sống với nhau hình-như bao giờ cũng chỉ là *giả vờ* sống thôi : Hoặc là con người suốt đời cố-gắng theo đuổi xây-dựng cho mình một địa-vị, một chức-tước, một sự-nghiệp, một danh-vọng vì cho rằng mình chỉ được tôn-trọng kính-nể trước cái nhìn của người

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khác khi mình có chức-tước, địa-vị, danh-vọng là những giá-trị đã được người khác công nhận. Như thế cái giá-trị, danh-dự cuộc-đời không phải là do tôi mà là do người khác ban cho. Chính-vì thế mà tôi không dám thay đổi chức-tước, địa-vị hay chẳng may bị thay đổi thì cũng cứ làm ra vẻ sống theo chức-tước địa-vị cũ, vì tất cả danh-dự, giá-trị cuộc đời tôi là ở chức-tước, địa-vị. Cho nên tôi đã đóng kịch với người khác vì một danh-dự mà người khác đã công nhận cho tôi.

Nhưng bởi vì sự chung-sống với người khác chỉ là một giả-vờ sống : Tôi phải làm ra vẻ giáo-sư với anh, anh phải làm bộ học-sinh với tôi, để trước dư-luận, chúng ta khỏi bị nhìn, cho nên cũng không thể có thông-cảm đích-thực, vì hễ lúc nào tôi phớt cái nhìn của dư-luận, để sống theo ý mình, tôi sẽ bị nhìn, nghĩa là bị người ngoài nhìn tôi khác tôi nhìn tôi và do đó, số-phận của một cuộc đời muốn chân-thành với chính mình là sẽ không bao giờ được người ngoài hiểu theo ý định của mình.

Tình-cảnh của người bị nhìn thật là bi-đát. Nếu tôi thừa nhận số phận bị nhìn nghĩa là tổ-chức cuộc đời tôi theo cái nhìn của người khác của xã-hội, để khỏi bị nhìn, bị kết-án, tôi được yên ổn và hãnh diện, nhưng tôi lại mất bản-ngã và bằng lòng một đời sống không thực (Inauthentique) theo kiểu nói của Heidegger, trong cái Thế-giới người ta (das Man) nghĩa là đặt nền-tảng, ý-nghĩa cuộc đời tôi trong tay người khác.

Nếu tôi từ chối đóng vai trò, nghĩa là không sợ *bị nhìn*, tôi cứu vãn được bản ngã riêng tư, làm nền tảng cho cuộc đời của tôi, nhưng tiếc thay, nó cũng chỉ còn là một bản ngã cô độc, một cuộc đời trơ trọi trước những cái nhìn soi mói, đố kỵ của người khác.

Nếu bây giờ, thay vì cúi mặt xuống, không đếm-xỉa đến cái nhìn của người khác để trở về sống với lòng-mình, để chịu cảnh cô-đơn, tôi lại ngước mắt lên và nhìn lại người nhìn tôi, cái nhìn của tôi cũng sẽ biến người khác thành sự-vật, vì cái nhìn đó cũng bao-hàm ý-chí chế-ngự người nhìn tôi. Cái nhìn vẫn không phải phương-tiện thông-cảm đưa đến kết-hợp, nhưng là gây chia-rẽ, tranh-chấp một sống một chết.

Đó cũng là cái nhìn bạo-động vì nhằm mục-đích chiếm-đoạt tiêu-diệt người khác.

Trong tình-cảnh đó, đám cưới giữa ta với người khác trở thành cực hình. Cực hình không phải ở chỗ ta ghét người khác, nhưng tại chỗ không thể không sống với nhau để ghét nhau vì ta không tránh được sự hiện-diện của người khác.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng bởi vì không có thông-cảm, nên người nọ giữ miếng với người kia, rình nhìn soi-mói người khác. « Địa-ngục là người khác » hay địa-ngục chính là cái nhìn soi-mói. Trong bầu không khí đó, không thể có tình-yêu đích-thực, vì người được yêu chỉ là người bị nhìn hay cái nhìn của người yêu chỉ là một dự-định chiếm-đoạt muốn « có » người yêu như một vật sở-hữu. Như thế, tình-yêu không phải là xây-dựng người yêu nhưng là một dự-định cho mình trong đó người được yêu chỉ là phương-tiện, dụng-cụ. Nhưng người được yêu nghĩa là bị nhìn cũng lập một dự-định chiếm-đoạt người yêu mình như một sự-vật khi yêu lại người đó.

Tình-yêu thất bại vì rõ ràng khi yêu ai thực ra chỉ là muốn được yêu nghĩa là muốn « có » tình-yêu của người khác. Tôi làm hết cách để chiếm-đoạt tình-yêu của người khác, và khi tôi đã chiếm-đoạt được người yêu, tôi thất-vọng vì người yêu tôi thực-sự cũng chỉ muốn được tôi yêu nghĩa là muốn chiếm tình-yêu của tôi. Tình-yêu thất bại vì ai cũng chỉ nghĩ đến mình.

Trong viễn-tượng đó tha-nhân là cái gì như cứu-cánh cuộc đời tôi phải hướng-tới, đồng-thời cũng như cái gì không bao giờ lãnh-hội được. Tha-nhân ẩn-trốn khi tôi tìm và chiếm-đoạt tôi khi tôi trốn-ẩn. Trong cái nhìn chiếm-đoạt tôi muốn « có » người khác không phải như « có » một đồ-vật, nhưng « có » như một tự-do. Đó là một điều mâu-thuẫn đưa đến thất-bại. Cái nhìn chiếm-đoạt không thể không giản-lược vật tự-do vào một sự vật; mà khi con người tự-do chỉ còn là một sự-vật, cái nhìn chiếm-đoạt mất hết ý-nghĩa, vì cái nhìn chiếm-đoạt công-nhận tự-do người khác như mục-tiêu của sự chiếm-đoạt đồng thời chỉ thực-hiện được sự chiếm-đoạt đó bằng cách tiêu-diệt tự-do là mục-tiêu của sự chiếm-đoạt. Cho nên tha-nhân là cái gì không bao giờ lãnh-hội được với tư-cách là tha-nhân, nghĩa là những cái tôi tự-do khác như tôi, tuy luôn luôn tha-nhân thiết-yếu ở bên cạnh tôi như nền tảng sự hiện-hữu của tôi.

CÁI NHÌN THÔNG-CẢM :

Sở-dĩ cái nhìn chiếm-đoạt thất-bại, là vì ý-hướng của cái nhìn đó là sự chiếm-đoạt người khác, cho nên cái nhìn chiếm-đoạt cũng gây cạnh-tranh, xung-đột. Muốn đi tới tha-nhân và lãnh-hội tha-nhân như một tự-do, phải có cái nhìn thiện-cảm, cái nhìn hiền-dâng.

Đây là một người lạ tôi gặp ngoài phố. Hai người chúng tôi xô vào nhau vì tôi mãi nhìn những cửa hàng. Thay vì dừng lại, *nhìn trừng trừng* vào mặt tôi với một vẻ hằn-học, người đó mỉm cười nhìn một cách

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tha-thứ và nói với tôi « Không hệ gì ạ ». Tôi cũng nhìn lại với một vẻ thầm cám-ơn : « thành-thực xin lỗi tôi vô-ý quá, làm phiền ông ». Lúc đó một cái gì thân-thiện tự-nhiên đến nối liền hai người và chúng tôi từ-biệt nhau mỗi người giữ một ấn-tượng êm-đẹp về một sự đụng chạm vô-ý đó.

Giả-thử ít bữa sau, tình cờ tôi gặp lại người đó trong một tiệm ăn hay trong một buổi tiếp-tân... Tôi đến làm quen ngay hỏi thăm vồn-vã : Bây giờ ông làm gì và ngày trước học ở đâu, nhà ông phố nào, ông có xe đi không v.v... Qua những câu hỏi xã-giao lịch-sự đó, tôi hiểu biết hơn người đó. Nhưng sự hiểu-biết đó vẫn còn hời-hợt phiếm diện lắm; tôi mới biết người tôi vừa quen như là một nhân-vật nào đó thôi, ví-dụ ông ấy là công-chức hay nhà buôn.

Sau đó thỉnh thoảng chúng tôi lại hẹn gặp nhau lại hoặc mời nhau đến nhà chơi... Trong những lúc nói chuyện, bên cạnh chén nước, điếu-thuốc chúng tôi dần dần tìm hiểu nhau, đi từ những vị-trí xã-hội vào cuộc đời bên trong, riêng tư của mỗi người (hoàn-cảnh gia-đình, những lo-lắng, đau-khổ, hoài-bão, hy-vọng v.v...) Chúng tôi đi sâu vào lòng nhau. Bây giờ người xa lạ kia không còn phải là ông x, « người ấy», ở ngôi thứ ba, người mà tôi nói đến, nhưng là bạn, anh chị (toi) (1) ở ngôi thứ hai. Tôi nhìn người đó một cách thân mật, đầy thiện cảm và gọi : « Anh », trong cái đặc biệt của người đó, không phải chỉ là công chức hay nhà buôn. Dĩ nhiên người bạn tôi cũng là những cái đó : một địa vị, một chức tước, một tính tình, một cá tính... Nhưng bên trong tất cả những cái đó, người bạn tôi còn có một cái gì đặc biệt, độc nhất đáng quý không thể thay thế được và cũng không giống ai trước cái nhìn thân mật của tôi. Từ đây một tình bạn đã thành hình trong hai người chúng tôi. Do đó chỉ khi nào có thân mật, sự giao thiệp giữa người với người mới được gọi là « gặp gỡ » vì gặp gỡ không phải là giao nhau như hai đồ vật giao nhau, nhưng là đi từ « người ấy » lui ở ngôi thứ ba, đến « Anh » Toi, ở ngôi thứ hai nghĩa là một thông cảm trực tiếp giữa hai tâm hồn trong cái phần sâu xa và độc nhất của mỗi người.

Ở trên thiện cảm, là tình yêu. Tình yêu cũng phát xuất từ một cái nhìn thiện cảm. Đôi khi đó là một sự làm quen dần dần và lâu dài. Nhưng phần lớn, nhất là nơi những người trẻ, tình yêu thường bùng nổ với tất cả sức mãnh liệt của nó ngay từ cái nhìn đầu tiên. Do một tình cờ may mắn nào đó, tự nhiên hai cái nhìn bắt gặp nhau như thể đã có một hẹn ước nào từ trước hay do duyên số dun dủi... mà không làm sao cắt nghĩa được. Sự thể nó là thể ! Ta đã trông thấy bao nhiêu người khác, nhưng lần này không biết tại

(1) trong tiếng Việt, không dịch được chữ « Toi» xem bài: Tôi, Anh Nhận-định tập II của tác-giả.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sao, ta dừng lại ở người đó, và người đó trở thành kẻ được chọn trong muôn ngàn. Cái *nhìn tình tứ* đầu tiên đó đã ràng buộc gắn bó hai người, đưa họ đi tìm cơ hội để có thể giữ cho nhau những cái *nhìn trìu mến* trước khi tạo được dịp thuận tiện để hẹn hò, nói chuyện với nhau.

Có thể xảy ra một trường hợp đặc biệt như sau : Hai người đã bắt gặp nhau trong một cái nhìn trìu mến ở một nơi nào đó như ở nhà thờ, hay rạp chiếu bóng, trong chợ, lúc tan sở. v.v... Tình cờ họ nhìn nhau và tự nhiên cảm mến nhau. Nhưng bởi vì hoàn cảnh xã-hội, địa vị, chức tước, tôn giáo, luân lý, phong tục, không cho phép họ có thể gặp nhau mặt đối mặt... nên họ không dám vì sợ bị nhìn. Thành ra họ chỉ mong những giờ phút nhất định trong tuần, như hai người cùng đi lễ giờ đó, hay cùng đi chớp bóng hôm đó... để có thể trao cho nhau những cái nhìn thân-mật một cách kín đáo, vụng trộm. Cứ như thế, tuy họ chưa hề gặp nhau và nói với nhau câu nào, nhưng hình như họ đã gần nhau lắm. Họ trao đổi cho nhau những cái nhìn trìu mến, mong đợi băn khoăn hay cái nhìn oán trách, giận dỗi... Đó là một đối thoại chỉ bằng những cái nhìn. Ta vẫn thường nói : « Đọc trong khoé mắt » những tình cảm của người khác, nghĩa là muốn biết ai giận, ghét, yêu, trách ta, chỉ cần đọc cái nhìn của họ, vì có một tiếng nói của cái nhìn. Hai người không thể gặp nhau nói chuyện được, nhưng họ vẫn có thể nhìn nhau để trao đổi tâm tình. Nêu lên trường hợp đặc biệt đó cốt để nhấn mạnh tính cách quan trọng của cái nhìn trong tương giao yêu đương. Thực sự ngay cả trong trường hợp có lời nói, cái nhìn cũng vẫn là cách biểu lộ tình yêu không thể thay thế được ; lời nói yêu đương mà thiếu cái nhìn yêu đương, như vừa nói vừa quay mặt đi chẳng hạn, thì lời nói đó còn nghĩa lý gì ? Hơn nữa, trước mặt nhau, lời nói cũng thừa, vì họ chỉ nhìn nhau là đủ rồi. Cái nhìn là cách thế biểu lộ cái không thể biểu lộ bằng ngôn ngữ được. Trở lại trường hợp đặc biệt vừa nêu lên, giả sử một ngày kia hoàn cảnh thay đổi, như một người phải đi chỗ khác, hay giờ giấc của buổi lễ, buổi chiếu bóng, giờ tan sở.v.v.. thay đổi, thế là họ không còn được dịp nhìn nhau nữa. Mối tình thầm kín kia có thể vẫn còn, nhưng bây giờ chỉ còn như một kỷ niệm vừa đẹp vừa buồn về một người thân yêu vừa rất gần gũi mà cũng vừa rất xa lạ...

Hoặc là họ có thể gặp nhau để dần dần thực hiện tình yêu bằng sự kết hợp giữa hai người. Họ có cái *nhìn hiến dâng*. Trong cái nhìn hiến dâng, người nhìn như tự xoá để chỉ nghĩ đến người mình nhìn, để tự hiến cho người mình yêu. Nhìn hiến dâng là một suy tôn, một thăng cấp người yêu. Đó cũng là cái nhìn *mời gọi*. Người mời gọi như sẵn sàng chờ đợi để tiếp nhận, chào đón người thân yêu. Trong không-khí hân hoan tưng bừng lúc tiếp đón, người được tiếp đón như được suy tôn vì ai cũng nghĩ đến người được tiếp đón và chính sự tiếp đón cũng thay đổi khung cảnh đều đặn đời sống hằng ngày.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Do đó, cái nhìn hiến dâng không bao hàm ý chí chiếm đoạt vị kỷ vì nó công nhận người yêu là độc nhất, chỉ mình anh (hay em) đáng kể. Mọi sự khác chỉ có nghĩa khi có anh (hay em). Những lời nói đó tuy đã được nhắc đi nhắc lại trăm nghìn lần từ khi có loài người, nhưng chúng vẫn mới mẻ như là *lần đầu tiên* với một người bắt đầu đi vào cuộc đời yêu đương.

Cũng như người mẹ nhìn con và coi nó là độc nhất, đặc biệt như thể trên đời chỉ có mình nó là đáng kể. Khi khách đến, bà sung sướng khoe đứa con của mình ăn nói khôn thế nào có nhiều trò chơi, cử chỉ ngộ nghĩnh làm sao. Bà nhìn đứa con như một phép lạ, mà không biết rằng đối với người ngoài, nó cũng tầm thường như trăm nghìn đứa trẻ khác mà thôi.

Nhưng có hệ gì điều đó. Ai chả yêu. Tình yêu ở khắp nơi, trong mọi lúc. Nhưng chỉ tình yêu của tôi đây đáng kể, chỉ anh (hay em) đây mới là tình *yêu đối với tôi.*

Cho nên tình yêu đích thực bao giờ cũng có cái nhìn hiến dâng, nghĩa là bao hàm sự quên mình hy sinh và đôi khi cả cái chết cho người mình yêu.

Một người liều chết xông vào đám cháy để cứu một người đang bị nạn. Đó là một cử chỉ hy sinh, và Hy sinh là gì, nếu không phải là tự xoá để quả quyết giá trị hiện hữu của người mình hy sinh cho. Mọi cử chỉ hy sinh đều bao hàm ý chỉ bảo vệ, suy tôn tha nhân. Như thế, hy sinh khác với anh hùng. Người anh hùng cô đơn, vì trong cử chỉ anh hùng, người anh hùng chỉ tìm thấy mình, trái lại trong cử chỉ hy sinh, người hy sinh tìm thấy tha nhân. Sở dĩ hy-sinh là vì yêu. Cho nên tình yêu đích thực gắn liền với hy sinh và cái chết. Yêu là chết đi để sống lại đích thực trong người khác. Cái phải chết đi là con người ích kỷ, chật hẹp trong ta, để không còn những cái tôi cô lập khép kín nhưng là những cái tôi hoà trong cái ta cộng đồng. Trong kho chuyện đông phương, người ta có thuật một chuyện hai người đã yêu nhau. Một hôm chàng đến gõ cửa nhà nàng để tỏ tình. Trong nhà có tiếng vọng ra hỏi ai đấy ?

Tôi đây.

Cửa không mở

Lại có tiếng hỏi : Ai đấy ?

Tôi đấy mà ? Cửa vẫn đóng.

Khi hỏi đến lần thứ ba, chàng trả lời :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chính *em* đây !

Và lần nầy, cửa mới mở đón tiếp chàng vào nhà.

* * *

Nhưng một tình yêu đích thực chưa hẳn đã là một tình yêu lâu bền khi ta chưa yêu con người trong mọi khiá cạnh cũa nó. Nếu ta chỉ nhìn người yêu như một vật lý tưởng, nghĩa là mọi sự đều tốt đẹp, ta chưa nhìn đúng được cái chân tướng của người mình yêu. Cũng như đứa trẻ có lúc đáng yêu, có lúc đáng ghét khi nó nghịch ngợm, hỗn láo quấy rầy... Con người cũng vậy, không thể tránh được sai nhầm, yếu đuối, mang tật nọ, nết xấu kia. Do đó tình yêu không thể lâu bền được, nếu ta không biết yêu con người trong cả những khía cạnh tiêu cực của nó.

Nói thế, không có ý bảo ta phải yêu cái xấu như thể cái xấu, tự nó cũng là điều tốt, và đáng yêu; hay ta phải thông cảm trong tội lỗi, đồng loã với tội lỗi. Cái xấu bao giờ cũng vẫn là xấu. Ta không chấp nhận tội, vì tội là tốt, nhưng chấp nhận sự yếu đuối của con người do đó mà phạm tội, và thông cảm với người có tội trong sự yếu đuối đó.

Như thế qua tội lỗi, ta cũng khám phá được tha nhân như đồng loại cùng ở trong một thân phận, một cảnh ngộ và lúc đó ta có một cái *nhìn khoan dung* trước người có lỗi. Cái nhìn khoan dung như có ý nói : « Anh là người có lỗi, nhưng tôi hiểu anh yếu đuối ». Cái nhìn khoan dung cũng đưa đến cái *nhìn tha thứ* : « Tôi không kết án anh , nhưng đừng lỗi nữa ». Cái nhìn tha thứ có một sức mạnh lay động lạ lùng vì nó là sự bột phát thuần túy của tình yêu quảng đại. Ta tha thứ vì ta yêu, thế thôi. Nhưng chính vì thế mà cái nhìn tha thứ có thể làm cho người tội lỗi có cái nhìn vạn nài phải hối cải và sự hối cải đó đôi khi đạt tới một mức thánh thiện tuyệt cao.

Chuyện xưa có kể vua Trang-Vương nước Sở một hôm đãi tiệc các quan. Trời đã tối đang lúc rượu say, đèn nến tắt cả. Trong lúc ấy có một ông quan thừa cơ kéo áo cung nữ. Người cung nữ nắm lấy giật đứt giải mũ rồi tâu vua : « có kẻ kéo áo ghẹo thiếp. Thiếp giật được giải mũ. Xin cho thắp đèn để tìm ra kẻ đó ». Vua bèn gạt đi mà nói : « Thôi chấp làm gì. Mời người ta uống rượu đến say sưa quên cả lễ phép, lại nỡ nào vì câu chuyện đàn bà làm nhục người ta. Rồi lập tức ra lệnh : « Ai uống với quả nhân hôm nay mà không say đến giật đứt giải mũ là chưa được vui ». Các quan theo lệnh, đều giật đứt giải mũ cả, nên suốt buổi tiệc mọi người hân hoan vui vẻ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hai năm sau, nước Sở đánh nhau với nước Tần. Đánh luôn năm trận mà trận nào cũng thấy một vỏ quan liều chết xung phong rất hăng làm cho quân địch phải lui, Trang-Vương lấy làm lạ, cho đòi hỏi : « Quả nhân đãi nhà ngươi cũng như mọi người, có sao nhà ngươi lại hết lòng giúp quả nhân khác người như vậy? » Viên quan thưa lại : Thần rắp tâm muốn đem tính mệnh để dâng hiến cho nhà Vua từ lâu , mãi đến nay mới gặp dịp báo đền ơn củ. Thần là Tương-Hùng, chính là người bị giật đứt giải mũ mà nhà vua không nỡ làm tội đấy ». (1)

Trong sách phúc âm cũng có kể sự tích cô Madeleine là người tội lỗi, bị những người đại diện cho dư luận đem đến cho đức Giêsu xét xử và kết án. Ngài không trả lời chỉ im lặng, cúi xuống đất viết ... Rồi Ngài ngửng đầu lên, *nhìn tra hỏi* vào mặt bọn người kia mà nói : Ai trong các ông chưa bao giờ phạm tội, hãy cầm đá ném chết người đàn bà này ». Rồi Ngài lại cúi xuống viết trên đất.. Trong lúc đó, bọn quan viên lần lượt rút lui, kể từ người già nhất. Một lúc sau, Ngài ngẩng lên thấy họ đi đâu cả, chỉ còn mình cô Madeleine đứng đấy. Ngài nhìn với một vẻ tha thứ khoan dung và nói : « Không ai kết án cô cả sao ? Tôi cũng không kết án. Hãy về bằng an, nhưng đừng phạm tội nữa. »

Trong sách Phúc-âm cũng kể tiếp khi Đức Giêsu bị treo trên thập-giá, mọi người thân hữu, đồ đệ đều sợ trốn lẩn hết, chỉ có Madeleine, cô gái tội lỗi đã được tha thứ ngồi khóc dưới chân thập-giá.

Có cái vui của sự lành mạnh, thánh-thiện, đoàn tụ, hoà-hợp. Nhưng hình như chúng không sâu xa thâm thía và qúy giá bằng cái vui của đoàn-tụ, Hoà-hợp, Lành-mạnh, sau Đau ốm, chia-ly xung đột. Không gì vui sướng hơn khi gia-đình có người đi xa lâu ngày trở về, hay có một người ốm nặng vừa khỏi. Cũng như không còn gì cảm động hơn khi tìm được một mối tình đã mất, hay trước những giọt lệ của lòng ân hận.

Như thế, Tội không phải là điều xấu tuyệt đối, vì chính nhờ tội lỗi mà có Tình yêu, Quảng-đại, Tha thứ. Trong ý-nghĩa đó, có thể nói tội-sinh-phúc như kinh Exultet ca ngợi cái tội sinh-phúc « Felix culpa » trong ngày vọng lễ Phục-Sinh của Thiên-Chúa-giáo. Chính vì tội lỗi mà nhân loại nhận được đấng Cứu-Thế và làm hoà với Thiên-Chúa sau một thời gian phân-ly, thù nghịch.

* * *

(1) Thuật theo cổ học tinh hoa trang 65.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu tình yêu là yếu tính của Đám-cưới giữa ta với tha-nhân thì cái nhìn là cách thể biểu lộ thể hiện tình yêu đó. Cho nên Hạnh-phúc hay Đau-khổ đều ở cái nhìn cả. Địa-ngục là cái nhìn soi-mói, cái nhìn chiếm-đoạt, và địa-đàng là cái nhìn hiến dâng và tha thứ. Cái nhìn hiến dâng thăng cấp cho người yêu và cái nhìn tha thứ phục hồi sự thăng cấp đó.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NGUỒN-GỐC VĂN-MINH VIỆT-NAM

(tiếp theo kỳ trước)

OLOV JANSÉ

Bài này là diễn-văn của giáo-sư Olov Jansé đọc tại Giảng-đường Viện Đại-Học Huế vào kỳ đầu năm năm 1959. Trong số 12 chúng tôi đã cho đăng phần thứ nhất, kỳ này tiếp tục đăng phần thứ hai, còn phần thứ ba sẽ đăng ở kỳ sau.

Ông Jansé gốc người Thụy-điển, là một nhà khảo-cổ-học trứ-danh trên hoàn-cầu. Khi còn trẻ tuổi ông đã du học ở Pháp, sau khi tốt nghiệp Viện Đại-Học Paris, ông được văn-bằng tiến-sĩ tại Viện Đại-Học Upsala, rồi được tiếp-tục bổ-nhậm phó quản-lý của Viện Bảo-tàng St. Germain, giáo-sư tại Học-viện Louvre và giáo-sư tại l'école Pratique des Hautes Etudes của Viện Đại-Học Paris. Năm 1934, ông được Viện Đại-Học Harvard và Học-viện Viễn-đông Bác-cổ viện-trợ, đứng đầu một phái-đoàn khảo cổ sang Việt-Nam, ở lại 5 năm để điều tra các cổ-tích và đào nhiều nơi cổ-mộ. Trong thời gian đó, ông đã phát kiến nhiều cổ vật rất có giá trị, và đã xuất bản một bộ sách để tường thuật những thành tựu rực rỡ của ông. Năm 1939, ông từ biệt Việt-Nam sang Phi-luật-tân, rồi từ năm 1943, giữ chức giáo-sư khảo-cổ-học tại Viện Đại-Học Harvard và làm cố-vấn cho Quốc-vụ-Viện Mỹ-quốc. Năm ngoái, ông nhận lời mời của Viện Đại-Học Saigon và Viện Khảo-cổ sang viếng thăm Việt-Nam và giảng học nữa năm tại Viện Đại-Học Saigon.

L.T.S.

Chúng ta đã nghiên-cứu kiến-trúc của những mộ-phần thuộc kiểu-động-trời (grotte-ciel) được xem như là cái tiêu-biểu những quan-niệm tôn-giáo đã reo rắc tại Việt-Nam suốt trong những thế-kỷ đầu trước và sau J. C. Bây giờ chúng ta hãy xem sét nội-dung các mộ-phần ấy. Nhưng trước khi làm công-việc đó, tôi muốn nói thêm ít lời về một chi-tiết liên-quan đến sự xây dựng những mộ-phần, nó đặt ra một vấn-đề. Câu chuyện như sau đây.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chúng ta đã để ý rằng thường-thường trước một đầu mút của những mộ-phần đó có một đống gạch hay một cái tường ngoại đôi khi kích-thước nhỏ. Nhưng những vật đó không thấy có ích lợi gì, cho nên chúng tôi tự hỏi phải chăng đó là chỉ là những viên gạch dùng dư mà người ta để lại đó. Nhưng lối giải-thích đó không có vẻ đúng, hơn nữa là vì trong nhiều trường-hợp, người ta đã thay thế những viên gạch bằng những viên đá, và trong trường-hợp khác, bức tường phụ lại được xây cất công-phu. Vì thế nên chúng tôi muốn tìm một sự giải-thích khác trong địa-hạt tôn-giáo kia. Thường-thường thì chính những kiến-trúc đơn-giản nhất và thô-sơ nhất lại được tôn-sùng nhất. Tôi mới nhớ lại rằng vị thần HERMÈS của người Hy-lạp HERMÈS, tức là vị thần MERCURE của người La-Mã được tượng-trưng hoặc là bằng một đống đá, hoặc là bằng một tấm bia giống như những bức tường nhỏ trước lối đi vào các mộ-phần và tôi cũng nhớ lại rằng có một vị-thần cùng một tính-cách với vị-thần thông-thường đó hiện nay còn được tôn thờ tại Việt-Nam. Trước trận chiến tranh vừa qua, người ta còn thấy tại miền Bắc, nơi các ngã-tư đường hay nơi gần chợ búa, những mô đất để thờ một vị-thần phù-hộ kẻ đi đường và người thương mãi hẳn như thần HERMÈS. Kẻ đi chợ từ nơi quê hương mình mang đến những cục-đất để bỏ vào trên đống đất đó. Điều lạ là những đống đất đó hiện-giờ trong tiếng Việt-Nam còn gọi là « đống-đá » Sau khi đã đặt cục đất xong, người đi đường cầu-khẩn « Ông Đống » phù-hộ cho mình. Kẻ cầu-nguyện hứa nếu được mua may bán đắt thì lúc trở về sẽ cúng thần những món như : mật-ong, hàng-quà, bánh-ngọt, hương,v.v... Ta hãy nói thêm rằng có những đống-đá có thể giải-thích được cùng một cách thức vậy đã được Ông Malleret tìm ra trong những công-cuộc đào bới do ông đã điều khiển tại OC-EO trong Đồng-Lát (Plaine des Joncs).

Đây ta có một số bằng chứng ngày nay và ngày xưa về sự thờ cúng một vị thần mà tính cách tương xứng với thần HERMÈS được biểu lộ bằng những đống đất tục gọi là đống đá. Vì HERMÈS cũng được xem là vị thần phù hộ cho thi-sĩ. Ta cũng có lý do để tự hỏi phải chăng những đống gạch, đá ở một đầu mút của các mộ phần là để ghi ý nghĩa « đóng kín ». Vả lại, vị thần thông thường đó cũng còn được tượng trưng bằng một tấm bia làm cho ta nghĩ đến những tấm tường nhỏ thường thay thế những đống đá. Sự kiện này giúp thêm chứng cứ cho ý kiến của chúng tôi. Cũng như những đống đất gọi là đống đá còn tồn tại đến ngày nay, cái bia — các bức tường, dường như cũng tồn tại dưới hình thức những bức bình phong che lối đi vào bên trong lớp thành bao vây những nơi thờ kính của người Việt-Nam.

Gạch xây mộ phần làm bằng đất nung đỏ. Thế nhưng trong khi xem kỹ một vài viên gạch mà chúng tôi đã tìm thấy ở LIM, thì chúng tôi thấy rằng những viên gạch ấy có viền ở ngoài biên một lớp tráng, chắc chắn là một lớp son. Sự kiện này làm chứng cứ cho những thuyết cổ truyền Trung-hoa theo đó bên trong các mộ phần xưa đều trang bị bằng sắc trắng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Có thể là cái cổ-truyền đó ứng dụng đặc biệt cho những mộ phần thuộc kiểu động trời, vì người ta đã tìm thấy ở Miền Nam Trung-hoa những kiến trúc như thế, với những bức tường bên trong có trét đất sét trắng, có lẽ trộn với đất làm đồ sứ (Kaolin). Nếu những phần mộ được sơn trắng hay trang bị bằng sắc trắng, thì điều ấy cũng thường có những vết tích để lại

Sự ứng dụng sắc trắng bên trong động trời là đặc biệt đáng chú ý và có thể giải thích bằng hai cách, cả hai đều có giá trị.

Trước kia ta đã thấy rằng cái mặc-tưởng về động trời liên kết mật thiết với thuyết thần bí của cận-đông và của miền đông La-Hy, nơi mà sắc trắng có một giá trị căn bản để tượng trưng ánh sáng, sức sinh hoạt và trước hết là sự trong sạch. Ta hãy nhớ rằng chính chữ thần bí (mysticisme) nguồn gốc Hy-lạp không có nghĩa, như người ta thường hay nghĩ là cái bí mật, mà nó có nghĩa là một cái gì tinh-khiết. Tất cả những tôn-giáo xây-dựng trên thần bí đều mang cái đặc tính là có những lễ tẩy uế. Cái quan niệm về sự tinh khiết ấy, tượng trưng bởi những cánh hoa sen và hoa huệ, đã tồn tại đến ngày nay bởi sự dùng sắc trắng mặc cho người trịnh-trọng rời bước từ một kiếp sống nầy sang một kiếp sống khác. Không phải chỉ ở Việt-Nam mà sắc trắng dành riêng để ghi bước đường từ đời sống trên mặt đất sang đời sống sau khi chôn vùi dưới đất. Tục lệ đó đã có tại Hy-lạp cho đến thời đại lịch-sử.

Ta cũng hãy nhớ rằng ở Tây-phương, sắc trắng cũng dành cho lễ rửa tội, lễ rước Thánh-thể đầu tiên, lễ cưới và cuối cùng là lúc từ trần ; vải liệm người chết, như ta sẽ thấy sau này, cho đến cả đồ gốm dùng trong việc chôn cất, trước kia được xem như là có linh hồn, đều phần lớn làm bằng đất nung sắc trắng.

Tất cả điều đó chứng tỏ rằng sắc trắng được liên kết với những quan niệm về sự làm cho tinh khiết . Trước khi đến trước thiêng liêng và trước khi có thể cảm thông với thiêng liêng — một điều đặc sắc của thuyết thần bí, — thì người chết cần phải được tinh khiết về thể chất và tinh thần. Đó là một lý do dùng sắc trắng trong các mộ phần kiểu động trời.

Nhưng một ý nghĩ khác cũng đã có thể gây ra tục dùng sắc trắng bên trong các phần mộ đó.

Mọi người còn nhớ rằng khi người ta đã thay thế chất gỗ trong các phần mộ xưa bởi những viên gạch, thì người ta cũng đã thay thế một yếu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tố dương-tính bằng một yếu tố âm-tính. Nhưng điều nầy đã phải làm cho ngạc nhiên những kẻ còn tin về công dụng tốt lành của những lực lượng phân-cực kia. Thế nên lẽ tất nhiên người ta đã phải tìm cách khử trừ những công dụng tiêu-cực tiêu biểu cho yếu tố âm. Những tấm thảm trắng treo trên tường, một lớp bọc bằng đất sét trắng, hay một lớp sơn trắng cũng đã có thể có cái công hiệu mong muốn. Vã lại chúng ta còn có những bằng cớ khác nữa chứng tỏ rằng người ta đã tìm cách tránh khỏi tình trạng lưỡng nan do những quan niệm tôn giáo trái ngược nhau gây ra, bởi một sự điều giải nhằm mục-đích trung lập hoá yếu-tố âm trong các phần mộ bằng gạch, bằng cách đưa vào đấy một vài yếu-tố dương phụ lực. Cũng vì thế mà người ta đã có ý nghĩ xây những mộ phần theo những hình thức trung gian giữa kiểu xưa dùng toàn gỗ làm tài liệu xây cất, và kiểu mới mà đặc điểm là dùng toàn gạch.

Những cuộc quật phát do chúng tôi đã làm chứng tỏ rằng những quan niệm tôn giáo mới dần dần ăn sâu vào trí óc con người đã tạo ra nhiều cuộc điều giải khác, dung hoà những ý tưởng khác nhau. Điều này không có gì lạ vì rằng những thế-kỷ đầu, trước và sau J.C. là một thời kỳ cực-thịnh của sự dung hợp tư-tưởng tôn giáo, và chúng ta có đầy đủ lý do để tin rằng hiện tượng tôn-giáo đó đã phát triển cùng một lúc ở cả hai đầu mút của cựu thế giới. Ta hãy nhớ lại, để so sánh, rằng vua Constantin le Grand sau khi đã chọn Thiên-chúa giáo vẫn tiếp tục theo thói quen mang những lễ vật cúng các vị Thần tà-giáo.

Mặt khác, những bức hoạ tìm thấy trong những hầm mộ La-Mã chứng tỏ sự pha trộn quái-dị những đề tài Thiên-chúa giáo và ngoại-đạo.

Tả cái mộ

Phần nhiều các phần mộ kiểu động trời mà chúng tôi đã quật phát chỉ có một đường hầm mà bên trong thường chia làm ba gian, ngăn cách nhau bởi một vòng cung bằng gạch. Ở giữa là phòng chôn người chết, nơi để cái quan cửu và một vài phẩm vật cúng cho vong. Hai bên phòng đó (là phòng lớn nhất), thường có hai phòng nhỏ hơn, một trong hai phòng nầy để chứa những bình, lọ đựng thực-phẩm chất đặc và chất lỏng có thể cần cho vong. Còn phòng thứ ba thì mục đích của nó có vẽ bí ẩn đối với chúng tôi. Thường thường nó cũng cùng kích thước với phòng để thực phẩm, nhưng đôi khi nó cao hơn một chút hay được xây cất kỹ lưỡng hơn. Thường khi thì cái phòng nầy không chứa vật gì, hay có chăng thì cũng chỉ một vài cái chén uống rượu bằng đất nung. Chúng tôi phỏng đoán rằng người ta đã đặt ở đây những vật bằng chất hữu cơ, chẳng hạn bằng gỗ, một chất không có thể còn đến ngày nay. Vấn-đề nầy đã làm cho chúng tôi thắc mắc cho đến ngày mà chúng tôi đã tìm thấy một cách bất ngờ, một sự giải thích hợp lý đem lại cho chúng tôi bởi sự kiểm xét nội dung một phần mộ còn nguyên vẹn từ ngày nó được hàn kín cho đến nay có gần hai mươi thế-kỷ. Chúng tôi đã tìm thấy trong phòng đó, gần một bức tường, trong một khoảng nhỏ hình

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chữ nhật, những đồ vật sau đây. Bên này và bên kia một cái đèn bằng đồng và một cái bình bằng đất nung trắng, có một cái lọ hình viên-trụ cũng bằng đất nung trắng. Cả hai cái lọ không có nắp hơi xiêu xiêu lại với nhau. Tất cả toàn bộ đó dường như đã được người ta đặt trên một cái bàn nhỏ hình chữ nhật bằng gỗ có bốn chân. Khi mục nát ra, cái bàn nhỏ kia đã sập xuống dưới sức nặng của đồ vật đặt trên đó và điều nầy có thể cắt nghĩa được vị trí xiêu xiêu của những đồ vật lúc tìm thấy. Hai cái lọ hình viên trụ cùng một kiểu với thứ mà ta thường để trên án thờ và dùng làm lọ đốt hương, ngày nay thường còn làm bằng gỗ, phủ một lớp sơn. Như tôi mới nói hai cái lọ không có nắp, sự kiện nầy có thể giúp chứng cứ cho sự phỏng đoán của chúng tôi cho đó là những lọ đốt hương. Hiển nhiên, ở đây người ta đã thay thế những vật liệu thuộc dương tính, chất gỗ dễ tiêu hủy, bằng một vật liệu thuộc âm tính, chất gốm được lâu bền hơn. Trong trường hợp đó, mà không phải là duy nhất, dường như chúng ta nắm được bằng chứng rằng người ta không còn tin tưởng thật sự vào công hiệu tốt lành của hai lực-lượng phân-cực nữa. Thế nhưng sự phát lộ nầy làm cho ta nghĩ rằng. Những phòng nhỏ tương tợ như thế đã được dùng làm nơi thờ kính và đã chứa đựng những đồ thờ làm bằng gỗ. Sự thờ cúng đó hiển nhiên là sự thờ cúng khí thiêng và hồn của vị vong đó.

Tôi nói khí thiêng và hồn vì theo quan niệm của người Tàu và người Việt-Nam lúc bấy giờ thì con người có hai bản tính vô hình : một khí thiêng và một hồn đeo huýt tính. Sau khi khi chết thì khí thiêng biến thành một phần linh hay là một vị cao siêu phù hộ nòi giống, giúp đỡ cho con cháu làm ăn an lành. Sự thờ cúng tổ tiên do quan niệm đặc biệt ấy mà ra.

Còn cái hồn mang huýt tính lại sống một đời sống vô định, nhạt mờ và mong-manh rồi cuối cùng tiêu mất.

Những quan niệm đó đưa ta vào một thời đại rất cổ sơ, có vẻ kỳ quái khi mới xem qua, nhưng sau khi nghĩ lại chúng ta cũng không nên ngạc nhiên lắm, vì chúng ta bắt gặp những ý nghĩ tương tợ như thế ở Tây-phương và chính ở tại đó mà ta phải tìm cái nguồn gốc tư-tưởng đó. Thường thường thì khi gặp những điều tương tợ (về các vấn-đề tín ngưỡng) giữa vùng Đông La-Hy nơi phát tích của những trào lưu tín ngưỡng lớn, và Viễn-Đông, thì chúng ta có thể chắc chắn rằng, chính Tây-phương đã xướng khởi, vì dân tộc Viễn-đông ít thiên về sự suy gẫm tôn giáo. Đây tôi không phê bình, tôi chỉ nhận xét một sự kiện mà thôi, vừa nhìn nhận có những giá trị lớn đã được tạo ra về mặt siêu hình tại khu vực này của thế giới.

Thật thế Khổng-giáo và Phật-giáo có thể xem như là hai cái cánh bay trong quá khứ đã làm cho dân tộc vùng này vượt lên trên họ, nhưng Khổng giáo cũng như Phật-giáo đều không phải là một tôn-giáo. Đó là những hệ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thống tư tưởng triết-lý, và không có vị nào trong hai Giáo-chủ đó đã tự nhận mình là một thần linh, hay cho mình là một vị thánh, mà họ chỉ cho mình là những vị thầy dạy triết-lý thôi. Nhưng như chúng tôi vừa nói, những luồng tư tưởng về tôn-giáo đều theo chiều Tây sang Đông, và điều nầy bảo ta phải tìm nguồn gốc ý nghĩ về cái bản chất vô hình lưỡng thể của con người ở tại Tây-Phương.

Những ngôn-ngữ Ấn-Âu có hai danh từ để gọi sự trạng đó. Trong tiếng Pháp có hai chữ ESPRIT và ÂME ; Trong tiếng La-tinh có : SPIRITUS vá ANIMA ; trong tiếng Hy-lạp có : PNEUMA và PSYCHÉ. Hiển nhiên đó không phải là những chữ đồng nghĩa, và vì thế lúc ban sơ những chữ đó đã chỉ những cái khác nhau. Phải chăng là chữ ESPRIT tương xứng với chữ ESPRIT — SOUFFLE (khí thiêng) còn chữ ÂME tương xứng với chữ ÂME DE SANG (hồn đeo huýt-tính) như chúng tôi vừa nói ? Có thể vậy.

Tự căn của chữ ESPRIT — SPIRITUS giãi thích cho ta biết tại sao chữ đó dùng để chỉ cái phần quan trọng nhất và hầu như bất diệt của cái bản tính con người. SPIRITUS nghĩa là hơi gió, hơi thở, được người xưa qu an-niệm như một yếu tố sinh hoạt. Khi hết thở thì con người chết, nhưng chính cái hơi thở, cái khí được xem là còn tiếp tục một đời sống độc lập và biến thành cái gì linh diệu, một thứ thần linh, một tiên linh.

Như chúng tôi vừa nói, chính cái ý tưởng đó đã làm cơ sở cho sự thờ cúng gia-tộc, thờ cúng tổ tiên, nhưng lối thờ cúng mà ta cũng tìm thấy trong thị trấn xưa của Hy-lạp và cái tổ-chức làng nước của Việt-Nam. Hãy đọc tác phẩm bất diệt của FUSTEL DE COULANGE « LA CITÉ ANTIQUE » (thị trấn xưa) thì sẽ thấy sự giống nhau lạ lùng trong lãnh vực đó giữa Tây và Đông.

Nếu linh khí được xem như là một cái gì do phổi biểu lộ, thì hồn lại là một cái do óc nảo biểu-lộ : Nhưng cái mộng mị, bóng, ảnh phản chiếu trong dòng nước hay trong mặt gương, đều được người Hy-lạp xem như là những lớp màng mỏng do óc loại ra. Con người có thể sống không cần đến cái phần tử ấy của bản tính vô hình của nó. Không có yếu tố sinh-hoạt nào bị liên quan đến. Vì thế nên cái hồn được xem như là kém phần quan trọng hơn cái linh khí trong sự sinh hoạt tử-hậu. Cũng như trong quan niệm Hoa-Việt, linh hồn phưởng phất một thời gian quanh người chết để rồi cuối cùng tan rã mất. Chữ Hy-lạp PSYCHÉ, tương xứng với chữ ÂME cũng còn có nghĩa là con bướm.

Sau khi đã suy luận như thế, chúng ta có lý do để tin rằng những phần

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mộ kiểu động trời được liên kết với sự thờ cúng tổ tiên, và bên cạnh những ngôi mộ, như hiện còn thấy ở Việt-Nam, chắc hẳn đã có những nơi che cất để cho gia-đình cử-hành việc cúng quảy theo những định kỳ. Về những nơi che cất đó đã được làm bằng gỗ, nên không tồn tại tới ngày nay, nhưng những nơi ấy để y nguyên đã phải có vì trong nhiều trường hợp chúng tôi đã tìm thấy bên cạnh những phần mộ xưa những viên ngói nóc có thể xem là bằng chứng cụ thể có những nơi che cất để cúng quảy như thế.

Bây giờ lại còn một vấn đề khác. Những phần mộ kiểu động trời có phải là của người Trung-Hoa hay là của dân địa-phương ?

Dĩ nhiên là một vài mảnh xương còn lại trong các phần mộ không cho biết gì về vấn đề đó. Sử ký và chuyện cổ truyền cũng chẳng cho biết gì về điểm đó. Chỉ có những cổ vật lên tiếng và mang lại cho ta như là một tiếng vọng xa xa, một lời đáp cho câu hỏi đã đặt ra.

Mặc dầu có một vài mộ phần lớn ở Bắc-Việt có thể là của những quan chức Tàu, nhưng điều chắc chắn, như ta đã thấy, là những mộ phần nhỏ cùng một kiểu với những mộ phần do chúng tôi đã tìm thấy ở chợ LIM, Tỉnh Bắc-ninh và những mộ phần tìm thấy ở LẠCH TRƯỜNG Tỉnh Thanh hoá, đều là của những người địa phương, có lẽ gốc Mường.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một vài bằng chứng mà hai ngôi mộ ở LIM đã mang lại cho chúng ta. Hai ngôi mộ đó đã được xây bằng những viên gạch ở ngoài biên có hình những cảnh trí chạm nổi thấp, thuộc về các đề tài chiêm tinh và quan niệm đời sống sau nầy.

Chúng ta hãy nói ít lời về những quan niệm đã gây ra cách diễn tả bằng hình ảnh đó mà thật ra, chỉ được trình bày trong một phần nào thôi. Một trong những cảnh trí đó đặc biệt đáng được ta chú ý vì nó là bằng chứng cụ thể rằng những phần mộ ở LIM là phần mộ của những tiên-nhân người Việt-Nam (PRÉ-VIETNAMMIEN), chắc là gốc Mường. Cảnh trí làm cho ta chú ý ở đây dính với những chuyện kỳ Ấn-độ, những truyện kỳ đã được biến đổi ít nhiều và gieo rắc ở Trung-Hoa cũng như ở Việt-Nam bởi những tín đồ Đạo-giáo (TAOÏSTES). Sau đây là lối giải thích cảnh trí đó của người Trung-Hoa :

Xưa kia có mười mặt trời, mỗi mặt trời được xem như cùng một thể với một con chim đậu trên cây vũ trụ. Sức nóng của những mặt trời đó gay gắt đến nỗi đã gây ra nạn đại hạn, tai hạn. Lúc bấy giờ một vị vua trong

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

truyện thần thoại ra lệnh cho một người bắn cung giỏi nhất trong nước giết chết chín trong số mười con chim — mặt trời. Người bắn cung sau khi đã làm xong công việc kỳ tài đó được thưởng một cái lọ đựng thứ thuốc trường sanh bất tử, chỉ dành cho nó mà thôi. Nhưng một hôm, vợ nó tìm thấy cái lọ và ném vào thứ thuốc đó. Nhà vua muốn trừng phạt sự tò mò, đã đuổi người đàn bà đó lên mặt trăng để cùng con thỏ trên cung trăng nghiền những thứ trái dùng làm thuốc trường sanh. Theo lối trình bày Ấn-độ, thì chức vụ và tính cách của con thỏ được giải thích như thế này :

Một hôm, một người tu khổ hạnh đến một nhà kia và xin ăn. Nhà nầy rất nghèo, nhưng tất cả mọi người cho đến cả người láng giềng đều đã mang ra một cái gì. Một con thỏ, lúc bấy giờ cũng có mặt tại đó, tự hỏi không biết mình lấy gì để cho người khách tha phương kia. Mình chỉ có cỏ để hiến ông ta, nhưng cỏ thì có ra gì. Trong khi đang suy nghĩ, con thỏ bỗng rơi vào trong một cái soong. Việc ngẫu nhiên này gợi cho nó một ý nghĩ và nó tự bảo : « Ây kìa ! Tôi sẽ tự hiến tôi làm món ăn cho người tu khổ hạnh đó. Hãy quay tôi đi ».

Lúc bấy giờ người tu khổ hạnh rời lốt trái của ông ta đi và cho biết chân tướng của ông ; đó chính là vị thần INDRA đang hiện ra trong đám hào quang rực rỡ. Vị thần đưa con thỏ ra khỏi cái chảo, và bảo : « mày đã tỏ ra lòng xả thân cao cả và để thưởng cho mày, ta sẽ đưa mày lên cung trăng để sống một đời trường sanh bất tử ».

Từ đó con thỏ được xem như là tượng trưng cho mặt trăng, cho lòng xả thân và cho việc thiện. Con thỏ cũng được xem như là nhục thân của ông Phật.

Những đề tài rút trong truyện kỳ đó, lẫn lộn trong triết lý Đạo giáo, đã được diễn lại trong nghệ-thuật Trung-Hoa, và con thỏ lúc nào cũng dễ nhận thấy.

Đây là phía lưng của một tấm gương soi có từ 500 năm sau J.C. Đây ta thấy chính giữa có cái cây mọc trong trăng, cây nầy mang những quả dùng làm thuốc trường sanh. Bên phía tay mặt ta thấy con thỏ, dễ nhận ra, đang nghiền những quả quý báu ấy. Bên tay trái, ta thấy cái bà đang cầm trong tay lọ đựng thuốc trường sanh mà bà ta đã trộm được. Chúng ta thấy bà ta đến mặt trăng được bình yên vô sự, và sự kiện này đã xảy ra mấy nghìn năm trước JULES VERNE và vệ tinh nhân tạo. Tấm gương có mạ bạc để gợi ý mặt trăng màu bạc và ánh sáng lạnh lùng của nó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bây giờ nếu ta quay về những hình chạm nổi thấp trong những phần mộ ở LIM, thì chúng ta thấy được, diễn những đề tài mượn trong truyện kỳ đó, nhưng, — Và sự kiện nầy rất quan trọng, — Thay vì con thỏ trên mặt trăng, thì ta thấy một con chó trên cung trăng đang giúp bà vợ của người bắn cung nghiền trong một cái cối những trái dùng làm thuốc trường sanh. Người Thái và cả người Mường ở vùng núi non Tỉnh Thanh hoá hiện nay cũng còn có biết truyện kỳ mà chúng tôi vừa kể đó, nhưng con vật giúp người vợ người bắn cung trong công việc muôn đời của nó không phải là con thỏ mà là con chó. Mà trên những hình chạm nổi ở LIM, ta cũng thấy con chó chứ không phải con thỏ. Thế thì những phần mộ ở LIM, như chúng tôi đã nói, không phải của người Trung-Hoa mà chính là của những người tiên nhân người Việt-Nam gốc Mường. Ta hãy nói thêm rằng người Mường, bà con gần với người Việt-Nam ngày nay còn cử-hành, theo định-kỳ, một cái lễ có thể xem như một tiệc-mừng trường-sanh, với những nghi-thức từ bao nhiêu thế-kỷ đã biểu-lộ lòng lo-sợ, nỗi hân-hoan và mối hy-vọng của họ.

Vì rằng những hình chạm-nổi tại LIM đã giúp ta bước vào con đường chắc-thật, chúng ta có đủ lý do để tiếp-tục công-việc tìm-kiếm theo chiều-hướng đó. Trong lúc tiến-hành công-việc chúng tôi lại góp được thêm những bằng-chứng cụ-thể khác vạch rõ rằng những phần-mộ kiểu động-trời lúc bây giờ đã là của những người dân-cư xứ ấy.

Vậy để đưa ra một vài thí-dụ mà thôi trong số nhiều thí-dụ khác, chúng ta hãy dẫn những sự-kiện sau đây, trong một ngôi-mộ, chúng tôi đã tìm thấy những vật xâu-tai hình viên-trụ bằng chai để xâu vào trái tai. Thế mà theo tôi biết thì người Trung-Hoa không bao giờ dùng lối trang-sức đó. Mà lối trang-sức đó lại là cái tiêu-biểu cho người Mường. Bây giờ đây thì đồ trang-sức đó lại thường làm bằng bạc.

Những di-vật đáng chú-ý nhất đã được tìm thấy trong một vài phần-mộ ở Thanh-Hoá. Chúng ta sẽ duyệt qua một số di-vật tiêu-biểu nhất, xác nhận ý-kiến của chúng tôi.

Trong một phần-mộ còn nguyên vẹn tìm thấy ở Lạch-Trường, chúng tôi thấy có một cái tượng nhỏ : Cái tượng này cao độ 33 phân, hình-dung một người mà chắc hẳn không phải người Trung-Hoa. Nét mặt cho biết người ta muốn hình-dung một người Tây-phương. Cách hình-dung RÂU và TÓC làm cho ta nghĩ đến tây Ấn-Độ, vùng GANDHARA, nơi mà văn-minh Hy-Lạp đã lưu lại nhiều thế-kỷ vào đầu kỷ-nguyên. Phần bố-trí trước ngực (có lẽ một tràng hoa) được trang sức bằng những hoa-sen vẽ kiểu cũng làm cho ta nghĩ đến ẤN-ĐỘ, và cách tượng-trưng sự tinh-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khiết. Vì thế nên chúng tôi tự hỏi kẻ được mai-táng trong phần-mộ nầy phải chăng là một người nguyên-quán ở một thành-thị ẤN hay ẤN-SCYTHE mà lúc bấy giờ đã có tại miền Nam nước Việt-Nam, như là công-cuộc đào-bới đáng chú-ý của Ông MALLERET đã phát lộ ở OC-EO tại vùng TRANSBASSAC. Có phải đó là một tiên-nhân giống người PHÙ NAM (PRÉ-FOUNANAIS) hay một tiên-nhân giống CHÀM (PRÉ-CHAM) ? Vấn-đề chưa được giải-quyết. Như tôi sẽ cố-gắng giải-bày điểm đó sau nầy, tôi nghĩ rằng nhân vật quỳ-gối tức là người chết đang đóng vai thần DIONYSOS lúc hồi-sinh. Bên cạnh chúng tôi thấy một tượng nhỏ khác hình-dung một nhân-vật hầu như khoả-thân, ngồi trên một tấm-bia. Đây cũng không phải một người Trung-Hoa. Chúng tôi nghĩ rằng nhân-vật đó là vị-thần PAN của Hy-Lạp, nhưng chắc hẳn đây là một vị-thần PAN đã được ẤN-ĐỘ hoá. Đúng như nguyên-hình cổ-điển của nó, nhân-vật này mang trên đầu hai cái sừng sơn-dương nhỏ, giữa có một chỗ ghồ lên, chắc-hẳn để hình-dung một ngọn lá của cây leo trường-xuân. Trong tay vị-thần cầm một vật biểu-thị dương-tính tức là vật tượng-trưng cho chính-thần đó mà cũng là bùa hộ-mệnh của DIONYSOS, tức là nhân-vật quỳ gối trong mộ phần này.

Một tượng nhỏ khác dường-như đã tìm thấy không xa Lạch-Trường, rất giống với nhân-vật quỳ gối đã nói đến cả hai tượng nhỏ hiển-nhiên đều thuộc về một quan-niệm văn-hoá.

Nhân-vật này được phát lộ từ một nơi gần Lạch-Trường. Nét-mặt bị sứt mòn quá, không thể nhận rõ dung-mạo. Thế nhưng Bác-sĩ SIVARAMURTI, quản thủ-viện Bảo-Tàng NOUVELLE DELHI cho rằng đó là một vị DWARAPANAS, nghĩa là một vị giám-hậu trong thần-thoại ẤN Những DWARAPANAS được hình-dung cùng một kiểu với nhân-vật nầy trong giáng-bộ ngồi, béo-phỡ, cầm trong tay một cái vỏ chung quanh có một con rắn cuốn. Người ta tự hỏi phải chăng những DWARAPANAS đó là nguyên-thức của những vị thần-giám-hộ mà ta có khi trông thấy trước những nơi thờ kính hay phần-mộ ở Việt-Nam, và người ta quen gọi là HẮC-VƯƠNG, hay tù-binh CHÀM hay PHỒNG-ĐÁ ?

Đây là cách hình-dung cổ-điển những nhạc-sĩ thổi sáo làm một bộ-phận của một đèn huyền-đăng. Chúng tôi biết một số kiểu hình dung đó luôn luôn liên-kết với cây đèn. Những nhạc-sĩ đó đóng vai trò có tính-cách tôn-giáo và thường thường xây mặt vào ngọn lửa đèn, được quan niệm như là sự phát-hiện của tinh-thần, và một tượng-trưng của sự sống.

Ở đây, những nét mặt cũng quá lu-mờ, không thể nhận rõ dung-mạo được nhưng tất cả những nghệ-sĩ đó đều đội một cái mũ có chóp nhọn mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chắc chắn không phải nguồn-gốc Trung-Hoa, mà nó lại làm cho ta nhớ đến cái mũ xứ PHRYGIE. Chúng ta sẽ có dịp nói lại điểm nầy.

Hình nầy cho ta thấy một vị-thần có cánh đang cỡi một con sư-tử có vẻ nhu-nhược hiền-lành, giống một con chó Bắc-Kinh hơn là giống vị vua sa-mạc. Như mọi người đều biết con sư-tử không đời nào sống hoang dã tại vùngNam-Á, nhưng trái lại nó đóng một vai-trò tượng-trưng quan- rọng trong thần-thoại Hy-Lạp cũng như trong thần-thoại Ba-Tư.

Thần cỡi sư-tử đội trên đầu một lư-hương mà hình-dáng gợi ý-nghĩ về núi lớn với những động trời mà chúng tôi nói đến.

CAO-HỬU-HOÀNH dịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

SOẠN-NIÊN, TÀI-LIỆU VÀ TRUYỀN-BẢN CỦA AN-NAM-CHÍ-LƯỢC

TRẦN-KINH-HÒA

Nhân dịp Ủy ban Phiên dịch Sử Liệu Việt-Nam của Viện Đại-Học Huế sắp ấn hành bản dịch và hiệu bản của An-nam chí-lược, tôi xin thảo một bản khảo cứu về soạn niên, nội dung và các bản lưu truyền của An-nam chí-lược để các bạn sử gia tiện bề tham khảo.

I. SOẠN NIÊN CỦA BỘ AN-NAM CHÍ-LƯỢC.

Về soạn niên của bộ An-nam-chí-lược, từ đầu thế-kỷ thứ 20, nhiều nhà sử học đã bàn cải đến và phát biểu ý kiến, nhưng vẫn chưa được nhận-xét một cách rõ-rệt. Dạo này, nhờ sự nghiên-cứu kỹ càng của hai vị học-giả Nhật, ông Naojiro Sugimoto và ông Tatsuro Yamamoto, chúng ta được biết thêm nhiều chi tiết về cuốn sách này. Nhân dịp này tôi xin kiểm điểm lại những thuyết quá khứ, và tham-khảo các thuyết mới, để đưa ra một vài ý-kiến tương-đối hợp lý. Trước hết chúng ta hãy nhìn qua những sự nhận thức mà các sử-gia đã từng phát biểu :

1) Bộ Tứ-khố-toàn-thư-đề-yếu 四庫全書提要 (q. 66), sử-bộ, tái-ký-loại có đăng một bài đề yếu về An-nam-chí-lược. Trong đó về niên-đại biên tập thì chỉ cho là «đời Nguyên», tức trong khoảng năm 1271-1368.

2) Vì bài luận « Première étude sur les sources annamites de l'histoire d'Annam » của L. Cadière và P. Pelliot (BEFEO., 1904, t.IV, p.624) nhận định tác giả Lê-Tắc đầu hàng nhà Nguyên vào năm 1285, nên G. Maspero cũng cho niên đại soạn tập của An-nam-chí-lược là « vers 1285 » (T'oung-pao, 1910, vol. XI, p.134).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3) C. Sainson, Ngann-nann-tche-luo (Mémoires sur l'Annam, Péking, 1896, Notice du traducteur) cho soạn niên là « aucommencement du XIVe siècle ». Cuốn Bibliotheca Indosinica (vol.III, col. 1865, Paris, 1914) của H. Cordier và bài luận « La première conquête chinoise des pays annamites » (BEFEO., 1923, t.23, p.225) của L. Aurousseau đều cho là «début du XIVe siècle ».

4) Bài « Le protectorat général d'Annam sous les T'ang (BEFEO., 1910, t.X, p.540) của H. Maspero thì cho là năm 1333.

5) Trong bài luận-khảo của cha Cadière và P. Pelliot đã nói niên đại soạn-tập bộ ấy là « dans la première moitié du XIVe siècle » (BEFEO., 1904, t.IV, p.649), nên ông H. Maspero cũng trong bài vừa kể trên cho niên-đại đó có thể trèo lên tới « à la première moitié du XIVe siècle » (BEFEO., 1910, t.X, p.573).

6) Ông H. Cordier trong cuốn « The Book of Ser Marco Polo » (London, 1924, vol.II, p.271) có chua rằng soạn niên của An-nam-chí-lược là « in the 14th century ».

7) Ông Trần-Thanh-Mại trong bài « Một nhà viết sử bán nước, một quyển sử nhục-nhã, Lê-Tắc và quyển An-nam-chí-lược của y» (đăng Tập-chí Tao-đàn, số 3, ngày 1-4-1939, tr.203-209) có nói « quyển sách của Lê-Tắc viết vào trong khoảng năm 1290-1300».

8) Ông Lê-Thanh-Khôi, trong cuốn « Le Việt-Nam, histoire et cilivisation » (mục sources Vietnamiennes) có kể tên An-nam-chí-lược, và chú minh là « XIIIe siècle » ; rồi trong chương nói về « Le Đại-Việt sous les Trần», thì cho Lê-Tắc đã xuất-bản bộ sách nầy (20 quyển) vào cuối thế-kỷ thứ 13 hoặc đầu thế-kỷ thứ 14 (Paris, 1955, p.67, 275).

Xét lại những thuyết kể trên, trừ thuyết của cuốn Tứ-khố-toàn-thư-đề-yếu cho là đời Nguyên, ngoài ra các thuyết đều cho thuộc về một thời-gian từ khoảng hậu bán thế-kỷ thứ 13 cho đến tiền bán thế-kỷ thứ 14. Trong đó, cũng có thấy như « năm 1290-1300 » của ông Trần-Thanh-Mại hoàn-toàn do tự óc tưởng-tượng, nhưng cũng có thấy thuyết như « vers 1285 » (của G. Maspero) hoặc «năm 1333» (của H. Maspero), nói rõ một niên-đại riêng ; và chính vì thuyết nào cũng có căn cứ riêng, nên khiến cho chúng ta rất khó lựa chọn thuyết nào là đáng tin cậy. Ông P. Pelliot, tuy hợp tác với cha Cadière viết bài khảo về sử liệu Việt-Nam đã dẫn ở trên, nhưng Ông có chua rằng niên đại soạn tập bộ này chưa được xác định một cách

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

rõ-rệt. (BEFEO., 1904, t.IV, p.624, n.6). Theo thiển kiến, sở-dĩ ông Pelliot, một vị đại tiền bối về sử Trung-Quốc và Đông-Nam-Á, phải công nhận như vậy, là vì ông chưa có dịp kiểm thảo lại nội dung bộ này cho kỹ, chứ không phải vấn-đề này là không có cách giải quyết được. Vậy, tôi xin đề-nghị chúng ta hãy soát lại những đoạn văn trong bộ An-nam-chí-lược có liên quan với niên đại soạn tập, để cho tiện việc kê cứu.

a) Trong bài tự tựa của Lê-Tắc có đề ngày viết, là «Tiết Thanh-minh, mùa xuân, năm Nguyên-thống sơ-nguyên, ất-mão Lê-Tắc, người Cổ-Ái »
元統初元乙卯春清明節古愛黎崩

b) Bài tự tựa lại nói rằng « Tôi sinh trưởng ở đất Nam-Việt, đã làm quan ăn lộc của bản quốc. Trong mười năm về trước, đi xứ nọ qua xứ kia, trải khắp nữa nước An nam, hơi biết được hình thế sơn xuyên và lý lộ ; từ khi nội phụ với Thánh-triều đến nay đã hơn năm mươi năm rồi... Nhân trong lúc rảnh thì giờ, gom góp lượm lặt những điều đã ghi trong quốc-sử lịch triều, cuốn Giao-chỉ-đồ-kinh và tham-khảo thêm cuốn Phương-kim-hồn-nhất-điển-cổ, mà làm ra bộ An-nam-chí-lược, 20 quyển ».
僕生長南越，竊祿仕途，十歲間奔走半國中，稍識山川地理，內附聖朝，至是五十余年矣，···聊乘暇日，綴葺已，同采摭歷代國史，交趾圖經，雜及方今混一典故，作安南志略二十卷。

c) Trong bài tựa của Hứa-Thiện-Thắng 許善勝 có nói : «Năm Chí-nguyên thứ 21 (1284), đạo quân qua nam, thì Chương-hiến-hầu hàng phục trước hết » 至元二十一年王師南下，彰憲侯率先順義。

d) Mục Trần-Kiện trong đoạn Nội-phụ hầu-vương (q.13) có chép : « Chí nguyên giáp-thân (1284)... mùa đông năm nay, đại quân Trấn-nam-vương tiến vào bờ cõi... Kiện nói với Trắc rằng : thế-tử bị triệu mà không chịu nhập triều (nhà Nguyên), khiến cho bị chinh phạt nguy cấp đến nơi mà vẫn chấp mê chưa biết, làm cho ta không có nhẫn tâm trông thấy nước bị đổ và nhà bị diệt. Tháng giêng năm sau (1285), bèn cùng Tắc và mấy vạn người hiến binh-khí, hàng với Trấn-nam-vương. »
至元甲申···是冬鎮南王大軍入境···鍵謂崩等曰。世子被召不朝，以致征討，危在旦夕，執迷不悟，其忍國覆家亡乎，明年正月，率崩等數万衆，獻兵器，降鎮南王。

e) Trong đoạn « Chinh-thảo vận-hướng » (q.4) có nói : « Năm Chí-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nguyên ất-dậu (1285),... ngày 21 tháng giêng... Chương-hiến hầu bèn cùng bọn Tắc đem quân đầu hàng» 至元乙酉正月・・・二十一日・・・彰憲侯遂與蒯等以其兵降。

f) Trong bài Tự-sự (q.19) có chép : « Năm Chí-nguyên ất-hợi (chép nhầm ất-dậu) tháng giêng mùa xuân... bèn cùng bọn Tắc mang bộ thuộc đến hàng » 至元乙亥（乙酉？）春正月・・・遂與蒯等率衆降附。

g) Trong toàn bộ có thấy mấy niên đại tương đối muộn như sau:

1) Trong chiếu văn năm Nguyên-thống thứ 3 có đoạn chép: «Khiển Phụng-thành đại-phu Lại-bộ Thượng-thư Thiết-trụ, Phụng-trực-lang lễ-bộ lang trung Trí-Hi-Thiện sang truyền dụ chỉ của Trẩm, và ban thời lịch của năm Nguyên-thống thứ 3 (1335) một quyển» 遣奉誠大夫吏部尚書鉄柱，奉直郎禮部郎中智熙善，往諭朕旨，賜元統三年授時曆一本。

(2) Ở cuối mục Đại-Nguyên Phụng-sứ (q.3) có chép : Năm Nguyên-thống thứ 3 (1335) khiển Lại-bộ Thượng-thư Thiết-trụ, Lễ-bộ Lang-trung Trí-Hi-Thiện sang sứ An-nam, tuyên bố chiếu-văn tức-vị vua Kim thượng - hoàng - đế. Năm sau (1336) Trần - Nhật - Phụ sai sứ cống hạ» 元統三年遣吏部尚書鉄柱，禮部郎中智熙善使安南，宣令上皇帝即位詔，明年陳日煃遣使貢賀。

(3) Trong mục Trần-thị khiển-sứ (q.14) có chép : « Năm Nguyên-thống thứ 3 giáp-tuất (ất-hợi ?), cải niên niệu làm nguyên - niên Chí-nguyên, sai khiển đại-phu Đồng-hoà-Hương và Nguyễn-cổ-Phu nhập cống và cung hạ Kim-thượng hoàng-đế lên ngôi; Chí-nguyên đinh-sửu (1337), khiển đại-phu Phan-công-Trực, Nguyễn-tất-Chiêu cống hiến; Chí-nguyên kỷ-mão (1339) lại sai đại-phu Trần-quốc-Thực nhập cống». 元統三年甲戌（乙亥？）改年（至）元元年，遣大夫童和卿，阮固夫貢，賀今上皇即位。至元丁丑遣大夫潘公直，阮必炤貢。至元己卯遣大夫陳國實貢

h) Trừ tự tựa, ngoài còn những bài tựa như sau có đề niên đại:

1) Các bài tựa của Trịnh - Cự - Phu 程鉅夫, Lưu - Tất - Đại 劉必大 và Hứa - Thiện - Tháng 許善勝 đều vào năm Đại-đức thứ 11 đinh-vị (1307) 大德十一年丁未。

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

2) Bài tựa của Triệu-Hoà 趙烁 đề sơ-nguyên Hoàng-khánh (1312) 皇慶初元

3) Bài tựa của Long-Nhân-Phu 龍仁夫 đề Diễn-hữu năm thứ 5 mậu-ngọ (1318) 延祐五年戊午。

4) Bài tựa của Cao-tống-thị-Đường 高宋氏堂, đề Chí-trị nhâm-tuất (1322) 至治壬戌。

5) Bài tựa của Hứa-Hữu-Nhậm 許有壬 đề năm Chí-nguyên thứ 5 kỷ-mão (1339) 至元五年己卯。

6) Bài tựa của Hạ-Trấn 夏鎮 đề năm Chí-nguyên thứ 6 canh-thìn (1340) 至元六年庚辰。

i) Trong bài tựa của Hứa-Hữu-Nhậm có câu: «Lê-Cảnh-Cao (tức Lê-Tắc) ở Đông-Sơn.... vào Trung-Quốc đã năm mươi năm, kê cứu hết các thư tịch, thêm những sự học tập đã sẵn có, biên thành bộ An-Nam chí-lược cộng 20 quyển. Đến năm đầu niên-hiệu Chí-thuận (1330), triều-đình có lời cho phép dâng lên, vậy tiếng-tăm và sách của ông Cảnh-Cao bất hủ rồi». 東山黎景高・・・入國五十年來，猶諸載籍，參以所習，編爲安南志略二十卷，至順初朝廷有制，許上之，于是景高之書與其名不朽矣。

Theo đoạn «a» Lê-Tắc viết bài tự tựa vào ngày thanh-minh năm Nguyên-thống sơ-nguyên ất-mão, tức Nguyên-thống nguyên-niên ất-mão; nhưng xem can chi hồi đó, Nguyên-thống nguyên-niên rõ rệt là «quý dậu» 癸酉, chứ không phải là «ất-mão» 乙卯! Ông Pelliot cũng chú ý đến điểm này, nhưng chưa đề-cập đến lý-do đó (BEFEO., 1904, p.8, n. 6). Theo thiển kiến, sự chép nhầm như thế không thể nào do tự tác giả, chắc-chắn là do sự chép nhầm hoặc sự in lầm của người đời sau. Chúng ta có thể suy-luận rằng sự sai lầm có lẽ nằm trong 4 chữ «Nguyên-thống sơ nguyên» 元統初元, hoặc trong hai chữ «ất-mão» 乙卯, hoặc trong cả hai trường hợp kể trên nữa, nghĩa là cả «Nguyên-thống nguyên-sơ» và «ất-mão» đều có chép nhầm cả.

Giả sử «Nguyên-thống sơ-nguyên» (1333) là đúng, thì theo bài tự tựa (đoạn «b» kể trên), năm ấy cách với năm Lê-Tắc quy thuộc nhà Nguyên phải trải qua hơn 50 năm. Như vậy, năm quy-thuộc của Lê-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tắc muộn nhất phải vào năm 1283, hoặc trước năm 1283 mấy năm nữa mới hợp lý. Nhưng xét dẫn-văn «c», sự đầu hàng của Chương-hiến-hầu và Lê-Tắc là vào năm Chí-nguyên thứ 21 (1284). Trái lại, tra Nguyên-sử Thế-tổ bản-kỷ (q. 13, mục tháng 12 năm Chí-Nguyên thứ 21) và Nguyên-sử An-Nam truyện (q. 209), chúng ta lại thấy rằng cuộc chiến-tranh giữa Đại-Việt và Nguyên tuy bắt đầu từ mùa đông năm Chí-nguyên thứ 21 giáp-thân (1284), nhưng sự đầu hàng của Lê-Tắc là vào đầu năm sau, tức tháng giêng năm Chí-nguyên thứ 22 ất-dậu (1285), đúng như ký-sự trong hai đoạn dẫn-văn « d » và « e » vậy. Còn đoạn dẫn văn « f », để niên đại «Chí-nguyên ất-hợi » 至元乙亥, hiển nhiên là chép nhầm của « Chí-nguyên ất-dậu » 至元乙酉, không còn chỗ nào đáng hoài nghi cả.

Trong mấy niên đại kể trên, lẽ dĩ nhiên, năm Chí-nguyên thứ 22 ất-dậu (1285) (tức năm đầu hàng của Lê-Tắc) là xác thực nhất, và có thể, lấy làm nền tảng cho sự khảo chứng sau đây. Bây giờ thử lấy năm 1333 (tức Chí-nguyên sơ-nguyên) trừ năm 1285, thì chỉ có 49 năm (incl.), rõ rệt không hợp với câu « hơn 50 năm » trong đoạn dẫn-văn «b». Như vậy, nếu cứ coi « Nguyên-thống sơ-nguyên » là đúng, thì tự nhiên ta phải coi « hơn 50 năm » trong bài tự tựa là sự chép sai của « 49 năm ». 四十九年 Nhưng trường hợp như thế kể ra rất ít khả năng, vì hai câu « hơn 50 năm » và « 49 năm », trừ khi người sao chép cố ý muốn tu cải, ngoài không thể nào lẫn nhau được. Hơn nữa, trong bài tựa cũa Hứa-Hữu-Nhậm cũng có nói « từ khi nhập (Trung) quốc 50 năm nay » 入國伍十年來, đủ chứng tỏ rằng câu «đến đây đã hơn năm 50 năm» 至是五十余年矣 của bài tự tựa là đáng tin cậy.

Nếu chúng ta dựa vào quan điểm này và coi câu «hơn 50 năm» là xác thực, thì ta phải nói năm Chí-nguyên thứ 22 hoặc Nguyên-thống sơ-nguyên, hoặc cả hai niên đại này đều là không đúng, vì từ năm Chí-nguyên thứ 22 (1285) tính đến Nguyên-thống sơ-nguyên (1333) chỉ có 49 năm thôi ! Nhưng, như đã nói ở trên, năm Chí-nguyên thứ 22 là một niên đại không thể đả động được, và câu « hơn 50 năm » cũng là một sự thực chắc chắn, thì chúng ta phải công nhận sự sai nhầm chắc nằm trong 4 chữ « Nguyên-thống sơ-nguyên ».

Bây giờ hãy tìm một niên-đại năm mươi mấy năm sau năm Chí-nguyên thứ 22 (1285), thì ta thấy năm Nguyên-thống sơ-tam 元統初三 (tức là năm Nguyên-thống thứ 3) (1335) hoặc Nguyên-thống sơ-tứ 元統初四 (tức năm Nguyên-thống thứ 4) (1336) sẽ thích hợp với điều kiện đó. Nhưng một điều đáng chú ý là niên hiệu « Nguyên-thống » đến năm thứ 3 thì cải làm « Chí-nguyên» 至元. Chí-nguyên là niên hiệu của Nguyên Thế-tổ, bắt đầu từ năm giáp-tí (1264) đến năm giáp-ngọ (1294) là hết, cộng 31 năm, nhưng về sau vì Thuận-đế nhớ mến những công nghiệp,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

rực rỡ của Thế-tổ, nên trong tháng 11 năm Nguyên-thống thứ 3. hạ chiếu cải « Nguyên-thống tam-niên » làm « Chí-nguyên nguyên niên » (Tham khảo Nguyên-sử, q. 33, Thuận-đế bản kỷ, mục tân-sửu tháng 11, năm Chí-nguyên nguyên niên). Vậy, ta hiểu rằng niên hiệu Nguyên-thống chỉ đến năm thứ 3, và trừ năm này, không còn năm Nguyên-thống nữa có thể thích hợp với điều kiện kể trên được.

Cứ căn cứ vào lập trường như thế, chúng ta phải thừa nhận rằng chữ « nguyên » 元 trong « sơ-nguyên » là chép nhầm chữ « tam » 三. Sự thực, vì kiểu chữ hơi giống nhau, hai chữ « tam » và « nguyên » từ xưa hay chép nhầm lẫn với nhau trên các sách cổ bên Trung-quốc. Thí dụ: cuốn Thuỷ-kinh-chú (Vũ-anh-điện Tụ-chân-bản, q. 36) mục Ôn-thuỷ có chép: Gia-cát-lượng thảo bình Nam-trung. Lưu Thuyền Kiên-hưng tam niên, phân chia quận Ích-châu để đặt quận Kiên-ninh tại đó» 諸葛亮討平南中，劉禪建興三年，分益州郡，置建寧郡于此。 và dưới niên hiệu « Kiên-hưng tam niên », án văn chua rằng: « Các bản khác gần đây nhầm chép nguyên niên» 案近刻訛作元年. Hoặc cuốn Nhị-thập nhị-sử-khảo dị 廿二史攷異 của Tiền Đại-Hân 錢大昕 (q. 49, mục Phương-trấn-biểu 方鎮表 của Tân-đường-thư) có nói: « Đại-lịch nguyên niên cải Trấn-nam 鎮南 gọi là An-nam », nhưng về niên đại đó, Địa-lý-chí của Tân-Đường-thư thì cho là « Đại-lịch tam niên ». Trong trường hợp này, Đại-lịch nguyên niên (766) mới đúng, đã do ông N. Sugimoto khảo rõ (tham khảo cuốn Abe-Nakamaro-den Kenkyu 阿倍仲麻呂傳研究 p. 264-266). Do hai bằng chứng này mà xét, thiết tưởng rằng sự nhận định « Nguyên thống sơ-nguyên » là chép sai của « Nguyên-thống sơ-tam », tuyệt đối không phải là một sự suy-tưởng vô lý.

Quay về vấn-đề can-chi, như đã nói ở trên, theo lý năm Nguyên-thống sơ-niên là năm quý-dậu 癸酉, mà bản in Lạc-thiện-đường và bản sao Tịnh-gia-đường đều cho là ất-mão 乙卯, Vì hai tuế-thứ này kiểu chữ và phát âm đều khác hẳn với nhau, không thể nào lẫn nhau trong khi chép hoặc trong khi in, nên chúng ta tin rằng chắc hẳn ất-mão không phải chỉ tuế-thứ của Nguyên-thống sơ-niên. Thế thì, ất-mão là chỉ năm nào? Tra niên biểu, chúng ta thấy trong thế-kỷ thứ 14, năm ất-mão có hai năm, tức năm Diên-hữu thứ 2 của Nguyên Nhân-tông (1315) và năm Hồng-vũ thứ 8 của Minh Thái-tổ (1375), đều không có dính dáng gì với niên-hiệu Nguyên-thống của Thuận-đế cả. Vậy, chúng ta lại phải công nhận hai chữ « ất-mão » vừa không hợp với « Nguyên-thống sơ-nguyên », vừa có sự sai nhầm trong hai chữ đó. Do mấy điều khảo xét ở trên, chúng ta đã nhận thấy «Nguyên-thống sơ-nguyên» là chép sai của «Nguyên-thống sơ-tam», và tuế-thứ của « Nguyên-thống sơ-tam » (tức năm Nguyên-thống thứ 3) là « ất-hợi » 乙亥. Mặc dầu kiểu hai chữ « hợi » 亥 và « dậu » 酉 không được giống nhau, nhưng chúng ta chỉ có cách nhận định rằng ất-mão là chép

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhầm của ất-hợi, nói khác đi, ất mão là sai nhầm, và ất-hợi mới là đúng. Vì như trong đoạn dẫn văn « f », tuế-thứ của năm Chí-nguyên thứ 22 (1285) là ất-dậu 乙酉, nhưng các bản sao đều chép nhầm là ất-mão 乙卯 cả, vậy chúng ta tin rằng hai chữ « hợi » và « dậu » cũng có thể lẫn nhau trong khi sao chép.

Nói tóm lại, về niên hiệu và tuế-thứ mà Lê-Tắc đã để ở cuối bài tự tựa: « Nguyên-thống sơ-nguyên ất-mão », kỳ thực là « Nguyên-thống sơ-tam ất-hợi » mới đúng ; nghĩa là Lê-Tắc đã viết bài tự tựa vào ngày Thanh-minh năm Nguyên-thống thứ 3 (1335), chứ không phải trong năm Nguyên-thống nguyên-niên (1333), như ông H. Maspero đã suy-tưởng. Tuy còn gồm những thành phần giả-thuyết, nhưng trong tình trạng sử-liệu hiện tại, tin rằng thuyết này là hợp lý hơn hết.

Vì bài tự tựa đã để ngày Thanh-minh năm Nguyên-thống thứ 3 (1335), và theo văn ý trong tựa đó đã kể rõ làm xong An-nam-chí-lược 20 quyển, như vậy, theo lý chúng ta nên thừa nhận bộ này đã làm xong trước tháng 3 năm 1335. Nhưng, nếu ta chú ý đến những điều trong đoạn dẫn văn «g» ở trên, thì ta lại không thể nhận định rằng sách này đã soạn xong trước ngày thanh-minh của năm Nguyên-thống thứ 3 (1335), vì trong đoạn (1) có nói về việc sứ thần nhà Nguyên sang Đại-Việt ban sách thời lịch vào trong năm Nguyên-thống thứ 3 (1335) ; trong đoạn (2) có nói đến sự đi lại của sứ thần giữa hai nước Đại-Việt và Nguyên trong hai năm Nguyên-thống thứ 3 và năm sau là Chí-nguyên năm thứ 2 (1336) ; lại trong đoạn (3) có đề cập đến những cuộc khiển sứ của nhà Trần trong khoảng từ Chí-nguyên nguyên-niên (1335) cho đến năm Chí-nguyên kỷ-mão (1339). Như vậy, chúng ta ta phải thừa nhận rằng bộ An-nam-chí-lược không phải đã soạn xong vào dịp Lê-Trắc đã viết bài tự tựa, kỳ thực Lê-Tắc vẫn tiếp tục gia bút cho đến năm Chí-nguyên kỷ-mão (1339), vì vậy sau khi kiểm-điểm toàn bộ, chúng ta không thể tìm ra một niên hiệu sau năm này trong các bài ký-sự, hơn nữa, trong năm này có thấy bài tựa của Hứa-Hữu-Nhậm (Dẫn-văn h-5), năm sau lại có Hạ-Trần viết bài tựa (Dẫn-văn h-6), là hai tựa cuối cùng trong bộ sách.

Tuy vậy, chúng ta lại có chứng cớ cho hay rằng cơ câu bộ này đại khái xếp đặt xong ngay trong sơ niên thế-kỷ thứ 14. Bài tựa của Lưu-tất-Đại (viết vào năm Đại-Đức dinh-vị — 1307) đã nói : « Lê phụng-sự (chỉ Lê-Tắc), đồng-tri của An-tiêm-châu, đến thăm tôi tại Ngọc-đường (tức Hàn-lâm-viện), đưa ra bộ An-nam-chí-lược, khái-quan nội dung đó, có tham-khảo các sử truyện, và về nguyên-lưu đất nước, duyên cách về phong tước, sơn-xuyên, phong tục, nhân vật, quan chức, sự đi lại của sứ-thần, triều-cống và thưởng tứ, đều có đăng chu đáo và kỷ càng, đủ biết là một trước-tác rất dụng tâm ... đến lúc (Ông Lê) xin về, tôi có nói rằng bộ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sách này nên soạn tập thêm, và tôi sẽ nói với Quốc-sử-quán, hoặc trình với triều-đình, để xin chiếu văn thu sách này trong bí-phủ» 安遠州同知黎奉事訪余于玉堂之署，出示安南志略，觀其上下古今，參考史傳，國土之源流，封爵之沿襲，山川，風俗，人物，官職，使介往來，朝覲賜賚，纖細備載，噫用心亦云至矣…及陞辭而歸，因語之曰，此書再加繕輯，行當言之史館，白之廟堂，詔取付之于秘府。

Bài tựa của Hứa-Thiện-Tháng, cũng soạn vào năm đó, cũng nói : « Lê-hầu của Đông-sơn bèn lấy sơn xuyên phong-thổ, nhân vật cổ-kim, những sự biến cách và những cuộc hành động quân-đội gần đây, biên tập một quyển sách » 東山黎侯乃取其山川風土古今人物遷革與近年軍旅出入之數，編為一書。 Hai đoạn này đều biểu-lộ rằng bộ này đại-khái hoàn thành trong năm Đại-Đức thứ 11 đinh-vị (1307), và có ẽ theo lời khuyên của Lưu-Tất-Đại, tiếp tục biên tập thêm những tài liệu mới có, mãi đến đầu năm niên hiệu Chí-thuận 至順初 (Chí-thuận chỉ có hai năm, tức 1330-31), mới được dâng lên triều-đình nhà Nguyên (tham khảo dẫn-văn i), nhưng vẫn là một bộ bí-tích chưa được công-khai. Sở dĩ Lê-Tắc viết bài tự tựa vào năm 1335 hình như vì bộ này đã có cơ hội được đem ra ấn-hành, song việc đó đến năm Chí-nguyên thứ 5 (1339) vẫn chưa được thực hiện, vì trong bài tựa của Hứa-Hữu-Nhậm soạn vào năm đó, còn nói « những người hiếu sử sắp cho khắc bản (để in bộ này) » 好事將板之 như vậy thì việc ấn-hành đầu tiên của An-nam-chí-lược chắc hẳn là sau năm 1339, có lẽ vào năm Chí-nguyên thứ 6 (1340), là niên-đại bài tựa của Hạ-Trần, nhưng tiếc rằng chúng ta chưa đủ sử liệu để khảo rõ thời kỳ ấy.

II. NHỮNG TÀI LIỆU TRONG BỘ AN-NAM CHÍ-LƯỢC.

Về những tài liệu đã tham khảo hoặc dẫn trong bộ An-nam-chí-lược, tác-giả Lê-Tắc đã nói trong bài tự tựa như sau : «các văn tích cổ kim không được xem chu đáo, chỉ nhân lúc rỗi rãi sưu tập lại, và có trích từ các bộ sử lịch triều, cuốn Giao-chỉ-đồ-kinh, lại tham khảo thêm Phương-kim-hồn-nhất-điển-cổ để làm An-nam-chí-lược 20 quyển » 於古今文籍不能徧覽，聊乘暇日，綴葺已，同采摭歷代國史，交趾圖經，雜及方今混一典故，作安南志略二十卷。

Trong những tên sách mà Lê-Tắc đã kể trên, trước hết chúng ta hãy Lịch-Đại Quốc-sử để thảo luận. Xét ra, Lê-Tắc là người Việt, và người ấy đã nói « Lịch đại quốc-sử », thì tên đó đáng lẽ chỉ các bộ quốc sử

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đã tồn tại ở đất Việt. Sự thực trong An-nam-chí-lược (q.15), Lê - Tắc có đề cập đến « Lê (văn) Hưu tu Việt - chí » 黎（文）休修越志 và « Trần Tân làm Việt - chí » 陳晉作越志, nhưng mấy câu này chỉ có thể để cho chúng ta tưởng tượng rằng Lê - Tắc chỉ chép những tin tức đó, chứ không thể coi như tác-giả đã tham khảo những bộ chính sử đầu tiên của Việt-Nam, như bộ Đại-Việt Sử-ký của Lê-văn-Hưu hoặc bộ Việt-sử-lược (tức Đại-Việt Sử-Lược). Hơn nữa, một điểm đáng chú-ý là Lê - Tắc đã ở nội địa Trung-quốc khi viết bộ sử này. Trong bài tựa của Hạ-Trần đã nói : « Ở Hán-dương (tức huyện Hán-dương tỉnh Hồ-bắc) biên An-nam-chí » 間居漢陽，編安南志；lại bài tựa của Âu-Dương-Huyền cũng nói : « Năm Chí-nguyên, Huyền được triệu lên phía bắc, ghé Giang-hán (tức Hán-Dương), Lê-quân lấy bộ chí này để xin Huyền làm bài tựa » 至元年，玄被召北上，適江漢（即漢陽），黎君以是志請玄序。

Một mặt, theo bài tựa của Phạm - công - Trứ 范公著 trong Đại-việt-sử-ký-tục-biên (năm Cảnh-trí thứ 3 — 1665), ngay trong năm đó (tức 1665), bộ Đại-việt-sử-ký-toàn-thư mới được khắc gỗ và ấn-hành ; lại theo bài tựa của Lê-Hi 黎僖 trong Đại-việt-sử-ký-tục-biên-truy-gia (năm Chính-hoà thứ 18 — 1697), sự ấn-hành chính sử mới xong năm, sáu phần mười, còn lại thì chưa cáo tuần, vẫn tàng trử trong bí các, đến lúc ấy mới để thợ khắc gỗ và ban bố trong thiên hạ. Như vậy, hồi sinh thời Lê-Tắc, bộ Đại-việt-sử-ký của Lê-văn-Hưu chắc còn tàng trong bí các nhà Trần, và Lê - Tắc cũng không có cách nào mà lợi dụng được. Do những điều kiện này mà phán đoán, « lịch-đại quốc-sử » trong bài tự tựa là chỉ những bộ chính sử ở bên Trung-quốc, chứ không phải chỉ quốc-sử bên Đại-Việt. Sự thực soát qua toàn bộ, chúng ta nhận thấy tại khắp nơi Lê-Tắc đã tham khảo và dẫn các bài ký sự của các bộ chính sử bên Trung-quốc. Thí dụ, trong đoạn nói về hai bà Trưng (q. 4) thì dùng Hậu - Hán - Thư Mã-Viện-Truyện, nói về nhà Ngô hồi mới độc lập thì căn cứ vào Ngũ-đại-sử-ký (q. 65) Nan-hán-thế-gia của Âu-Dương-Tu, hoặc nói về các quan lại đời Đường, thì dẫn từ hai bộ Tân-Cựu-Đường-Thư, v.v...

Nói về « Giao-chỉ-đồ-kinh », đã là « đồ-kinh », thì chắc là sách địa-lý. Về tên « Giao chỉ », tuy từ năm Thuận-Hi nguyên-niên (1174) về sau, nhà Tống đã bãi bỏ tên Giao-chỉ và chính thức gọi là « An-nam-quốc », nhưng vì trong thời Tống, thời gian gọi Giao-chỉ dài hơn chừng gấp đôi thời gian gọi là An-nam, nên các sách Tống mạt, hoặc đầu Nguyên, chẳng hạn, bộ Tống-sử (của Thoát-Thoát nhà Nguyên), bộ Nguyên-sử (của Tống-Liêm đời Minh), bộ Đông-đô-sử-lược (q.130) của Vương-Xưng thời Nam-Tống, Chu-Phiên-Chí (q. thượng), để 1 để tên Giao-chỉ cả. Nay tra Nghệ-văn-chí của Tống-sử (q. 204), chúng ta không thể tìm tên sách « Giao-chỉ-đồ-kinh », mặc dầu có gần 40 bộ sách ghi chép trong đó có đặt tên « đồ-kinh ». Vậy, Giao-chỉ-đồ-kinh có lẽ không phải là một bộ địa-chí trứ danh hồi đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Còn về « Phương-kim-hỗn-nhất-điển-cổ », cái tên « phương kim » rõ-rệt chỉ thời đại của tác-giả, tức đời Nguyên. Còn tên « hỗn-nhất », trong bộ « Tiềm - nghiên - đường - văn - tập » 潛研堂文集 của Tiền - Đại - Hân có thấy một bài bạt của « Nguyên - hỗn - nhất - phương - dư - thắng - lãm » 元混一方輿勝覽 ; trong bài bạt của cuốn « Phương-dư-thắng-lãm » 方輿勝覽 cũng có nói : « Thời Nguyên, nhưng sách bán ở các thư - phường, đặc biệt đặt thêm tên (hỗn - nhất) » 元時書坊間本特標混一之名, đủ biết trong đời Nguyên đã dùng luôn tên « hỗn nhất », ý nghĩa đó cơ-hồ đồng nghĩa với tên « nhất-thống » 一統 trong các sách Địa-chí đời sau. Còn về tên « điển-cổ », lẽ dĩ nhiên là chỉ các điển-lễ nhà Nguyên, cũng như « hội-điển » vậy. Chỉ tiếc rằng chúng ta chưa có phương tiện để biết rõ luân cách bộ sách này.

Do những khảo sát kể trên, chúng ta nhận thấy, ngoài các bộ chính-sử Trung-quốc, Lê-Tắc đã từng tham khảo các loại sách địa chí và điển - lễ đời Nguyên, lại bổ túc thêm những kiến văn và kinh nghiệm cá nhân nữa. Như ở trên đã nói, nhiều chứng cớ cho hay rằng bộ An-nam-chí-lược đã đại-khái soạn xong trong khoảng năm 1285-1307, sau đó lại tiếp tục gia bút tăng bổ, mãi đến năm 1339 mới ngừng bút. Trong thời gian gần 50 năm này, những sự kiện ông đã kinh nghiệm được chép trong bộ, đương nhiên là những sử-liệu xác thực, giá trị bằng thực lục của nhà Nguyên. Theo bài tự tựa, trước khi nội phụ nhà Nguyên, Lê-Tắc đã làm quan nhà Trần chừng 10 năm, tức từ chừng năm 1275-1285, cho nên bài tựa của Lưu-Tất-Đại (soạn năm 1307) mới nói : « (Lê - Tắc) vì việc vua bôn tẩu đã 30 năm ». 其驅馳王事者三十年。Trong mục năm Bao-phu thứ 3 (1275) của Trần - Thánh - Tông, Đại - Việt - sử - ký - toàn - thư (q. 5) có chép rằng trong năm đó triều - đình đã tuyển cử nhiều nhân - sĩ, như vậy, có lẽ Lê - Tắc cũng làm quan từ năm ấy.

Tổng quát những sự khảo-xét kể trên, chúng ta nhận thấy những sự kiện đã xãy ra trong khoảng 1275-1339 mà được thấy trong sách đều có thể coi như những sử-liệu đáng tin cậy. Còn những ký-sự về các sự kiện đã phát sinh trước thời gian này, thì phần nhiều căn-cứ vào các bộ chính-sử lịch-triều, địa-chí và hội-điển đời Nguyên, và trong đó lại có nơi do Lê-Tắc tu cãi, nên khi vào lấy những bộ phận ấy làm sử-liệu làm khảo chứng, không nên quên phải duyệt qua một cuộc so sánh và kiểm thảo kỹ-càng với các sử sách Trung-quốc mới có thể dùng được.

III. CÁC TRUYỀN BẢN CỦA AN-NAM CHÍ-LƯỢC.

Theo sự nghiên-cứu của Giáo-sư Sugimoto, các truyền-bản của An-nam-chí-lược, đại-khái có thể chia cho 3 loại như sau :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

a) *Loại thứ nhất: Bản nguyên có 20 quyển.*

Lúc bộ An-nam-chí-lược mới soạn xong, toàn bộ có 20 quyển, đã chép rõ trong bài tự tựa của Nguyễn-Minh-Thiện 阮明善, Long-Nhân-Phu 龍仁夫 và Hứa-Hữu-Nhậm 許有壬; hơn nữa, trong « An-nam-chí-lược-mục-lục » của bản in Lạc-thiện-đường và bản sao Nội-các-văn-khố cũng có đề như vậy. Vì vậy, cuốn Bổ-liêu-kim-nguyên-nghệ-văn-chí 補遼金元藝文志（地理類）(địa-lý-loại) của Nhi-Sang 倪燦 và Lư-văn-Chiêu 盧文弨 (1) hoặc cuốn Bổ-nguyên-sử-nghệ-văn-chí (địa-lý-loại) 補元史藝文志（地理類）của Tiền-Đại-Hân đời Thanh đều theo nguyên bản cho là có 20 quyển.

Trong bài tựa của Âu-Dương-Huyền 歐陽玄 có nói rằng: « Trong khoảng Thiên-lịch (1328-29), (Âu-Dương) Huyền được cử làm Khuê-chương-học-sĩ, và cùng người khác phụng mệnh soạn tu Kinh-thế-đại-điển, đến khi soạn xong, sắp dâng lên, thì có đại-học-sĩ Hà-Vĩnh, dâng cuốn An-nam-chí-lược do Lê-Tắc người Cố-Ái soạn; nên vua hạ chiếu giao phó cho thư-cục; bèn làm « An-nam-phụ-lục » một quyển; và cho đăng ở mục « địa quan phú-điền ». Bài An-nam-chí-lược-bạt » 安南志略跋 (Bộc-thư-đình-tập 曝書亭集, q. 44) của Chu-Di-Tôn 朱彝尊 (1629-1709) cũng chép rằng: « Trong khoảng năm Thiên-lịch, tu Kinh-thế-đại-điển; Đại-học-sĩ Hà-Vĩnh đã dâng « Chí-lược »; vua hạ chiếu giao bộ ấy cho thư-cục, nên làm An-nam-chí-lược một quyển để thêm vào ». Kinh-thế-đại-điển là một bộ loại thư trong năm Thiên-lịch thứ 2 (1329) do các nhân-viên Hàn-lâm Quốc-sử-viện và học-sĩ Khuê-chương-các phụng-chiếu bắt đầu soạn tập, và đến năm Chí-thuận thứ 2 (1331) hoàn thành; lẽ dĩ nhiên, bộ An-nam-chí-lược được thu vào trong Kinh-thế-đại-điển chắc cũng là bản 20 quyển; chỉ tiếc rằng bộ Kinh-thế-đại-điển đã thất truyền, chúng ta không có cách nào biết nội dung của bộ đó được.

Qua đời Minh, tuy bộ Vĩnh-lạc-đại-điển 永樂大典 (2) có dẫn Kinh-thế-đại-điển, điều này làm cho chúng ta suy tưởng rằng đầu thế-kỷ

---

(1) Do Nhi-Sang soạn, lại do Lư-Văn-Chiêu bổ túc vào thời Thanh. Nội dung có sao chép cuốn « Nguyên-sử-nghệ-văn-chí-bổ » của Trương-Cẩm-Vân 張錦雲 đời Minh.

(2) Vĩnh-lạc-đại-điển, phụng mệnh bắt đầu soạn tập từ Vĩnh-lạc nguyên-niên (1403) và hoàn thành vào năm thứ 6 (1408).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thứ 15, bộ Kinh-thế-đại-điển vẫn còn, nhưng vì Vĩnh-lạc-đại-điển đã cơ hồ gần thất truyền, nên chúng ta không có cách nào phán đoán An-nam-chí-lược trong hai bộ Kinh-thế-đại-điển và Vĩnh-lạc-đại-điển chép thế nào. Duy có điều chắc chắn là đến lúc Thanh-Cao-tông giáng chỉ soạn tập Tứ-khố-toàn-thư, các đoạn trong Kinh-thế-đại-điển mà có chép An-nam-chí-lược đã thất truyền, vì bài để yếu của An-nam-chí-lược trong cuốn « Tứ-khố-toàn-thư-tổng-mục-đề-yếu » (q. 14) (Loại Sử-ký tái-ký 史記載記類) đã cho bộ này chỉ có 19 quyển.

b) *Loại thứ hai* : *Truyền bản có 19 quyển.*

Bản này có thể nói là bản thông-hành hiện nay và có những truyền-bản như sau :

1. *Bản sao của họ Mã tại Lương Hoài* :
Bài đề-yếu An-nam-chí-lược trong Tứ-khố-toàn-thư-tổng-mục-đề-yếu (q. 14) do Kỷ-Vân 紀昀 cùng các người khác soạn, là căn cứ bản tàng trử của Mả-Dụ-Gia 馬裕家 tại Lưởng-Hoài 兩淮, cho bộ An-nam-chí-lược có 19 quyển.

2. *Thủ-hiệu-bản của Tiền-đại-Hân* : Theo bài Tiền-Tân-Mi tiên-sinh niên phả 錢辛楣先生年譜 (Thập-giá-trai-dưởng-tân-dư-lục 十駕齋養新餘錄 phụ lục), chúng ta được biết Tiền-Đại-Hân, một nhà văn trứ danh trong triều Càn-long, đã đọc bộ này gồm có 19 quyển và thân hành cho hiệu chính. Câu bạt của Tiền-Đại-Hân ở cuối cuốn bản in Lạc-thiện-đường có nói : « Năm canh-tuất tháng 7, Trúc-đình-cư-sĩ Tiền-Đại-Hân tạm đọc xong, thời ở trong thuyền đang ghé Nhậm-thành » 庚戌七月，竹汀居士，錢大昕，假讀訖，時在任城舟次。 Lại theo bài bạt của Phục-Ông 復翁 (tức hiệu của Hoàng-Phi-Liệt 黃丕烈, cũng tự xưng là Nịnh-tổng-cư-sĩ Nhiêu-phổ 佞宋居士蕘圃), bộ An-nam-chí-lược có 19 quyển, chưa có thiếu thoát, trước là bản sao thuộc tàng thư của Hồ-Tỳ-Thôn 胡茨村 (húy Giới-chỉ 介趾) sau vào tàng thư Ngũ-nghiên-lâu của Viên-Thọ-Giai 袁壽階 (tức Đình-đào 廷檮), là người họ của Phục-ông; năm Càn-long canh-tuất (1790) Tiền-Thiểu-Chiêm 錢少詹 (tức Đại-Hân) đã mượn đi đọc một chuyến, và đã dùng mực đỏ và mực đen biên thêm những lời hiệu chính và đặt những điểm câu-đọc. Lại trong « Lữ-đình-trí-kiến-truyện bản-thư-mục » 郘亭知見傳本書目 (q. 5, loại sử-ký tái-ký) của Mạc-Hữu-Chi 莫友芝 cũng có đăng tên một bộ « An-nam chí-lược 19 quyển », và dưới tên đó có chua rằng «Ông Tưởng-Đôn-Phục ở Bảo-sơn có tàng trữ một bản sao của Tiền-Trúc-Đình (tức Đại-Hân) và con chép sao hồi lúc đi-thuyền » 寶山蔣敦復有錢竹汀及其子某舟行寫本。 Như vậy, thì Tiền-Đại-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hân không những có hiệu đính bản sao của Ngũ-nghiên-lâu, lại cũng căn cứ bản đó sao chép một bản riêng nữa. Hồi chiến-tranh Trung-Nhật, giáo sư T. Yamamoto đã trông thấy tại Thư viện đô-thị Quảng-châu có một bản sao có chữ ký của Tiền-Đại-Hân, và nhận định rằng đó là nguyên bản của bản in Lạc-thiện-đường bây giờ. (Đông-dương lịch sử đại-tự-điển, q. I, p, 95). Do những điều kể trên, chúng ta có thể tưởng tượng rằng thủ hiệu-bản của Tiền-Đại-Tiên đã do Ngũ-nghiên-lâu, trực tiếp hoặc gián tiếp quy về Trung-sơn Thư-viện tại Quảng-châu rồi. Còn những bản sao thuộc hệ-thống này là :

3) *San-bản của Thượng-hải Lạc-thiện-đường* : Bản này do Kishida Ginko 岸田吟香 (hoặc xưng Kishi Ginko 岸吟香) ấn hành tại Lạc-thiện-đường 樂善堂 ở Thượng-hải vào năm Minh-trị thứ 17 (1884). Bài tựa của Kishida có nói : « Tôi được một thiếp tặng bản cũ của Ngũ-nghiên-lâu đã do Tiền-trúc-Đình Thiều-chiêm từng thủ-hiệu... Nay lấy bản sao đó dùng hoạt bản ấn vành, v.v.... » Mục lục của bản in này, tuy có để « Quyển thứ 20, Danh-công để vĩnh An-nam-chí », nhưng dưới tên đó có để chữ « khuyết » 闕, nghĩa là thực ra chỉ có 19 quyển. Trong cuốn Bắc-kinh-nhân-văn-khoa-học-nghiên-cứu-sở-tàng-thư-mục-lục 北京人文科學研究所藏書目錄 (sử-ký đái-ký-loại) cũng thấy đăng một bộ « An-nam chí-lược 20 quyển », và dưới tên đó chua rằng « Thanh Nguyên Lê-Tắc soạn, Quang-tự thập-niên san-bản » 清元黎崩撰光緒十年刊本。 Chữ « Thanh » trong lời chua này rõ rệt là chữ « diễn » 衍字, lại nhờ sự điều tra của giáo sư Sugimoto, bản này chính là bản in Lạc-thiện-đường, chỉ tu cải niên hiệu « Minh-trị thập thất niên » thành « Quang tự thập niên », và theo số quyển trong mục lục, để 20 quyển mà thôi. Trong các bản lưu truyền, hình như còn có mấy bản khác theo thể thức như thế. Thí-dụ : bài An-nam chí-lược bạt của Chu-Di-Tôn đã cho bản sao họ Trịnh tại Hải-diêm 海鹽鄭氏抄本 là 20 quyển, nhưng về sau bản ấy được dâng lên Tứ-khố-quán 四庫館, và trong cuốn Tứ-khố-toàn-thư tổng-mục-đề-yếu thì để 19 quyển. (1)

4) *Bản sao tại Nội-các văn-khố bên Nhật-bản.*

Cuốn Nội-các-văn-khố-đồ-thư-mục-lục 內閣文庫圖書目錄。

(Hán-thư-môn Gia-danh phận nhị 漢書門假名分二 trang 255) có chép một bộ An-nam chí-lược. Thể thức bản này hoàn toàn y như

(1) Bản dịch của Camille Sainson là căn cứ bản in Lạc-thiện-đường.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

san-bản Lạc-thiện-đường, chỉ bản in Lạc-thiện-đường có thêm bài tựa của Kishida và Phàm-Lệ 凡例 mà thôi.

5) *Bản sao cũ của Diêu-Danh-Phủ* : Cuốn Lữ-đình-trí-kiến truyền-bản-thư-mục (q.5) loại sử ký tái ký, lại cử một bản An-nam chí-lược gồm có 19 quyển, và chua rằng : « Diêu-Danh-Phủ có bản sao cũ » 姚名甫有舊抄本。

6) *San-bản Quang-tự của Tịnh-gia-đường-văn-khố bên Nhật-bản* :

Theo Tịnh-gia-đường-văn-khố-hán-tích-phân-loại-mục-lục, sử-ký tái-ký loại 靜嘉堂文庫漢籍分類目錄，史記載記類。(trang 290), bản sao này trước thuộc tàng Thủ-tiên-các 守先閣 của Lục-Tâm-Nguyên 陸心源, cũng gồm có 19 quyển.

c) *Loại thứ ba* ; *Bản sao phỏng theo 20 quyển*

Loại này hiện nay có hai bộ :

1) *Truyền-sao-bản Văn-lan-các* 文瀾閣傳抄本. Bộ này trước thuộc Thập-vạn-quyển-lâu 拾萬卷樓 của Lục-Tâm-Nguyên, hiện nay thuộc Tịnh-gia-đường-văn-khố tại Tokio. Không có mục lục và các bài tựa, nhưng toàn bộ chia thành 20 quyển.

2) *Bản sao của British Museum tại London bên Anh.* Theo ký-sự trong cuốn Catalogue of Chinese Printed Books, Manuscripts and Drawings in the Library of the British Museum do R.K. Douglas biên tập (London, 1887, trang 335), nhà Bảo-tàng bên Anh có giữ một bản sao An-nam-chí-lược. Giống như Truyền-sao-bản Văn-lan-các, bản Anh cũng thiếu hẳn mục-lục và các bài trong quyển-thủ, nhưng nội-dung chia thành 20 quyển.

Năm 1904, Ông P. Pelliot vì thấy bản in Lạc-thiện-đường còn nhiều nơi thiếu sót, nên chú ý đến bản Anh và nhấn mạnh nên làm một cuộc điều-tra đối chiếu hai bản này, để xem phải chăng có chỗ nào xác thực hơn bản in Lạc-thiện-đường. (L. Cadière et P. Pelliot, Première étude sur les sources annamites de l'histoire d'Annam, BEFEO., t. IV, 1904, p. 625). Đứng lập-trường như vậy, trong năm 1910, ông Pelliot đã so sánh hai bản Lạc-thiên-đường (tạm gọi bản A) và bản Anh (tạm gọi bản B) và trình bày những kết-quả như sau :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

i. Bản A có đăng các bài tựa ở quyển thủ, nhưng bản B thì không thấy có bài tựa nào cả, chỉ có trích bài « An-nam-chí-lược-đề-yếu » của Tứ-khố-toàn-thư-tổng-mục q. 14).

ii. Về số quyển, bản A để 19 quyển, và bản B là 20 quyển, những sự dị đồng ấy là do sự bố trí các quyển giữa hai bản khác nhau mà sinh ra. Nghĩa là, quyển 17 của bản A, thì bản B chia thành q. 17 và q. 18 ; vì vậy, q. 18 của bản A là q. 19 của bản B, và q. 19 của bản A là q. 20 của bản B.

Một điều đáng nghi ngờ là bài đề-yếu trong bản B vẫn để 19 quyển, nhưng tại sao trong sách thì chia thành 20 quyển. Phải chăng do óc tưởng tượng hoặc sự sai lầm của người sao chép mà ra ? (BEFEO., 1910, t. X, pp. 256-257). Ngoài mấy điểm kể trên, chúng ta nhận thấy, sự xếp đặt của hai quyển thứ 10 và thứ 12 cũng khác nhau. Xin xem bản đối-chiếu đoạn sau.

Về niên đại của bản sao Anh, Douglas suy tưởng rằng có thể sao chép vào năm 1750, tức hồi năm Càn-long thứ 15, nhưng bản này đã có trích An-nam-chí-lược-đề-yếu của Tứ-khố-toàn-thư-tổng-mục, thì niên đại của bản sao này phải là sau khi hoàn thành Tứ-khố-toàn-thư-tổng-mục mới hợp lý. Xét lại cuốn đề-yếu ấy soạn xong năm Càn-long thứ 47 (1782), và trong quyển đầu bản sao này có chua rằng « Presented by the Secy (tức Secretary) of State, 1846 », như vậy, niên đại bản sao này phải vào khoảng năm 1782 và 1846.

Còn về truyền-sao-bản Văn-lan-các của Tịnh-gia-đường-văn-khố, chúng ta cũng nên thừa nhận niên đại sao chép bản này không thể sớm hơn sự thiết lập Văn-lan-các, trong Thánh-nhân-tự-hành-cung ở Hàng-châu 杭州聖因寺行宮. Chúng ta biết rằng Thanh Cao-Tông đã giáng chỉ lập 7 các để tàng trử 7 bộ Tứ-khố-toàn-thư. Văn-lan-các là một trong Giang-nam-tam-các 江南三閣 xây dựng năm Càn-long thứ 55 (1790) để dựng một bộ Tứ-khố-toàn-thư, gồm 3.457 thứ, 79.070 quyển. Như vậy, bản sao An-nam-chí-lược của Văn-lan-các dĩ nhiên phải sao chép sau niên đại này, đồng thời niên đại của bản sao Anh, tức bản sao cùng một nguyên lai và hệ-thống với bản sao Văn-lan-các, cũng phải tu cải là 1790-1846 mới hợp lý. Tuy nhiên, một điểm vẫn chưa được minh bạch là bản Tứ-khố-toàn-thư căn cứ bản Mã-Dụ-Gia ở Lưởng-Hoài, rõ rệt là 19 quyển, vì sao bản-sao Văn-lan-các thì thành 20 quyển. Điểm này có lẽ còn phải chờ những cuộc tra cứu về sau mới được rõ.

Nói tóm lại, chúng ta có thể nói trong các truyền bản của An-nam-chí-lược, « Bản nguyên có 20 quyển » đã thất truyền từ lâu, hiện giờ chỉ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

còn bản 19 quyển lưu truyền và thông-hành. Tuy còn có « bản phỏng theo 20 quyển », nhưng kỳ thực bản ấy chỉ lấy bản 19 quyển phân chia thành 20 quyển mà thôi, chứ không có sự bất đồng to tát trong nội dung.

Do những sự nhận xét kể trên, chúng ta hiểu rằng những truyền-bản-An-nam -chí-lược bây giờ đã không phải là hoàn bản.

Sự thực trong các bản sao, thậm chí như san-bản Lạc-thiện-đường đã qua sự hiệu đính của Tiền-Đại-Hán và Kishida Ginko, nhưng vẫn còn nhiều chỗ chép sai hoặc in nhầm. Như trong bài An-nam chí-lược-bạt của Chu-Di-Tôn thấy trong bản sao họ Trịnh tại Hải-điếm đã nói : « Tiếc thay sách này chữ sai nhầm nhiều quá, trong quyển đâu đâu cũng có, nên những nghi hoặc không thể giải thích cho hết, thật là cần tìm một cuốn thiện - bản để đính - chính mới được » 是書恨譌字太多，豕三虎六，疑難盡釋，安得更求善本是正之。 Còn về thủ - hiệu bản của Tiền - Đại - Hán, bài bạt của Phục - ông đã chỉ rõ ràng tuy Tiền - Thiều - Chiêm (Đại - Hán) đã thân hành hiệu chính và đặt thêm câu đọc, « nhưng vì từ trước những chỗ sai lầm và thiếu sót đã nhiều nên cách câu đọc cũng chưa được hoàn toàn » 奈舊多訛脫，故句讀未全； Kishida Ginko trong bài Phạm - lê của bản in Lạc-thiện-đường lại phải nói : « Nguyên bản sách này đã từ lâu lưu truyền rất hiếm, nên tôi chỉ theo bản sao xếp in, trong có sai lầm không có cách nào hiệu chính ». 是書原板久已罕傳，祇從抄本排印，間有錯漏之處，奈無從校正。

Chính vì những khuyết điểm như trên, các đồng sự Ủy - ban Phiên-dịch Sử-liệu Việt-Nam đã dịch toàn bộ ra Việt-văn, và đồng thời làm một bản hiệu-bản để xuất bản. Trong khi làm hiệu-bản, chúng tôi đã sử dụng và đối chiếu bốn bản như sau :

Hai bộ thuộc hệ-thống Thủ-hiệu-bản của Tiền Đại-Hán :

1) San-bản Lạc-thiện-đường (trong hiệu bản gọi là « Lạc-bản » 樂本).

2) Thủ-hiệu-bản của Tiền-Đại-Hán, trước thuộc Thiển-thảo-văn-khố 淺草文庫, hiện thuộc Nội - các - văn - khố (trong hiệu bản gọi là « Nội-bản » 內本).

Hai bộ thuộc hệ-thống Bản sao phỏng theo 20 quyển :

3) Truyền-sao-bản Văn-lan-các, hiện tàng tại Tịnh-gia-đường-văn-khố (trong hiệu bản gọi là « Tịnh - bản » 靜本).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

4) Bản sao tàng tại British Museum ở London bên Anh (trong hiệu bản gọi là «Anh-bản» 英本).

Trong 4 bản kể trên, san-bản Lạc-thiện-đường vì dù sao đã qua sự hiệu đính của Tiền-Đại-Hân và Kishida Ginko, nên so với các bản khác, nội dung đày đủ hơn, và những nơi chép lầm cũng tương đối ít, nên chúng tôi đã lấy san-bản này làm «đề-bản» 底本. Thủ-hiệu-bản của Tiền-Đại-Hân đại khái tương tự với san-bản Lạc-thiện-đường, hai bản đều có thấy bài dẫn-văn của Phục-ông 復翁, các bài tựa của Trịnh-Cư-Phu 鄭鉅夫 (năm Đại-đức thứ 11 — 1307), Nguyễn-Thiện-Minh, 阮善明, Triệu-Hoà 趙秌 (Hoàng-khánh sơ-nguyên — 1312), Lưu-Tất-Đại 劉必大 (Đại Đức đinh-vị — 1307), Hứa-Thiện-Tháng 許善勝 (Đại-Đức thứ 11 — 1307), Hứa-Hữu-Nhậm 許有壬 (năm chí-nguyên thứ 5 —1339), Long-Nhân-Phu 龍仁夫 (Diễn-hữu thứ 5 — 1318), Cao-Tống-Thị-Đường 高宋氏堂 (Chí-trị nhâm-tuất — 1322), Âu-Dương-Huyền 歐陽玄 và Hạ-Trấn 夏鎮 (năm Chí-nguyên thứ 6 — 1340); ngoài ra còn có bài tự tựa (Nguyên-thống sơ-nguyên ất-mão, kỳ thực là Nguyên-thống sơ-tam ất hợi, tức 1335), tổng tự và các bài bạt của Tiền-Đại-Hân (Càn-Long canh tuất — 1790), hai bài bạt của Phục ông (Nhâm-thìn — 1812; Giáp tuất — 1814);— riêng san bản Lạc-thiện-đường thì lại thêm bài của Kishi (da) Ginko (năm Minh-trị thứ 17 — 1884), Bài-ấn An-nam chí-lược phạm-lệ và bài bạt của Kishida Ginko (Giáp thìn — 1884) nữa.

Còn hai bộ thuộc hệ thống bản phỏng theo 20 quyển, đều có trích bài An-nam chí-lược đề-yếu của Tứ-khố toàn-thư tổng mục đề yếu (q.14), nhưng hoàn toàn không thấy các bài tựa và bài bạt, cũng không thấy bản mục lục, đủ chứng tỏ rằng bản sao này nguyên là chép sao từ Tứ-khố-toàn-thư ra. Nội dung và cách sao chép của hai bản đại khái giống nhau, nhưng bản sao Anh có nhiều nơi bỏ sót và sai lầm.

Dưới đây, tôi xin làm một bản đối chiếu về mục-lục của 4 bản để độc-giả tham khảo :

Lạc-bản 樂本	Nội-bản 內本	Tịnh-bản 靜本	Anh-bản 英本
q. 1 : Địa-lý-đồ (khuyết) Tổng-tự, Quận-ấp, Sơn, Thủy, cổ-tích, Đường-An-nam-đô-hộ, Nguyên-lệ-châu-quận. (1)	ibid. (·)	Quận-ấp, Sơn, Thủy, Cổ-tích, Đường-an-nam-đô-hộ, Nguyên-lệ-chuẩn-quận.	ibid. (··)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

q. 2 : Đại-nguyên-chiêu-chế, Triền-triệu-thư-mạng.	ibid.	ibid.	ibid.
q. 3 : Đại-nguyên-phụng-sứ (2)	ibid.	ibid.	ibid.
q. 4 : Chinh-thảo-vận-hướng, Tiền-triệu-chinh-phạt.	ibid.	ibid.	ibid.
q. 5 : Đại-nguyên-danh-thần-vãng-phục-thư-vấn (3)	ibid.	ibid.	ibid.
q. 6 : Biểu-chương, Tiền-đại-thứ-biểu.	ibid.	ibid.	ibid.
q. 7 : Hán-giao-châu-Cửu-chân-Nhật-nam-thứ-sử-thái-thú, Phụ Tam-quốc-thời-thứ-sử.	ibid.	ibid.	ibid.
q. 8 : Lục-triệu-giao-châu-thứ-sử-đô-đốc-giao-chỉ-cửu-chân-nhật-nam-thái-thú.	ibid.	ibid.	ibid.
q. 9 : Đường-an-nam-đô-đốc-độ-hộ-kinh-lược-sứ, Giao-ái-hoan-tam quận-thứ-sử.	ibid.	ibid.	ibid.
q. 10 : Lịch-triều-ki-thần, Triệu-thị-thế-gia, Ngũ-đại-thời-tiềm-thiết.	ibid	Lịch-triệu-khi-thần	ibid.
q. 11 : Đinh-thị-thế gia, Lê-thị-thế-gia.	ibid.	Triệu-thị-thế-gia, Ngũ-đại-thời-tiềm-thiết, Đinh-thị-thế-gia, Lê-thị-thế-gia.	ibid.
q. 12 : Lý-thị-thế-gia.	ibid.	ibid.	ibid.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

q. 13 : Trần-thị-thế-gia	ibid.	ibid.	ibid.
q. 14 : Học-hiệu, Quan-chế, Chương-phục, Hình-chính, Binh-chế, Lịch-đại-khiển-sứ.	ibid.	Học-hiệu, Chương-phục, Hình-chính, Binh-chế, Lịch-đại-khiển-sứ.	ibid.
q. 15 : Nhân-vật, Vật-sản, Lâm-ấp phụ	ibid.	Nhân-vật, Vật-sản	ibid.
q. 16 : Tập-ký, Lịch-đại-danh-hiền-tập-vĩnh.	ibid.	Tập-ký, Lịch-đại-danh-hiền-tập-để	ibid.
q. 17 : Chí-nguyên-dĩ-lai-danh-hiền-phụng-sứ-an-nam-thi, Ngọc-đường-chư-công-tặng-tổng-thiên-sứ-thi-tự	ibid.	Chí-nguyên-dĩ-lai danh-hiền-phụng-sứ an-nam-thi	ibid.
q. 18 : An-nam-danh-nhân-thi.	ibid.	Ngọc-đường-chư-công-tặng-tổng-thiên-sứ-thi-tự	ibid.
q. 19 : Đồ-chí-ca, Tự-sự.	ibid.	An-nam-danh-nhân thi.	ibid.
q. 20 : Danh-công-đề-vĩnh-an-nam-chí (khuyết).	ibid.	Đồ-chí-ca, Tự-sự.	ibid.

Bị-chú : (1) Xét nội dung thực tế, nên đặt thêm các mục, Phong-tục, Biên-cảnh, Phục-dịch và Trắc-cảnh.

(2) Xét vào nội dung, nên thêm mục Tiền-triệu-phụng-sứ.
(3) Cũng như lý do trên, nên thêm mục Tiền-triệu-thư-sớ.
(·) Chỉ các đoạn nầy y như các đoạn « Lạc bản »
(··) Chỉ các đoạn nầy y như các đoạn « Tịnh bản »

MẠNH-NGHI
TRẦN-KINH-HÒA
(CHEN-CHING-HO)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

CÔNG VIỆC TIẾN-HÀNH CỦA ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT - NAM

I— Ngày 7-7-1959, do ông TRẦN-KINH-HOÀ và ông BỬU-KẾ, Đại-diện Viện Đại-Học Huế, sang Viện Văn-hoá Huế tiếp nhận toàn thể Châu-bản cùng các văn-kiện Triều Nguyễn. Từ giữa tháng 7, bắt đầu công việc chỉnh-đốn Châu-bản, qua một cuộc kiểm-soát kỹ-càng, kéo dài chừng ba tuần, tổng số Châu-bản đã biết được phân minh, cọng có 603 tập, mỗi tập trên dưới 300 trang và thuộc 10 Triều-đại như sau :

TRIỀU - ĐẠI :			SỐ TẬP
GIA-LONG	(1802-1919)		5
MINH-MẠNG	(1820-1940)		84
THIỆU-TRỊ	(1841-1947)		50
TỰ-ĐỨC	(1848-1883)		349
KIẾN-PHƯỚC	(1884)		1
HÀM-NGHI	(1884-1885)	và	
ĐỒNG-KHÁNH	(1886-1888)		2
THÀNH-THÁI	(1889-1907)		74
DUY-TÂN	(1907-1916)		35
KHẢI-ĐỊNH	(1916-1925)		3
		Cọng :	603

BỊ CHÚ : Trong 5 tập thuộc Triều Gia-Long gồm có 1 tập « Thái-y-viên dược-đơn »; trong 84 tập thuộc Triều Minh-Mạng, gồm có 3 tập bị hư nát hoàn toàn, 5 tập bị hư một nữa và 11 tập không còn nguyên tập ; trong 50 tập thuộc Triều Thiệu-Trị, có 4 tập bị hư nát hoàn toàn, 2 tập bị hư một nữa và 5 tập không còn nguyên tập ; trong 349 tập thuộc Triều Tự-Đức, có 11 tập bị hư nát hoàn toàn, 30 tập bị hư một nữa và 4 tập không còn nguyên tập ; trong 74 tập thuộc Triều Thành Thái, có 5 tập bị hư một nữa

II— Giai đoạn thứ hai của việc chỉnh-đốn là công việc đánh số trang cho các tập Châu-bản đặng cho các tập đều có số cố-định, mỗi trang trong các tập lại có số riêng để tiện việc kiểm-điểm và bảo-tồn. Công việc nầy đã bắt đầu từ tháng 8 và hiện giờ đang tiến hành.

III— Từ đầu tháng 9 bắt đầu làm mục-lục Châu-bản theo phương pháp ghi chép phiếu-chỉ chỉnh-đốn từng tờ một. Ủy-ban đã cho in một vạn phiếu-chỉ theo thể thức : Triều-đại, ngày, tháng, năm, tập trang, loại xuất-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xứ, trích-yếu, đề tài và bị chú đều dùng Việt-văn và Hán-văn ghi chép để tiện việc chỉnh-đốn, ấn loát và làm index.

Theo phương pháp như vậy, đến đầu tháng 10, Ủy-ban đã hoàn thành mục-lục của 4 tập Châu-bản thuộc Triều GIA-LONG, kể đó tiếp tục biên mục bộ-phận Triều MINH-MẠNG đến cuối tháng 12 năm 1959 đã làm xong mục-lục trong các tập sau đây :

Số tập	Niên-đại các tập	Số phiếu chỉ chỉnh-đốn
Gia 1	GIA-LONG đóng chung các năm thứ : 1, 2, 4, 5, 9.	442
Gia 2	GIA-LONG đóng chung, năm thứ 2 đến năm thứ 18	107
Gia 3	GIA-LONG đóng chung các năm 10, 12, 13, 15, 16, 17, 18	162
Gia 4	Ngoại-quốc thư trắc (quốc-thư gửi đi ngoại-quốc). GIA-LONG năm thứ 15 và 16	13
Minh 1	MINH-MẠNG đóng chung từ năm thứ 1 đến năm thứ 3	181
Minh 2	MINH-MẠNG năm thứ 1, từ tháng 1 đến tháng 12	576
Minh 3	MINH-MẠNG năm thứ 2, từ tháng 1 đến tháng 12	63
Minh 4	MINH-MẠNG năm thứ 3, 4 và thứ 5	89
Minh 5	MINH-MẠNG năm thứ 4, từ tháng 1 đến tháng 12	147
Minh 6	MINH-MẠNG năm thứ 5, từ tháng 1 đến tháng 7 nhuận	97
Minh 9	MINH-MẠNG năm thứ 6, từ tháng 2 đến tháng 12	91
Minh 12	MINH-MẠNG năm thứ 7, từ tháng 1 đến tháng 3	156
Minh 34	MINH-MẠNG năm thứ 11, từ tháng 1 đến tháng 12	132
Minh 35	MINH-MẠNG năm thứ 11, từ tháng 3 đến tháng 4	166
Minh 36	MINH-MẠNG năm thứ 11, từ tháng 4 nhuận đến tháng 5	124
Minh 37	MINH-MẠNG năm thứ 11, từ tháng 6 đến tháng 8	130
Minh 38	MINH-MẠNG năm thứ 11, từ tháng 9 đến tháng 10	98
Minh 39	MINH-MẠNG năm thứ 11, từ tháng 11 đến tháng 12	89
Minh 43	MINH-MẠNG năm thứ 14, từ tháng 10 đến tháng 11	240
	Cộng :...	3103

Vì bộ-phận mục-lục Triều GIA-LONG đã làm xong, Ủy-ban dự-định cho ấn-hành mục-lục Châu-bản tập thứ 1 (GIA-LONG) trong tháng giêng năm 1960.

IV— Từ khi Ủy-ban thành lập vào tháng 7 năm 1959, các ủy-viên đã đồng ý lấy bộ An-nam-chí-lược của Lê-Tắc làm công việc phiên-dịch đầu tiên của Ủy-ban và giao công việc nầy cho các phiên-dịch-viên tiến-hành. Qua tháng 10, bản dịch đại-khái đã hoàn thành ; lại từ hồi đó, một mặt bắt đầu tu chỉnh các bài dịch ; một mặt đối chiếu các bản sao để làm hiệu bản. Dự định trong tháng 2 năm 1960, bắt đầu ấn loát cả bản dịch và hiệu-bản.

Ủy-ban Phiên-dịch Sử-liệu Việt-nam
(VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐỊA CẦU VẬT LÝ-HỌC

của PHẠM-VĂN-NGỌC

Chúng tôi xin lỗi độc giả và nhất là ông PHẠM-VĂN-NGỌC vì đã không thể đăng được trong số nầy bài « ĐỊA CẦU VẬT LÝ » như đã loan báo ngoài bìa. Vì những khó khăn kỹ-thuật quá phức-tạp mà muốn cho báo khỏi chậm trễ buộc lòng chúng tôi phải dành lại số sau

TẠP CHÍ ĐẠI-HỌC

★

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC-GIẢ

Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC Huế xin chân thành cảm ơn quý Vị có tên sau đây đã gửi tiền về Tòa-soạn ủng hộ hoặc mua Tạp-chí :

(tiếp theo các kỳ trước)

L.M. Nguyễn-văn-Ngọc, Nhà Chung Huế	90đ.
Ô. Bùi-quang-Nga Dân-biểu Quốc-Hội Saigon	200đ.
— Hiệu-Trưởng trường Bình-Linh Huế	165đ.
— Lê-đức-Ân Trưởng-Ty Quan-thuế Huế	210đ.
— Nguyễn-quốc-Dân Khu-bộ công-chức Đà-Nẵng	120đ.
— Hoàng-Gia, Tòa Hành-Chánh Qui-nhơn	120đ.
— Trường Võ-Tánh Nha-Trang	240đ.
L.M. Nguyễn-xuân-Hán, Thủ-Đức Nam-Phần	135đ.
Ô. Phan-ngọc-Sỹ Chánh-Án tỉnh Phú-Yên	120đ.
— Tôn-thất-Luận Tòa Thị-Chính Đà-Nẵng	150đ.
— Lâm-hữu-Đức, Khu Nguyễn-tri-Phương Chợlớn	120đ.
— Nguyễn-hữu-Khai Dân-biểu Quốc-Hội Saigon	150đ.
— Trương-vĩnh-Lễ Chủ-Tịch Quốc-Hội Saigon	210đ.
— Sử-Xuân, Ba-Xuyên Nam-Phần	120đ.
— Trần-văn-Bảy Tòa Chưởng-Lý Huế	210đ.
— Nguyễn-xuân-Quế Tòa-Chưởng-Lý Huế	210đ.
A.M. Trần-đình-Sủng, Chủng-Viện Alberto Saigon	335đ.
— Thư-Viện Chủng-Viện Alberto Saigon	360đ.
Ô. Nguyễn-khoa-Hoàng Tòa Sơ-Thẩm Huế	120đ.
— Phạm-quốc-Đại, Tam-Kỳ	215đ.
— Nguyễn-văn-Hàm, Tam-Kỳ	215đ.

(còn nữa)

Đ H

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC

XUẤT BẢN HAI THÁNG MỘT KỲ

Tòa-soạn và Trị-sự : 20 Lê-đình-Dương, Huế

Giá báo: Mỗi số 20đ. - 6 tháng: 60đ. - 1 năm: 120đ.

Công sở giá gấp đôi — Ngoại quốc thêm cước phí.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NHỮNG SÁCH ĐÃ XUẤT-BẢN :

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI-HỌC

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Nhận-Định tập I 35đ. *Nhận-Định tập II* 45đ.

JEAN LACROIX

Tình cảm và đời sống đạo-đức Giá 30đ.

NGUYỄN-NAM-CHÂU

Sứ mệnh văn nghệ — Những nhà văn hóa mới Giá 50đ.

BÁC-SĨ NGUYỄN-VĂN-ÁI

Vi Trùng Học tập I Giá 60đ.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Biện chứng giải thoát trong Phật-Giáo Giá 45đ.

MỘT NHÓM GIÁO-SƯ

Danh Từ Triết Học Giá 40đ.

ĐÀM-QUANG-HẬU

Danh từ chuyên khoa trong Việt-Ngữ Giá 30đ.

RENÉ DESCARTES

Phương Pháp Luận Giá 30đ.

20, Lê-Đình-Dương — Huế

NHÀ IN ĐẠI-HỌC
5, Nguyễn trường Tộ, Huế

Giá 20đ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục